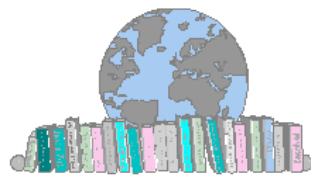


SÁCH GIẢI NGHĨA

SÁCH 1 VÀ 2 TÊ-SA-LÔ-NI-CA

PREPUBLICATION VERSION



Study Guide Press

All Scripture quotations in this publication, unless otherwise indicated are from
Thánh Kinh Tân Ước (Bản Dịch Mới)
Copyright © 1996 by Vietnamese Bible Inc./United Bible Society
Used by permission. All rights reserved.

Explanations of 1 and 2 Thessalonians
[Vietnamese]
Prepublication Version

Copyright © 1998 by Study Guides Press

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Study Guides Press
P.O. Box 382006
Duncanville, Texas 75138
USA

MỤC LỤC

Các chữ tắt và các hình thức đặc biệt khác.....	GT-4
Hướng dẫn cách sử dụng bộ Sách Giải Nghĩa (Tân Ước)	HD-5
Giới thiệu sách 1 và 2 Tê-sa-lô-ni-ca	1
Đàn bài và tóm tắt sách 1 Tê-sa-lô-ni-ca.....	5
Lời Giải Nghĩa của sách 1 Tê-sa-lô-ni-ca	7
Dàn bài và tóm tắt sách 2 Tê-sa-lô-ni-ca.....	79
Lời Giải Nghĩa của sách 2 Tê-sa-lô-ni-ca	79

CÁC CHỮ TẮT VÀ HÌNH THỨC ĐẶC BIỆT KHÁC

(Các chữ, các con số, hay các dấu hiệu được dùng thay chữ)

Các bản dịch KT:

BDM	<i>Thánh Kinh Tân Ước (Bản Dịch Mới)</i> . 1996. Vietnamese Bible Inc./United Bible Societies.
BDC	<i>Kinh-Thánh (Bản Dịch Cũ)</i> . 1967. Saigon: Thánh Kinh Hội
BDY	<i>Thánh Kinh Tân Ước, Bản Diễn Ý</i> . 1982. Hong Kong: Living Bibles International.
NIV	<i>New International Version</i> . 1973, 1978, 1984. Grand Rapids: Zondervan.
RSV	<i>Revised Standard Version</i> . 2nd edition 1971. New York: American Bible Society.
TEV	<i>Today's English Version (Good News Bible)</i> . 2nd edition 1992. American Bible Society.

Các chữ viết tắt và các hình thức khác:

CƯ	Cựu Ước
TƯ	Tân Ước
KT	Kinh Thánh
PKTCD	Phần Kinh Thánh Cần Dịch
CKTG	Câu Kinh Thánh Gốc
CĐN	Câu Định Nghĩa
NNĐDS	Ngôn Ngữ Được Dịch Sang
NNG	Ngôn Ngữ Gốc

Chữ “a” sau số câu cho thấy phần đang nói đến ở phần đầu của câu Kinh Thánh (KT). Cùng một cách, chữ “b” cho thấy là phần thứ hai của câu. Thí dụ:

8a phần đầu của câu 8

8b phần thứ hai của câu 8

8c phần ba của câu 8

dùng các chữ kế tiếp nếu cần để chỉ các phần khác của câu nếu cần.

... Ba chấm cho thấy chỗ một vài chữ đã bị loại bỏ khỏi văn mạch để thêm chỗ trống.

— Một gạch nối dài được dùng trong Câu Định Nghĩa (CĐN) thay vào chỗ của ngoặc đơn hay gạch nối được dùng trong Câu Kinh Thánh Gốc (CKTG).

[] Dấu ngoặc vuông được dùng để chỉ một vài hàm ý trong nguyên bản đã được làm cho rõ ràng. Dấu ngoặc được dùng có ý giúp đỡ người phiên dịch hiểu ý nghĩa trọn vẹn của văn bản. Sau đó người phiên dịch sẽ quyết định họ có cần phải giải thích chi tiết đó rõ ràng hay không trong Ngôn Ngữ Được Dịch Sang (NNĐDS) hay có lẽ cung cấp chi tiết đó cho độc giả bằng một cách khác.

HƯỚNG DẪN CÁCH SỬ DỤNG BỘ SÁCH GIẢI NGHĨA

Mục Lục

Sơ Lược.....	HD-5
Cách Sử Dụng Sách Giải Nghĩa.....	HD-7

Các Phần Của Sách Giải Nghĩa

Phần Giới Thiệu.....	HD-7
Lời Giải Nghĩa.....	HD-8
Phần Kinh Thánh Cần Chuyển Ngữ	HD-12
Thứ Tự Cần Phải Áp Dụng Trong Khi Chuyển Ngữ	HD-15
Các Nguyên Tắc Chuyển Ngữ Cần Phải Nhớ.....	HD-16
Chúng Tôi Cần Ý Kiến Của Bạn	HD-17

Sơ Lược

Mục đích của Bộ Sách Giải Nghĩa	<p><i>Bộ Sách Giải Nghĩa</i> được soạn cho các người chuyển ngữ Kinh Thánh. Bộ sách này nhằm mục đích giúp đỡ cho các người chuyển ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none">• hiểu toàn thể sứ điệp của mỗi sách trong Kinh Thánh.• thấy rõ giá trị sự cấu trúc, về các phần khác nhau (của sách) được phối hợp lại như thế nào.• hiểu ý nghĩa một cách chi tiết như trong nguyên bản Hy-lạp.• cảnh giác về các chỗ (từ, nhóm từ) có thể khó chuyển ngữ.• cân nhắc kỹ đề nghị của những người chuyển ngữ khác về những cách có thể dùng để diễn tả ý nghĩa của đoạn kinh văn.
--	---

Các phần của câu	<p>Có nhiều câu được chia ra làm một vài phần nhỏ để cho người chuyển ngữ dễ so sánh với các bản dịch khác. Thí dụ, 1 Giăng 1:4 có thể chia ra làm hai phần:</p> <table><tr><td>1:4a</td><td>Chúng tôi viết điều này Vậy nên tôi viết những điều này cho anh chị em</td></tr><tr><td>1:4b</td><td>để niềm vui của chúng ta được trọn vẹn. để niềm vui của chúng ta được tràn đầy/tràn ngập.</td></tr></table>	1:4a	Chúng tôi viết điều này Vậy nên tôi viết những điều này cho anh chị em	1:4b	để niềm vui của chúng ta được trọn vẹn. để niềm vui của chúng ta được tràn đầy/tràn ngập.
1:4a	Chúng tôi viết điều này Vậy nên tôi viết những điều này cho anh chị em				
1:4b	để niềm vui của chúng ta được trọn vẹn. để niềm vui của chúng ta được tràn đầy/tràn ngập.				

Sơ Lược, tiếp theo

Những từ ngữ chuyên môn được dùng

Các từ chuyên môn dưới đây được dùng trong *Sách Giải Nghĩa* hay trong lời hướng dẫn này:

Từ Ngữ	Ý Nghĩa
<i>Ngôn ngữ gốc</i>	Đây là ngôn ngữ căn chuyển ngữ . Trong trường hợp này thường sẽ là tiếng Việt. Ngôn ngữ này được viết tắt là NNG.
<i>Ngôn ngữ được chuyển ngữ sang</i>	Đây là ngôn ngữ dùng để chuyển ngữ sang trong bản dịch, ngôn ngữ bạn đang dùng để chuyển ngữ. Đây thường là tiếng mẹ đẻ của người chuyển ngữ. Được viết tắt là NNĐCNS.
<i>Nghĩa bóng (hàm ý)</i>	Ý nghĩa không được viết ra rõ ràng trong các từ nhưng là một phần ý nghĩa của bản nguyên thủy, hay điều được các độc giả đầu tiên hiểu như vậy.
<i>Nghĩa đen</i>	Phần sứ điệp được viết ra rõ ràng.
<i>Tin tức hàm ý</i>	Tin tức chi tiết không được viết ra rõ ràng nhưng các độc giả đầu tiên biết hay hiểu.
<i>Tin tức được viết ra rõ ràng</i>	Tin tức hay chi tiết về sự kiện được tác giả nói hay viết rõ ràng.
<i>Phần kinh văn</i>	Các từ hay các câu hay một đoạn Kinh Thánh được dùng.
<i>Ngôn ngữ phụ</i>	ngôn ngữ mà người đó đã học sau ngôn ngữ của mình. Ngôn ngữ phụ thường không phải là tiếng mẹ đẻ, nhưng là một ngôn ngữ dùng trong buôn bán hay truyền thông quốc ngữ.

Cách Sử Dụng Sách Giải Nghĩa

Lời Hướng Dẫn Tổng Quát

- Cách tốt nhất để sử dụng Sách Giải Nghĩa là luôn luôn căn cứ vào nó trong khi bạn chuyển ngữ một sách. Tuy nhiên, nếu bạn muốn, bạn có thể dùng nó làm tài liệu khi bạn có sự khó khăn trong lúc chuyển ngữ một câu.
- Hãy đọc lời giới thiệu của *Lời Giải Nghĩa* trước khi bạn bắt đầu chuyển ngữ một sách. Làm như vậy sẽ giúp bạn hiểu được mục đích, bối cảnh và nội dung của toàn sách.
- Trước khi bạn bắt đầu chuyển ngữ một tiểu đoạn, hãy đọc lời giải nghĩa cho tiểu đoạn đó. Các lời giải nghĩa này sẽ giúp cho bạn hiểu những cách chọn lựa để giải kinh và sẽ báo cho bạn biết nếu có nan đề nào bạn có thể gặp trong sự chuyển ngữ.
- Sau khi bạn đã đọc lời giải nghĩa, hãy nghiên cứu Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ (PKTCCN). So sánh Câu Kinh Thánh Gốc, là hàng chữ trên cùng của Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ (PKTCCN), và Câu Định Nghĩa ở bên dưới.
- Câu Định Nghĩa của PKTCCN không phải là “câu chuyển ngữ mẫu;” tức là, bạn không nên chuyển ngữ trực tiếp từ Câu Định Nghĩa. Mục đích của nó là để giúp cho bạn hiểu ý nghĩa của câu Kinh Thánh.

Phần Giới Thiệu Của Sách Giải Nghĩa

Vị trí của phần giới thiệu

Mỗi sách trong loạt sách này đều bắt đầu bằng phần giới thiệu. Phần giới thiệu giúp người đọc có một cái nhìn tổng quát về toàn cuốn sách đó. Sách dài có thể cũng có phần giới thiệu riêng trước mỗi phần đoạn chính của sách.

Sự quan trọng của phần giới thiệu

Trước khi bắt đầu chuyển ngữ bất cứ sách nào trong Kinh Thánh người chuyển ngữ cần phải hiểu:

- *Bối cảnh* của cuốn sách, kể cả tác giả là ai (nếu biết), hoàn cảnh khi sách được viết, và độc giả mà sách muốn nhắm vào.
- *Mục đích* của tác giả, đó là lý do tại sao tác giả viết sách này.
- *Nội dung* của sách. Người chuyển ngữ cần phải biết rõ cả cuốn sách viết/nói về gì, cũng như chủ đề và phân đoạn.
- *Dàn bài* của sách, cho thấy các phân đoạn cũng như tiểu đoạn chính của nó.

Những chi tiết này được ghi rõ trong phần giới thiệu.

Lời Giải Nghĩa

Nội dung tổng quát của các Lời Giải Nghĩa

Các Lời Giải Nghĩa cung cấp các chi tiết về các phần chính của cuốn sách. Phần của sách mà các Lời Giải Nghĩa đề cập đến trước hết được trích dẫn bằng chữ in *ngiên đậm* của Câu Kinh Thánh Gốc trong Phần Kinh Thánh Căn chuyển ngữ. Sau đó Lời Giải Nghĩa giải thích ý nghĩa trong nguyên văn Hy-lạp một cách chi tiết và cũng cảnh giác người chuyển ngữ về các nan đề có thể có trong khi chuyển ngữ. Một sự giải thích đầy đủ hơn về một vài điểm phức tạp có thể được bao gồm trong lời phụ chú ở cuối sách này.

Các thông tin được chứa đựng trong các Lời Giải Nghĩa

Các Lời Giải Nghĩa chứa đựng các tin tức sau đây:

- Những vấn đề của đoạn kinh văn
- Ý nghĩa trong nguyên bản Hy-lạp
- Các cách giải thích khác
- Những nan đề về chuyển ngữ

Trong những trang kế sẽ giải thích về mỗi mục trên.

Những vấn đề của đoạn kinh văn

Không có một bản thảo Tân Ước Hy-lạp nào còn lại. Những bản Tân Ước Hy-lạp cũ nhất hiện có chỉ là những bản sao lại từ bản nguyên thủy/nguyên bản. Có một số khác biệt nhỏ giữa các bản sao với nhau. Một số bản thảo dùng một số từ riêng biệt, trong khi đó các bản thảo khác dùng từ hơi khác nghĩa một chút. Vì vậy phải quyết định xem từ nào có thể là từ mà tác giả dùng trong nguyên văn.

Học giả Kinh Thánh, những người nghiên cứu những bản thảo Tân Ước xưa hơn trong tiếng Hy-lạp, tin rằng chúng ta có thể biết chính xác đến 95 phần trăm những gì các bản thảo nguyên thủy Hy-lạp nói. Một hai chỗ có sự khác biệt trong bản văn, điều đó dẫn đến sự khác biệt trong ý nghĩa. Lời Giải Nghĩa chỉ bàn đến những điểm khác biệt trong bản văn có tầm quan trọng cho việc chuyển ngữ mà thôi.

Cách viết các từ Hy-lạp trong Lời Giải Nghĩa

Có một vài từ Hy-lạp được trích dẫn trong Lời Giải Nghĩa. Những chữ này được viết *ngiên*. Từ Hy-lạp được viết bằng mẫu tự La-tinh, ngoại trừ hai chữ được viết có dấu ở trên. Từ Hy-lạp *eta* được viết như *ē*. Hy-lạp *omega* được viết như *ō*.

Các từ và sự cấu trúc văn phạm của tiếng Hy-lạp rất khác với tiếng Việt. Hãy nhớ *Sách Giải Nghĩa* nhằm mục đích giúp cho người chuyển ngữ hiểu trọn ý nghĩa ở trong nguyên bản Hy-lạp.

Lời Giải Nghĩa, tiếp theo

Ý nghĩa trong nguyên bản Hy-lạp

Khi ý nghĩa của bản văn gốc không thể hiểu được rõ ràng hay khó hiểu đối với độc giả thời nay, Lời Giải Nghĩa sẽ có sự giải thích. Thí dụ như:

- Các từ hay các nhóm từ mà các tác giả trong Kinh Thánh dùng theo nghĩa bóng, như là các ẩn dụ, câu hỏi tu từ, và các thành ngữ.
- Các từ hay các nhóm từ có thể có nhiều hơn một ý nghĩa.
- Các quan niệm lạ không quen thuộc, như một số phong tục trong Kinh Thánh.
- Văn phạm không quen thuộc, không tự nhiên đối với tiếng Việt.
- Các câu tục ngữ và chuyện ngụ ngôn.

Các cách giải nghĩa khác

Một số câu hay đoạn Kinh Thánh có *cách giải nghĩa khác*. Một số học giả Kinh Thánh cho rằng câu này hay đoạn này có nghĩa như thế này, và một số học giả khác lại cho là có ý nghĩa khác.

Các Lời Giải Nghĩa không giải thích tất cả các ý khác nhau, nhưng chỉ giải thích những ý ảnh hưởng đến việc chuyển ngữ. Các bản dịch thường được tham khảo cho việc chuyển ngữ là Bản Dịch Mới, Bản Dịch Cựu, Bản Diễn Ý, Bản Công Giáo có sự giải thích khác nhau về cùng một vấn đề.

Cách trình bày các cách giải nghĩa khác nhau

Lời Giải Nghĩa luôn luôn liệt kê sự giải nghĩa hợp với ngữ cảnh nhất bằng con số (1). Sự đề nghị này dựa trên việc nghiên cứu cẩn thận đoạn Kinh Thánh và dùng các sách giải nghĩa Kinh Thánh cũng như các sách tham khảo khác. Những cách giải nghĩa khác được liệt kê dưới sự giải thích đầu tiên và đánh số (2), (3), ...v.v...

Thí dụ

Đây là một thí dụ về cách giải nghĩa có thể chấp nhận của 1 Giăng 4:2b:

4:2b

Chúa Cứu Thế Giê-su: Các học giả không đồng ý với nhau về chữ *Cứu Thế* là một phần của tên hay là tước vị có nghĩa là “Đấng Cứu Thế”:

- (1) Nhiều học giả nghĩ rằng chữ *Cứu Thế* là một phần của tên (BDC, BDY, BCG).
- (2) Một số học giả nghĩ rằng chữ *Cứu Thế* là một tước vị, và vì vậy câu đó có nghĩa là “Chúa Giê-su là Đấng Cứu Thế và Ngài đến thế gian như một con người” (BDM).

Đề nghị nên theo cách giải thích thứ nhất.

Lời Giải Nghĩa, tiếp theo

Các nan đề của việc chuyển ngữ

Khi có khó khăn trong việc dùng chữ để diễn tả ý nghĩa đối với ngôn ngữ của bạn vì sự khác biệt về ngôn ngữ hay văn hoá, chúng tôi cung cấp lời cố vấn về việc chuyển ngữ. Các nan đề trong việc chuyển ngữ gồm có:

- Cách nói tượng hình
- Quan hệ giữa các mệnh đề
- Thể thụ động
- Có thể sắp đặt lại thứ tự
- Lập lại
- Thể thơ
- Thông tin hàm ý

Thông tin hàm ý

Mục đích của Sách Giải Nghĩa là giúp đỡ bạn hiểu, sát nghĩa nhất, tất cả ý nghĩa của những đoạn kinh văn mà các đọc giả thời đó đã hiểu khi họ đọc đoạn kinh văn gốc.

Sự khác biệt về ngôn ngữ, bối cảnh văn hoá, và hoàn cảnh thường ngăn cản các đọc giả hiện đại hiểu được ý nghĩa nguyên thủy. Đôi khi tác giả giả định rằng đọc giả của ông đã hiểu các dữ kiện nhất định và vì vậy ông không nói đến trong đoạn kinh văn. Đôi khi phần quan trọng của ý nghĩa được hàm ý, đọc giả thời đó đã hiểu đúng ý nhưng có thể khó hiểu đối với đọc giả hiện đại. Khi cần phải có các thông tin hàm ý này để hiểu được đoạn văn, Sách Giải Nghĩa giải thích loại thông tin được hàm ý này.

Cách trình bày các cách chuyển ngữ khác nhau

Nếu trong Lời Giải Nghĩa có nhiều hơn một cách để trình bày ý nghĩa, những cách giải nghĩa khác sẽ đánh dấu bằng những chấm (●) thay vì bằng số. Làm như vậy để cho thấy rằng những cách giải nghĩa khác này có giá trị như nhau. Bạn có thể dùng theo cách nào phù hợp và tự nhiên với ngôn ngữ của bạn nhất, hay bạn có thể chọn một cách nào đó mà nó thích hợp hơn những cách được đề nghị. Dưới đây là một thí dụ trong sách Tích:

Các nan đề của việc chuyển ngữ, tiếp theo**3:2b**

nhưng phải tỏ sự hòa nhã: Trong bản Hy-lạp đây có nghĩa là “không đánh nhau”. Cùng một từ Hy-lạp này được dùng ở trong 1 Ti-mô-thê 3:3. Đây muốn nói đến một người thích cãi cọ, bất đồng ý kiến và gây lộn với người khác. Một Cơ Đốc nhân nên tránh sự tranh luận với người khác. Hai cách để chuyển ngữ ở đây:

- Theo cách tích cực:

Hãy bảo các con dân Chúa sống hoà thuận với nhau.

-HAY-,

...sống với mọi người một cách hoà thuận.

- Theo cách tiêu cực: “không đánh nhau” hay “không tranh luận” [với người khác].

Cách sắp đặt các Lời Giải Nghĩa

Các sách trong Kinh Thánh được chia ra làm những Phân Đoạn, Tiểu Đoạn và Đoạn văn trong *Bộ Sách Giải Nghĩa*.

Phân Đoạn

Mỗi Phân Đoạn là một phần chính của sách. Mỗi Phân Đoạn mới được bắt đầu bằng một *chủ đề cho Phân Đoạn*. Câu tóm tắt chủ đề trong phần chính này của sách là được in trong một khung in đậm như sau:

Chủ Đề của Phân Đoạn

Dưới khung này có những lời tóm tắt tổng quát về ý nghĩa của toàn Phân Đoạn.

Tiểu đoạn

Mỗi tiểu đoạn được bắt đầu bằng *chủ đề của Tiểu Đoạn*. Chủ đề này tóm tắt ý tưởng chính trong Tiểu Đoạn hay nói đại ý về nội dung của Tiểu Đoạn.

Mỗi chủ đề được đặt trong một khung có nền xám và các cạnh khung lợt hơn khung của Phân Đoạn. Sau đây là một thí dụ:

Chủ đề của Tiểu Đoạn

Khung này được nối tiếp bằng lời giải nghĩa tổng quát chung cho cả Tiểu Đoạn.

Lời Giải Nghĩa, tiếp theo

Cách sắp đặt các Lời Giải Nghĩa, tiếp theo

Chủ đề của Tiểu Đoạn trong *Bộ Sách Giải Nghĩa* có thể giúp bạn chọn chủ đề của Tiểu Đoạn trong bản dịch của bạn. Bạn cũng nên tham khảo các chủ đề của Tiểu Đoạn trong các bản dịch khác và chủ đề được Sách Giải Nghĩa đề nghị. Hãy nhớ là các chủ đề này không phải là một phần của đoạn kinh văn nguyên thủy, vậy nên, bạn không cần phải chuyển ngữ chủ đề ở trong Sách Giải Nghĩa hay các bản dịch khác. Bạn nên tự đặt ra chủ đề cho bản dịch của bạn, như vậy nó sẽ giúp ích cho người đọc và nghe được tự nhiên hơn trong ngôn ngữ của bạn. Muốn viết chủ đề các tiểu đoạn, hãy theo những bước sau đây:

- (1) Nghiên cứu cả phần Kinh Thánh một cách cẩn thận. Sau đó nghĩ về chủ đề của Tiểu Đoạn Kinh Thánh.
- (2) Quyết định làm thế nào để trình bày chủ đề một cách tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn mà chỉ cần dùng một ít từ/một câu ngắn gọn. Chủ đề cần phải được vắn tắt.

Các Đoạn Văn

Sách Giải Nghĩa chia các Tiểu Đoạn thành các đơn vị nhỏ hơn gọi là các Đoạn Văn. Mỗi Đoạn Văn thường có khoảng từ 2 đến 5 câu. Mỗi Đoạn Văn được bắt đầu bằng một khung không có màu không có chữ chỉ có số đoạn và số câu. Thí dụ: Ê-xơ-tê chương 8 từ câu 5 đến câu 17 được trình bày như sau:

Đoạn Văn 8:5-17

Theo sau khung này là những lời giải nghĩa tóm tắt ý chính của Đoạn Văn. Thí dụ: Ê-xơ-tê 8:5-17:

Những câu này trái ngược với Ê-xơ-tê 4:1-3. Mạc-đô-chê mặc áo bào thay vì bao gai, và có sự vui mừng thay vì tang chế.

Các Đoạn Văn của Sách Giải Nghĩa thường đi đôi với các Đoạn Văn trong đoạn Kinh Thánh. Tuy nhiên, đôi khi bạn có thể nối hai, ba Đoạn Văn với nhau thành một Đoạn Văn trong bản dịch của bạn, nếu đó là điều cần thiết. Hay bạn có thể tách một Đoạn Văn ra làm mấy phần. Nói một cách khác, những đơn vị này *không bắt buộc phải* giống y như các Đoạn Văn của Kinh Thánh.

Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ

Sự Mô tả

Khung ở trên đầu về phía bên phải của mỗi trang giấy chứa đựng Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ (PKTCCN). Bạn nên dùng PKTCCN với Lời Giải Nghĩa của nó chặt chẽ với nhau. Làm như vậy sẽ giúp cho bạn hiểu rõ ý nghĩa của đoạn kinh văn bạn đang chuyển ngữ.

Mỗi câu trong đoạn kinh văn được in với *Câu Kinh Thánh Gốc (CKTG)* và *Câu Định Nghĩa (CDN)* thí dụ:

1:38b *Rồi thiên sứ rời khỏi Ma-ri.*
Rồi thiên sứ biến đi.

Câu Kinh Thánh Gốc

Trong Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ câu trên cùng gọi là Câu Kinh Thánh Gốc (thường là từ Bản Dịch Mới hay một bản nào khác sẽ có chú thích). Câu Kinh Thánh Gốc được **in đậm**.

Thỉnh thoảng có thêm một Câu Kinh Thánh Gốc thứ nhì từ bản dịch khác, hàng này cũng được **in đậm**. Thí dụ Công Vụ 18:10a:

18:10a **vì Ta ở với con. Không ai làm hại con được,**
(BCG) vì Thầy ở với con; không ai tra tay hại con
được,

Sắp Đặt Lại Thứ Tự Câu Kinh Thánh Gốc

Đôi khi thứ tự của các mệnh đề trong Câu Kinh Thánh Gốc được thay đổi thứ tự để có thể diễn tả ý nghĩa một cách rõ ràng hơn. Đây là một thí dụ sắp đặt lại thứ tự của Công Vụ 16:6a và b:

16:6 **Phái đoàn đi suốt vùng Phi-ri-gi và Ga-la-ti, vì**
Thánh Linh ngăn họ truyền giảng Đạo Chúa tại Tiểu
Á.

16:6A-B *(ĐƯỢC SẮP ĐẶT LẠI NHƯ SAU:)*

16:6b *Vì Thánh Linh ngăn họ truyền giảng Đạo Chúa tại Tiểu Á,*
Phao-lô và Si-la muốn rao giảng Tin Lành tại vùng Tiểu Á,
nhưng Đức Thánh Linh bảo họ không nên đi đến đó.

-HAY-

Họ đã có ý định đi đến vùng Tiểu Á để rao giảng sứ điệp [về Chúa Giê-su] ở tại đó, nhưng Đức Thánh Linh đã ngăn cản họ [đi đến đó].

16:6a *phái đoàn đi suốt vùng Phi-ri-gi và Ga-la-ti.*

Do đó Phao-lô và những người cộng tác của ông [bấy giờ] đi qua các vùng của xứ Phi-ri-gi và Ga-la-ti.

Nếu cần, dấu ngoặc vuông [] được dùng trong Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ để đánh dấu những chữ được thêm vào và giúp cho Câu Kinh Thánh Gốc Sắp Đặt Lại được rõ ràng như trong Công Vụ 16:6a-b ở trên.

Phần Kinh Thánh Cần Chuyển Ngữ, tiếp theo

Câu Định Nghĩa

Dưới Câu Kinh Thánh Gốc là Câu Định Nghĩa. Câu này bày tỏ ý nghĩa trực tiếp của câu Kinh Thánh theo cách dễ hiểu nhất. Thí dụ, câu này diễn tả ý của các câu thành ngữ hay cách nói tượng hình.

Đôi khi một Câu Định Nghĩa nữa được thêm vào để diễn tả cùng một ý nghĩa bằng một cách khác. Khi có nhiều Câu Định Nghĩa, từ **-HAY-** xuất hiện giữa hai câu để cho thấy là có cách khác để diễn tả cùng một ý. Thí dụ: Phần Kinh Thánh Cần Chuyển Ngữ của Công Vụ 1: 1b giống như thế này:

1:1b *tôi có tường thuật đầy đủ mọi điều Đức Giê-su đã thực hiện và giáo huấn từ lúc ban đầu*
 Tôi đã chọn và ghi rõ nhiều điều Chúa Giê-su đã dạy và đã làm
-HAY-
 Tôi đã kể lại rất nhiều việc Chúa Giê-su đã dạy bảo và đã thực hiện

Nếu có các cách giải thích khác nhau cho cùng một câu, chúng được liệt kê và giải thích trong Lời Giải Nghĩa chứ không có trong Phần Kinh Thánh Cần Chuyển Ngữ. Chỉ có cách giải thích đề nghị (cách đầu tiên) là được in trong Phần Kinh Thánh Cần Chuyển Ngữ.

Tin Tức Hàm Ý

Trong một vài trường hợp, để cho người đọc hiểu ý nghĩa của một câu, người đọc cần được cung cấp thêm tin tức. Trong trường hợp đó, Câu Định Nghĩa, được thêm tin tức hàm ý này trong ngoặc vuông [], để cho thấy rằng những tin tức được thêm vào này không có ghi rõ ràng trong nguyên bản.

Thí dụ:

1:6b *“Lạy Chúa, có phải đây là lúc Chúa khôi phục vương quốc cho Y-sơ-ra-ên không?”*
 “Thưa Chúa, bây giờ Chúa sẽ làm vua trên [chúng tôi và cả] dân Y-sơ-ra-ên như [Vua Đa-vít đã trị vì trong Cựu Ước?]”

Hãy nhớ là mục đích đầu tiên của Câu Định Nghĩa là để giúp cho bạn hiểu rõ phần kinh văn. Bạn là người quyết định cách chuyển ngữ ý nghĩa ấy và có nên thêm tin tức hàm ý hay không.

Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ, tiếp theo

Cách sắp đặt Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ

Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ được sắp đặt cùng một cách như Sách Giải Nghĩa

- Phân Đoạn,
- Tiểu Đoạn,
- Đoạn Văn.

Phân Đoạn

Hầu hết trong mọi trường hợp, chủ đề của những Phân Đoạn không tìm thấy trong Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ (PKTCCN). PKTCCN không có nhiều chủ đề, vì nó chỉ là một thí dụ cho một số chủ đề, có thể bạn muốn có trong bản dịch của bạn, một vài hình ảnh thay vì trình bày cho nguyên cả sách.

Tiểu Đoạn

Phần bắt đầu của một Tiểu Đoạn được đánh dấu trong Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ giống ở trong các Lời Giải Nghĩa. Câu *chủ đề của Tiểu Đoạn* được in vào trong một khung in lợt và có nền màu xám:

Chủ đề của Tiểu Đoạn

Các Đoạn Văn

Các phần được bắt đầu bằng một dấu (¶) trong Câu Định Nghĩa. Dấu này xác nhận những chỗ bạn có thể bắt đầu một phần mới. Thí dụ:

1:1a *Chúng tôi là Phao-lô và Ti-mô-thê, tôi tớ của Chúa Cứu Thế Giê-su,*
 ¶ Thư này của Phao-lô và Ti-mô-thê, các đây tớ của Chúa Cứu Thế Giê-su, [tôi], Phao-lô

Thứ Tự Cần Phải Áp Dụng Trong Khi Chuyển Ngữ

Các bước cho mỗi sách	
Bước	Điều nên làm
1	Đọc suốt cả sách bạn định chuyển ngữ.
2	Đọc các phần, Giới Thiệu, Dẫn Bài, và Tóm Tắt trong <i>Sách Giải Nghĩa Cho Người Chuyển Ngữ</i> . Làm như vậy, nó sẽ giúp bạn hiểu rõ mục đích, bối cảnh và nội dung của sách.

Các bước cần phải theo cho mỗi Tiểu Đoạn		
Bước	Hành động	Mô tả hành động
1	HÃY ĐỌC tiểu đoạn bạn sắp chuyển ngữ.	<ul style="list-style-type: none"> Đọc kỹ tiểu đoạn trong ít nhất là hai bản dịch tiếng Việt khác nhau, thí dụ, Bản Dịch Mới (BDM), Bản Dịch Cũ (BDC) Bản Diễn Ý (BDY) và Bản Công Giáo (BCG). Nếu có một bản dịch nào khác có ngôn ngữ gần với ngôn ngữ của bạn, hay một ngôn ngữ nào đó mà bạn đọc viết và hiểu thông thạo, bạn nên đọc bản dịch đó.
2	HÃY NGHIÊN CỨU ý nghĩa của tiểu đoạn.	<ul style="list-style-type: none"> Tìm chủ đề chính của tiểu đoạn. Hãy suy nghĩ về sự liên hệ giữa tiểu đoạn này với các tiểu đoạn trước và sau. So sánh với các bản dịch khác mà bạn đang có. Ghi chú những chỗ có ý nghĩa không rõ ràng hay chỗ khó chuyển ngữ như cách nói tượng hình, câu hỏi tu từ hay sự khác biệt về văn hoá. Dùng các sách giải nghĩa khác, nhất là <i>Sách Giải Nghĩa Cho Người Chuyển Ngữ</i>, để giải quyết những nan đề bạn tìm thấy.
3	HÃY SUY NGHĨ về cách bạn sẽ chuyển ngữ tiểu đoạn này sang ngôn ngữ của bạn.	<ul style="list-style-type: none"> Suy nghĩ về cách bạn sẽ chuyển ngữ cho cả nguyên tiểu đoạn trước khi bạn bắt đầu. Cố gắng chuyển ngữ liên tục suốt cả đoạn, không nên dừng lại sau mỗi câu. Làm như vậy sẽ giúp cho bản dịch của bạn được tự nhiên hơn. Bạn có thể sửa chữa bản văn cho chính xác sau đó. Một số người chuyển ngữ tin rằng, việc nói vào máy ghi âm trước, rất giúp ích cho họ.
4	HÃY GHI xuống trên giấy	<ul style="list-style-type: none"> Bắt đầu ghi xuống trên giấy bản dịch của tiểu đoạn. Suy nghĩ tìm cách diễn tả ý nghĩa một cách rõ ràng hơn. Có thể cần đọc lại nhiều lần những gì bạn vừa ghi xuống. Xét lại từng chi tiết trong bản dịch của bạn với các bản dịch tiếng Việt để xem các từ ngữ bạn vừa dùng có chính xác hay không. Điều quan trọng là bạn không nên đổi ý, thêm ý, hay bỏ qua một ý nào cả.
5	HÃY ĐỌC bản dịch của bạn.	<ul style="list-style-type: none"> Đọc lớn tiếng tiểu đoạn bạn vừa dịch cho chính tai bạn nghe, để xem thử nó có được tự nhiên, rõ ràng, và dễ hiểu không? Đọc tiểu đoạn bạn vừa chuyển ngữ cho vài người khác nghe và hỏi họ nghe có tự nhiên không. Nếu họ bảo không tự nhiên, thay đổi từ ngữ, cách dùng văn phạm, cho đến khi dễ hiểu và dễ đọc.

Các Nguyên Tắc Chuyển Ngữ Cần Phải Nhớ

Chuyển ngữ theo ý nghĩa

Việc quan trọng mà người chuyển ngữ cần phải luôn luôn để ý là:
*Tìm một từ **diễn đạt đúng ý nghĩa** của từ trong bản gốc.*

Không bao giờ nên chuyển ngữ theo từng từ một. Thay vào đó, bạn phải:

- Hiểu ý nghĩa đúng của bản gốc. Nghiên cứu cẩn thận để tìm chiều sâu của ý nghĩa mà bạn không ngờ tới.
 - Tìm cách diễn tả ý nghĩa ấy qua ngôn ngữ của bạn một cách chính xác, rõ ràng và tự nhiên.
-

Thay đổi thứ tự nếu cần

Có nhiều lúc bạn cần phải thay đổi thứ tự của các từ hay nhóm từ để truyền thông ý nghĩa sang ngôn ngữ của bạn cách rõ ràng. Tìm những thứ tự khác nhau để có thể diễn tả ý nghĩa rõ ràng và tự nhiên nhất.

Thay đổi chiều dài của câu

Có thể đôi khi bạn cần phải dùng mấy câu ngắn để chuyển ngữ một câu dài trong bản gốc. Có lúc bạn lại phải cần nối mấy câu ngắn lại với nhau. Bạn phải diễn tả ý nghĩa chính xác theo cách mà các người đọc thấy dễ hiểu nhất.

Làm sáng tỏ ý nghĩa của các thành ngữ và cách nói tượng hình

Cách để chuyển ngữ các *thành ngữ* hay *cách nói tượng hình* trong bản gốc được rõ ràng là chuyển ngữ theo ý nghĩa, không chuyển ngữ theo từng từ một; có nghĩa là bạn dùng cách nói nào đó trong ngôn ngữ của bạn để diễn đạt đúng ý nghĩa theo bản gốc. Đôi khi bạn nên dùng một thành ngữ hay cách nói tượng hình trong ngôn ngữ bạn nếu nó phù hợp với ý nghĩa của bản gốc, đó cũng là cách để truyền thông ý nghĩa của bản dịch gốc đến người đọc một cách rõ ràng.

Chúng Tôi Cần Ý Kiến Của Bạn

Điều gì có ích? Điều gì không có ích?

Chúng tôi mong muốn *Sách Giải Nghĩa Cho Người Chuyển Ngữ* có ích lợi thực tế cho người chuyển ngữ. Xin vui lòng cho chúng tôi biết:

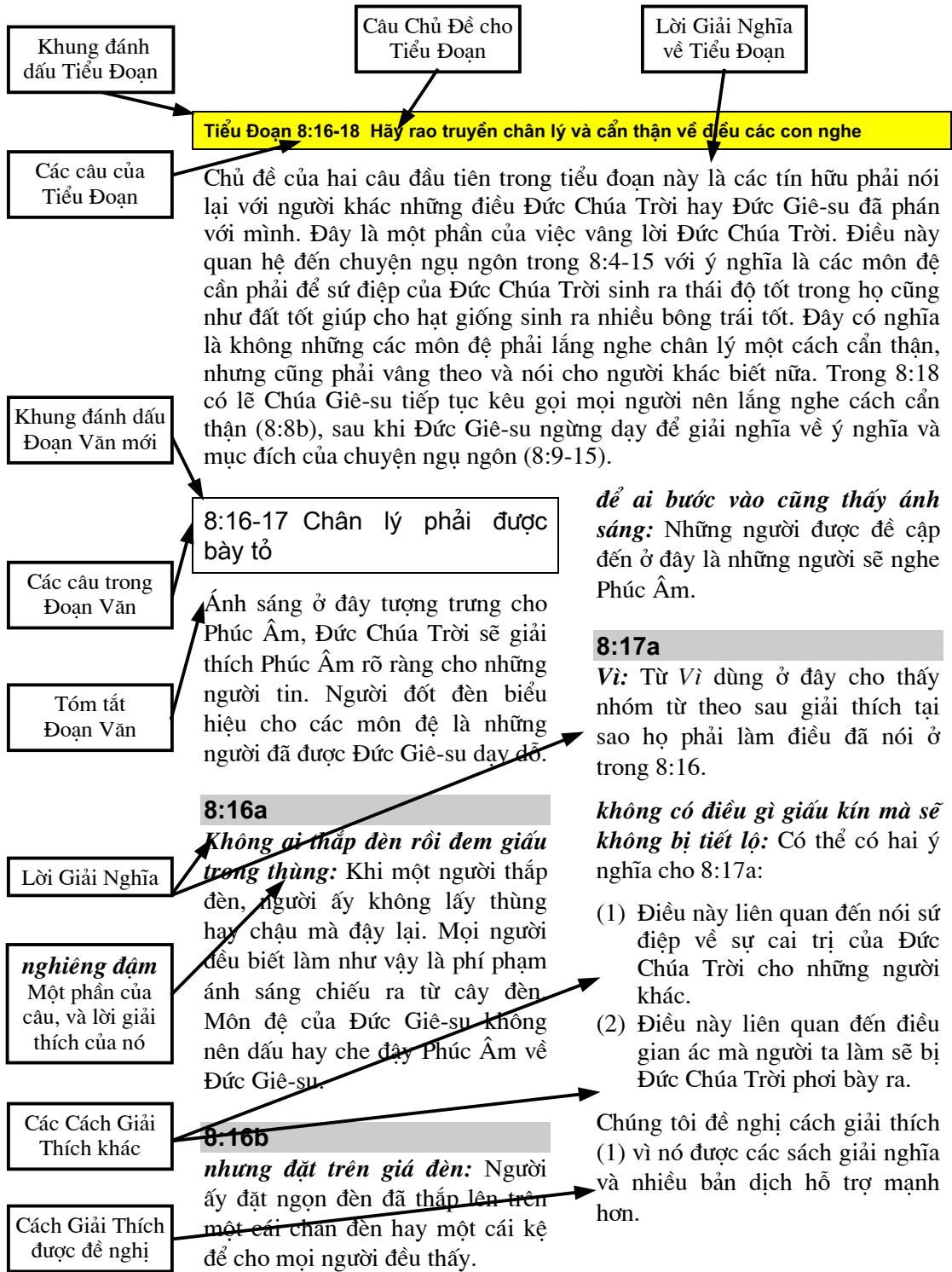
- (a) những điều bạn tìm thấy trong *Sách Giải Nghĩa Cho Người Chuyển Ngữ* có ích lợi và bạn đang dùng nó, (kể cả các lời hướng dẫn), và....
 - (b) những điều bạn nghĩ nên sửa đổi theo một cách nào khác vì bạn không dùng nó được. Chúng tôi hoan nghênh mọi nhận xét, phê bình và đề nghị của các bạn.
- Chúng tôi cần bạn góp ý!

Người đón nhận ý kiến:

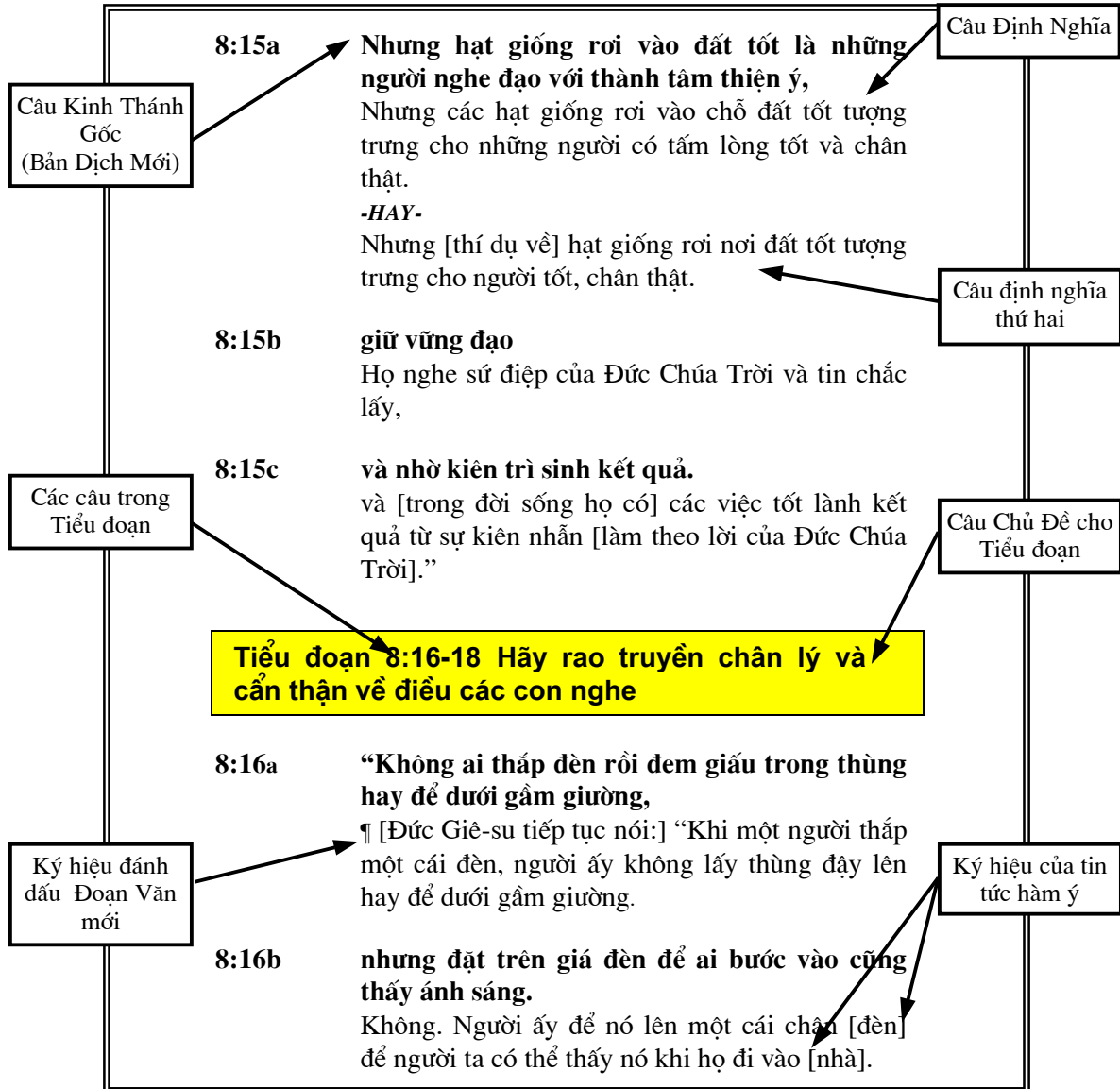
Xin vui lòng gửi ý kiến của bạn đến:

Bộ Sách Giải Nghĩa
Study Guides Press
P.O. Box 382006
Duncanville, Texas 75138
USA

CÁC THÀNH PHẦN CỦA SÁCH GIẢI NGHĨA



CÁC THÀNH PHẦN CỦA CÂU ĐỊNH NGHĨA



GIỚI THIỆU SÁCH I TÊ-SA-LÔ-NI-CA VÀ II TÊ-SA-LÔ-NI-CA

THÀNH PHỐ TÊ-SA-LÔ-NI-CA

Tê-sa-lô-ni-ca, hiện nay được gọi là Sa-lô-ni-ca, là một thành phố ở phía Đông-Bắc nước Hy-lạp. Trong thời Tân Ước (TU) nó nằm trên đường Via Egnatia, con đường này do người La-mã làm chạy từ duyên hải phía tây tới duyên hải phía đông của xứ Ma-xê-đoan. Xin xem bản đồ số 9 trong BDC, và để ý đến vị trí của các thành phố Phi-líp, Bê-rê và Cô-rinh-tô. Ba thành phố sẽ được đề cập tới sau này.

Tê-sa-lô-ni-ca được thành lập vào khoảng năm 315 T.C. Nó đã trở nên thành phố quan trọng một cách nhanh chóng và là hải cảng của xứ Ma-xê-đoan, ở phía Bắc của nước Hy-lạp hiện nay. Phần đất phía nam của nước Hy-lạp ngày xưa gọi là xứ A-chai. Vào năm 167 T.C. người La-mã chinh phục cả nước Hy-lạp. Họ phân chia xứ Ma-xê-đoan ra làm bốn vùng và chọn Tê-sa-lô-ni-ca làm thủ đô của một vùng. Sau đó vào năm 146 T. C, họ thống nhất các vùng này lại làm một gọi là xứ Ma-xê-đoan, thành phố Tê-sa-lô-ni-ca vẫn là thủ đô và là thành phố lớn nhất. Vào năm 42 T. C. thành phố Tê-sa-lô-ni-ca được ban cho địa vị của “thành phố tự do.”

SỰ KHỞI ĐẦU CỦA HỘI THÁNH Ở TÊ-SA-LÔ-NI-CA

Chúng ta đọc trong Công-vụ 15:40 về việc Sin-vanh đã tham gia với Phao-lô khi ông bắt đầu cuộc hành trình truyền giáo lần thứ hai. Sin-vanh cũng gọi là Si-la (hãy xem lời giải nghĩa của 1:1a) Phao-lô và Sin-vanh rời An-ti-ốt ở Sy-ri và đi tới Lít-tra trong vùng Tiểu Á. (Tiểu Á là nước Thổ-nhĩ-kỳ hiện nay).

Công-vụ 16:1-3 nói về việc Phao-lô đã mời một thanh niên tên là Ti-mô-thê tham gia với họ tại Lít-tra.

Sau đó, trong Công-vụ 16:5-40 Phao-lô, Sin-vanh và Ti-mô-thê, cùng đi với Lu-ca (tác giả sách Công-vụ) băng ngang đại dương từ Tiểu Á tới xứ Ma-xê-đoan và truyền giảng phúc âm tại thành phố Phi-líp. Tại Phi-líp các nhà cầm quyền bỏ tù Phao-lô và Sin-vanh. Sau đó họ được thả ra khỏi tù và thị trưởng của thành phố Phi-líp ra lệnh cho họ phải rời khỏi chỗ đó.

Vì vậy Phao-lô và Sin-vanh tiếp tục đi theo Via Egnatia đến Tê-sa-lô-ni-ca (Công-vụ 17:1). Ti-mô-thê có thể cùng đi với họ, hoặc gia nhập với họ sau này.

Hãy đọc Công-vụ 17:1-10 và tìm giải đáp cho các câu hỏi sau đây:

1. Phao-lô đã giảng ở đâu? (17:2)
2. Ai tin sứ điệp Phao-lô giảng? (17:4)
3. Các nhà lãnh đạo Do Thái buộc tội Phao-lô về cơ gì? (17:6-7)
4. Điều gì xảy ra cho Gia-sôn? (17:5, 6, 9)

KT cho thấy Phao-lô và Sin-vanh đã giảng phúc âm trong hội đường của người Do Thái vào mỗi ngày Sa-bát trong ít nhất là ba tuần lễ (Công-vụ 17:2). (Ngày Sa-bát, là ngày thứ bảy, ngày mà người Do-thái nghỉ ngơi và thờ phượng Đức Chúa Trời trong tuần). Ông có thể ở lại đó khá lâu, đủ thời gian để ông làm việc kiếm tiền mua các thứ cần thiết để sống và đủ để các con dân Chúa tại Phi-líp biết về nan đề của ông mà gửi hai món tiền đến cho ông (Phi-líp 4:16).

Những người nói tiếng Hy-lạp thờ lạy nhiều thần tượng và các thần linh. Họ có phong tục xây đền thờ cho mỗi hình tượng. Họ đặt một tượng tạc bằng đá hay kim loại ở trong đền thờ và đến đó để thờ lạy. Khi Phao-lô giảng trong hội đường (Công-vụ 17:4) một số người Do Thái và nhiều người

Ma-xê-đoan kính sợ Chúa (gọi là người Hy-lạp vì họ nói tiếng Hy-lạp) tin nơi Phúc Âm và thời không thờ lạy các hình tượng. Sau này có những người Ma-xê-đoan khác cũng thời không thờ lạy hình tượng để tin tưởng Phúc Âm (1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:9).

Trong Công-vụ 17:10-15, để tránh gây thêm rắc rối cho các con dân Chúa tại Tê-sa-lô-ni-ca, Phao-lô và các bạn đồng hành đã phải rời thành phố vào ban đêm, có một vài tín hữu đi cùng. Họ đi về hướng tây bằng đường bộ đến một tỉnh gọi là Bê-rê, sau một cuộc hành trình dài khoảng hai ngày. Tại Bê-rê người ta đón tiếp họ trong hòa bình, nhiều người Do Thái và Ma-xê-đoan trở thành con dân Chúa. Chẳng bao lâu những người Do Thái không tin tại Tê-sa-lô-ni-ca cũng nghe về việc này, họ đến và gây ra nhiều rắc rối đến nỗi Phao-lô lại phải rời đó, có một vài tín hữu cùng đi với ông. Phao-lô bỏ Sin-vanh và Ti-mô-thê ở lại Bê-rê một thời gian (Công-vụ 17:10-15).

Các con dân Chúa ở Bê-rê đi cùng với Phao-lô về phía nam tới A-then trong xứ A-chai. Sau đó Phao-lô sai họ về lại Bê-rê với lời nhắn Sin-vanh và Ti-mô-thê hãy xuống với ông càng sớm càng tốt.

Sách Công-vụ không nói gì thêm về Sin-vanh và Ti-mô-thê nữa. Tuy nhiên, trong 1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:1 và 3:1-2, 6 chúng ta biết rằng họ có tới A-then với Phao-lô. Có nhiều lý do ngăn cản Phao-lô trở lại miền bắc, nhưng ông sai Ti-mô-thê trở lại Tê-sa-lô-ni-ca để xem các tín hữu mới có còn tiếp tục tin tưởng Phúc Âm mặc dầu bị đồng bào của họ bắt bớ hay không.

Trong khi Ti-mô-thê đi xa, Phao-lô giảng Phúc Âm tại A-then nhưng chỉ có một vài người tin Chúa nên ông đi đến Cô-rinh-tô. Có vẻ như Phao-lô đã sai Sin-vanh từ A-then đi đến chỗ khác, và Sin-vanh nhập lại với Phao-lô ở Cô-rinh-tô trước hay sau khi Ti-mô-thê tới đó với Phao-lô (Công-vụ 18:50). Phao-lô rất vui khi Ti-mô-thê trở lại với tin mừng là các tín hữu ở Tê-sa-lô-ni-ca đứng vững trong niềm tin nơi Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su (1 Tê-sa-lô-ni-ca 3:6).

VIỆC VIẾT SÁCH 1 & 2 TÊ-SA-LÔ-NI-CA

Phao-lô là tác giả chính của cả hai thư thứ nhất và thứ nhì gửi cho người Tê-sa-lô-ni-ca. Ông kể tên những người cùng đi là Sin-vanh và Ti-mô-thê. Sin-vanh là ông Si-la trong sách Công-vụ nhưng Sin-vanh là cách viết tên Si-la theo tiếng La-tinh. Chúng ta sẽ dùng tên Sin-vanh. Xin xem lời giải nghĩa của 1:1a.

Thư đầu tiên được viết tại Cô-rinh-tô ngay sau khi Ti-mô-thê từ Tê-sa-lô-ni-ca về (1 Tê-sa-lô-ni-ca 3:6). Vào lúc viết thư này, khắp xứ Ma-xê-đoan và A-chai đều biết tin các con dân Chúa tại Tê-sa-lô-ni-ca đứng vững trong đức tin như thế nào (1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:7-8, 4:10).

Chúng ta không biết chính xác Phao-lô viết sách 1 Tê-sa-lô-ni-ca vào năm nào. Đọc Công-vụ 18:12-17 chúng ta thấy Ga-li-ô làm tổng trấn trong thời gian đó. Trên các bảng đá khắc của La-mã chúng ta cho thấy Ga-li-ô làm tổng trấn từ năm 51 đến năm 52. Cho nên chúng ta có thể phỏng đoán rằng Phao-lô viết sách 1 Tê-sa-lô-ni-ca vào khoảng năm 50 đến 51 sau khi Chúa Giê-su sanh ra.

Chúng ta cũng không biết thư thứ nhì được viết khi nào. Nó phải được viết ngay sau lá thư đầu tiên không bao lâu, và trước khi Phao-lô thăm viếng Tê-sa-lô-ni-ca lần thứ hai (Công-vụ 20:1-6).

MỤC ĐÍCH CỦA PHAO-LÔ KHI VIẾT SÁCH 1 TÊ-SA-LÔ-NI-CA

Khi Ti-mô-thê từ Tê-sa-lô-ni-ca về (1 Tê-sa-lô-ni-ca 3:6), ông mang theo tin mừng là các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca đứng vững trong đức tin của họ. Phao-lô muốn viết thư cho họ để trả lời các thắc mắc hay nghi ngờ của họ về ông và các bạn đồng hành. Hình như người Tê-sa-lô-ni-ca nghi ngờ không biết ông Phao-lô có thật là sứ đồ của Đức Chúa Trời, và Sin-vanh và Ti-mô-thê có phải cũng là môn đệ thật của Đức Cơ Đốc hay không. Có lẽ những người này nghĩ Phao-lô và

các bạn đồng hành của ông chỉ là một nhóm giáo sư lưu động đi các nơi, lừa gạt người ta bằng những trò bịp để thu tiền của họ. Phao-lô nghi ngờ một vài người cố ý vu cáo cho ông và các bạn đồng hành với các con dân Chúa (1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:3-12). Có lẽ sự kiện Phao-lô phải rời Tê-sa-lô-ni-ca cách nhanh chóng không kịp từ giã đàng hoàng khiến cho người Tê-sa-lô-ni-ca nghĩ ông đã làm chuyện gì sai lầm nên phải bỏ trốn trước khi hành động của ông bị bại lộ. Chúng ta có thể so sánh với lúc Phao-lô lên tiếng bênh vực ông và các bạn đồng hành trong 2 Cô-rinh-tô 10 và 11, để chống lại các lời nói dối và sự hiểu lầm của người Cô-rinh-tô.

Vậy nên mục đích chính của thư đầu tiên là để các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca biết tình yêu thương và quan tâm của ông đối với họ, và để làm đức tin của họ trong Đức Chúa Trời và Đức Giê-su Cơ Đốc được mạnh mẽ. Nhưng trong những thư của ông, Phao-lô thường cũng cố gắng viết lời tuyên bố về các niềm tin Cơ Đốc mà ông dạy dỗ cho các tín hữu mới. Trong lúc này họ không có lời Kinh Thánh (KT) nào khác ngoại trừ Cựu Ước (CU).

Một số các chủ đề và sự dạy dỗ được nói đến trong nhiều thư của Phao-lô, kể cả 1 và 2 Tê-sa-lô-ni-ca, là các con dân Chúa phải tôn trọng các nhà lãnh đạo trong hội thánh, phải hiệp một, phải tránh các sự vô luân của xã hội chung quanh. Ông cho họ các lời chỉ dẫn để đối xử với nhau, và cho thấy các lời tiên tri trong CU đã được ứng nghiệm.

Người Tê-sa-lô-ni-ca có vẻ lo âu về một vấn đề riêng biệt. Đó là điều gì sẽ xảy đến cho các con dân Chúa đã chết trước khi Chúa Giê-su Cơ Đốc trở lại? Họ cũng sẽ thấy Chúa Giê-su đến và được đi ở với Chúa, như những người còn đang sống khi Chúa trở lại hay sao? Phao-lô trấn an là họ sẽ được thấy Chúa Giê-su được ở với Ngài và cho biết thêm những chi tiết đặc biệt về sự trở lại của Chúa Giê-su Cơ Đốc.

Trong 1 Tê-sa-lô-ni-ca có nói bóng về việc một số con dân Chúa lười biếng. Có lẽ họ nghĩ rằng làm việc là không quan trọng vì Chúa Giê-su sắp đến. Phao-lô bảo họ phải trở lại làm việc. Vấn đề này được thảo luận sâu xa hơn ở trong 2 Tê-sa-lô-ni-ca.

MỤC ĐÍCH CỦA PHAO-LÔ KHI VIẾT SÁCH 2 TÊ-SA-LÔ-NI-CA

Có vẻ như những điều viết trong 1 Tê-sa-lô-ni-ca không đạt được kết quả như Phao-lô đã dự định. Có một vài điểm ông viết trong thư đầu tiên vẫn cần phải nhắc lại và nhấn mạnh trong thư thứ nhì. Đây là bảng so sánh một vài đề tài được đề cập đến trong cả hai sách.

1 Tê-sa-lô-ni-ca	2 Tê-sa-lô-ni-ca
VỀ SỰ BẮT BỐ	
1:6, 2:2, 2:14-16 Các con dân Chúa sẽ bị bắt bố.	1:5-10 Đức Chúa Trời có một mục đích trong sự đau khổ này, và họ sẽ được ban thưởng, trong khi những người bắt bố họ sẽ bị trừng phạt.
3:11-13 Phao-lô cầu xin khi Chúa Giê-su trở lại sẽ thấy các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca không chỗ trách được và thánh khiết.	1:11-12 Phao-lô cầu xin các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca sẽ đứng vững bởi sự đau khổ để họ sẽ được trình diện như người xứng đáng làm công dân trong vương quốc của Đức Chúa Trời. Ông cầu xin, qua quyền năng của Đức Chúa Trời ban cho, họ sẽ có thể làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời và sống một cách tốt đẹp khiến cho người ta ngợi khen Chúa.

VỀ SỰ TRỞ LẠI CỦA CHÚA CƠ ĐỐC GIÊ-SU

4:13-18 Khi Chúa Giê-su trở lại tất cả các con dân Chúa đã chết và những người còn đang sống sẽ gặp Chúa và đi ở với Chúa đời đời.	1:6-10 Khi Chúa Giê-su trở lại sẽ đem vinh hiển cho Chúa Giê-su và cả các con dân Chúa nữa. Nhưng Ngài sẽ đem sự kinh hoàng và trừng phạt cho người chưa tin Chúa, trong đó có những người bắt bớ các con dân Chúa.
5:1-3 Sự trở lại của Chúa Giê-su sẽ xảy đến thành linh và có thể xảy ra sớm.	2:1-12 Sự trở lại chưa xảy ra, không giống như một số người tại Tê-sa-lô-ni-ca đã tin tưởng một cách lầm lẫn. Trước khi Chúa Giê-su trở lại, sẽ có một thời gian mà “kẻ đại ác (BDM)” cai trị. Khi ở tại Tê-sa-lô-ni-ca Phao-lô dạy họ về sự cai trị này của <i>kẻ đại ác</i> (mặc dầu ông đã không đề cập đến đề tài này trong thư đầu tiên của ông). Khi Chúa Giê-su đến <i>kẻ đại ác</i> này và những người bị nó lừa dối sẽ bị trừng phạt và bị ném vào địa ngục.

CON DÂN CHÚA CÓ THỂ BIẾT CHẮC CHẮN RẰNG ĐỨC CHÚA TRỜI ĐÃ CỨU HỌ

1:4 Đức Chúa Trời đã lựa chọn họ làm dân của Ngài.	2:13 Đức Chúa Trời lựa chọn họ để họ được cứu rỗi. Họ được cứu rỗi qua sự tin nơi chân lý và qua sự làm việc của Đức Thánh Linh ở trong họ.
5:9 Đức Chúa Trời muốn họ được cứu rỗi.	2:14 Họ cũng được chia sẻ sự vinh hiển của Chúa Giê-su.

CẢNH CÁO CHỐNG LẠI SỰ LƯỜI BIẾNG

4:11-12 Phao-lô bảo họ sống một đời sống có trật tự, lo công việc riêng, và làm việc với bàn tay của mình.	3:6 Phao-lô cảnh cáo các con dân Chúa lười biếng cách mạnh mẽ. Ông nói những người như vậy cần bị kỷ luật sửa trị.
5:14 Họ phải cảnh cáo các con dân Chúa không chịu làm việc.	
2:6-9 Phao-lô và các bạn đồng hành làm để tự kiểm ăn lấy và không làm gánh nặng cho các con dân Chúa.	3:7-15 Phao-lô và các bạn đồng hành tự kiểm ăn lấy. Đây không phải chỉ để không làm gánh nặng cho các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca nhưng cũng làm một gương tốt cho họ noi theo.

Tóm lại, mục đích của Phao-lô khi viết thư thứ nhì là:

1. Để khiến các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca được mạnh mẽ khi phải đối diện với sự bắt bớ nghiêm trọng.
2. Để sửa lại những điều sai lầm mà một số con dân Chúa đã tin về thời điểm mà Chúa Giê-su sẽ trở lại.
3. Để trấn an họ rằng đức tin của họ, cách họ tìm để sống theo ý muốn của Đức Chúa Trời, và sự kiện họ đã chịu đựng sự bắt bớ là bằng chứng cho thấy họ xứng đáng làm công dân trong Vương Quốc của Đức Chúa Trời.
4. Để cảnh cáo một số người lười biếng và hay can thiệp vào chuyện người khác cũng phải thay đổi cách sống của họ. Những người này ngừng làm việc bởi vì họ nghĩ sự trở lại của Chúa Giê-su sắp xảy ra. Có lẽ số con dân Chúa tin tưởng như vậy càng ngày càng đông.

DÀN BÀI SÁCH 1 TÊ-SA-LÔ-NI-CA

Thư đầu tiên Phao-lô gửi cho người Tê-sa-lô-ni-ca có thể được chia ra làm bốn phần chính. Dưới đây là những phân đoạn này kèm theo các câu chú thích và chủ đề cho biết ý tưởng chính hay các ý tưởng ở trong mỗi phân đoạn. Những phân đoạn này được in trong các khung màu xám. Dưới mỗi đầu đề của phân đoạn, các tiểu đoạn trong các phân đoạn được liệt kê với chủ đề của mỗi tiểu đoạn.

1:1 Lời chào thăm mở đầu: Phao-lô gửi lời chào thăm đến hội thánh tại thành phố Tê-sa-lô-ni-ca.

1:2-3:13 Cảm tưởng của Phao-lô về các tín hữu ở Tê-sa-lô-ni-ca, sự đáp ứng của họ đối với Phúc Âm và sự cảm tạ của Phao-lô về họ.

- 1:2-10 Phao-lô cảm ơn Đức Chúa Trời về cách người Tê-sa-lô-ni-ca chấp nhận Phúc Âm và tiếp tục theo Chúa.
- 2:1-12 Phao-lô bênh vực chính ông và các bạn đồng hành để chống lại sự tố cáo họ đã làm bậy trong khi ở tại Tê-sa-lô-ni-ca.
- 2:13-16 Một lần nữa Phao-lô cảm ơn Đức Chúa Trời về cách người Tê-sa-lô-ni-ca chấp nhận Phúc Âm.
- 2:17-3:5 Phao-lô giải thích rằng ông rất muốn tới thăm các con dân Chúa ở tại Tê-sa-lô-ni-ca một lần nữa, nhưng ông đã bị ngăn trở như thế nào, và tại sao ông sai Ti-mô-thê đi thay ông.
- 3:6-13 Ti-mô-thê trở lại với báo cáo làm cho Phao-lô vui mừng, được khuyến khích và làm ông càng muốn đi thăm lại Tê-sa-lô-ni-ca hơn nữa.

Phân Đoạn 4:1-5:22 Phao-lô ban những lời chỉ dẫn và cổ võ về cách sống thế nào cho đẹp lòng Đức Chúa Trời, kèm với sự dạy dỗ về sự trở lại của Chúa Giê-su.

- 4:1-12 Phao-lô chỉ dẫn và cổ võ người Tê-sa-lô-ni-ca sống đẹp lòng Đức Chúa Trời và yêu mến lẫn nhau.
- 4:13-5:11 Sự trở lại của Chúa Giê-su.
- 5:12-22 Phao-lô cho thêm lời chỉ dẫn về cách sống đẹp lòng Đức Chúa Trời.

5:23-28 Lời chào thăm kết luận: Phao-lô cầu nguyện chúc phước cho người Tê-sa-lô-ni-ca, xin họ cầu nguyện cho ông và các bạn đồng hành, và gửi lời chào thăm.

Về dàn bài của sách 2 Tê-sa-lô-ni-ca, xin xem trang 92.

TÓM TẮT SÁCH

Sứ đồ Phao-lô nói với các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca ông cảm ơn Đức Chúa Trời vì cách họ đã chấp nhận và tiếp tục theo tin lành của Chúa Cơ Đốc Giê-su. Ông nói rõ là ông và các bạn đồng hành của ông không làm điều gì sai lầm khi ở tại Tê-sa-lô-ni-ca cả. Phao-lô giải thích tại sao ông không thể đến thăm Tê-sa-lô-ni-ca, nhưng lại sai Ti-mô-thê đi thay. Khi Ti-mô-thê trở lại với Phao-lô, tin tức về các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca trong chuyến đi mới nhất này là một khích lệ lớn cho Phao-lô. Tin này làm cho Phao-lô rất muốn đi thăm tín hữu ở Tê-sa-lô-ni-ca một lần nữa. Ông nói cho họ biết cách sống một đời sống đẹp lòng Đức Chúa Trời và sẵn sàng cho Chúa Giê-su trở lại thế gian.

LỜI GIẢI NGHĨA SÁCH 1 TÊ-SA-LÔ-NI-CA

PHÂN ĐOẠN 1:1 Lời chào thăm mở đầu: Phao-lô gửi lời chào thăm đến hội thánh tại thành phố Tê-sa-lô-ni-ca.

1:1a

Phao-lô, Sin-vanh và Ti-mô-thê: Giống như Phao-lô, Sin-vanh có hai tên là Sin-vanh và Si-la. Sin-vanh có lẽ là cách viết theo tiếng La-tinh của tên Si-la trong tiếng Hy-ba-lai (Do Thái). Trong lời chào thăm của 1 và 2 Tê-sa-lô-ni-ca và 1 Phê-rơ người viết dùng cách viết theo tiếng La-tinh là Sin-vanh. Lu-ca dùng tên Si-la trong sách Công-vụ có lẽ đây là tên được gọi thông thường. Điều quan trọng trong khi dịch là phải nói rõ ràng tên Sin-vanh và Si-la chỉ cùng một nhân vật. Một số người phiên dịch giải quyết nan đề này bằng cách chỉ dùng tên Si-la và dùng lời chú thích ở cuối trang viết tên theo hình thức Sin-vanh. Có thể dùng một cách khác đó là viết tên Sin-vanh như trong bài và dùng lời chú thích ở cuối trang giải thích ông cũng là Si-la trong sách Công-vụ.

Sin-vanh và Ti-mô-thê ở với Phao-lô tại Tê-sa-lô-ni-ca. Phao-lô đang viết thư, nhưng hai người này cũng gửi lời chào thăm người Tê-sa-lô-ni-ca. Bởi vì trong phần mở đầu của thư không dùng động từ chào thăm, có thể trong ngôn ngữ của bạn phải dùng lời chào thăm như viết trong Phần Kinh Thánh Căn Dịch (PKTCD), để nghe có vẻ tự nhiên hơn.

1:1b

hội thánh Tê-sa-lô-ni-ca: Trong Tân Ước (TƯ) *hội thánh* được hiểu là không phải là ngôi nhà thờ nhưng mà là một nhóm người sống ở trong cùng một địa bàn và cùng họp lại để thờ phượng Đức Chúa Trời và Chúa Cơ Đốc Giê-su. Phao-lô đang viết thư cho những người ở trong thành phố gọi là Tê-sa-lô-ni-ca.

1:1c

ở trong Đức Chúa Trời, là Cha và ở trong Chúa Giê-su Cơ Đốc:

ở trong: Cụm từ *ở trong* là những từ khó dịch cách thích hợp và tự nhiên nhất ở những chỗ chỉ liên hệ đến một người, ý nghĩa của nó thay đổi tùy theo văn mạch. Ở đây chúng có nghĩa là “những người thuộc về Đức Chúa Trời” hay “những người cùng nhóm lại để thờ phượng Đức Chúa Trời.” BDY dịch từ này là “của”: “Hội thánh của Thượng Đế.”

là Cha: Trong một số ngôn ngữ từ *cha* phải có một người sở hữu, và không thể đứng một mình. Trong PKTCD luôn luôn dùng chữ *của chúng ta* khi nói đến *cha* và *Chúa*.

Đức Chúa: Là phiên dịch của từ Hy-lạp *kurios* có nghĩa là “chủ,” “chúa thầy” hay “người lãnh đạo.” Nó là tước vị để chỉ sự tôn trọng. Tuy nhiên, trong một số ngôn ngữ từ “chủ” không có nghĩa tốt. Từ Hy-lạp *kurios* gần như luôn luôn dùng để chỉ Đức Giê-su Cơ Đốc trong TƯ, dẫu đôi khi nó được dùng để chỉ Đức Chúa Trời. Trong PKTCD dùng thành ngữ “Chúa Cơ Đốc Giê-su của chúng ta” và bạn nên dịch “chúa” bằng từ thích hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Trong một số ngôn ngữ người ta không thể dùng từ “chúa” hay “chủ” một mình, như trong tiếng Việt Nam, vì vậy phải dùng từ *đức* đứng trước như trong tên “Đức Chúa Trời” hay “Đức Giê-su.” Trong các ngôn ngữ khác họ phải nói “chúa của chúng ta” hay “chủ của chúng ta.” Vậy tốt hơn nên dịch “cha” là “cha của chúng ta,” hay dùng cùng một cách như vậy.

Đức Giê-su Cơ Đốc: Trong thư này, giống như hầu hết các thư tín trong TƯ, *Cơ Đốc* đã trở thành một tên riêng chỉ nối liền với Giê-su. Từ Hy-lạp là *christos*, có nghĩa

là “Đáng được xúc dầu của Đức Chúa Trời.” Vậy bạn nên phiên dịch theo ý nghĩa hay phiên âm từng từ một giống như là *Giê-su Cơ Đốc* trong thư này. Hãy xem phần 9 trong phần Hướng Dẫn Sử dụng Bộ Sách Giải Nghĩa.

1:1d

Nguyện xin anh chị em được đầy ân sủng và bình an: Đây là lời chào thăm thông thường Phao-lô dùng trong các thư của ông. Phê-rơ cũng đã dùng các lời chào thăm ấy trong các thư của mình. *Ân sủng* hàm ý cả phước hạnh về vật chất lẫn thuộc linh. *Bình*

an hàm ý phúc lợi về phần thể chất, tâm thần và thuộc linh trong mọi hoàn cảnh, ngay cả khi người ở Tê-sa-lô-ni-ca bị những người khác gây rắc rối. Hãy xem lời ghi chú trong 5:23a.¹ Thật ra thành ngữ này là một lời cầu nguyện. Hãy xem các Câu Định Nghĩa (CĐN) trong PKTCD cho 1:1d.

¹Câu KT trích dẫn không có tên sách thường được dùng cho các câu ở trong cùng một sách (trong trường hợp này: 1 Tê-sa-lô-ni-ca). Câu KT trích dẫn trong lời giải nghĩa của 2 Tê-sa-lô-ni-ca không có tên sách thí dụ như: câu 2:13b có nghĩa là 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:13b.

PHÂN ĐOẠN 1:2-3:13 Cảm tưởng của Phao-lô về các tín hữu ở Tê-sa-lô-ni-ca, sự đáp ứng của họ đối với Phúc Âm và sự cảm tạ của Phao-lô về họ.

Chủ đề của các tiểu đoạn trong Phân Đoạn này như sau:

- 1:2-10 Phao-lô cảm ơn Đức Chúa Trời về cách người Tê-sa-lô-ni-ca chấp nhận Phúc Âm và tiếp tục theo Chúa.
- 2:1-12 Phao-lô bênh vực chính ông và các bạn đồng hành để chống lại sự tố cáo họ đã làm bậy trong khi ở tại Tê-sa-lô-ni-ca.
- 2:13-16 Một lần nữa Phao-lô cảm ơn Đức Chúa Trời về cách người Tê-sa-lô-ni-ca chấp nhận Phúc Âm.
- 2:17-3:5 Phao-lô giải thích rằng ông rất muốn tới thăm các con dân Chúa ở tại Tê-sa-lô-ni-ca một lần nữa, nhưng ông đã bị ngăn trở như thế nào, và tại sao ông sai Ti-mô-thê đi thay ông.
- 3:6-13 Ti-mô-thê trở lại với báo cáo làm cho Phao-lô vui mừng, được khuyến khích và làm ông càng muốn đi thăm lại Tê-sa-lô-ni-ca hơn nữa.

TIỂU ĐOẠN 1:2-10 Phao-lô cảm ơn Đức Chúa Trời về cách người Tê-sa-lô-ni-ca chấp nhận Phúc Âm và tiếp tục theo Chúa.

1:2-3 Phao-lô cầu nguyện và cảm ơn Đức Chúa Trời về người Tê-sa-lô-ni-ca.

Khi Phao-lô cầu nguyện, ông cảm ơn Đức Chúa Trời về đức tin, về tình yêu thương của các con dân Chúa đối với những người khác, và hy vọng của họ về Chúa Giê-su sẽ trở lại.

1:2

Chúng tôi hằng cảm tạ Đức Chúa Trời về tất cả anh chị em, thường nhắc đến anh chị em trong khi cầu nguyện:

Chúng tôi: Đây đề cập đến Phao-lô và các bạn đồng hành của ông.

hằng: Mặc dầu cấu trúc văn phạm của tiếng Hy-lạp không rõ, một số nhà giải kinh và bản dịch nói là từ *hằng* đi với *cảm tạ* và *tiếp tục* đi với từ *nhắc đến* trong 1:3a. Chúng ta theo quan niệm này. Phao-lô viết lời tuyên bố tương tự ở trong 2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:3 và Phi-líp 1:3-5. Ông có vẻ muốn nói “bất cứ khi nào chúng tôi cầu nguyện cho anh chị em, chúng tôi cảm ơn Đức Chúa Trời bởi vì chúng tôi nhớ lại anh chị em đang làm điều đẹp lòng Đức Chúa Trời và

PHÂN ĐOẠN 1:1 Lời chào thăm mở đầu: Phao-lô gửi lời chào thăm đến hội thánh tại thành phố Tê-sa-lô-ni-ca.

- 1:1a* *Phao-lô, Sinh-vanh và Ti-mô-thê*
 [Chính tôi] Phao-lô, Sin-vanh và Ti-mô-thê [là người gửi lời chào thăm trong lá thư này đến anh chị em]
 -HAY-
 [Tôi, Phao-lô] cùng với Sin-vanh và Ti-mô-thê [chào thăm anh chị em]
 -HAY-
 [Lá thư này đến từ tay] Phao-lô, Sin-vanh và Ti-mô-thê [cùng chào thăm anh chị em]
- 1:1b* *kính gửi hội thánh Tê-sa-lô-ni-ca*
 [các con dân Chúa] ở tại hội thánh của [thành phố] Tê-sa-lô-ni-ca
 -HAY-
 [là những người ở trong nhóm] con dân Chúa nhóm họp với nhau tại [thành phố] Tê-sa-lô-ni-ca
- 1:1c* *ở trong Đức Chúa Trời, là Cha và ở trong Chúa Giê-su Cơ Đốc.*
 là những người thuộc về Đức Chúa Trời, Cha [của chúng ta] và Chúa Giê-su Cơ Đốc [của chúng ta].
 -HAY-
 để thờ phượng Đức Chúa Trời Cha [của chúng ta] và Chúa Giê-su Cơ Đốc [của chúng ta].
- 1:1d* *Nguyện xin anh chị em được đầy ân sủng và bình an.*
 [Chúng tôi cầu xin rằng] Đức Chúa Trời [sẽ] ban phước và khiến anh chị em có sự bình an trong lòng.
 -HAY-
 [Chúng tôi cầu xin rằng] Đức Chúa Trời [sẽ] tử tế với anh chị em và cho anh chị em được thoải lòng.

PHÂN ĐOẠN 1:2-3:13 Cảm tưởng của Phao-lô về các tín hữu ở Tê-sa-lô-ni-ca, sự đáp ứng của họ đối với Phúc Âm và sự cảm tạ của Phao-lô về họ.

TIỂU ĐOẠN 1:2-10 Phao-lô cảm ơn Đức Chúa Trời về cách người Tê-sa-lô-ni-ca chấp nhận Phúc Âm và tiếp tục theo Chúa.

- 1:2* *Chúng tôi hằng cảm tạ Đức Chúa Trời về tất cả anh chị em, thường nhắc đến anh chị em trong khi cầu nguyện.*
 Khi chúng tôi cầu nguyện cho anh chị em, chúng tôi luôn luôn cảm ơn Đức Chúa Trời về anh chị em.

bởi vì chúng tôi biết rằng Đức Chúa Trời đã chọn anh chị em làm dân sự của Ngài.”

nhắc đến: Không phải Phao-lô hay Đức Chúa Trời đã quên họ, nhưng sự cốt yếu của việc cầu nguyện là chúng ta nhắc Đức

Chúa Trời, Đấng không bao giờ quên, nhớ đến các lời hứa cho dân của Ngài và đến tên các con dân Ngài để Chúa sẽ giúp đỡ họ.

1:3a

Trước mặt Đức Chúa Trời, Cha chúng ta, chúng tôi nhớ: Đây là một thành ngữ diễn tả lời cầu nguyện như một người đi đến một chỗ giống như đến “trước mặt” vua để yêu cầu một điều gì. Nên dịch một cách cẩn thận để độc giả không nghĩ rằng Phao-lô nói đến một chỗ riêng biệt hay một địa điểm nào.

1:3b-d

đến công việc anh chị em làm do đức tin, lao khổ anh chị em chịu vì tình thương và lòng kiên trì của anh chị em nhờ hy vọng nơi Đức Giê-su Cơ Đốc, Chúa chúng ta: Các từ *do* trong “làm do,” *vì* trong “chịu vì” và *nhờ* trong “nhờ hy vọng” ở BDM được dịch từ cùng một từ Hy-lạp có nghĩa là “của.” Trong tiếng Việt chúng ta có thể hiểu là “bởi.” Câu này có nghĩa là “việc làm bởi đức tin, sự lao khổ bởi tình thương, chịu đựng bởi hy vọng.”

1:3b

công việc anh chị em làm do đức tin: Tin tưởng Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su Cơ Đốc mà không làm gì hết chứng tỏ đó không phải là sự tin tưởng thật. (Hãy so sánh với Gia-cơ 2:14.) Họ làm việc thiện bởi vì đức tin của họ nơi Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su Cơ Đốc.

1:3c

lao khổ anh chị em chịu vì tình thương: Đa số các học giả nghĩ câu này có nghĩa như vậy, bởi vì họ yêu mến các tín hữu khác, họ làm việc khó nhọc để giúp đỡ những tín hữu này. Khi dịch câu này bạn nên chỉ rõ rằng ai là người yêu và ai là người được yêu:

Tình yêu thương của anh chị em đối với Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su Cơ Đốc khiến anh chị em làm việc khó nhọc.

- HAY -

Bởi vì anh chị em yêu thương các tín hữu nên anh chị em làm việc khó nhọc để giúp đỡ họ.

1:3d

lòng kiên trì của anh chị em nhờ hy vọng nơi Đức Giê-su Cơ Đốc, Chúa chúng ta:

hy vọng: Từ này, theo nghĩa trong KT, có nghĩa là “chắc chắn là một việc gì đó sẽ xảy ra,” và tương tự như “một niềm tin mạnh mẽ rằng một việc gì đó sẽ xảy ra.” Họ hy vọng cái gì? Tức là điều họ tin chắc sẽ xảy ra là gì? Đó là Chúa Giê-su sẽ trở lại, khiến người chết sống lại, và đem các con dân Chúa lên thiên đàng với Ngài (1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18). Có hai cách để dịch từ *hy vọng* ở đây:

- (1) Bởi vì họ tin tưởng mạnh mẽ, họ trở nên vững vàng, không giao động và kiên nhẫn. Để thống nhất với 1:3b và 1:3c, câu này nên dịch là “sự kiên anh chị em chắc chắn rằng Chúa Giê-su Cơ-Đốc sẽ trở lại khiến cho anh chị em đứng vững.” Các câu 1:6, 2:14, 3:4 và 3:8 chỗ Phao-lô nói với sự bằng lòng của ông về cách họ đứng vững trong khi bị bắt bớ đã hỗ trợ cho cách diễn dịch này.
- (2) Cách diễn dịch là “sự bền-đỡ về sự trông-cậy của anh em trong Đức Chúa Jê-sus-Christ” (BDC) ít được chấp nhận hơn, bởi vì nó mất đi sự nối liền với “hy vọng” khiến họ “kiên trì.”

Cách diễn dịch đầu tiên được ưa thích hơn. Trong tất cả những lời giải nghĩa sau đây về sách 1 và 2 Tê-sa-lô-ni-ca, khi có nhiều cách để dịch (theo ý nghĩa), cách dịch được đánh số (1) luôn luôn là cách dịch được ưa chuộng hơn.

1:4-10 Đức tin của người Tê-sa-lô-ni-ca là sự làm chứng tốt.

Phao-lô biết Đức Chúa Trời đã chọn họ cho chính Chúa bởi vì ông đã thấy họ đáp ứng như thế nào khi ông và các bạn đồng hành của ông giảng cho họ. Các người Tê-sa-lô-ni-ca thấy sự giảng dạy của Phao-lô và các bạn đồng hành của ông có quyền năng của Đức Thánh Linh và họ tin tưởng mạnh mẽ vào điều họ giảng. Kết quả là, một số người Tê-sa-lô-ni-ca trở nên các môn đệ vui vẻ của Chúa Giê-su, của Phao-lô và các bạn đồng hành của ông, mặc dầu bị đồng bào của họ bắt bớ. Họ lại còn trở nên gương mẫu cho các con dân Chúa trong xứ Ma-xê-đoan

1:3a	<p><i>Trước mặt Đức Chúa Trời, Cha chúng ta,</i> Bởi vì khi chúng tôi cầu nguyện với Đức Chúa Trời, Cha chúng ta, chúng tôi luôn luôn nhớ đến và cảm ơn Chúa [về ba điều sau:]</p>
1:3b	<p><i>chúng tôi nhớ đến công việc anh chị em làm do đức tin,</i> đức tin của anh chị em [trong Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su Cơ Đốc của chúng ta] khiến anh chị em làm các việc lành như thế nào, -HAY- bởi vì anh chị em [tin nơi Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su Cơ Đốc của chúng ta] nên anh chị em làm việc lành,</p>
1:3c	<p><i>lao khổ anh chị em chịu vì tình thương</i> tình yêu thương của anh chị em [đối với Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su Cơ Đốc của chúng ta] khiến anh em lao khổ như thế nào, -HAY- bởi vì anh chị em yêu mến Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su Cơ Đốc của chúng ta nên anh chị em lao khổ,</p>
1:3d	<p><i>và lòng kiên trì của anh chị em nhờ hy vọng nơi Đức Giê-su Cơ Đốc, Chúa chúng ta.</i> và sự kiên nhẫn của anh chị em tin chắc rằng Chúa Giê-su Cơ Đốc [sẽ trở lại] khiến cho anh chị em đứng vững như thế nào. -HAY- và bởi vì anh chị em chắc chắn rằng Chúa Giê-su Cơ Đốc của chúng ta [sẽ trở lại] nên anh chị em tiếp tục tin Chúa mạnh mẽ.</p>
1:4	<p><i>Thưa anh chị em, là những người được Đức Chúa Trời yêu quý, chúng tôi biết rằng Đức Chúa Trời đã chọn anh chị em.</i> [Và chúng tôi cũng cảm tạ Đức Chúa Trời] bởi vì chúng tôi biết rằng Đức Chúa Trời yêu mến anh chị em và đã chọn anh chị em [làm dân sự của Ngài].</p>

và A-chai, khi tin tức về đức tin của họ lan ra

khắp nơi. Cho nên bất cứ chỗ nào Phao-lô và các bạn đồng hành của ông đến giảng, người ta đều đã biết người ở Tê-sa-lô-ni-ca đã trở lại tin Đức Giê-su như thế nào.

1:4

Thưa anh chị em, là những người được Đức Chúa Trời yêu quý, chúng tôi biết rằng Đức Chúa Trời đã chọn anh chị em:

anh chị em: Đây là một từ cho thấy họ là người trong gia đình của Đức Chúa Trời. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có một từ tổng quát dùng để chỉ người già cũng như trẻ, phái nam cũng như phái nữ thì nên dùng từ này hơn là một từ chuyên biệt.

chúng tôi biết rằng: Đây muốn đề cập lại như trong 1:2. Vậy sự liên hệ giữa 1:2 và 1:4 là: *chúng tôi cảm ơn Đức Chúa Trời...bởi vì chúng tôi biết...* Hãy xem PKTCD của 1:4. Việc Đức Chúa Trời lựa chọn người Tê-sa-lô-ni-ca trở nên môn đệ của Đức Giê-su là một lý do khác nữa làm ông cảm ơn Đức Chúa Trời vì họ là dân của Ngài.

Đức Chúa Trời đã chọn anh chị em:

Chúa đã chọn họ để làm gì? Để làm dân của Ngài, để được cứu rỗi, để nhận sự sống vĩnh cửu, để trở nên tín hữu, để phục vụ Chúa, để trở nên giống như Chúa Giê-su và mọi thứ khác nữa. Các nhà giải kinh ủng hộ tất cả mọi điều trên. “Làm dân của Ngài (CĐN)” có vẻ bao gồm tất cả mọi sự còn lại, và hợp với ý tưởng Đức Chúa Trời chọn dân Y-sơ-ra-ên để làm tuyển dân của Ngài trong CƯ.

1:5a

Vì Phúc Âm chúng tôi đã truyền cho anh chị em:

vì: Trong 1:5-9 Phao-lô đưa bằng chứng cho lời tuyên bố của ông trong 1:4 cho thấy Đức Chúa Trời đã chọn họ.

Phúc Âm chúng tôi đã truyền cho anh chị em: Phúc Âm thường có nghĩa là “tin tức tốt về Chúa Cơ Đốc Giê-su” hay “tin tức tốt lành đến từ Đức Chúa Trời.” Rõ ràng Phao-lô muốn nói ông và các bạn đồng hành của ông đến Tê-sa-lô-ni-ca để giảng cho những người ở đó. Những người ông đang viết thư cho đã nghe và chấp nhận điều ông giảng. BDY dùng nghĩa đen “vì chúng tôi công bố Phúc Âm cho anh em” thay vì dùng thành ngữ *truyền cho*.

1:5b-c

không phải chỉ bằng lời nói nhưng bằng quyền năng, nhờ Đức Thánh Linh: Lời nói không sẽ không đủ để thuyết phục người Tê-sa-lô-ni-ca tin tưởng nơi Đức Chúa Trời và Chúa Cơ Đốc Giê-su. Họ đã thấy các phép lạ xảy ra khi Phao-lô và các bạn đồng hành của ông giảng. Chính Đức Thánh Linh khiến cho những điều này xảy ra. Tuy nhiên, dù Đức Thánh Linh thật làm cho tâm trí họ tin quyết, trong câu *đầy lòng tin quyết* này đề cập đến Phao-lô và các bạn đồng hành của ông. Hãy xem Lời Giải Nghĩa kế tiếp. So sánh đời sống của Phao-lô ở tại Cô-rinh-tô được chép trong 2 Cô-rinh-tô 6:6-7 thấy giống như đời sống của ông tại Tê-sa-lô-ni-ca được mô tả cách chi tiết ở trong 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:1-12.

1:5d

đầy lòng tin quyết: Câu hỏi ở đây là ai là người đầy lòng tin quyết? Người Tê-sa-lô-ni-ca hay Phao-lô và các bạn đồng hành? Các nhà giải kinh chia phe giữa hai quan niệm sau:

- (1) Phao-lô và các bạn đồng hành của ông đầy lòng tin quyết vào chân lý trong sứ điệp của họ. Quan niệm này được nhiều người ưa thích bởi vì các từ Hy-lạp tập trung về phong cách Phúc Âm được mang đến cho người Tê-sa-lô-ni-ca. Túc

là Phúc Âm được giảng với quyền năng của Đức Thánh Linh, và những người giảng đầy lòng tin quyết vào điều họ nói.

- (2) Người Tê-sa-lô-ni-ca đầy lòng tin quyết rằng sứ điệp là xác thật.

1:5e

Anh chị em biết rõ, khi ở giữa anh chị em, chúng tôi đã sống như thế nào để lợi ích cho anh chị em: Trong nguyên bản Hy-lạp các câu 1:2-5 là một câu dài. Nhóm từ này (1:5e) trong nguyên bản Hy-lạp bắt đầu bằng “giống như,” điều này cho thấy Phao-lô đang cho họ biết thêm chi tiết về lý do Phao-lô và các bạn đồng hành của ông có quyền năng của Đức Thánh Linh và tin tưởng mạnh mẽ vào điều họ giảng dạy. Vì lý do đó người Tê-sa-lô-ni-ca đã thấy Phao-lô và các bạn đồng hành của ông sống một đời sống đạo đức khi họ ở tại Tê-sa-lô-ni-ca. Hãy xem 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:1-12 để biết thêm chi tiết về cách Phao-lô và các bạn đồng hành của ông sống tại Tê-sa-lô-ni-ca.

để lợi ích cho anh chị em: Hàm ý ở đây là Phao-lô và các bạn đồng hành của ông sống một đời sống tốt tại Tê-sa-lô-ni-ca không phải để làm vinh hiển cho chính người Tê-sa-lô-ni-ca, nhưng để cho họ thấy con dân Chúa phải sống như thế nào.

1:6a

Anh chị em cũng đã bắt chước chúng tôi và theo gương Chúa: Câu này vẫn còn tiếp nối với 1:4 *chúng tôi biết rằng Đức Chúa Trời đã chọn anh chị em*. Tất cả những điều mà các con dân Chúa tại Tê-sa-lô-ni-ca đã làm chứng tỏ rằng Đức Chúa Trời đã kêu gọi họ để trở thành dân của Ngài. Người Tê-sa-lô-ni-ca đã bắt chước cách sống của Phao-lô và các bạn đồng hành của ông. Bởi vì Phao-lô nói về cách Chúa Cơ Đốc Giê-su sống, họ cũng bắt chước cách sống của Chúa Giê-su nữa. Hay nói một cách khác Phao-lô sống giống như Chúa Giê-su đã sống.

1:6b

dù gặp nhiều hoạn nạn: Một số người khác khiến cho họ phải chịu đau khổ. Các con

1:5a	<i>Vì Phúc Âm chúng tôi đã truyền cho anh chị em.</i> [Chúng tôi biết Đức Chúa Trời đã chọn anh chị em] bởi vì khi chúng tôi đến và nói cho anh chị em biết những tin lành [liên quan đến Đức Giê-su Cơ Đốc],
1:5b	<i>không phải chỉ bằng lời nói</i> không phải chỉ bằng lời chúng tôi nói với anh chị em [khiến anh chị em tin],
1:5c	<i>nhưng bằng quyền năng, nhờ Đức Thánh Linh</i> nhưng cũng bởi các [phép lạ đầy quyền năng] mà Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời [giúp cho chúng tôi làm được]
1:5d	<i>và đầy lòng tin quyết.</i> và [anh chị em đã thấy] chúng tôi tin tưởng mạnh mẽ vào những lời chúng tôi nói.
1:5e	<i>Anh chị em biết rõ, khi ở giữa anh chị em, chúng tôi đã sống như thế nào để lợi ích cho anh chị em.</i> Cùng một cách ấy, anh chị em biết [rõ] chúng tôi đã sống ở giữa anh chị em như thế nào [để chỉ cho anh chị em biết cách sống một đời sống tốt đẹp]
1:6a	<i>Anh chị em cũng đã bắt chước chúng tôi và theo gương Chúa.</i> Anh chị em đã bắt chước cách chúng tôi đã sống và anh chị em đã bắt chước Chúa [Giê-su Cơ Đốc].
1:6b	<i>Dù gặp nhiều hoạn nạn,</i> Bất kể đến sự kiện một số người khiến anh chị em chịu nhiều khổ sở [khi anh chị em tin vào các lời chúng tôi giảng],
1:6c	<i>anh chị em đã đón tiếp Lời Chúa với niềm vui của Đức Thánh Linh.</i> anh chị em đã tiếp nhận lời của Đức Chúa Trời [mà chúng tôi rao giảng] với niềm vui mà Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời đã ban cho anh chị em. -HAY- anh chị em đã tiếp nhận lời của Đức Chúa Trời [mà chúng tôi giảng cho anh chị em] với niềm vui mà Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời đã đặt trong lòng của anh chị em.

dân Chúa bị người ta bắt bớ vì họ theo Chúa Giê-su và sự dạy dỗ của Ngài.

1:6c

anh chị em đã đón tiếp Lời Chúa với niềm vui của Đức Thánh Linh: Thông thường đau khổ sanh ra sự buồn rầu. Chỉ có Đức Thánh Linh mới có thể đổi sự đau khổ ra sự vui mừng. Vui mừng là một trái (kết quả) của Đức Thánh Linh (Hãy xem Ga-la-ti 5:22, La Mã 5:3, 5). Họ vui mừng vì điều gì? Ở đây không nói rõ ràng, nhưng có thể vì họ biết bây giờ họ đã ở trong gia đình của

Đức Cơ Đốc, biết họ sẽ được sống lại từ kẻ chết và được lên thiên đàng.

Các nhà giải kinh có ý kiến khác nhau về câu *đón tiếp Lời Chúa* liên hệ với câu “anh chị em cũng đã bắt chước chúng tôi” như thế nào. Nó muốn nói đến:

- (1) Sự kiện người Tê-sa-lô-ni-ca bắt chước Phao-lô trong sự chịu đau khổ của ông (một thiếu số các nhà giải kinh theo quan niệm này). Tức là, họ bắt chước theo gương của ông.
- (2) Cách họ trở nên người bắt chước (đá sô các nhà giải kinh theo quan niệm này),

đó là, “anh chị em bắt chước chúng tôi trong cách anh chị em vui mừng chịu đau khổ.”

Quan niệm (1) là cách dịch tự nhiên hơn của nguyên bản Hy-lạp, mặc dù đa số các nhà giải kinh thích quan niệm (2). Tuy nhiên, không nên chú ý đến thời gian ở đây, bởi vì thật ra chỉ sau khi họ hoan nghênh Phúc Âm họ mới bắt đầu chịu khổ vì bị bắt bớ. Họ hoan nghênh Phúc Âm với sự vui mừng, và ngay cả khi chịu khổ họ vẫn tiếp tục vui mừng. Trong mọi sự này họ trở nên giống như Phao-lô, các bạn đồng hành của ông và Chúa Cơ Đốc Giê-su.

Lời Chúa: Từ Hy-lạp Phao-lô dùng ở đây là *logos* có nghĩa là “lời giảng” hay “lời.” Ông đang đề cập đến Phúc Âm trong 1:5. BDM dùng từ “lời Chúa,” nhưng Phao-lô đang chú trọng đặc biệt đến lời giảng dạy về Chúa Giê-su mà ông đã giảng cho họ. Từ này có thể dịch là *Phúc Âm* hay *lời giảng (sứ điệp)* về Chúa Giê-su.

1:7

Vì vậy anh chị em trở thành gương tốt cho tất cả tín hữu ở miền Ma-xê-đoan và A-chai :

Vì vậy anh chị em trở thành gương tốt: Cách người Tê-sa-lô-ni-ca, như là một hội thánh, đã bắt chước cách của Chúa Giê-su (các câu 1:5, 6) đem đến kết quả là họ trở nên gương mẫu cho các con dân Chúa khác bắt chước.

cho tất cả các tín hữu ở miền Ma-xê-đoan và A-chai: Tê-sa-lô-ni-ca ở trong xứ Ma-xê-đoan, nên cần phải nói “cho tất cả các người tiếp nhận Chúa Cơ Đốc Giê-su trong các vùng khác của xứ Ma-xê-đoan và xứ A-chai.” Hãy xem phần giới thiệu để biết thêm chi tiết về hoàn cảnh địa lý và chính trị của xứ này.

1:8

Trong câu này Phao-lô cho biết lý do ông tuyên bố rằng người Tê-sa-lô-ni-ca đã trở nên gương mẫu cho những người khác.

1:8a

Lời Chúa đã vang ra: Phao-lô dùng ẩn dụ về tiếng kèn trôm-pét hay còi để giải thích Phúc Âm đã lan ra các tỉnh khác như thế nào. Mặc dù Phao-lô và các bạn đồng hành của ông bắt đầu giảng tại xứ Ma-xê-đoan ở thành phố Phi-líp, nhưng sự giảng dạy tại Tê-sa-lô-ni-ca có kết quả lớn cho phần còn lại của nước Hy-lạp (trước kia là xứ Ma-xê-đoan và xứ A-chai). Không thấy nói rõ là chính người Tê-sa-lô-ni-ca gửi giáo sĩ đi tới các tỉnh khác, hay là tin tức về đức tin và đời sống của họ được các khách du lịch và người buôn bán loan truyền ra.

1:8b-c

không những ở miền Ma-xê-đoan và A-chai mà thôi nhưng niềm tin anh chị em đặt nơi Đức Chúa Trời cũng được lan truyền khắp mọi nơi: Câu này có vẻ như là hình thức cô đọng của hai câu tuyên bố riêng biệt: “Sứ điệp liên quan đến Đức Cơ Đốc được loan truyền khắp nơi” và “Tin tức về anh chị em tin cậy Đức Chúa Trời như thế nào đã được loan truyền ra khắp mọi nơi.”

khắp mọi nơi: Nhóm từ này có một trong những nghĩa sau đây:

- (1) “Khắp mọi nơi mà Phao-lô viếng thăm.” Có vẻ như trong 1:9 Phao-lô lập tức đề cập đến những gì đã xảy ra tại Tê-sa-lô-ni-ca khi ông ở đó do một số người đặc biệt mà ông đã gặp kể lại cho ông nghe.
- (2) Tất cả mọi nơi đều biết câu chuyện về đức tin của anh chị em trong Đức Chúa Trời.
- (3) Đây là cách nói phóng đại có nghĩa là: “rất nhiều chỗ.”

1:8d

cho nên chúng tôi không cần phải nói thêm gì nữa. Điều này không có nghĩa là không cần giảng Phúc Âm nữa. Nhưng có nghĩa là Phao-lô không cần phải nói về những điều đã xảy ra tại Tê-sa-lô-ni-ca bởi vì nơi nào ông tới, người ta cũng đã biết hết rồi.

1:7	<i>Vì vậy anh chị em trở thành gương tốt cho tất cả tín hữu ở miền Ma-xê-đoan và A-chai.</i> Bởi vậy nên tất cả những người từ các nơi khác trong xứ Ma-xê-đoan và A-chai đến để tin nhận [Chúa Giê-su của chúng ta] đã bắt chước anh chị em để [bước đi theo đường lối của Chúa Giê-su của chúng ta].
1:8a	<i>Thật vậy, từ nơi anh chị em Lời Chúa đã vang ra</i> Anh chị em khiến cho mọi người ở các miền xung quanh nghe lời giảng về Chúa [Giê-su Cơ Đốc của chúng ta]
1:8b	<i>không những ở miền Ma-xê-đoan và A-chai mà thôi</i> và anh chị em khiến cho mọi người trong khắp xứ Ma-xê-đoan và A-chai đều được nghe
1:8c	<i>nhưng niềm tin anh chị em đặt nơi Đức Chúa Trời cũng được lan truyền khắp mọi nơi,</i> và không phải chỉ như vậy, nhưng tin tức về cách anh chị em tin cậy nơi Đức Chúa Trời cũng đã lan truyền ra khắp mọi nơi [mà chúng tôi đi đến].
1:8d	<i>cho nên chúng tôi không cần phải nói thêm gì nữa.</i> Kết quả của tin tức [về sự tin cậy nơi Đức Chúa Trời của anh chị em] là chúng tôi không cần phải nói với ai về anh chị em nữa.
1:9a	<i>Vì chính họ thuật lại thế nào anh chị em đã tiếp đón chúng tôi,</i> [Họ đã biết rồi],bởi vì những người [mà chúng tôi gặp] đang nói cho [chúng tôi và những người khác biết] khi chúng tôi đến và bắt đầu giảng lời Đức Chúa Trời cho anh chị em thì [anh chị em đã tin tưởng] như thế nào.

1:9a

Vì chính họ thuật lại thế nào anh chị em đã tiếp đón chúng tôi:

Vì chính họ thuật lại: Các từ *thuật lại* có nghĩa “nói lại.” Những người này nói với ai?

- (1) “Phao-lô và các bạn đồng hành” (BDC).
- (2) Các người khác.

thế nào anh chị em đã tiếp đón chúng tôi: Họ nói gì? Nguyên bản Hy-lạp nói “chính họ thuật lại với chúng tôi lối đón tiếp của anh chị em dành cho chúng tôi.” Các nhà giải kinh có ý kiến khác nhau về đối tượng của sự chú ý ở đây:

- (1) Đối tượng được chú ý ở đây là Phao-lô và các bạn đồng hành của ông và điều họ làm tại Tê-sa-lô-ni-ca: “chuyến đi của chúng tôi để thăm viếng anh chị em và các ảnh hưởng của nó.”
- (2) Đối tượng của sự chú ý là sự hoan nghênh của người Tê-sa-lô-ni-ca đối với sự giảng dạy của Phao-lô và các bạn đồng hành của ông.

Thật khó để quyết định giữa hai quan niệm này, bởi vì cả hai đều có thể đúng hết. Tuy của Phao-lô, có thể nói là họ đã quay khỏi sự thờ lạy hình tượng để qua thờ phượng Đức Chúa Trời. Có lẽ Phao-lô đang chú ý đến người nào và điều gì khiến họ trở lại với Đức Chúa Trời.

1:9b

thể nào anh chị em đã quay về với Đức Chúa Trời mà từ bỏ thần tượng để phục vụ Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật:

thể nào anh chị em đã quay về với Đức Chúa Trời mà từ bỏ thần tượng: Câu này đề cập đến sự cải đạo của họ từ thờ lạy các thần theo như truyền thống đến chỗ chỉ thờ phượng Đức Chúa Trời mà thôi. Câu “thể nào anh chị em đã quay về với Đức Chúa Trời mà từ bỏ thần tượng” là thành ngữ thông thường chỉ người thờ lạy hình tượng trở nên người Do Thái. Nhưng ở đây rõ ràng trong những lời chép ở 1:10 ông đề cập đến việc họ trở nên con dân Chúa. Vì vậy có vẻ như Phao-lô đang nói là đa số những người Tê-sa-lô-ni-ca trở lại tin Chúa họ đã cải đạo trực tiếp từ tôn giáo truyền thống của họ trở nên con dân Chúa, chứ không phải họ để cải đạo theo tôn giáo của người Do Thái trước đây, giống như một số người đã làm ở trong Công-vụ 17:4.

thần tượng: Các từ *thần tượng* bao gồm cả các thần linh và các đồ vật hay hình ảnh đại diện nó. Vậy nên dịch từ *thần tượng* bằng từ hay câu mà dân tộc của bạn dùng để chỉ thần tượng hay thần linh theo truyền thống là rất đúng.

phục vụ: Từ Hy-lạp *douleō* dùng ở đây có nghĩa là “phục vụ một người chủ.” Tuy nhiên không nên chỉ tập trung vào sự làm việc cho Đức Chúa Trời, nhưng trong việc hết lòng tin nơi Chúa nữa.

Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật: Thành ngữ *hằng sống và chân thật* thường được tìm thấy trong CU, có nghĩa là: “Chỉ có một mình Đức Chúa Trời hiện hữu và vì vậy không được thờ lạy những thần tượng khác.” Những cái mà người ta thờ lạy như là thần tượng hay thần linh thật ra là ma quỷ giả dạng giống như thần tượng hay thần linh (1 Cô-rinh-tô 10:20). Vì vậy tất cả các thần tượng đều là giả tạo. Chúng không hiện hữu. Từ *thật* trong trường hợp này có nghĩa trái ngược lại với “giả tạo” hay “không hiện hữu.”

1:10a-b

và để chờ đợi Con Ngài từ trên trời là Con mà Đức Chúa Trời đã khiến sống lại từ cõi chết, là Đức Giê-su: Hãy xem các lời giải thích rõ hơn trong 1 Tê-sa-lô-ni-ca 3:13, 4:13-18, 5:1-3 và 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:1-12 mà Phao-lô đã dùng để sửa lại một vài sự tin tưởng sai lầm đã xâm nhập vào trong hội thánh ở tại Tê-sa-lô-ni-ca. Từ *chờ đợi* trong văn mạch này hàm ý sự chắc chắn Chúa Giê-su sẽ trở lại. *Trên trời* là chỗ Đức Chúa Trời ở. Trong nhiều ngôn ngữ, cũng giống như tiếng Việt Nam từ dùng chỉ “trời” cũng được dùng cho “thiên đàng.”

1:10c

Đấng giải cứu chúng ta khỏi con thịnh nộ sắp đến:

Đấng giải cứu chúng ta: Trong bản Hy-lạp từ được dịch là *giải cứu* là một hiện tại phân từ và ở trong thì hiện tại lần tương lai. Đức Giê-su đang giải cứu dân sự của Ngài trong hiện tại, và Ngài sẽ giải cứu họ khỏi sự trừng phạt của Đức Chúa Trời trong tương lai khi Ngài đoán xét tất cả mọi người.

khỏi con thịnh nộ sắp đến: Đức Chúa Trời tức giận khi con người phạm tội. Ngài chắc chắn sẽ trừng phạt những người không ăn năn và đặt lòng tin cậy nơi Ngài. Chúa Giê-su sẽ đoán xét thay cho Đức Chúa Trời. Một số người nói Đức Chúa Trời sẽ không giận dữ với người phạm tội, và sẽ không trừng phạt họ. Tuy nhiên nếu đọc KT, bạn sẽ thấy rõ ràng là Đức Chúa Trời giận dữ với tội nhân và sẽ trừng phạt họ, trừ khi họ ăn năn. Ngài không muốn người ta bị trừng phạt, nhưng bởi vì Chúa là thánh khiết, Ngài phải trừng phạt những người làm bậy. Đây là lý do chính Chúa Giê-su phải gánh chịu sự trừng phạt của chúng ta là những người tin nơi Ngài anh chị em biết lối chúng tôi vào với anh chị em, điều đó chẳng phải là vô ích đâu.”

- 1:9b *thế nào anh chị em đã quay về với Đức Chúa Trời và từ bỏ thần tượng để phục vụ Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật.*
và họ nói cho [chúng tôi và những người khác biết] anh chị em đã từ bỏ sự thờ lạy các thần tượng địa phương như thế nào - những thần tượng này không sống thật - và anh chị em đến tin nhận nơi Đấng hiện hữu và Đấng thật đang ở tại đây.
-HAY-
và họ nói cho chúng tôi và những người khác biết anh chị em đã từ bỏ sự thờ lạy các thần tượng địa phương - những thần này không đang sống thật - và anh chị em đến tin cậy nơi Đức Chúa Trời là Đấng hiện hữu và đang thật sự ở tại đây.
- 1:10a *Và để chờ đợi Con Ngài từ trên trời*
Và [họ nói cho chúng tôi và những người khác biết] anh chị em đã chờ đợi Con của Đức Chúa Trời từ thiên đàng đến như thế nào.
- 1:10b *là Con mà Đức Chúa Trời đã khiến sống lại từ cõi chết, là Đức Giê-su,*
[Đây chính là cùng một] Chúa Giê-su mà Đức Chúa Trời đã khiến sống lại từ cõi chết,
- 1:10c *Đấng giải cứu chúng ta khỏi cơn thịnh nộ sắp đến.*
Ngài sẽ giải cứu chúng ta ra khỏi sự trừng phạt mà Đức Chúa Trời đem đến cho những người không tin cậy Ngài.

TIỂU ĐOẠN 2:1-12 Phao-lô bệnh vực chính ông và các bạn đồng hành để chống lại sự tố cáo họ đã làm bậy trong khi ở tại Tê-sa-lô-ni-ca.

- 2:1a *Thưa anh chị em, chính anh em biết rằng*
Chính anh chị em [cũng biết như chúng tôi] và những người khác biết rằng
- 2:1b *việc anh chị em tiếp đón chúng tôi*
khi chúng tôi đã đến và [giảng lời Đức Chúa Trời] cho anh chị em,
- 2:1c *không phải là vô ích.*
những lời chúng tôi nói không phải là không có kết quả giữa vòng anh chị em.
- HAY -
những lời chúng tôi nói có kết quả tốt giữa vòng anh chị em.

TIỂU ĐOẠN 2:1-12 Phao-lô bệnh vực chính ông và các bạn đồng hành để chống lại sự tố cáo họ đã làm bậy trong khi ở tại Tê-sa-lô-ni-ca.

2:1-2 Sự can đảm của Phao-lô và các bạn đồng hành

Phao-lô nhắc nhở các người ở Tê-sa-lô-ni-ca nhớ lại ông và các bạn đồng hành đã đến Tê-sa-lô-ni-ca như thế nào. Không kể đến việc dân chúng ở Phi-líp bắt bớ họ và bắt buộc họ phải rời đó, Đức Chúa Trời khiến ông và các

bạn đồng hành can đảm giảng phúc âm của Đức Chúa Trời cho người ở Tê-sa-lô-ni-ca.

2:1a-c

Thưa anh chị em, chính anh em biết rằng, việc anh chị em tiếp đón chúng tôi không phải là vô ích: Các từ “lời vào với anh chị em” được dịch là “tiếp đón” trong 1:9. Trong bản Hy-lạp, từ được chuyển ngữ là

“chính anh em” được dùng để nhấn mạnh. Đây là vì Phao-lô đã kêu gọi họ như là nhóm người thứ ba đã biết rằng sự đến thăm họ của ông đã đạt được điều ông đã lên kế hoạch. Phao-lô biết sự viếng thăm của ông là một sự thành công (1:2-6). Những người khác ở xứ Ma-xê-đoan biết điều này (1:7-10), và chính người Tê-sa-lô-ni-ca cũng biết điều này nữa (2:1). BDY bỏ từ “chính,” nhưng theo BDC và BDM chúng ta nên để nó vào. Bởi vì ở đây Phao-lô gọi họ như một nhóm người thứ ba biết cuộc viếng thăm của ông là một sự thành công.

việc anh chị em tiếp đón chúng tôi không phải là vô ích: Đây là cách “nói ngược,” đó là cách nói trái nghĩa, nói cách tiêu cực để tạo nên lời tuyên bố có ý trái ngược lại một cách mạnh mẽ. Lời tuyên bố mạnh mẽ ở đây là gì? Có thể có ba cách dịch:

- (1) Đó là lời tuyên bố: “chuyến đi thăm viếng anh chị em của chúng tôi thật là thành công.” Phao-lô lại đề cập đến câu 1:9, nói rằng sự giảng dạy của ông và các bạn đồng hành khiến cho nhiều người bỏ thờ lạy thân tượng để thờ phượng Đức Chúa Trời.
- (2) Đó là lời tuyên bố: “Trong lúc chúng tôi thăm viếng anh chị em Đức Thánh Linh đã khiến cho nhiều phép lạ xảy ra.” Phao-lô đang đề cập đến 1:5.
- (3) Đó là lời tuyên bố: “Khi chúng tôi viếng thăm anh chị em, sự giảng dạy của chúng tôi không phải là vô dụng và giả dối.” Phao-lô muốn đề cập đến điều ông sẽ nói trong các câu 2:3-5, đó là họ dám giảng dạy, lời nói của họ không sai lầm, họ không có động cơ dơ bẩn, họ không lừa gạt, họ không dùng lời nịnh bợ....

Từ Hy-lạp *alla* trong 2:2b cho thấy nhóm từ đi sau từ đó tương phản với nhóm từ đi trước “chuyến viếng thăm của chúng tôi không phải là thất bại.” Ở đây Phao-lô giải thích rõ ràng hơn, nói về lý do cuộc thăm viếng thành công. Hai sự diễn dịch đầu tiên được chấp nhận bởi vì 2:1 có vẻ như tóm tắt cho các câu 2:5-9, là chỗ chú ý đến kết quả của sự giảng dạy của Phao-lô và các bạn đồng hành. Phao-lô hàm ý nếu sự giảng dạy và đời sống của họ không tinh sạch, không

chân thật, và trống rỗng, Đức Chúa Trời đã không cho các dấu hiệu kỳ lạ đi kèm với lời giảng dạy của họ.

2:2a

Nhưng, như anh chị em biết, dù bị đau khổ và sỉ nhục tại Phi-líp: Hãy xem Công-vụ 16:16-40 viết chi tiết về sự Phao-lô chịu đau khổ tại Phi-líp.

Nhưng: *Nhưng* nối liền với lời tuyên bố nào? Chúng ta hiểu nó có nghĩa là Phao-lô nói “cuộc viếng thăm của chúng tôi không phải là một sự thất bại. **Ngược lại** nó là một sự thành công.” Hãy xem lại lời giải nghĩa cho 2:1 ở trên.

2:2b

chúng tôi vẫn nhờ cậy Đức Chúa Trời chúng ta mạnh dạn truyền Phúc Âm của Đức Chúa Trời cho anh chị em giữa nhiều chống đối:

chúng tôi vẫn nhờ cậy Đức Chúa Trời chúng ta mạnh dạn: Trong nguyên bản Hy-lạp nói “chúng ta mạnh dạn trong Đức Chúa Trời của chúng ta.” Chính Đức Chúa Trời cho Phao-lô và các bạn đồng hành của ông can đảm để giảng tại Tê-sa-lô-ni-ca, bất kể đến sự kiện họ phải chịu bắt bớ tại thành phố Phi-líp.

Đức Chúa Trời: Trong nguyên bản Hy-lạp, câu thực sự được dùng là “Đức Chúa Trời của chúng ta.” Điều này ám chỉ là có những thần khác. Có thể trong ngôn ngữ của bạn cũng như tiếng Việt Nam, từ để chỉ Đức Chúa Trời là một danh từ riêng không ai sở hữu được. Ở đây nghĩa căn bản là “Đức Chúa Trời mà chúng ta thờ phượng” hay “Đức Chúa Trời mà chúng ta thuộc về.” Có thể không dùng “của chúng ta” trong lời dịch của bạn thì tốt hơn. Và cũng có thể không dùng nhóm từ “Đức Chúa Trời mà chúng ta thờ phượng” hay “Đức Chúa Trời mà chúng ta thuộc về.” Nếu bạn dùng, bạn có thể làm cho độc giả bối rối hay làm cho họ đi xa khỏi trọng tâm của câu này.

Phúc Âm của Đức Chúa Trời: Bản Hy-lạp nói “phúc âm của Đức Chúa Trời.” Đức Chúa Trời là nguồn gốc của tin tức tốt lành liên quan đến Chúa Cơ Đốc Giê-su.

- 2:2a *Nhưng, như anh chị em biết, dù bị đau khổ và sỉ nhục tại Phi-líp*
Thật ra, như anh chị em đã biết rõ, những người ở thành phố Phi-líp đã bắt bớ chúng tôi và sỉ nhục chúng tôi trước khi [chúng tôi đến Tê-sa-lô-ni-ca với anh chị em],
- 2:2b *chúng tôi vẫn nhờ cậy Đức Chúa Trời chúng ta mạnh dạn truyền Phúc Âm của Đức Chúa Trời cho anh chị em*
nhưng [mặc dầu vậy], Đức Chúa Trời đã ban cho chúng tôi can đảm để đi đến và nói về tin lành cho anh chị em,
- 2:2c *giữa nhiều chống đối.*
ngay cả khi gặp sự chống đối của nhiều người trong thành phố của anh chị em.
- 2:3a *Vì lời kêu gọi của chúng tôi*
[Lý do mà lời chúng tôi có kết quả giữa vòng anh chị em là vì] khi chúng tôi thúc giục người ta [theo Đức Chúa Trời],

2:2c

giữa nhiều chống đối: Trong tiếng Hy-lạp có nghĩa là “trong nhiều tranh chiến.” Điều này có nghĩa gì? Có phải Phao-lô và các bạn đồng hành tranh chiến với đối thủ, hay họ tranh chiến trong sự suy nghĩ về ai là người hay là điều gì chống đối họ? Có thể có hai cách diễn dịch:

- (1) Những người khác chống đối lại sự dạy dỗ của họ. Hãy xem Công-vụ 17:5-10. Đa số các nhà giải kinh coi cụm từ Hy-lạp “trong nhiều tranh chiến” đề cập đến sự chống đối.
- (2) Họ đang bị căng thẳng về tâm thần, có lẽ bởi vì sự bắt bớ họ vừa kinh nghiệm.

2:3-9 Sứ điệp chân thật và yêu thương của các sứ đồ

Sau đó Phao-lô trả lời sự tố cáo ngầm chống lại ông và các bạn đồng hành bằng cách xác định sự giảng dạy của họ là thật và không có sự dơ bẩn và lừa dối. Họ tìm cách làm đẹp lòng Đức Chúa Trời hơn là con người. Sứ điệp của họ không có lời giũa nịnh hay che đậy để thu tiền. Họ không bao giờ tìm kiếm vinh dự cá nhân, mặc dù, là sứ đồ họ có quyền như vậy. Ngược lại, Phao-lô và các bạn đồng hành đối xử với các tín hữu nhẹ nhàng như người mẹ đối với con cái và phát triển tình thân ái mạnh mẽ và không vị kỷ

cho họ. Để làm bằng cớ, Phao-lô nhắc các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca về việc ông và các bạn đồng hành đã làm việc chân tay để kiếm sống và không làm gánh nặng cho họ như thế nào. Ông nhắc các con dân Chúa là ông và các bạn đồng hành đối xử với họ như người cha đối với con cái của mình vậy. Ông thúc giục họ sống đẹp lòng Đức Chúa Trời.

2:3

vì lời kêu gọi của chúng tôi không phải sai lầm, không do động cơ dơ bẩn, không có ý lừa gạt: Trong thế giới của người Hy-lạp có rất nhiều người đi từ chỗ này qua chỗ khác để cố gắng tiếp tục lương gạt những người khác. Những người này thúc giục người ta chấp nhận sự dạy dỗ của họ và sống nhờ vào người cải đạo. Vậy nên, Phao-lô cần phải nhấn mạnh ông và các bạn đồng hành của ông khác với những người này như thế nào. Đây cũng có vẻ là lý do ông phải bênh vực mình trước khi bị người ta vu cáo ở Tê-sa-lô-ni-ca. Chúng ta không biết được có thật có một số người ở Tê-sa-lô-ni-ca bắt đầu tố cáo Phao-lô và các bạn đồng hành là những người lừa gạt hay không. Chắc chắn có một vài người mới cải đạo ở Cô-rinh-tô có nghi ngờ, như chúng ta thấy ở trong 2 Cô-rinh-tô 1:12-13, 5:11-12, 6:3-10, 10:12-17, 11:19 và 12:16.

2:3a**Vì lời kêu gọi của chúng tôi:**

Vì: Từ này nối kết “vô ích” trong 2:1, và “chúng ta mạnh dạn” trong 2:2b với “sai lầm, do động cơ dơ bẩn” và tiếp theo trong 2:3. Ông nói “Sự giảng dạy của chúng tôi không phải là không có kết quả tốt. Đức Chúa Trời khiến cho chúng tôi giảng cách mạnh dạn và can đảm, bởi vì sự dạy dỗ của chúng tôi là chân thật và động lực của chúng tôi trong sạch. Nếu sự dạy dỗ của chúng tôi không đến từ Đức Chúa Trời, thì sẽ không chân thật, và nếu chúng tôi có động lực không trong sạch, chúng tôi sẽ không có thể nói cách mạnh dạn.”

lời kêu gọi của chúng tôi: Câu này đề nghị đến “sự giảng dạy” (BDY, BDC). Phao-lô luôn luôn giảng với sự thuyết phục mạnh mẽ hay “cổ võ.” Khi ông giảng cho người Do Thái và những người cải đạo trước kia theo Do Thái Giáo, ông trưng dẫn những bằng chứng mạnh mẽ từ CƯ rằng Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a. Có hai thắc mắc đến từ nguyên bản Hy-lạp. Thứ nhất, bởi vì trong tiếng Hy-lạp không có dùng động từ, Phao-lô nói đến thì quá khứ hay hiện tại? (Trong tiếng Hy-lạp có nghĩa là: *sự kêu gọi của chúng tôi không sai lầm cũng không dơ bẩn...*)

Thứ hai, sự kêu gọi này dành cho ai? Vì không có động từ, không biết rõ có phải Phao-lô muốn nói đến điều ông giảng ở tại Tê-sa-lô-ni-ca, hay điều ông giảng cho tất cả mọi người trong mọi lúc. Có thể có hai cách diễn dịch:

- (1) Đa số các nhà giải kinh thêm vào động từ ở thì hiện tại, giống như câu PKTCD 2:3a-c trong BDM. Các nhà giải kinh cho rằng sự thiếu một động từ ở đây có nghĩa là họ có thói quen giảng bất cứ khi nào và chỗ nào họ đến. Động từ Hy-lạp *laloumen* “chúng tôi cứ rao giảng” bằng thì hiện tại ở trong 2:4a hỗ trợ cho quan niệm này.
- (2) Nó là điều mà họ giảng cho người ở Tê-sa-lô-ni-ca, bởi vì các hành động trong 2:2b và 2:5 xảy ra trong quá khứ “đã

không dựa trên sự sai lầm...” Họ đang nói về điều mà Phao-lô và các bạn đồng hành của ông đã giảng ở Tê-sa-lô-ni-ca. Lời giảng đó là thật trong lúc họ giảng cũng như trong lúc viết thư này. Hàm ý đó là cùng một sự kêu gọi mà họ nói với người ở các tỉnh khác.

Vì vậy cuối cùng chúng ta thấy không có sự xung đột giữa cách diễn dịch đầu tiên và thứ nhì.

Sự kêu gọi này nói về cái gì? Phao-lô nói: “Chúng tôi đã giảng cho anh chị em và tất cả các người khác về những sự kiện thuộc về Đức Chúa Trời. Chúng tôi đã dạy về đời sống, sự chết và sự sống lại của Chúa Giê-su và kêu gọi anh chị em ăn năn, quay khỏi các thần tượng để phục vụ Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su. Chúng tôi không nói theo sự suy nghĩ sai lầm hay động lực dơ bẩn, và những điều như vậy.”

2:3b

không phải sai lầm: Ý tưởng cơ bản của nhóm từ này trong nguyên bản Hy-lạp là “không đến từ sự sai lầm.” Nghĩa bóng của ẩn dụ này là không có gì sai lầm. Phao-lô muốn nói đến sự sai lầm gì ở đây? Có thể có hai cách diễn dịch:

- (1) Phao-lô nói ông không bị chính ông hay những người khác lừa gạt.
- (2) Phao-lô nói ông không muốn cố ý lường gạt họ.

Có lẽ quan niệm đầu tiên là đúng nhất cho 2:3b bởi vì trong 2:3d Phao-lô nói ông không lừa gạt họ.

2:3c

không do động cơ dơ bẩn: Câu hỏi ở đây là: Loại động cơ dơ bẩn gì? Có thể có hai cách diễn dịch:

- (1) Đây nói đến bất cứ thứ dơ bẩn nào về đạo đức, thí dụ như tham lam, tham vọng, kiêu căng, kiêu ngạo, ham muốn được phổ thông, hay vô đạo đức về tình dục.
- (2) Đây đặc biệt nói đến sự vô đạo đức về tình dục.

2:3b	<i>không phải sai lầm, lời nói của chúng tôi không phải đến từ tư tưởng sai lầm. - HAY - chúng tôi nói lời chân thật.</i>
2:3c	<i>không do động cơ dơ bẩn, Chúng tôi không có ý định xấu,</i>
2:3d	<i>không có ý lừa gạt, và chúng tôi không cố ý để lừa gạt ai.</i>
2:4a	<i>nhưng vì Đức Chúa Trời đã xác nhận chúng tôi Thay vào đó, chúng tôi luôn luôn nói như những người được Đức Chúa Trời đẹp lòng.</i>
2:4b	<i>là đáng tin cậy để ủy thác Phúc Âm, nên chúng tôi cứ rao giảng, [Bởi vì Chúa đẹp lòng với chúng tôi], nên Ngài có thể tin cậy và giao cho chúng tôi sự giảng dạy tin lành của Đức Chúa Trời. -HAY- [Bởi vì Chúa đẹp lòng với chúng tôi], nên Ngài có thể tin cậy và đặt trong tay chúng tôi sự giảng dạy tin lành về đến Chúa Giê-su Cơ Đốc của chúng ta.</i>
2:4c	<i>không phải để làm vừa lòng loài người nhưng đẹp lòng Đức Chúa Trời, [Vì vậy] chúng tôi không cố gắng làm đẹp lòng loài người [trong sự giảng dạy của chúng tôi] nhưng [chúng tôi cố gắng làm đẹp lòng] Đức Chúa Trời,</i>

Quan niệm đầu tiên được ưa chuộng hơn, bởi vì trong các phân khác của TỰ từ này có cùng một nghĩa với “gian ác.”

2:3d

không có ý lừa gạt: Điều này được giải nghĩa rộng hơn trong 2:5a-b như là “xu nịnh” hay “che đậy lòng tham.”

2:4a-b

nhưng vì Đức Chúa Trời đã xác nhận chúng tôi là đáng tin cậy để ủy thác Phúc Âm:

nhưng vì: Trong 2:3 Phao-lô lại phủ nhận lời tố cáo bằng cách tuyên bố rằng tất cả sự giảng dạy của họ được Đức Chúa Trời chấp thuận.

Đức Chúa Trời đã xác nhận chúng tôi là đáng tin cậy để ủy thác Phúc Âm: Sự giảng dạy và đức hạnh của Phao-lô và các bạn đồng hành ở tại Tê-sa-lô-ni-ca nhất

quán với lời giảng dạy và đức hạnh của những người đẹp lòng Đức Chúa Trời.

là đáng tin cậy để ủy thác Phúc Âm: Đức Chúa Trời phải chọn ai là người nên làm việc cho Ngài. Chỉ có Đức Chúa Trời mới biết được người đó có tốt và đáng tin cậy không. Phao-lô nói Đức Chúa Trời tin cậy ông và các bạn đồng hành của ông để làm công việc Chúa đã kêu gọi họ để làm.

2:4c

nhưng chúng tôi cứ rao giảng, không phải để làm vừa lòng loài người nhưng đẹp lòng Đức Chúa Trời: Trong bản Hy-lạp câu này đi theo ngay sau cụm từ “chúng tôi nói” trong 2:4a: “Vì vậy chúng tôi không cố gắng làm đẹp lòng loài người [trong sự giảng dạy của chúng tôi] (CĐN).” Phao-lô giải thích chi tiết hơn trong 2:5a-b. Phao-lô tiếp tục cho thấy ông không chỉ nói đến thời gian ông và các bạn đồng hành của ông ở tại Tê-sa-lô-ni-ca, nhưng ở bất cứ chỗ nào ông tới.

2:4d

là Đáng xem xét lòng chúng tôi: Ở đây Phao-lô dùng ngôn ngữ của CU để mô tả cách Đức Chúa Trời xem xét tư tưởng của con người. Ý tưởng này được tiếp tục trong 2:5c: *có Đức Chúa Trời chúng giám*. Một số học giả nhấn mạnh rằng thử nghiệm này là một tiến trình liên tục trong đời sống của Phao-lô. Về chữ *lòng*, trong nhiều ngôn ngữ từ này nói đến một cơ quan trong cơ thể nhưng được dùng để diễn tả ý tưởng và tình cảm. Dùng bất cứ từ nào có thể diễn tả sự quan hệ với ý tưởng như vậy một cách tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

2:5a-b

Vì như anh chị em biết, chúng tôi không bao giờ dùng lời xu nịnh, không viện cớ che đậy lòng tham: Câu này nói rõ rệt hơn các câu 2:3-4. Một số người thật sự tham lam muốn lấy tiền, giả bộ họ không ao ước được giàu có hay có nhiều tiền. Một lần nữa Phao-lô lại kêu gọi họ nhận thức là ông và các bạn đồng hành không bao giờ xu nịnh bất cứ ai và họ không tham tiền. BDM dùng ẩn dụ *cớ che đậy lòng tham* để dịch từ Hy-lạp *prophasis* mà ở trong văn mạch có nghĩa là “giả bộ hay hoá trang.”

2:6-7b

Chúng tôi không bao giờ kiếm vinh quang từ loài người, dù là từ anh chị em hay người khác. Mặc dù với tư cách là sứ đồ của Đức Cơ Đốc chúng tôi có thể đòi anh chị em phải tôn trọng chúng tôi: Phao-lô tiếp tục đối chiếu sự giảng dạy và lối sống của ông và các bạn đồng hành của ông với các giáo sư đi lang thang trong thế giới của người Hy-lạp. Những người này xu nịnh người nghe để được tiền và sự tôn trọng. Một tài liệu Cơ Đốc sau này gọi là Didache (Didache 11:3) cảnh cáo về một số các tiên tri tìm cách tạo ảnh hưởng của mình trên cộng đồng Cơ Đốc và sống nhờ những người khác. Trong 2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:9 và 1 Cô-rinh-tô 9:1-18, Phao-lô giải thích rằng vì ông là một sứ đồ ông có quyền mong đợi họ cung cấp chỗ ở, đồ ăn uống. Nhưng ông

chọn làm việc để tự sống trong lúc ở với họ để không trở nên một gánh nặng cho họ.

2:7a

Mặc dù với tư cách là sứ đồ của Đức Cơ Đốc: Phao-lô xưng nhận rằng ông và các bạn đồng hành của ông có thẩm quyền của Chúa Cơ Đốc Giê-su để dạy và giải thích những điều Chúa Giê-su đã dạy. Ông cũng tuyên bố là họ có quyền được những người họ dạy trả lương cho họ.

2:7b

chúng tôi có thể đòi anh chị em phải tôn trọng chúng tôi: Bản Hy-lạp nói *dunameno en barei einai hōs christou apostoloi* có nghĩa là “là các sứ đồ của Đức Cơ Đốc chúng tôi có sức nặng.” “Có sức nặng” có nghĩa là gì? Nó liên lạc với câu trước và câu sau như thế nào? Nó có thể có nghĩa là “chúng tôi có thể trở nên một gánh nặng tải chánh cho anh chị em.” Tức là “chúng tôi có thể nói, bởi vì chúng tôi là các sứ đồ, anh chị em phải lo đồ ăn và chỗ ở cho chúng tôi.” (Nhưng họ không nói như vậy.) Điều này hợp với 2:9c. Cách diễn dịch sau đây được ưa thích hơn:

- (1) Trong văn mạch này có nghĩa như “là sứ đồ chúng tôi có thể nói với anh chị em chúng tôi quan trọng như thế nào,” chúng tôi là người “nặng ký, quan trọng.” Chúng tôi chọn ý nghĩa này là vì lý do:
 - (a) Câu 2:6b (BDM) “chúng tôi không bao giờ kiếm vinh quang từ loài người, dù là từ anh chị em hay người khác” và 2:7c nói: “Trái lại, chúng tôi đã cư xử dịu dàng giữa anh chị em.”
 - (b) Đa số học giả cũng đồng ý với cách diễn dịch này.
- (2) Một số học giả nghĩ Phao-lô nói hai nghĩa “chúng tôi có thể đòi anh chị em” và “chúng tôi có thể áp đặt chúng tôi lên anh chị em với tất cả sức nặng.” Trong tiếng Việt các câu “đòi anh chị em” và “phải tôn trọng” hàm ý “chúng tôi là những người quan trọng, vậy anh chị em cho chúng tôi những điều chúng tôi yêu cầu và làm điều chúng tôi muốn anh chị em làm.”

2:4d	là Đấng xem xét lòng chúng tôi. bởi vì Đức Chúa Trời là Đấng [tiếp tục] dò xét tư tưởng của chúng tôi để xét xem chúng là tốt hay xấu.
2:5a	Vì như anh chị em biết, chúng tôi không bao giờ dùng lời xu nịnh Anh chị em cũng biết rằng [chúng tôi không cố gắng làm đẹp lòng loài người bởi vì] [khi chúng tôi đến và giảng cho anh chị em] chúng tôi không xu nịnh anh chị em. -HAY- Anh chị em cũng biết rằng [chúng tôi không cố gắng làm đẹp lòng loài người bởi vì] [khi chúng tôi đến và giảng cho anh chị em] chúng tôi không nói những điều tốt về anh chị em để làm cho anh chị em vui lòng.
2:5b	không viện cớ che đậy lòng tham, và chúng tôi cũng không nói dối [với anh chị em] để lấy tiền [của anh chị em].
2:5c	có Đức Chúa Trời chúng giám. Đức Chúa Trời biết chúng tôi không làm những điều này.
2:6	Chúng tôi không bao giờ kiếm vinh quang từ loài người, dù là từ anh chị em hay người khác. Chúng tôi không tìm kiếm để được bất cứ ai tôn trọng, dù là anh chị em hay bất cứ ai khác.
2:7a	Mặc dù với tư cách là sứ đồ của Đức Cơ Đốc Bởi vì chúng tôi là sứ đồ của Đức Cơ Đốc
2:7b	chúng tôi có thể đòi anh chị em phải tôn trọng chúng tôi. chúng tôi có thể làm cho anh chị em phải coi chúng tôi là quan trọng [nhưng chúng tôi không làm]. -HAY- chúng tôi có thể cư xử như người có quyền [nhưng chúng tôi không làm].
2:7c	Trái lại, chúng tôi đã cư xử dịu dàng giữa anh chị em như người mẹ chăm sóc con mình. Trái lại, [khi chúng tôi đến và sống giữa các anh chị em], chúng tôi cư xử với anh chị em cách dịu dàng, giống như một người mẹ yêu mến và chăm sóc con mình.

Bạn có thể dùng các từ có thể nói lên hai nghĩa này cùng một lúc trong ngôn ngữ của bạn.

2:7c

Trái lại, chúng tôi đã cư xử dịu dàng giữa anh chị em như người mẹ chăm sóc con mình:

dịu dàng: Nhiều văn bản Hy-lạp dùng từ *nepioi* “các em bé” mặc dầu các bản khác có từ *epioi* “dịu dàng.” Tuy nhiên, khi để ý

và so sánh các bản thảo người ta hỗ trợ từ “các em bé” cách mạnh mẽ. Nhưng trong văn mạch này từ “dịu dàng” có ý nghĩa hơn. Phao-lô không nói ông và các bạn đồng hành giống như em bé và trong cùng một lúc lại cũng giống như người mẹ.

người mẹ: Trong BDC dịch từ Hy-lạp *trophos* là “người vú.” Đa số các học giả đồng ý từ này có nghĩa là “người mẹ cho con bú và chăm sóc con của họ,” không phải

là người làm việc trong bệnh viện hay chẩn y viện.

2:8a

Chúng tôi yêu mến anh chị em đến nỗi: Có phải từ Hy-lạp *houtōs* có nghĩa là “quá nhiều” hay “vậy/vì vậy” không? Có thể có hai cách diễn dịch:

- (1) “Bởi vì chúng tôi yêu mến anh chị em đến nỗi” (như trong BDM và đa số các bản dịch tiếng Anh, nhưng chỉ có một số ít học giả đồng ý).
- (2) “Vậy” đề cập đến 2:7c “chúng tôi chăm sóc anh chị em như người mẹ cho con bú” (giống BDC, và theo nhiều học giả khác).

Quan niệm đầu tiên có vẻ được ưa thích hơn bởi vì Phao-lô bày tỏ cảm tình mạnh mẽ ông có đối với người Tê-sa-lô-ni-ca trong 2:8d trong nguyên bản Hy-lạp: “bởi vì anh chị em đã trở nên rất yêu dấu đối với chúng tôi.”

2:8b

mong ước được chia sẻ cho anh chị em, không những Phúc Âm của Đức Chúa Trời:

mong ước: Trong tiếng Hy-lạp động từ này được dùng ở thì để cho thấy Phao-lô và các bạn đồng hành liên tục suy nghĩ như vậy trong khi họ ở với người Tê-sa-lô-ni-ca. Có nhiều câu tiếng Việt khác nhau đã được dùng để cố gắng dịch từ này. BDY dùng “Sẵn lòng” và BDC dùng “ước-ao.” Nó có nghĩa là “chúng tôi quyết định và giữ quyết định chia sẻ với anh chị em... và chúng tôi rất vui với quyết định của chúng tôi.”

Phúc Âm của Đức Chúa Trời: Hãy xem 2:2b.

2:8c

mà cả đời sống chúng tôi nữa: Có vẻ như Phao-lô dùng từ *chia sẻ* để nói hai ý. “Chia sẻ phúc âm” có nghĩa là: “Nói với người khác về phúc âm.” Nhưng trong nhiều ngôn ngữ không thể nói “chia sẻ” như là “chia sẻ” đời sống. “Chia sẻ đời sống” có nghĩa là “hai người chung sống với nhau.” Ý tưởng chung cho cả hai ý nghĩa này là ở đây Phao-lô muốn nói “ban cho”: “chúng tôi ban cho

anh chị em Phúc Âm và chúng tôi ban cho anh chị em mọi điều chúng tôi có, chúng tôi ban cho anh chị em chính chúng tôi.” Một số học giả cho rằng Phao-lô có thể muốn nói “chúng tôi cũng muốn chết vì anh chị em,” bởi vì các từ Hy-lạp *tas heautōn psuchas* có thể có nghĩa là “chính linh hồn của chúng tôi,” “chính cá tính của chúng tôi,” hay “chính đời sống của chúng tôi.”

2:8d

vì anh chị em đã trở nên những người yêu quý của chúng tôi: Đây lặp lại điều Phao-lô đã nói trong 2:8a. Một bản dịch tiếng Anh nối các 2:8a và 2:8d lại với nhau. “Chúng tôi cảm thấy muốn tận hiến và bảo vệ anh chị em, và đã trở nên yêu mến anh chị em nhiều đến nỗi chúng tôi hăng hái ban cho anh chị em, không chỉ Phúc Âm nhưng trọn đời sống của chúng tôi nữa.” Nếu cách này nghe có vẻ tự nhiên hơn trong ngôn ngữ của bạn, hãy dịch chung hai ý nghĩa này lại với nhau.

2:9a

Thưa anh chị em, anh chị em còn nhớ công lao khó nhọc của chúng tôi: Một lần nữa Phao-lô nói chính họ biết sự kiện ông đang muốn nói ra. Trong tiếng Hy-lạp từ thứ hai ở trong câu là *vì*, chỉ cho thấy Phao-lô đang cho thí dụ về điều ông nói trong 2:7b “chúng tôi không hành động như những người có thẩm quyền” và trong 2:7c “đã cư xử dịu dàng,” và 2:8c “chúng tôi chia sẻ đời sống của chúng tôi với anh chị em.”

anh chị em: Hãy xem 1:4.

công lao khó nhọc của chúng tôi: Phao-lô muốn nhấn mạnh đến công việc Phao-lô và các bạn đồng hành của ông đã làm và sự khó khăn của nó. Lời dịch phải có ý tưởng “làm việc khó nhọc,” nhưng không có ý nói Phao-lô ghét làm việc bằng tay chân.

2:9b

Trong khi truyền giảng Phúc Âm của Đức Chúa Trời cho anh chị em, chúng tôi đã ngày đêm làm việc: Trong Công-vụ 18:3-5 chúng ta đọc thấy Phao-lô làm trại để bán.

2:8a	<i>Chúng tôi yêu mến anh chị em đến nỗi</i> [Thật ra], chúng tôi yêu mến anh chị em nhiều đến nỗi
2:8b	<i>mong ước được chia sẻ cho anh chị em, không những Phúc Ân của Đức Chúa Trời,</i> chúng tôi không những chỉ muốn nói với anh chị em về tin lành,
2:8c	<i>mà cả đời sống chúng tôi nữa,</i> nhưng chúng tôi cũng muốn cho anh chị em chính đời sống của chúng tôi một cách trọn vẹn,
2:8d	<i>vì anh chị em đã trở nên những người yêu quý của chúng tôi.</i> bởi vì anh chị em là những người chúng tôi rất yêu mến .
2:9a	<i>Thưa anh chị em, anh chị còn nhớ công lao khó nhọc của chúng tôi.</i> [Điều chúng tỏ chúng tôi yêu mến anh chị em nhiều là], như anh chị em còn nhớ lại, chúng tôi đã làm việc khó nhọc như thế nào
2:9b	<i>Trong khi truyền giảng Phúc Ân của Đức Chúa Trời cho anh chị em, chúng tôi đã</i> <i>ngày đêm làm việc</i> trong thời gian chúng tôi giảng tin lành cho anh chị em. Thật ra chúng tôi đã làm việc đêm ngày [để lấy tiền tự sinh sống]
2:9c	<i>để khỏi làm gánh nặng cho một ai trong anh chị em.</i> để anh chị em không phải lo về vấn đề sinh sống cho chúng tôi.
2:10a	<i>Có anh chị em và Đức Chúa Trời làm chứng,</i> Chính anh chị em và Đức Chúa Trời đã thấy và có thể nói thay cho chúng tôi rằng

Chúng ta có thể đoán là bất cứ lúc nào người Tê-sa-lô-ni-ca làm việc xong là ông giảng cho họ, và khi họ làm việc ông cũng làm việc. Có lẽ sau khi ông dạy họ xong ông thức khuya để làm việc. Có thể khi Ti-mô-thê và Sin-vanh may trại, ông được rảnh rang để giảng và dạy. Đó là một điều thông thường khi các thầy Ra-bi Do Thái học một nghề để tự túc. Người Do Thái không hổ thẹn khi làm việc bằng chân tay, nhưng người thượng lưu Hy-lạp khinh bỉ công việc làm bằng tay chân. Có lẽ vì vậy mà một số người Hy-lạp coi Phao-lô và các bạn đồng hành của ông là hạ cấp và khinh bỉ ông.

ngày đêm: Nếu cần, bạn hãy đổi ngược thứ tự hai từ này lại để nghe cho có vẻ tự nhiên hơn trong ngôn ngữ của bạn.

2:9c

để khỏi làm gánh nặng cho một ai trong anh chị em: Từ Hy-lạp *epibareō* “làm gánh

nặng” ở đây muốn nói đến không mong đợi người ta cung cấp chỗ ở, đồ ăn và đồ uống. Hình ảnh này mạnh hơn là “phiên lụy” dùng trong BDY.

2:10-12 Họ giống như một người cha đối với người Tê-sa-lô-ni-ca.

Một lần nữa Phao-lô lại xin các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca nhớ lại đời sống đạo đức mà Phao-lô và các bạn đồng hành của ông đã sống khi ở với họ, và ông đã dạy dỗ các con dân Chúa sống đời sống tốt đẹp để thích hợp với vương quốc của Đức Chúa Trời.

2:10a

Có anh chị em và Đức Chúa Trời làm chứng: Phao-lô tiếp tục khẳng định rằng ông và các bạn đồng hành có cá tính tốt và

ông yêu cầu các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca đồng ý với ông, giống như ông biết chắc Đức Chúa Trời đồng ý với ông.

2:10b

Chúng tôi đã sống giữa anh chị em, là những tín hữu, một cách thanh sạch, công chính và không có gì đáng trách:

là những tín hữu: Tại sao Phao-lô thêm những chữ này vào? Có lẽ Phao-lô không đối chiếu các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca với những người chưa tin Chúa. Phao-lô và các bạn đồng hành của ông sống giữa họ, họ thấy cách Phao-lô và các bạn đồng hành đã sống.

một cách thanh sạch, công chính và không có gì đáng trách: Những từ này có nghĩa gần tương đồng với nhau, và với “tinh sạch,” “công chính,” “tốt lành” và “không trách được.” Phao-lô dùng ba từ khác nhau cùng có một ý nghĩa tương tự để nhấn mạnh điều ông muốn nói. Có thể dùng phương pháp này trong khi bạn dịch sang ngôn ngữ của bạn. Nếu không được, điều quan trọng là dịch sự nhấn mạnh của Phao-lô cách nào nghe tự nhiên nhất chứ không phải số từ mà bạn phải dùng.

2:11

Anh chị em cũng biết rằng chúng tôi đã đối xử với mỗi người trong anh chị em như cha với con: Một lần nữa Phao-lô lại kêu gọi họ tự nhận thức cách mà ông và các bạn đồng hành đã cư xử khi họ ở tại Tê-sa-lô-ni-ca. Ông dùng thêm chi tiết trong lời tuyên bố ở 2:10a-b để chứng minh điều này. Câu ***Anh chị em cũng biết*** dịch từ tiếng Hy-lạp ***giống như anh chị em biết***, cũng có thể dịch là “Giống như anh chị em đã biết rõ...,” hay “Giống như anh chị em biết...”

Chúng tôi đã đối xử với mỗi người: Trong 2:11 của bản Hy-lạp không có các từ này. Động từ hiểu ngầm ***chúng tôi đã đối xử*** được lập lại từ 2:10b. Vậy nên Phao-lô có thể viết rõ ràng: “Chúng tôi giống như một người cha đối với con mình vậy, khuyến khích, an ủi và thúc giục mỗi người trong anh chị em.”

như cha với con: Trong 2:7c Phao-lô đã nói ông và các bạn đồng hành chăm sóc họ dịu dàng như một người mẹ. Ở đây ông bảo ông và các bạn đồng hành giống như người cha trong khi dạy các con phải sống như thế nào.

2:12a

khuyến khích, an ủi và nài xin anh chị em:

Các học giả chia phe về ý kiến có sự khác nhau giữa ba từ này hay không. Một số học giả nói ***khuyến khích*** chú ý về vấn đề bảo họ tiếp tục làm điều họ đang làm dù là khó khăn. Họ nói ***an ủi*** chú ý vào việc “nói những lời có ích lợi cho họ sau khi họ đã chịu nhiều rắc rối.” Và họ cho rằng ***nài xin*** có nghĩa “nói cho họ biết làm một số điều nào đó là cần thiết và rất quan trọng.” Các người lãnh đạo Cơ Đốc cần phải bảo người của họ làm một điều nào đó, nhưng cách họ nói tùy thuộc vào những người này mạnh mẽ hay yếu đuối, can đảm hay sợ hãi, sẵn lòng hay không sẵn lòng. Có lẽ Phao-lô dùng ba từ này để cho thấy ông dùng các lời thuyết phục với mức độ khác nhau vào những lúc khác nhau và cho những người khác nhau. Các động từ ở thì hiện tại phân từ, cho biết nhiều chi tiết chính xác với các từ ***chúng tôi đã đối xử*** trong 2:11. Hình thức của các từ này cho thấy cả ba điều này đều xảy ra trong suốt thời gian ông ở đó.

2:12b

sống xứng đáng với Đức Chúa Trời: Điều này có nghĩa là sống và cư xử một cách như thế nào để cho Đức Chúa Trời đẹp lòng và không bị hổ thẹn vì anh chị em là thành viên trong vương quốc của Ngài. Cũng xem lời giải nghĩa của 4:1b.

2:12c

Đáng kêu gọi anh chị em vào Vương Quốc Ngài và hưởng vinh quang với Ngài:

Đáng kêu gọi anh chị em: Trong tiếng Hy-lạp nhóm từ phụ này bổ nghĩa cho Đức Chúa Trời trong thể hiện tại phân từ ***Đáng kêu gọi anh chị em***. Thể hiện tại phân từ này có nghĩa là Ngài đang tiếp tục kêu gọi họ, hay là chú ý đến sự kiện Chúa kêu gọi họ?

2:10b	<p><i>chúng tôi đã sống giữa anh chị em, là những tín hữu, một cách thanh sạch, công chính và không có gì đáng trách.</i> khi anh chị em trở thành con dân [Chúa], chúng tôi đã sống một đời sống thánh khiết và tốt đẹp, và không ai trong anh chị em có thể tố cáo chúng tôi làm việc gì sai lầm được.</p>
2:11	<p><i>Anh chị em cũng biết rằng chúng tôi đã đối xử với mỗi người trong anh chị em như cha với con.</i> Thật ra anh chị em biết rằng cách chúng tôi đối xử với mỗi anh chị em như là cách cha đối xử với con cái của mình,</p>
2:12a	<p><i>Chúng tôi đã khuyến khích, an ủi và nài xin anh chị em</i> tức là chúng tôi tiếp tục an ủi anh chị em, thúc giục anh chị em, và nài xin anh chị em -HAY- tức là chúng tôi tiếp tục an ủi anh chị em, thúc giục anh chị em, và kháng kháng nài xin anh chị em</p>
2:12b	<p><i>sống xứng đáng với Đức Chúa Trời,</i> sống đẹp lòng Đức Chúa Trời và khiến anh chị em sẵn sàng -HAY- sống làm cho Đức Chúa Trời vui. Điều này sẽ sửa soạn anh chị em</p>
2:12c	<p><i>Đấng kêu gọi anh chị em vào Vương Quốc Ngài và hưởng vinh quang với Ngài</i> gia nhập vương quốc của Chúa và chia sẻ sự vĩ đại của Ngài, bởi vì Chúa đã gọi anh chị em [để gia nhập vương quốc của Ngài và chia sẻ sự vĩ đại của Ngài].</p>

Các nhà ho có ý kiến khác nhau về chỗ này. BDY dịch là “đã mời gọi.” Ở bên dưới sứ điệp của Phúc Âm là sự kiện Đức Chúa Trời, qua Chúa Giê-su và các sứ đồ, là Đấng đang kêu gọi họ theo Ngài. Có lẽ dịch như trong BDY đã dịch có vẻ tự nhiên hơn, bởi vì họ đã đáp ứng sự kêu gọi và trở nên tín hữu. Nếu trong ngôn ngữ của bạn không phân biệt rõ ràng giữa hiện tại phân từ và thì tương lai, thì tốt hơn nên dùng thì quá khứ “đã kêu gọi.”

Vương Quốc Ngài và hưởng vinh quang với Ngài: Dịch từng chữ theo bản Hy-lạp là “cho vương quốc và sự vinh quang của chính Ngài” Đây là lối viết văn thông thường trong tiếng Hy-lạp dùng một nhóm

từ mà trong đó danh từ thứ nhì “vinh quang” bổ túc ý cho danh từ thứ nhất “vương quốc.” Vậy nên có thể dịch là “cho vương quốc vinh hiển của Ngài.” Bạn nên coi các từ này đi chung với nhau như là một đơn vị, hơn là tách rời ra như một số các nhà phê bình đã làm. Các nhà phê bình đồng ý rằng đây muốn nói đến sự Đức Chúa Trời cai trị dân sự của Ngài trong tương lai. Điểm chính ở đây tập trung vào việc Đức Chúa Trời kêu gọi dân sự mà Ngài sẽ cai trị hơn là vào địa điểm mà Ngài sẽ cai trị. Câu này có thể dịch như sau: “làm dân sự mà Ngài sẽ cai trị một cách diệu kỳ.” Như vậy sẽ cho phép người ta hiểu việc cai trị của Đức Chúa Trời trên dân sự của Ngài ở cả thế gian và trên thiên đàng.

TIỂU ĐOẠN 2:13-16 Một lần nữa Phao-lô cảm ơn Đức Chúa Trời về cách người Tê-sa-lô-ni-ca chấp nhận Phúc Âm.

Phao-lô cũng cảm ơn Đức Chúa Trời vì các tín hữu mới ở Tê-sa-lô-ni-ca đã tiếp nhận sứ điệp của Phao-lô và các bạn đồng hành của ông như thật là lời của Đức Chúa Trời. Kết quả là họ phải chịu sự bắt bớ từ các đồng bào của họ, giống như các tín hữu mới trong xứ Giu-đê phải chịu khổ dưới tay các người Do Thái đồng hương không tin Chúa Giê-su. Chính người Do Thái không tin là nguyên nhân của những rắc rối cho họ, vì những người này đã giết Chúa Giê-su và các tiên tri đến trước Ngài, đã bắt bớ Phao-lô và các bạn đồng hành của ông để đang cố gắng ngăn cản họ nói về sứ điệp cứu rỗi cho những người không phải là người Do Thái. Họ đã phạm tội trong suốt một thời gian dài khiến Đức Chúa Trời phải đổ các sự trừng phạt xuống trên họ.

2:13a

Bởi vậy, chúng tôi hằng cảm tạ Đức Chúa Trời: Đây bắt đầu một tiểu đoạn mới với chủ đề cảm tạ bị bỏ dở trong 1:10c. Trong câu này Phao-lô cho biết thêm nhiều lý do để cảm ơn Đức Chúa Trời về cách tiếp nhận Phúc Âm của người Tê-sa-lô-ni-ca.

Bởi vậy: Trong BDM và BDC, cho thấy rõ ở đây Phao-lô cho biết thêm các lý do để cảm tạ. Ông không nói: “Bởi vì điều tôi đã nói trong các câu trước.”

2:13b-d

vì khi nghe và tiếp nhận Lời Đức Chúa Trời từ chúng tôi, anh chị em đã đón nhận Lời ấy không phải như lời loài người nhưng thật là Lời Đức Chúa Trời: Ở đây có nghĩa là: “Sau khi nghe và suy nghĩ về Lời Chúa mà chúng tôi đã giảng, anh chị em xét đoán thấy thật là Lời của Đức Chúa Trời và vì vậy anh chị em sẵn lòng tiếp nhận chúng.”

2:13e

Lời tác động trong anh em, là những tín hữu:

Lời tác động trong anh em: Lời của Đức Chúa Trời đang làm việc trong lòng và đời sống của họ để làm cho họ trở nên những người tốt hơn. Nếu trong ngôn ngữ của bạn khó nói “Lời tác động trong lòng anh em,” bạn có thể nói, “Đức Chúa Trời đang dùng lời Chúa mà chúng tôi đang giảng để khiến các anh chị em tín hữu sống một đời sống tốt đẹp hơn.” Hãy xem quan niệm thứ nhì trong PKTCD 2:13e.

là những tín hữu: Họ tin ai và tin điều gì? Đây là một nan đề bởi vì trong tiếng Hy-lạp, *tin* không có túc từ. Có thể có hai cách diễn dịch:

- (1) Họ tin Đức Chúa Trời hay Chúa Giê-su hay cả hai.
- (2) Họ tin lời của Đức Chúa Trời như ở trong 2:13d (BDY);

2:14a

Thưa anh chị em, thật vậy, anh chị em đã theo gương các hội thánh của Đức Chúa Trời ở miền Giu-đê, là những hội thánh trong Đức Cơ Đốc Giê-su:

thật vậy: Trong câu này Phao-lô đưa bằng chứng là Lời của Đức Chúa Trời làm việc trong lòng họ, cho thấy họ bị người ta bắt bớ chỉ vì đức tin của họ.

anh chị em: Hãy xem lời giải nghĩa của 1:4.

anh chị em đã theo gương: Điều Phao-lô muốn nói trong tiểu đoạn này là người Tê-sa-lô-ni-ca không định bắt chước các hội thánh ở xứ Giu-đê. Họ không tìm kiếm sự bắt bớ, họ tìm cách sống trung tín với sứ điệp Phao-lô rao giảng. Đức tin mạnh mẽ của họ đem lại sự bắt bớ giống như sự bắt bớ các hội thánh ở xứ Giu-đê đã kinh nghiệm. Họ đã theo gương sống như người Giu-đê bởi vì họ chịu cùng một hậu quả.

các hội thánh của Đức Chúa Trời ở miền Giu-đê, là những hội thánh trong Đức Cơ Đốc Giê-su: Phao-lô đang nói về các nhóm người tin nơi Chúa Giê-su, có lúc Phao-lô dùng tên Cơ Đốc Giê-su, có lúc ông dùng Giê-su Cơ Đốc. Hãy dịch theo cách

TIỂU ĐOẠN 2:13-16 Một lần nữa Phao-lô cảm ơn Đức Chúa Trời về cách người Tê-sa-lô-ni-ca chấp nhận Phúc Âm.

- 2:13a *Bởi vậy, chúng tôi hằng cảm tạ Đức Chúa Trời,
Có một lý do nữa khiến chúng tôi không ngưng tiếng cảm ơn Đức Chúa Trời.*
- 2:13b *vì khi nghe và tiếp nhận Lời Đức Chúa Trời từ chúng tôi,
Đó là khi anh chị em nghe lời của Đức Chúa Trời từ môi miệng chúng tôi,*
- 2:13c *anh chị em đã đón nhận Lời ấy không phải như lời loài người
anh chị em đã tiếp nhận lời đó không phải như lời của loài người,*
- 2:13d *nhưng thật là Lời Đức Chúa Trời,
nhưng thật là Lời đến từ Đức Chúa Trời,*
- 2:13e *Lời tác động trong anh em, là những tín hữu.
và [bây giờ] chính lời của Đức Chúa Trời này đang làm những công việc [tốt trong
lòng] anh chị em là những người tin nơi Chúa.
- HAY -
và Đức Chúa Trời đã dùng chính lời của Ngài để khiến anh chị em là những người
tin [nơi Ngài] sống một đời sống tốt đẹp hơn.*
- 2:14a *Thưa anh chị em, thật vậy, anh chị em đã theo gương các hội thánh của Đức Chúa
Trời ở miền Giu-đê, là những hội thánh trong Đức Cơ Đốc Giê-su.
[Chúng tôi biết Đức Chúa Trời tác động trong lòng anh chị em bởi vì] anh chị em
gặp khó khăn như những người theo Đức Cơ Đốc thuộc về các hội thánh tại Giu-đê.
- HAY -
[Sự tác động của Đức Chúa Trời được chứng tỏ bởi vì] anh chị em đã chịu khổ như
những người theo Chúa đang thờ phượng chung tại Giu-đê.*
- 2:14b *Vì anh chị em đã chịu cùng một nỗi đau khổ do đồng bào mình gây ra, cũng như các
hội thánh ấy chịu từ người Do Thái,
Tức là, đồng bào của anh chị em khiến cho anh chị em phải chịu khổ cũng như các
người Do Thái khiến cho đồng bào của họ phải chịu khổ vậy.*

Phao-lô viết trừ khi tên đó nghe không được tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn. Bạn có thể có nan đề trong khi dịch từ *trong*, là một phân trong câu *trong Đức Cơ Đốc Giê-su*, ở đây nó có nghĩa là “những người đi theo Đức Cơ Đốc Giê-su,” hay “người thuộc về Đức Cơ Đốc Giê-su.”

ở miền Giu-đê: Ý nghĩa gốc của tên Giu-đê là “đất được cấp cho dòng dõi của Giu-đa.” Sau này nó là một miền trong đất Y-sơ-ra-ên bị người La-mã cai trị. Miền này gồm cả xứ Ga-li-lê nơi Chúa Giê-su lớn lên. Điểm Phao-lô muốn nói là “Trong xứ Giu-

đê, vùng đất mà người Do Thái đang sống, người Do Thái bắt bớ những đồng bào trở nên môn đệ của Chúa Giê-su.”

2:14b

Vì anh chị em đã chịu cùng một nỗi đau khổ do đồng bào mình gây ra, cũng như các hội thánh ấy chịu từ người Do Thái:

Vì: Trong tiếng Hy-lạp câu này bắt đầu bằng một từ có nghĩa là “bởi vì.” Đây là một liên từ giới thiệu các chi tiết về các tín hữu ở tại Tê-sa-lô-ni-ca chịu khổ giống như các tín hữu trong miền Giu-đê như thế nào.

người Do Thái: Phao-lô muốn nói đến người Do Thái nào? Có thể có hai cách diễn dịch:

- (1) Người Do Thái sống tại miền Giu-đê. Hãy so sánh với Công-vụ 8:1 và 9:29-30 (Đa số các nhà phê bình theo quan niệm này). Điều này hợp với 2:15a, bởi vì Chúa Giê-su bị giết tại Giê-ru-sa-lem. Thường các tiên tri trong CU hay bị bắt bớ hoặc đôi khi bị giết tại Giê-ru-sa-lem (Lu-ca 13:33-34).
- (2) Nó có nghĩa là người Do Thái ở khắp mọi nơi, và hợp với 2:15b, bởi vì Phao-lô và các bạn đồng hành của ông bị người Do Thái bắt bớ khắp nơi trong miền Tiểu Á, Ma-xê-đoan và Hy-lạp.

Rõ ràng người Do Thái sống tại Giu-đê từ lâu, nên những người giết các tiên tri không phải là những người đang săn đuổi Phao-lô và các bạn đồng hành của ông từ tỉnh này qua tỉnh kia trong vùng Ma-xê-đoan. Vậy nên quan niệm (1) được ưa thích hơn. Bạn nên tìm cách nói cho rõ ràng trong bản dịch của bạn. Hãy xem đề nghị trong PKTCD của 2:14b.

2:15a

là những người đã giết Chúa Giê-su, giết các tiên tri và đánh đuổi chúng tôi:

là những người đã giết Chúa Giê-su:

Các nhà lãnh đạo Do Thái thành công trong việc xin người La-mã giết Chúa Giê-su.

giết các tiên tri: Tất cả các nhà phê bình đều đồng ý các tiên tri được nói đến ở đây là các tiên tri trong thời CU. (Cũng xem thêm trong Công-vụ 7:52.) Vì vậy, có thể liệt kê các tiên tri lên đầu, mặc dù nếu theo mức độ quan trọng của mỗi người chúng ta sẽ phải liệt kê theo thứ tự như sau: Chúa Giê-su, các tiên tri, các sứ đồ và tất cả mọi người. CDN trong PKTCD cho thấy rõ không phải tất cả mọi tiên tri đều bị giết.

2:15b

và đánh đuổi chúng tôi: Đa số các nhà phê bình đồng ý là *chúng tôi* đặc biệt đề cập đến Phao-lô, Sin-vanh và Ti-mô-thê, mặc dầu không có bằng cứ nào cho thấy Ti-mô-thê đi lên Giu-đê vào lúc đó. Vậy, như đã giải

thích trong lời giải nghĩa ở trên, *người Do Thái* trong 2:14b được giải nghĩa rộng ra là những người Do Thái đã tàn nhẫn đối với Phao-lô, Sin-vanh, và Ti-mô-thê. Các nhà phê bình không đồng ý về từ *ekdiōkō* có nghĩa là “đuổi đi” hay “bắt bớ.” Có thể có hai cách diễn dịch:

- (1) Có nghĩa là “đuổi đi,” đó là điều người Do Thái làm cho Phao-lô tại Tê-sa-lô-ni-ca và Bê-rê (Công-vụ 17:5-10, 13-15 BDM and BDY).
- (2) Ý nghĩa thật trong tiếng Hy-lạp là “bắt bớ” (BDC). Phao-lô và các bạn đồng hành bị “đuổi đi” chỉ là một thí dụ của việc “bị bắt bớ.”

2:15c

Họ không đẹp lòng Đức Chúa Trời, thù nghịch với tất cả mọi người: Đây có vẻ là một câu cặp (BDM và BDC). Nhưng *Họ không đẹp lòng Đức Chúa Trời* là tóm tắt của các câu 2:14b-15b thì hợp lý hơn, trong PKTCD nói là “Bởi vì các việc xấu họ làm, họ khiến Đức Chúa Trời tức giận.” Sau đó trong 2:16a cho biết thêm chi tiết (*Họ*) *thù nghịch với tất cả mọi người*. Tức là “(họ) cố gắng ngăn cản chúng tôi giảng cho người không phải là người Do Thái.” Tuy nhiên, đa số các bản dịch theo quan niệm cho rằng hai nhóm từ “*Họ không đẹp lòng Đức Chúa Trời*,” và “*thù nghịch với tất cả mọi người*” được giải thích trong 2:16a. Vì không có chữ “và” ở giữa các câu 2:15c và 2:16a, có lẽ câu này có nghĩa là “họ thù hận tất cả mọi người. Sự kiện họ đang cố gắng ngăn chặn chúng tôi nói về tin lành cho những người không phải là người Do Thái chứng tỏ điều này.”

2:16a

ngăn cản chúng tôi rao giảng cho người ngoại quốc để được cứu rỗi: Trong Công-vụ 13:45, 49, 14:2, 19, 17:5, 13 chúng ta thấy những thí dụ về người Do Thái đang cố gắng ngăn chặn Phao-lô giảng cho những người không phải là người Do Thái như thế nào. Tại sao họ lại làm như vậy? Không phải họ chỉ rằng Phao-lô đang giảng giáo lý sai lầm nhưng bởi vì họ không muốn những

2:15a	<p><i>là những người đã giết Chúa Giê-su, giết các tiên tri</i> Chính là người Do Thái đã giết Chúa Giê-su Cơ Đốc và các tiên tri của Đức Chúa Trời</p>
2:15b	<p><i>và đánh đuổi chúng tôi.</i> và người Do Thái cứ đánh đuổi chúng tôi ra khỏi bất cứ chỗ nào mà chúng tôi đến.</p>
2:15c	<p><i>Họ không đẹp lòng Đức Chúa Trời, thù nghịch với tất cả mọi người;</i> [Bởi vì các việc xấu họ làm], họ khiến Đức Chúa Trời tức giận và họ chống đối tất cả mọi người, - HAY - Họ không những chỉ làm cho Đức Chúa Trời không vui lòng, nhưng họ còn chống lại mọi người khác,</p>
2:16a	<p><i>ngăn cản chúng tôi rao giảng cho người ngoại quốc để được cứu rỗi.</i> cố gắng ngăn cản chúng tôi giảng cho người không phải là người Do Thái và [cố gắng ngăn cản chúng tôi nói với họ] về Đức Chúa Trời có thể cứu họ [khỏi địa ngục]. - HAY - bằng cách cố gắng ngăn cản chúng tôi nói với người không phải là người Do Thái về Đức Chúa Trời có thể cứu họ [khỏi địa ngục].</p>
2:16b	<p><i>Họ luôn luôn đầy dẫy tội lỗi</i> Vậy nên kết quả của việc người Do Thái làm những việc không tốt này là họ chồng chất/thêm tội lỗi vào những tội họ đã có sẵn. - HAY - Do làm những việc này họ đã phạm tội vượt mức.</p>

người không phải là người Do Thái được cứu và trở thành dân của Đức Chúa Trời giống như người Do Thái vậy. Nếu bạn làm cho người ta hiểu được điều này rõ ràng như vậy trong bản dịch của bạn thì rất tốt. Hãy xem CĐN. Một lý do nữa khiến họ ghét Phao-lô là vì họ ganh tị khi thấy ông có một số lớn người ngoại quốc cải đạo (Công-vụ 17:5).

2:16b

Họ luôn luôn đầy dẫy tội lỗi: Ngay cả khi người Do Thái nghĩ rằng họ đang làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời khi đuổi Phao-lô đi, thật sự, họ đang chống lại với ý muốn của Ngài. Kết quả là họ phạm tội thêm vào những tội giết các tiên tri và Chúa Giê-su.

Họ đã làm những việc này vì hiểu lầm rằng làm như vậy đẹp lòng Đức Chúa Trời.

đầy dẫy tội lỗi: Trong tiếng Hy-lạp dùng một ẩn dụ để chỉ sự phạm tội của họ giống như đổ đầy nước vào thùng hoặc chất thêm rác vào một đống rác rưởi. Khi thùng nước đã đầy hoặc đống rác đã chất cao thì Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt họ. Bản BDY dùng từ “quá mức.” Hãy xem trong Ma-thi-ơ 23:32. Điều này cho thấy sự kiên nhẫn của Đức Chúa Trời ngay cả trong thời CƯ. Nhưng cuối cùng Chúa rất giận dữ và Ngài đã trừng phạt họ. Hãy xem lời giải nghĩa kế tiếp.

2:16c

nhưng cuối cùng con thịnh nộ đã đổ xuống trên họ: Trong tiếng Hy-lạp không có cụm từ của Đức Chúa Trời mà chỉ hàm ý thôi, nhưng trong BDY, BDC và CĐN trong PKTCD thì nói rõ là con thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Tất cả các nhà phê bình đồng ý rằng điều này nói đến sự giận dữ của Đức Chúa Trời đưa đến kết quả là người Do Thái bị đoán xét và trừng phạt. Tuy nhiên, họ không đồng ý về thời gian những việc này xảy ra. Chúng ta thấy sự trừng phạt này có vẻ như đã xảy ra khi đọc về sự hủy phá thành Giê-ru-sa-lem (đã được Chúa Giê-su phán trước trong Ma-thi-ơ 24:15). Nhưng thật ra thư này được viết vào khoảng năm 50 S.C và Giê-ru-sa-lem bị phá hủy vào năm 70 S.C. Phao-lô dùng thì quá khứ giống như cách các tiên tri trong thời CU đã dùng. Ông

nói một cách gợi hình như là đã xảy ra để cho thấy là việc đó chắc chắn sắp xảy đến.

BDM và BDC dịch theo thì quá khứ giống như trong nguyên bản Hy-lạp.

cuối cùng: Chúng ta phải hiểu từ *eis telos* “cho đến cuối cùng” như thế nào?

Có hai ý nghĩa:

- (1) “cuối cùng,” đó là sự kiện nhấn của Đức Chúa Trời đã chấm dứt (BDM, BDY và BDC).
- (2) “tới chỗ tận cùng.”

Quan niệm đầu tiên được ưa thích hơn, bởi vì cho đến khi Phao-lô viết thư này sự trừng phạt của Đức Chúa Trời chưa được thi hành. Đó là sự hủy phá Giê-ru-sa-lem của người La-mã vào năm 70 S.C. như đã nói ở phần trên.

TIỂU ĐOẠN 2:17-3:5 Phao-lô giải thích rằng ông rất muốn tới thăm các con dân Chúa ở tại Tê-sa-lô-ni-ca một lần nữa, nhưng ông đã bị ngăn trở như thế nào, và tại sao ông sai Ti-mô-thê đi thay ông.

2:17-20 Phao-lô và các bạn đồng hành rất muốn đi thăm Tê-sa-lô-ni-ca nhưng Sa-tan ngăn cản họ.

Phao-lô xác định rằng ông và các bạn đồng hành rất đau lòng khi phải ra đi đột ngột như vậy. Ông giải thích ông đã cố gắng đi thăm lại các tín hữu ở Tê-sa-lô-ni-ca như thế nào nhưng đã bị Sa-tan ngăn trở. Ông rất trông đợi gặp lại họ, bởi vì họ là những người cho ông nhiều hy vọng, vui mừng và hãnh diện.

2:17a-b

Về phần chúng tôi, thưa anh chị em, bấy lâu nay chúng tôi bị xa cách với anh chị em, cách mặt chứ không xa lòng: Nhóm từ *về phần* (trong tiếng Hy-lạp *de*) cho thấy là Phao-lô đã quay khỏi vấn đề những điều các người Do Thái làm cho ông và các bạn đồng hành, để nói về cảm nghĩ của Phao-lô và các bạn đồng hành khi họ phải rời Tê-sa-lô-ni-ca.

anh chị em: Hãy xem lại lời giải nghĩa của 1:4.

bấy lâu nay chúng tôi bị xa cách với anh chị em: Hãy xem Công-vụ 17:10. Phao-lô và các bạn đồng hành bị bắt buộc phải rời Tê-sa-lô-ni-ca cách vội vã bởi vì sự bất bớ của các người Do Thái địa phương. Từ Hy-lạp *aporphanizō* có nghĩa là “người ta bị phân cách và trở nên buồn bã vì sự xa cách đó.” Có lẽ Phao-lô dùng từ này để chỉ sự đau đớn của ông khi phải xa họ đột ngột.

BDM và BDY dùng *bị* và *phải* để nhấn mạnh Phao-lô và các bạn đồng hành đã không muốn rời Tê-sa-lô-ni-ca, vì hoàn cảnh họ bắt buộc phải rời khỏi đó. Cần có sự nhấn mạnh này để làm câu kế tiếp được rõ ràng. Trong BDC chỉ nói đến việc họ rời Tê-sa-lô-ni-ca nhưng không nói rõ là trái với ý muốn của Phao-lô. Khi dịch câu này bạn nên cố gắng tìm cách dịch để diễn tả cảm nghĩ mạnh mẽ của Phao-lô một cách rõ rệt

bấy lâu nay: Các nhà phê bình gặp một vài khó khăn trong cụm từ này, có thể có những cách dịch sau đây:

2:16c *nhưng cuối cùng cơn thịnh nộ đã đổ xuống trên họ.*
 Nhưng sau hết Đức Chúa Trời đã trừng phạt họ.
 - HAY -
 [Kết quả là] Đức Chúa Trời nổi giận và trừng phạt họ.

TIỂU ĐOẠN 2:17-3:5 Phao-lô giải thích rằng ông rất muốn tới thăm các con dân Chúa ở tại Ê-sa-lô-ni-ca một lần nữa, nhưng ông đã bị ngăn trở như thế nào, và tại sao ông sai Ti-mô-thê đi thay ông.

2:17a *Về phần chúng tôi, thưa anh chị em, bấy lâu nay chúng tôi bị xa cách với anh chị em,*
 Về phần chúng tôi, thưa anh chị em, khi người ta khiến chúng tôi phải xa cách anh chị em,
 2:17b *cách mặt chứ không xa lòng,*
 chúng tôi vẫn nhớ đến anh chị em ở trong lòng mặc dầu không thể ở gần anh chị em,
 2:17c *chúng tôi lại càng tha thiết và rất khao khát được gặp mặt anh chị em.*
 [sau đó ít lâu], chúng tôi tìm mọi cách để trở lại thăm anh chị em, vì chúng tôi rất ước ao [được gặp lại anh chị em].

- (1) “Chúng tôi phải tạm biệt anh em ít lâu nay... nên chúng tôi mong mỗi, cố gắng trở lại thăm anh em” (BDY).
- (2) “Bấy lâu nay chúng tôi bị xa cách với anh chị em” (BDM). Trong cách này Phao-lô cho thấy sự xa cách không phải là vĩnh viễn, và ông có ý định trở lại thăm họ bất cứ lúc nào mà ông có thể đi được.
- (3) “Hỡi anh em, về phần chúng tôi đã xa cách anh em ít lâu nay” (BDC).

Phao-lô có thể xa họ vài tuần hay vài tháng, đối với ông có vẻ như là một thời gian dài, vì ông đã thất bại trong việc trở lại thăm họ. Vì lý do này cách dịch (3) bị loại trừ. Vậy thì tại sao ông nói trong *bấy lâu nay*. Nếu giống như chúng ta thấy trong 2:17c, Phao-lô rất muốn thăm họ một lần nữa, nên nói sau khi xa họ một thời gian ngắn, ông đã ao ước đi thăm họ lại thì đúng hơn. Do đó chúng ta chấp nhận cách dịch (1).

chúng tôi bị xa cách với anh chị em, cách mặt chứ không xa lòng: Văn mạch Hy-lạp nói: “xa mặt chứ không xa trong lòng” và trong 2:17c tiếp tục “chúng tôi lại càng tha thiết và rất khao khát được gặp mặt anh chị em.” Hãy xem PKTCD để xem một

cách diễn tả khác của phần này. Một cách khác có thể diễn tả điều này là “Chúng tôi không thể trở lại thăm anh chị em, nhưng chúng tôi vẫn nhớ đến anh chị em, và rất muốn đi thăm anh chị em một lần nữa.”

2:17c

chúng tôi lại càng tha thiết và rất khao khát được gặp mặt anh chị em: Động từ *spoudazō* trong tiếng Hy-lạp có thể có hai ý nghĩa:

- (1) “tận sức tranh thủ”
- (2) “rất sốt sắng để” hay “rất nóng lòng muốn”

Ý nghĩa (1) được ưa thích hơn vì trong 2:18a-b giải thích đầy đủ về ý nghĩa này. Trong bản Hy-lạp các từ khác được dùng để nhấn mạnh thêm ý từ này diễn tả. Có lẽ cách dễ nhất để hiểu từ này là dịch như “càng nhiều hơn, càng lớn hơn.” Dịch như vậy chỉ để nhấn mạnh hơn là so sánh, bởi vì trong văn mạch này không cho thấy rõ có thể so sánh sự tranh thủ của họ với cái gì.

2:18a

Vì vậy, chúng tôi muốn đến thăm anh chị em:

Vì vậy: Từ này muốn dẫn đến một lý do hay kết quả? Có thể có hai cách dịch:

- (1) Có nghĩa là “bởi vì,” và nó dẫn đến lý do tại sao Phao-lô và các bạn đồng hành cố gắng tìm cách để gặp họ (BDM, BDC).
- (2) Có nghĩa là “vì vậy” bởi vì nó dẫn đến kết quả là Phao-lô rất tha thiết khao khát gặp lại họ (BDY).

Cách diễn dịch (1) được ưa thích hơn.

chúng tôi muốn đến: Các nhà phê bình chia phe về ý nghĩa của từ Hy-lạp *thelō* trong văn mạch này:

- (1) “Chúng tôi thật khao khát đến” (BDM, BDY, BDC).
- (2) “Chúng tôi rất cố gắng để đến.”
- (3) “Chúng tôi dự định để đến.”

Mặc dầu có thể có rất nhiều sự khác biệt về những quan niệm này, quan niệm đầu tiên được ưa thích hơn vì 2:18b trong nguyên bản Hy-lạp không có động từ. Nhưng động từ được hiểu ngầm ở đây và có lẽ là động từ *spoudazo* trong 2:17c, có lẽ có nghĩa là “hết sức cố gắng (tìm phương).” (Hãy xem lời giải nghĩa trong 2:17c.), tức là, “chúng tôi cố gắng để đến.” Vậy trong 2:18a Phao-lô nói “chúng tôi hết sức cố gắng để đến, bởi vì chúng tôi thật khao khát để đến thăm.”

2:18b

chính tôi, Phao-lô đã mấy lần định đi: Có phải Phao-lô nói rằng Sin-vanh và Ti-mô-thê không có cố gắng để gặp lại họ không? Điều này không đúng được, vì Ti-mô-thê có đến thăm họ một lần nữa, như chúng ta xem trong 3:1-6. Có lẽ Phao-lô sai Sin-vanh đi nơi khác, có thể là Bê-rê. Chính Phao-lô là người mà những người Do Thái muốn ngăn trở, và có vẻ họ như đã thành công. Hãy xem lời giải nghĩa kế tiếp.

nhưng quỷ Satan đã ngăn cản chúng tôi: Có lẽ người Do Thái là người gây ra rắc rối cho Phao-lô (Công-vụ 17:5-9). Nhưng Phao-lô thừa nhận những tư tưởng và hành động

gian ác là công việc của Sa-tan, chính là do Quỷ vương.

chúng tôi: Phao-lô muốn nói đến ông và các bạn đồng hành của ông, bởi vì ba người không thể đi trở lại cùng một lúc với nhau.

2:19

Vì hy vọng, niềm vui và mào hoa vinh dự của chúng tôi trước mặt Chúa Giê-su chúng ta khi Ngài quang lâm là gì? Không phải là chính anh chị em sao?: Ở đây Phao-lô cho biết lý do muốn đi thăm họ một lần nữa (theo tất cả các nhà phê bình). “Vì hy vọng, niềm vui và mào hoa vinh dự của chúng tôi...là gì?” (BDM). Lý do này được đặt theo thể câu hỏi tu từ (câu hỏi để gây ra tác dụng mạnh mẽ chứ không phải để có câu trả lời) mà ông đã đưa ra câu trả lời ngay lập tức. Nếu cách hỏi này không được tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể dịch như sau: “Bởi vì anh chị em là hy vọng, nguồn vui và mào hoa vinh dự.”

hy vọng: Hình như Phao-lô nói ông biết chắc người Tê-sa-lô-ni-ca sẽ đứng vững trong đức tin Cơ Đốc khi đối diện với những sự bất bớ (2:14, và 2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:4), và họ sẽ có thể đối diện với Đức Cơ Đốc mà không hổ thẹn khi Chúa trở lại. (Cũng xem 2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:5-12). Vì vậy Phao-lô thêm những lời sau đây:

niềm vui: Có nhiều điều về người Tê-sa-lô-ni-ca làm cho Phao-lô vui mừng: nhờ sự giảng dạy của ông mà họ đã trở nên các con dân Chúa, cho tới lúc này họ vẫn tin chắc vào những điều họ được dạy dỗ dù đối diện với sự bất bớ. Chính họ cũng bắt đầu rao truyền phúc âm (các câu 1:2-8, 2:13-14, 3:6-10). Ông cũng có thể thêm các lời sau đây:

mào hoa vinh dự: Trong văn hoá Hy-lạp, biểu tượng danh dự cao nhất mà một lực sĩ Hy-lạp đoạt được sau khi thắng cuộc là một mào đội trên đầu làm bằng cành lá của cây nguyệt quế. Phao-lô dùng hình ảnh này làm ẩn dụ để so sánh người Tê-sa-lô-ni-ca là “mào hoa vinh dự” của ông. Họ là biểu tượng cho sự thành công của công việc ông làm. Tức là, “đời sống tốt đẹp của anh chị

- 2:18a *Vì vậy, chúng tôi muốn đến thăm anh chị em,*
[Sở dĩ như vậy là] vì chúng tôi thật rất muốn đến và thăm viếng anh chị em một lần nữa.
- 2:18b *chính tôi, Phao-lô đã mấy lần định đi nhưng quỷ Sa-tan đã ngăn cản chúng tôi.*
Thật ra, tôi, Phao-lô tranh thủ để [trở lại thăm anh chị em] một vài lần, nhưng Sa-tan cứ ngăn cản chúng tôi.
- 2:19 *Vì hy vọng, niềm vui và mآo hoa vinh dự của chúng tôi trước mặt Chúa Giê-su chúng ta khi Ngài quang lâm là gì? Không phải là chính anh chị em sao?*
[Tại sao chúng tôi lại muốn gặp lại anh chị em?] Bởi vì chính anh chị em là người mà chúng tôi có hy vọng nhiều khi Chúa Giê-su trở lại, [anh chị em sẽ đứng] trước mặt Ngài [mà không hổ thẹn], và vì vậy cho chúng tôi lý do để vui mừng và hãnh diện về anh chị em.
- 2:20 *Phải, chính anh chị em là vinh quang và niềm vui của chúng tôi.*
Thật chính anh chị em là người mà chúng tôi hãnh diện và là người khiến cho chúng tôi vui mừng.

em chúng tỏ công việc của chúng tôi đã thành công.”

trước mặt Chúa Giê-su chúng ta khi Ngài quang lâm: Có thể hiểu ngầm rằng người Tê-sa-lô-ni-ca, Phao-lô và các bạn đồng hành của ông sẽ đứng mà không hổ thẹn trước mặt Đức Cơ Đốc khi Ngài trở lại để đoán xét thế gian. Trong khi dịch có thể phải nói rõ về điều này. Khó mà dịch cả câu bởi vì trong tiếng Hy-lạp không có động từ. Phao Lô đang nói rằng họ sẽ hay đang là hy vọng, sự vui mừng và kiêu hãnh của ông? Có vẻ trong 2:20 nhấn mạnh rằng họ đã là những người làm cho ông hãnh diện. Đời sống của họ khiến ông biết chắc họ sẽ tiếp tục như vậy cho đến khi Đức Cơ Đốc trở lại, mà không làm điều gì cho Phao-lô phải tiếc cả. Có vẻ như 2:20 xác định điều này.

2:20

Phải, chính anh chị em là vinh quang và niềm vui của chúng tôi: Nhóm từ *chính anh chị em là vinh quang và niềm vui của chúng tôi* là một lời tuyên bố tích cực về điều được nói trong câu hỏi tu từ ở 2:19. Có hai từ được dùng ở đây để mô tả Phao-lô và các bạn đồng hành. Từ thứ nhất là từ “vinh quang” nhưng khó để xác định ý nghĩa của

nó trong văn mạch này. Có thể có nghĩa là Đức Cơ Đốc sẽ khen ngợi Phao-lô và các bạn đồng hành về đức tin mạnh mẽ của người Tê-sa-lô-ni-ca. Mặc dầu một số nhà phê bình đồng ý nhưng không có bản dịch nào hỗ trợ quan niệm này cả. Hầu như từ này có nghĩa là “chúng tôi hãnh diện về anh chị em,” cũng được bày tỏ trong một cảm giác tương tự “niềm vui.” Khi Phao-lô dùng từ thứ nhì “niềm vui” ý nghĩa của nó rõ ràng hơn. Phao-lô và các bạn đồng hành rất vui mừng vì có đức tin mạnh mẽ của các tín hữu ở Tê-sa-lô-ni-ca.

3:1-5 Phao-lô nói về việc ông sai Ti-mô-thê đi khám phá về đức tin của người Tê-sa-lô-ni-ca, và khuyến khích họ tin tưởng mạnh mẽ hơn vì họ đang bị bắt bớ.

Vì Phao-lô và các bạn đồng hành của ông không thể cùng trở lại Tê-sa-lô-ni-ca nên họ quyết định sai Ti-mô-thê đi một mình. Mục đích của chuyến thăm viếng này là để khuyến khích và làm cho người Tê-sa-lô-ni-ca được mạnh mẽ trong đức tin nơi Đức Cơ Đốc trong lúc đối diện với sự bắt bớ mà họ đã đoán trước. Thật ra Phao-lô không yên tâm vì sợ rằng Quý vương đã cảm dỗ họ,

khiến họ không còn tin tưởng nơi Đức Cơ Đốc nữa vì có các sự bất bố nghiêm trọng.

3:1a

Vì không thể chờ đợi hơn nữa:

Vì: Trong bản Hy-lạp câu này đi theo sau chữ *vì vậy* bởi vì các câu 1-3 là kết quả của các câu trước. Trong bản dịch tiếng Việt *vì vậy* được hiểu ngầm chứ không được viết rõ ra. Từ “vì” trong các bản dịch tiếng Việt đề cập đến câu tiếp theo sau. Nếu trong ngôn ngữ của bạn khó để hiểu được sự nối kết của *vì vậy* bạn có thể viết rõ ra. Thí dụ, “Vì vậy, khi (hay “vì”) chúng tôi không thể chờ đợi lâu hơn nữa...”

không thể chờ đợi hơn nữa: Có thể nói rõ ràng hơn, thí dụ như, “chúng tôi không thể nhìn không đi thăm anh chị em lại lâu hơn nữa.”

3:1b

chúng tôi đành quyết định ở lại A-then một mình:

chúng tôi đành quyết định: Nhóm từ này được dịch từ cùng một cụm từ Hy-lạp đã dịch là “mong ước” trong 2:8b. Thật khó cho Phao-lô và Sin-vanh quyết định, nhưng họ vui lòng khi quyết định sai Ti-mô-thê đi.

chúng tôi...ở lại A-then một mình: Nếu chúng ta đọc Công-vụ 17:15-16, 18:1, 5 và so sánh các câu này với 1 Tê-sa-lô-ni-ca 3:1, chúng ta phải kết luận là Lu-ca, khi viết sách Công-vụ, đã không ghi lại một vài chi tiết về cuộc viếng thăm đầu tiên của Ti-mô-thê và Sin-vanh. Các nhà phê bình có ý kiến khác nhau về việc gì đã xảy ra trong chuyến viếng thăm này. Có lẽ Sin-vanh và Ti-mô-thê đến gặp Phao-lô tại A-then, từ đó Phao-lô sai Ti-mô-thê đi về Tê-sa-lô-ni-ca lại. Sau đó có lẽ ông sai Sin-vanh đi đâu đó, có thể là Bê-rê, và Sin-vanh đã về A-then lại trước khi Ti-mô-thê trở lại đó. Có thể Ti-mô-thê và Sin-vanh lại ở cùng với Phao-lô khi ông viết sách 1 Tê-sa-lô-ni-ca. Chúng tôi không biết ai đem thư này đến Tê-sa-lô-ni-ca. Nên chúng tôi kết luận rằng Phao-lô sai Ti-mô-thê trở lại Tê-sa-lô-ni-ca còn ông và Sin-vanh ở lại A-then.

3:2a

và phái Ti-mô-thê đến thăm anh chị em. Anh là một anh em của chúng tôi, người cùng phục vụ Đức Chúa Trời trong việc truyền giảng Phúc Âm của Đức Cơ Đốc:

Khi Phao-lô đang kể chuyện có xen vào một phần mô tả khá dài về Ti-mô-thê vào giữa câu này. Trong tiếng Hy-lạp chi tiết này thêm vào làm đứt đoạn dòng văn. Lý do là vì Phao-lô xác nhận rằng Ti-mô-thê có thẩm quyền và có điều kiện cần yếu để giúp đỡ họ. Để có thể dịch đầy đủ ý nghĩa, tốt hơn nên mô tả về Ti-mô-thê trong một câu riêng biệt (như BDM làm) rồi bắt đầu câu chính sau.

một anh em: Hãy xem lại lời giải nghĩa trong 1:4.

người cùng phục vụ Đức Chúa Trời: Có hai nan đề xảy ra do sự hơi khác nhau của các văn bản Hy-lạp. Chúng ta phải quyết định xem Phao-lô mô tả Ti-mô-thê như một người bạn đồng lao, một người đồng lao với Đức Chúa Trời hay là một đầy tớ của Đức Chúa Trời. Có nhiều cách dịch khác nhau:

- (1) Đa số các nhà học giả Hy-lạp ưa thích quan niệm là người đồng lao với Đức Chúa Trời.
- (2) Các văn bản Hy-lạp khác được dịch là “một thân hữu cùng phục vụ Thượng Đế với tôi” (BDY) hay “người cùng phục vụ Đức Chúa Trời” (BDM).
- (3) Một số văn bản dùng “tôi tớ của Đức Chúa Trời” (BDC), hay “người giúp đỡ Đức Chúa Trời.”

Có lẽ những người sao chép theo quan niệm 2 và 3 nghĩ rằng con người làm việc với Đức Chúa Trời thì không đúng mà phải là làm việc cho Đức Chúa Trời. Phao-lô cũng dùng cách diễn tả này trong 1 Cô-rinh-tô 3:9.

trong việc truyền giảng Phúc Âm của Đức Cơ Đốc: Phúc Âm này liên quan đến Đức Cơ Đốc. Trong văn bản Hy-lạp ý tưởng loan truyền được hiểu ngầm. Vậy nên tốt hơn nên nói rõ ràng bằng cách dịch là “loan truyền,” “rao giảng” hay “nói ra.”

- 3:1a** *Vì không thể chờ đợi hơn nữa,*
 Vì chúng tôi không thể nào chịu đựng nổi nên tranh thủ gặp lại anh chị em, [và bởi vì tôi, Phao-lô, không thể trở lại thăm anh chị em],
-HAY-
 Chúng tôi không thể chịu đựng sự xa cách anh chị em lâu hơn được nữa [và bởi vì tôi, Phao-lô, không thể trở lại thăm anh chị em],
- 3:1b** *chúng tôi đành quyết định ở lại A-then một mình*
 chúng tôi, [Phao-lô và Sin-vanh] đành quyết định ở lại A-then một mình.
- 3:2a** *và phái Ti-mô-thê đến thăm anh chị em. Anh là một anh em của chúng tôi, người cùng phục vụ Đức Chúa Trời trong việc truyền giảng Phúc Âm của Đức Cơ Đốc.*
 Chúng tôi sai Ti-mô-thê đi thay cho chúng tôi. Anh là anh em của chúng ta và anh cùng làm việc với Đức Chúa Trời và với chúng tôi trong sự rao giảng tin lành về Đức Cơ Đốc cho những người khác.
- 3:2b** *Anh đến để củng cố và khích lệ đức tin anh chị em.*
 Chúng tôi sai anh (Ti-mô-thê) đến với anh chị em để làm cho anh chị em tin tưởng một cách mạnh mẽ trong [nơi Đức Cơ Đốc] và để khuyến khích anh chị em tiếp tục tin tưởng [nơi Ngài/Đức Cơ Đốc],
- 3:3a** *Hầu cho không ai trong anh chị em bị nao núng trong các cơn hoạn nạn này;*
 để không một ai trong anh chị em trở nên ngã lòng/chán nản [và chối bỏ niềm tin] bởi vì anh chị em bị những người khác bắt bớ;
- 3:3b** *vì chính anh chị em biết rằng đây là số phận dành cho chúng ta.*
 [anh chị em không nên chán nản vì] anh chị em biết rõ rằng] tất cả chúng ta là những người tin nơi Đức Cơ Đốc] đều sẽ phải chịu sự bắt bớ.

3:2b

Anh đến để củng cố và khích lệ đức tin anh chị em: Phao-lô có ý định để Ti-mô-thê sửa chữa bất cứ sự yếu đuối nào họ có trong đức tin nơi Đức Cơ Đốc, và sau đó giúp họ tăng trưởng đức tin.

3:3a

Hầu cho không ai trong anh chị em bị nao núng trong các cơn hoạn nạn này:

Hầu cho không ai trong anh chị em bị nao núng: Hãy hiểu bị nao núng theo ý nghĩa của 3:5c. Chính Quý vương cảm dỗ người Tê-sa-lô-ni-ca nghĩ rằng nếu họ bị bắt bớ vì làm con dân Chúa thì không đáng cho họ tiếp tục làm con dân Chúa nữa. Vậy nên tâm trí họ bị xao động, ngã lòng và họ sẽ quay lại đạo cũ.

trong các cơn hoạn nạn này: Câu này

có nghĩa là bởi chính sự bắt bớ mà anh chị em đang chịu. Chọn một từ mô tả tất cả các sự rắc rối này do những người thù ghét các con dân Chúa gây ra. Hãy xem trong 1:6b cùng một từ Hy-lạp này được dịch là “chịu khổ.”

3:3b

vì chính anh chị em biết rằng đây là số phận dành cho chúng ta:

vì chính anh chị em biết: Trong văn bản Hy-lạp câu này được giới thiệu bằng một từ dịch là “vì.” Các từ này cho thấy một lần nữa Phao-lô kêu gọi họ dùng đến kiến thức của họ về các điều ông đã dạy dỗ trong những ngày ông ở tại Tê-sa-lô-ni-ca.

chúng ta: Tất cả các con dân Chúa.

đây là số phận dành cho chúng ta:

Tránh dịch theo cách có thể khiến người ta nghĩ là Đức Chúa Trời ghét họ hay Chúa là một nhà độc tài làm cho dân phải chịu khổ mà không có lý do chính đáng. Cũng tránh nói “số phận” của họ là phải chịu khổ. Trong tiếng Việt “số phận” có thể hiểu theo nghĩa thông thường khác với ý nghĩa trong Phật Giáo là “tương lai” của một người. Đây là một từ được dùng trong triết lý của Phật Giáo và có thể khiến các đồng bào nói cùng một thứ ngôn ngữ chung một văn hoá với bạn cho rằng có sự tương tự giữa Phật Giáo và Cơ Đốc Giáo. Điều này không đúng. Phao-lô dạy rằng nếu họ thật sống một đời sống Cơ Đốc, các người không tin Chúa sẽ gây rắc rối cho họ, đây là hậu quả tự nhiên. Đôi khi ý muốn của Đức Chúa Trời là các con dân Chúa phải gặp rắc rối, nhưng được ban thêm sức để kiên nhẫn chịu đựng. Hãy xem trong 2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:4-12 chỗ Phao-lô giải thích mục đích của sự chịu khổ, và Đức Chúa Trời sẽ đoán xét đúng đắn. Câu này có thể dịch là: “Anh chị em biết các rắc rối sẽ xảy đến cho chúng ta là các con dân Chúa.”

3:4a

Thật vậy, khi còn ở cùng anh chị em, chúng tôi đã nói trước cho anh chị em rằng:

Thật vậy: Trong văn bản Hy-lạp từ này có nghĩa là “vì.” Phao-lô cho biết lý do của lời tuyên bố của ông trong 3:3b *chính anh chị em biết.*

chúng tôi đã nói trước cho anh chị em: Thì của động từ *prolegō* trong tiếng Hy-lạp cho thấy chữ “nói trước” được lập lại nhiều lần. Từ này có nghĩa là “nói trước,” “nói cho họ biết về điều sẽ xảy ra.” Tránh dịch theo cách mà có thể gây hiểu lầm là đây muốn nói tới bói toán, tiên tri, hay lời cảnh cáo đừng nên làm một điều gì đó. Phao-lô chỉ muốn nói người theo Đức Cơ Đốc vì là môn đệ của Chúa chắc chắn sẽ phải chịu bắt bớ giống như chính Chúa Giê-su đã chịu bắt bớ. Chúa Giê-su đã bảo các môn đệ của Ngài cũng sẽ phải chịu bắt bớ.

3:4b

chúng ta sẽ bị hoạn nạn:

chúng ta: Tất cả các con dân Chúa.

chúng ta sẽ bị: Từ Hy-lạp *mellō* có nghĩa là “chắc chắn chúng ta sẽ bị...” Trong một số ngôn ngữ tốt hơn nên đổi câu này từ thể thụ động ra thành chủ động. Thí dụ: *chắc chắn là những người khác sẽ làm cho chúng ta là những người tin nơi Đức Cơ Đốc phải chịu khổ.*

3:4b

chúng ta sẽ bị hoạn nạn:

chúng ta: Tất cả các con dân Chúa.

chúng ta sẽ bị: Từ Hy-lạp *mellō* có nghĩa là “chắc chắn chúng ta sẽ bị...” Trong một số ngôn ngữ tốt hơn nên đổi câu này từ thể thụ động ra thành chủ động. Thí dụ: *chắc chắn là những người khác sẽ làm cho chúng ta là những người tin nơi Đức Cơ Đốc phải chịu khổ.*

3:4c

và điều này đã xảy ra như anh chị em biết:

Người Tê-sa-lô-ni-ca đã bắt đầu phải chịu bắt bớ ngay cả trong khi Phao-lô và các bạn đồng hành của ông ở đó. Họ tiếp tục bị bắt bớ cho đến khi Ti-mô-thê đến thăm họ và chắc chắn sẽ còn tiếp diễn như vậy.

3:5a

Vì vậy, không thể chờ đợi hơn nữa: Vì lý do gì? Có thể vì một trong hai lý do sau đây:

- (1) “bởi vì tôi đã biết những người khác đang bắt bớ anh chị em...” Mặc dù câu này có vẻ như lập lại 3:1 thật ra lý do được đưa ra rõ ràng ở trong 3:4b-c. Bởi vì họ đang bị bắt bớ, Phao-lô muốn biết xem họ có đứng vững trong niềm tin nơi Đức Cơ Đốc hay không. Ông sợ sự bắt bớ khiến cho họ lui đi trong đức tin nơi Đức Cơ Đốc. Trong văn mạch, có vẻ đây là lý do. Tốt hơn là khi dịch nên nói rõ ra giống như trong CĐN của PKTCD cho dễ hiểu hơn.
- (2) “bởi vì không thể chờ đợi hơn nữa...” Một số nhà phê bình nghĩ rằng Phao-lô đang lập lại trong 3:1a rằng ông muốn đến gặp họ một lần nữa vì ông yêu họ. Tuy nhiên ý nghĩa trong văn mạch này đối nghịch lại với sự diễn dịch này.

- 3:4a *Thật vậy, khi còn ở cùng anh chị em, chúng tôi đã nói trước cho anh chị em rằng*
[Anh chị em biết điều này] bởi vì chúng tôi đã nói trước trong khi chúng tôi ở với anh chị em rằng
- 3:4b *chúng ta sẽ bị hoạn nạn*
[chắc chắn] những người khác sẽ làm cho chúng ta [là những người tin nơi Đức Cơ Đốc] phải chịu khổ.
- 3:4c *và điều này đã xảy ra như anh chị em biết.*
và bây giờ anh chị em biết rằng điều này đã xảy ra [cho anh chị em].
-HAY-
và bây giờ anh chị em đã thấy điều này xảy ra [cho anh chị em].
- 3:5a *Vì vậy, không thể chờ đợi hơn nữa,*
Vì lý do này, [và] vì chúng tôi không thể chịu nổi [việc không biết anh chị em còn tin nơi Đức Cơ Đốc nữa hay không],
- 3:5b *tôi đã phái Ti-mô-thê đến cho biết đức tin anh chị em như thế nào,*
tôi sai Ti-mô-thê đến phát hiện anh chị em có còn vững tin [nơi Đức Cơ Đốc] nữa hay không.
- 3:5c *e rằng kẻ căm dỗ đã căm dỗ anh chị em*
[Tôi làm điều này] bởi vì tôi sợ rằng có lẽ Ma Quỷ đã căm dỗ anh chị em, [và sự căm dỗ đó đưa đến kết quả là anh chị em thôi không tin nơi Đức Cơ Đốc nữa],
- 3:5d *và công khó của chúng tôi thành vô ích.*
và công việc khó nhọc chúng tôi đã làm [giữa anh chị em để khiến anh chị em tin nơi Đức Cơ Đốc] đã trở thành vô ích.
-HAY-
và công việc khó nhọc chúng tôi đã làm [giữa anh chị em để khiến anh chị em tin nơi Đức Cơ Đốc] đã bị phá hoại.

3:5b

tôi đã phái Ti-mô-thê đến cho biết đức tin anh chị em như thế nào:

cho biết đức tin anh chị em như thế nào: Phao-lô không phải muốn do thám hay muốn biết họ tin điều gì. Ông muốn biết họ có còn đứng vững trong niềm tin nơi Đức Cơ Đốc hay không.

3:5c

e rằng kẻ căm dỗ đã căm dỗ anh chị em:

e rằng: Các từ này dịch từ Hy-lạp *mē* “e rằng” hay “sợ rằng.” Phao-lô lo họ đã bị căm dỗ không tin nơi Phúc Âm nữa.

kẻ căm dỗ: Nếu “*kẻ căm dỗ*” không có ý nghĩa trong ngôn ngữ của bạn, hãy dịch là

“*Quỷ vương*” hay “*Sa-tan.*” Hãy xem lời giải nghĩa trong 2:18b.

đã căm dỗ anh chị em: Trong nhiều ngôn ngữ từ “*căm dỗ*” và “*thử nghiệm*” giống như nhau trừ khi thêm vào điều mà người đó bị căm dỗ làm. Nó có thể là điều tốt hay điều xấu. Trong văn mạch câu này có nghĩa là “*tôi lo sợ rằng Quỷ vương đã cố gắng khiến cho anh em không tin tưởng nơi Chúa Giê-su và nó đã thành công.*”

3:5d

và công khó của chúng tôi thành vô ích:

công khó của chúng tôi: Tiếng Hy-lạp dịch thẳng từ “*sự lao động của chúng tôi.*” Cụm từ này nói đến việc làm khó nhọc

Phao-lô và các bạn đồng hành của ông đã làm để giảng dạy và cải đạo những người Tê-sa-lô-ni-ca trở lại theo Đức Cơ Đốc.

thành vô ích: Công việc của họ chắc chắn đã đem lại những người cải đạo, nhưng

nếu những người này bỏ niềm tin nơi Đức Cơ Đốc thì Phao-lô và các bạn đồng hành cuối cùng không hoàn tất được điều gì hết.

TIỂU ĐOẠN 3:6-13 Ti-mô-thê trở lại với báo cáo làm cho Phao-lô vui mừng, được khuyến khích và làm ông càng muốn đi thăm lại Tê-sa-lô-ni-ca hơn nữa.

3:6-10 Lời báo cáo tốt của Ti-mô-thê về người Tê-sa-lô-ni-ca khuyến khích Phao-lô.

Ti-mô-thê mới từ Tê-sa-lô-ni-ca trở về với tin mừng là các tín hữu ở đó vẫn nhớ đến Phao-lô và các bạn đồng hành của ông với lòng thương mến. Ti-mô-thê cho biết họ vẫn tin tưởng mạnh mẽ và yêu mến lẫn nhau. Điều này khuyến khích Phao-lô rất nhiều và làm cho ông vui mừng giữa những sự bất ổn ông đang phải chịu tại Cô-rinh-tô. Đức tin và tình yêu thương của họ khiến ông càng cầu nguyện nhiều hơn để ông có thể trở lại thăm và làm cho họ mạnh mẽ hơn nữa.

3:6a

Nhưng nay, Ti-mô-thê từ nơi anh chị em trở về cho chúng tôi biết tin mừng: Trong bản Hy-lạp nói “nhưng nay.” Cụm từ này bày tỏ điều gì? Nó chỉ cho thấy chỗ bắt đầu của một tiểu đoạn mới. Thật là mâu thuẫn khi mới đầu Phao-lô nói về sự lo sợ của ông về đức tin của họ rồi bây giờ lại nói đến sự kiện nổi lo sợ đó là vô căn cứ. Cảm giác vui mừng của Phao-lô khi nghe tin mừng Ti-mô-thê đem về trái ngược lại với sự lo lắng của ông về họ như đã bày tỏ trong 2:17-3:5.

Nhưng nay: Có thể chia các lời dịch của các bản dịch khác nhau như sau:

- (1) “Ti-mô-thê từ nơi anh chị em trở về cho chúng tôi biết tin mừng,” cho thấy ý nghĩa trong BDM là trước khi Ti-mô-thê trở lại ông có lo sợ nhưng bây giờ thì không lo sợ nữa.
- (2) Nói về Ti-mô-thê mới vừa trở lại, “Nay Ti-mô-thê vừa quay về” (BDC, BDY).

Cách dịch đầu tiên được ưa thích hơn bởi vì Phao-lô đối chiếu sự lo sợ của ông về họ

trước kia với sự an tâm của ông về họ bây giờ. **Hồi trước**, (khi Ti-mô-thê còn đi xa chưa mang tin tức của họ về) Phao-lô lo sợ rằng họ đã thôi không tin tưởng nơi Phúc Âm. Nhưng **bây giờ** Phao-lô vui mừng vì tin mừng mà Ti-mô-thê đem về. Tương đương trong tiếng Hy-lạp có thể nói là “nhưng bây giờ Ti-mô-thê trở lại và mang theo tin mừng về đức tin của anh chị em... đã khuyến khích chúng tôi.”

cho chúng tôi: Phao-lô và Sin-vanh.

3:6b

về đức tin: “Rằng anh chị em vẫn tin tưởng nơi Đức Cơ Đốc.”

3:6c

và tình thương: Họ yêu thương ai? Hãy xem lời giải nghĩa của 1:3c. Có thể họ yêu Đức Chúa Trời, Chúa Giê-su, các con dân Chúa hay Phao-lô và các bạn đồng hành của ông. Sự khả dĩ của mỗi một đối tượng trên đều được một số nhà phê bình ủng hộ. Có thể Phao-lô bỏ qua không nói rõ là ai bởi vì ông định nói đến tất cả những đối tượng này. Nếu họ yêu mến Đức Chúa Trời và Đức Cơ Đốc, họ cũng sẽ yêu mến Phao-lô và các bạn đồng hành của ông. Trong câu kế 3:6d-e cho thấy ông chuyển tư tưởng một cách nhanh chóng qua tình yêu thương mà họ dành cho ông.

3:6d

Anh ấy cũng cho chúng tôi biết rằng anh chị em vẫn luôn luôn giữ kỷ niệm tốt đẹp về chúng tôi:

Anh ấy cũng cho chúng tôi biết: Nhóm từ này nói cách rõ ràng hơn vì trong bản Hy-lạp chỉ hàm ý như vậy thôi.

TIỂU ĐOẠN 3:6-13 Ti-mô-thê đã trở lại với phản ảnh khiến cho Phao-lô vui mừng và được khuyến khích khiến cho ông càng muốn thăm Tê-sa-lô-ni-ca một lần nữa hơn.

- 3:6a *Nhưng nay, Ti-mô-thê từ nơi anh chị em trở về cho chúng tôi biết tin mừng*
Nhưng [bây giờ chúng tôi không còn lo lắng nữa] bởi vì Ti-mô-thê [đến thăm anh chị em] và trở lại đem theo tin tức tốt lành từ anh chị em về cho chúng tôi
- 3:6b *về đức tin*
rằng anh chị em vẫn tin [nơi Đức Cơ Đốc]
- 3:6c *và tình thương của anh chị em.*
và anh chị em vẫn yêu mến [Chúa và các tín hữu].
- 3:6d *Anh ấy cũng cho chúng tôi biết rằng anh chị em vẫn luôn luôn giữ kỷ niệm tốt đẹp về chúng tôi*
Anh ấy [cũng] cho chúng tôi biết rằng anh chị em vẫn giữ kỷ niệm tốt về chúng tôi
- 3:6e *và mong ước gặp chúng tôi*
và anh chị em rất mong ước gặp lại chúng tôi,
- 3:6f *cũng như chúng tôi ao ước gặp lại anh chị em.*
cũng như chúng tôi rất ao ước gặp lại anh chị em.
- 3:7a *Nhờ vậy, thưa anh chị em, tuy gặp phải mọi gian lao, hoạn nạn*
Vì vậy, thưa anh chị em, [bởi vì các tin tức tốt lành mà Ti-mô-thê đem về cho chúng tôi] trong khi chúng tôi bị người khác gây ra nhiều rắc rối và khổ sở

vẫn luôn luôn: Phao-lô nhấn mạnh đến sự không chấm dứt trong bản chất tình yêu thương của họ đối với Phao-lô và các bạn đồng hành của ông, chứ không phải trên sự nhớ đến ông thường xuyên. Phao-lô lo sợ rằng các tín hữu ở đó không còn yêu mến Phao-lô và các bạn đồng hành của ông vì họ đã vội vã rời Tê-sa-lô-ni-ca.

giữ kỷ niệm tốt đẹp về chúng tôi: Đây không phải chỉ là một hình thức. Nó có nghĩa là “anh chị em nhớ đến chúng tôi với tình thân ái,” hay “khi anh chị em nhớ đến chúng tôi, điều đó làm cho anh chị em vui mừng.”

3:6e-f

và mong ước gặp chúng tôi cũng như chúng tôi ao ước gặp lại anh chị em: Trong văn bản Hy-lạp không lặp lại từ *mong ước* nhưng ý tưởng đó được hiểu ngầm ở đây,

nhưng trong các bản dịch tiếng Việt có lặp lại để nhấn mạnh và làm cho rõ ràng.

cũng như: Cụm từ này có nghĩa như sau:

- (1) “nhiều như là.”
- (2) “cùng trong một cách” (BDM, BDY và BDC).

Cách dịch nào cũng đúng cả nhưng cách (1) được ưa thích hơn. Hãy xem 3:6f trong PKTCD.

3:7a

Nhờ vậy, thưa anh chị em, tuy gặp phải mọi gian lao, hoạn nạn:

Nhờ vậy: Hãy xem phần ghi chú cho 3:6a trong quan niệm (1).

anh chị em: Hãy xem lời giải nghĩa của 1:4.

tuy gặp phải mọi gian lao, hoạn nạn: Trong tiếng Hy-lạp dùng hai từ có ý nghĩa

tương tự như nhau. Trong cuốn “Các Từ Đôi trong TU” [Doublets in the New Testament] của B. R. Moore nói những từ này có ý nghĩa tương tự như nhau và tạo thành từ đôi. Nếu có thể được khi dịch sang ngôn ngữ của bạn, hãy chọn một từ hay một nhóm từ có nghĩa là “sự rắc rối người ta đem lại cho chúng tôi” và một từ hay một nhóm từ khác có nghĩa là “sự chịu khổ mà chúng tôi cảm thấy trong tâm trí và thân thể của chúng tôi bởi vì những rắc rối đó.” Có vẻ Phao-lô và các bạn đồng hành của ông đang chịu bất bớ tại Cô-rinh-tô là chỗ mà ông đang ngồi viết thư này.

3:7b

chúng tôi được khích lệ vì đức tin anh chị em:

chúng tôi được khích lệ: Ý tưởng căn bản là “chúng tôi được ban sức mới” hay “chúng tôi được trấn an.”

vì đức tin anh chị em: Không phải sự tiếp tục tin tưởng nơi Đức Cơ Đốc nhưng khi Phao-lô nghe Ti-mô-thê nói là họ tiếp tục tin tưởng trong Đức Cơ Đốc cho ông sức lực mới.

3:8

Vì hiện nay chúng tôi sống là vì anh chị em đứng vững trong Chúa: Trong câu này Phao-lô cho người Tê-sa-lô-ni-ca biết rõ hơn tại sao ông được khuyến khích.

Vì hiện nay chúng tôi sống: Đây là cách nói theo thành ngữ cho thấy họ đã bớt lo lắng về các tín hữu tại Tê-sa-lô-ni-ca. BDY cố gắng dịch ý nghĩa thật sự của thành ngữ Hy-lạp “chúng tôi có thể chịu đựng tất cả.” Bạn cũng có thể nói: “chúng tôi có thể nằm xuống và ngủ mà không lo lắng” hay “Chúng tôi thỏa lòng.”

là vì anh chị em đứng vững trong Chúa: Văn mạch Hy-lạp diễn tả nhóm từ này như một nhóm từ có điều kiện; “nếu anh chị em đang đứng” tương tự như cụm từ “đứng vững” để diễn tả tin chắc. Tuy nhiên các học giả đồng ý rằng Phao-lô không còn nghi ngờ họ đã thôi không còn tin cậy Chúa Giê-su nữa vì Ti-mô-thê đã đem tin tức về cho biết họ thật đang tin cậy nơi Ngài.

Trong văn bản Hy-lạp nhấn mạnh bất cứ lúc nào họ thôi không tin cậy Chúa Giê-su, điều đó sẽ làm cho Phao-lô rất buồn. Điểm chính của nhóm từ là “nếu anh chị em vẫn còn tin cậy nơi Chúa Giê-su...”

trong Chúa: Các từ được hiểu ngầm ở đây là “trong niềm tin của anh chị em nơi...” Hãy xem PKTCD của 3:8.

Chúa: Xem lời giải nghĩa của 1:1c.

3:9a-b

Chúng tôi làm sao có thể đủ lời cảm tạ Đức Chúa Trời về anh chị em: Đây là phần bắt đầu của câu hỏi tu từ chấm dứt ở cuối 3:10b. Nó không đòi hỏi một câu trả lời. Chúng ta có thể thay đổi cấu trúc của câu hỏi này thành câu nói như là “chúng tôi không thể cảm ơn Đức Chúa Trời đủ về anh chị em.” Đây là một câu nhấn mạnh. Tổng hợp với phần tóm tắt của các 3:6-8, nó có nghĩa là “Ti-mô-thê đem về tin mừng là anh chị em tiếp tục tin tưởng và yêu mến Đức Cơ Đốc làm tấm lòng của chúng tôi tràn đầy sự vui mừng và cảm tạ Đức Chúa Trời.” Chỉ nên dịch dưới dạng câu hỏi tu tự trong ngôn ngữ của bạn nếu khi làm như vậy, đọc nghe vẫn tự nhiên và không khiến cho người đọc hiểu lầm.

vì tất cả niềm vui mà nhờ anh chị em chúng tôi có trước mặt Đức Chúa Trời chúng ta:

vì tất cả niềm vui: Không phải chỉ biết là các tín hữu ở Tê-sa-lô-ni-ca vẫn còn tin cậy Chúa Giê-su là nguồn của sự vui mừng cho Phao-lô, nhưng chính sự vui mừng đó đến từ Đức Chúa Trời (hãy so sánh với 1:6c). Vậy nên, Phao-lô cảm ơn Đức Chúa Trời cả về việc họ tiếp tục tin nơi Đức Cơ Đốc lẫn về sự vui mừng mà ông đang có.

trước mặt Đức Chúa Trời chúng ta: Trong nguyên bản Hy-lạp nói “trước mặt Đức Chúa Trời của chúng ta.” Đây là cách tiêu biểu mà Phao-lô dùng để nói đến sự cầu nguyện với Đức Chúa Trời, 3:10a xác định điều này.

3:10a

Ngày đêm chúng tôi tha thiết nài xin Ngài cho chúng tôi được thấy mặt anh chị em:

3:7b	<i>chúng tôi được khích lệ vì đức tin anh chị em.</i> việc anh chị em tiếp tục tin nơi Đức Cơ Đốc đã khuyến khích chúng tôi.
3:8	<i>Vì hiện nay chúng tôi sống là vì anh chị em đứng vững trong Chúa.</i> Chừng nào anh chị em còn [tin nơi] Chúa [Giê-su] của chúng ta cách vững vàng, chúng tôi có thể thư giãn - HAY - Chừng nào anh chị em còn [tin nơi] Chúa [Giê-su] của chúng ta cách vững vàng chúng tôi có thể ngủ yên.
3:9a-b	<i>Chúng tôi làm sao có thể đủ lời cảm tạ Đức Chúa Trời về anh chị em vì tất cả niềm vui mà nhờ anh chị em chúng tôi có trước mặt Đức Chúa Trời chúng ta.</i> Khi chúng tôi cầu nguyện, chúng tôi không bao giờ có thể cảm ơn Đức Chúa Trời đủ về mọi niềm vui mà anh chị em đã đem đến cho chúng tôi. - HAY - Mặc dầu ngay cả khi chúng tôi tiếp tục cảm ơn Đức Chúa Trời về anh chị em cũng chưa đủ. Điều đó không thể bằng được niềm vui mà anh chị em đã cho chúng tôi.
3:10a	<i>Ngày đêm chúng tôi tha thiết nài xin Ngài cho chúng tôi được thấy mặt anh chị em</i> Chúng tôi ngày đêm cầu nguyện khẩn thiết để chúng tôi có thể gặp lại anh chị em
3:10b	<i>và bổ sung những gì còn thiếu nơi đức tin anh chị em.</i> và [khi chúng tôi gặp lại anh chị em, chúng tôi sẽ có thể] dạy anh chị em thêm những điều cần thiết để anh chị em có thể tin [nơi Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su của chúng ta] một cách đầy đủ/trọn vẹn. - HAY - và khi chúng tôi gặp lại anh chị em, chúng tôi sẽ có thể giúp đỡ/khiến sự tin của anh chị em nơi Chúa Giê-su Cơ Đốc của chúng ta tăng thêm nhiều hơn nữa.

Cụm từ “trước mặt Đức Chúa Trời của chúng ta” trong 3:9b liên kết chặt chẽ với nhóm từ này. Phao-lô viết một điều tương tự như vậy trong các 1:2-3a.

Ngày đêm: Hãy xem lời giải nghĩa của 2:9a.

3:10b

và bổ sung những gì còn thiếu nơi đức tin anh chị em: Vì Phao-lô và các bạn đồng hành của ông mới ở Tê-sa-lô-ni-ca một thời gian ngắn thì họ phải rời đó nên họ cảm thấy như họ vẫn còn rất nhiều điều để dạy dỗ các tín hữu ở Tê-sa-lô-ni-ca. Phần còn lại của thư cũng như 2 Tê-sa-lô-ni-ca thêm vào một số những điều dạy dỗ. Bản dịch của bạn nên tránh có hàm ý rằng Phao-lô trách họ có đức tin sai lầm.

đức tin anh chị em: Câu này không hẳn giống như 3:2b, nhưng đúng hơn là “điều bạn tin liên quan đến Đức Chúa Trời và Đức Cơ Đốc, và cách nó sẽ ảnh hưởng đến sự tin cậy của anh chị em.” Bạn có thể không dịch một câu dài như thế này được. Hãy xem đề nghị ở trong PKTCD cho 3:10b.

3:11-13 Phao-lô cầu nguyện cho người ở Tê-sa-lô-ni-ca

Vậy nên Phao-lô cầu xin Đức Chúa Trời sẽ san bằng mọi trở ngại trong việc trở lại Tê-sa-lô-ni-ca của ông và các bạn đồng hành. Trong lúc này, xin Đức Chúa Trời làm tình yêu thương của các tín hữu ở Tê-sa-lô-ni-ca gia tăng, để khi Chúa Giê-su trở lại sẽ thấy họ không chỗ trách được.

3:11

Nguyện xin chính Đức Chúa Trời, Cha chúng ta và xin Đức Giê-su, Chúa chúng ta dẫn đường chúng tôi đến cùng anh chị em: Đôi khi Phao-lô chấm dứt một tiểu đoạn hay một lá thư đã viết xong bằng một lời cầu nguyện chúc phước. Hãy so sánh 5:23 và 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:16 và 3:16. Thông thường Phao-lô bắt đầu những lời cầu nguyện bằng cụm từ Hy-lạp *Autos de ho theos* “chính Đức Chúa Trời,” hay có thể nói cách thích hợp hơn: “cầu xin chính Đức Chúa Trời...” Tuy nhiên, từ “chính” không phải để nhấn mạnh, nó chỉ là một cách thông thường để bắt đầu một lời cầu nguyện chúc phước trong tiếng Hy-lạp.

Đức Chúa Trời, Cha chúng ta: Hãy xem PKTCD của 3:11. Cũng xem lời giải nghĩa của 2:2.

dẫn đường chúng tôi đến cùng anh chị em: Nan đề là động từ *kateuthēn*, có thể dịch là “hướng dẫn.” Có thể có hai cách dịch:

- (1) Phao-lô nói “Cầu xin Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su làm đường bằng phẳng cho anh chị em,” “...cất bỏ mọi trở ngại và khiến chúng tôi có thể đến với anh chị em,” “...làm cho chúng tôi đến với anh chị em dễ dàng hơn,” “...mở đường cho chúng tôi đến với anh chị em...,” (BDY) “...dọn đường cho chúng tôi đến với anh chị em.”
- (2) “Hướng dẫn đường của chúng tôi đến với anh chị em” (BDM, BDC), “...hướng dẫn các bước của chúng tôi đến với anh chị em.”

Cách dịch (2) bị loại trừ vì nó nói như có vẻ Phao-lô đã quên không kiểm được đường đi trở lại Tê-sa-lô-ni-ca. Ở đây phải hiểu ngầm là Đức Chúa Trời sẽ mở đường, san bằng mọi trở ngại. Cách dịch (1) được chấp nhận vì trong 2:18 Phao-lô nói Sa-tan ngăn trở ông trở lại thăm họ.

3:12a

Xin Chúa khiến tình thương của anh chị em tăng thêm và chan chứa đối với nhau và đối với mọi người: Đây là lời cầu nguyện của Phao-lô cho người Tê-sa-lô-ni-ca.

Chúa: Chúa Giê-su.

khiến tình thương của anh chị em tăng thêm và chan chứa: Hai động từ tạo thành một đôi từ có ý nghĩa liên quan đến nhau, động từ thứ nhì thêm vào sự nhấn mạnh. Trong BDM ẩn dụ *chan chứa* dùng để hàm ý “cầu xin Đức Chúa Trời gia tăng tình yêu thương của anh chị em giống như người ta đổ đầy nước vào cái chén cho đến khi nó đầy và tràn ra.” Hãy xem PKTCD cho 3:12a. Họ được nhắc nhở rằng không phải chỉ yêu thương các con dân Chúa mà thôi nhưng phải yêu thương tất cả mọi người, ngay cả những người bất bớ họ vì cơ họ là người tin Đức Cơ Đốc.

3:12b

cũng như tình thương của chúng tôi đối với anh chị em vậy: Trong văn bản Hy-lạp ở đây không có động từ. Câu 3:12b trong các bản tiếng Việt cũng không có động từ. Trong 3:12a có các động từ được hàm ý “gia tăng và đầy tràn.” Vậy nên dùng động từ nào cho rõ ràng ở đây? Có phải Phao-lô nói rằng tình yêu thương của ông cho họ đã lớn đủ rồi vậy nên họ nên tìm cách yêu mến lẫn nhau nhiều giống như ông đã yêu họ hay không? Quan niệm cho rằng khi một động từ được hiểu ngầm nó phải tương ứng với động từ đi trước đó không những chỉ trong hành động nhưng trong thì và phương diện của sự hành động nữa được ưa thích hơn. Vậy nên lời dịch phải hàm ý rằng tình yêu của Phao-lô đối với họ vẫn gia tăng và đầy tràn.

3:13a-b

Xin Chúa làm cho lòng anh chị em vững vàng, thánh khiết, không có gì đáng trách: Phao-lô cầu nguyện rằng Chúa Giê-su sẽ làm cho lòng họ mạnh mẽ khi họ tiếp tục cố gắng sống thánh khiết. Với mục đích tối hậu là khi Chúa Giê-su trở lại và đoán xét mọi người, họ sẽ không còn bị cáo trách về tội lỗi trong đời sống của mình. Nếu tình yêu thương của họ tuôn tràn như Phao-lô cầu nguyện trong 3:12a, thì Chúa Giê-su có thể khiến cho họ khao khát sống đẹp lòng Đức Chúa Trời nhiều hơn.

- 3:11 *Nguyện xin chính Đức Chúa Trời, Cha chúng ta và xin Đức Giê-su, Chúa chúng ta dẫn đường chúng tôi đến cùng anh chị em.*
 Bây giờ chúng tôi cầu nguyện Đức Chúa Trời Cha chúng ta và Chúa Giê-su của chúng ta mở đường để chúng tôi có thể đến gặp [lại] anh chị em.
- HAY -
 Bây giờ chúng tôi cầu nguyện Đức Chúa Trời Cha chúng ta và Chúa Giê-su của chúng ta sẽ cất bỏ mọi ngăn trở để chúng tôi có thể gặp [lại] anh chị em.
- 3:12a *Xin Chúa khiến tình thương của anh chị em tăng thêm và chan chứa đối với nhau và đối với mọi người*
 Chúng tôi cũng cầu xin Chúa Giê-su khiến anh chị em càng ngày càng yêu thương nhau và mọi người hơn,
- 3:12b *cũng như tình thương của chúng tôi đối với anh chị em vậy.*
 cũng như chúng tôi càng ngày càng yêu thương anh chị em hơn.
- 3:13a *Xin Chúa làm cho lòng anh chị em vững vàng, thánh khiết, không có gì đáng trách trước mặt Đức Chúa Trời, Cha chúng ta*
 Và chúng tôi cầu xin rằng [Chúa Giê-su của chúng ta] sẽ làm cho anh chị em mạnh mẽ để anh chị em sẽ không có tội lỗi và không ai có thể tố cáo anh chị em làm điều sai lầm nào trước mặt Đức Chúa Trời Cha chúng ta
- 3:13b *khi Đức Giê-su, Chúa chúng ta quang lâm cùng với tất cả các thánh của Ngài. Amen.*
 khi Chúa Giê-su của chúng ta [trở lại trái đất này] với các con dân Chúa [để xét đoán tất cả mọi người trên thế giới].

làm cho lòng anh chị em vững vàng:
 Văn bản Hy-lạp nói “Xin Ngài làm lòng anh chị em vững vàng.” Trong ý nghĩa có tư tưởng về “tin quyết.” Phao-lô muốn họ trở nên mạnh mẽ và vững vàng trong niềm tin và khao khát sống một đời sống tốt lành.

Xin Chúa thánh khiết, không có gì đáng trách: Không có gì đáng trách có nghĩa là “Đức Chúa Trời không thể tố cáo anh chị em làm điều gì sai lầm được.” *Thánh khiết* bao gồm ý nghĩa này nhưng rộng rãi hơn, nó cũng có nghĩa là “tinh sạch” và “để riêng biệt một cách toàn vẹn cho mục đích của Đức Chúa Trời.”

trước mặt Đức Chúa Trời, Cha chúng ta khi Đức Giê-su, Chúa chúng ta quang lâm cùng với tất cả các thánh của Ngài: Ngày đoán xét sẽ bắt đầu lập tức sau khi Chúa

Giê-su trở lại trái đất. Chúa Giê-su sẽ đoán xét nhân loại thay cho Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời, Cha chúng ta: Hãy xem lời giải nghĩa trong 2:2.

cùng với tất cả các thánh của Ngài: Nếu các từ này được viết trong CU, chắc chắn nó sẽ có nghĩa là “các thiên sứ của Đức Chúa Trời.” Một số nhà phê bình nghĩ rằng đây là điều mà Phao-lô muốn nói. Những người khác nói trong thư của Phao-lô từ *hagioi* thường được dịch là “các thánh” để đề cập đến các con dân Chúa. Phao-lô dạy rằng tất cả các con dân Chúa sẽ được cất lên giữa không trung để gặp Đức Cơ Đốc khi Ngài trở lại trái đất này. Một câu như “tất cả những ai thuộc về Ngài” được ưa thích hơn vì không biết chắc Phao-lô muốn nói về ai. Từ *ai* có thể chỉ cả người lẫn thiên sứ. Hãy xem trong lời giải thích của 4:14b.

PHÂN ĐOẠN 4:1-5:22 Phao-lô cho các lời chỉ dẫn thực tế và cổ vũ sống đẹp lòng Đức Chúa Trời, kể cả sự dạy dỗ về sự trở lại của Chúa Giê-su

Chủ đề của các tiểu đoạn trong phân đoạn này như sau:

- 4:1-12 Phao-lô chỉ dẫn và cổ vũ người Tê-sa-lô-ni-ca sống đẹp lòng Đức Chúa Trời và yêu mến lẫn nhau.
 4:13-5:11 Sự trở lại của Chúa Giê-su.
 5:12-22 Phao-lô cho thêm lời chỉ dẫn về cách sống đẹp lòng Đức Chúa Trời.

TIỂU ĐOẠN 4:1-12 Phao-lô chỉ dẫn và cổ vũ người Tê-sa-lô-ni-ca sống đẹp lòng Đức Chúa Trời và yêu mến lẫn nhau.

4:1-8 Sự quan trọng của việc sống đời sống đẹp lòng Đức Chúa Trời.

Phao-lô nhắc các tín hữu ở Tê-sa-lô-ni-ca về các điều ông đã dạy dỗ họ liên quan đến việc làm thế nào để cư xử đẹp lòng Đức Chúa Trời. Ông thúc giục họ làm hơn cả những điều họ đã làm. Nhất là họ phải giữ mình khỏi sự vô luân về tình dục, kể cả ngoại tình với vợ của một tín hữu khác. Đức Chúa Trời muốn con dân Chúa sống một đời sống thánh khiết.

4:1a

Vậy, sau cùng, thưa anh chị em: Như ông đã làm trong các thư khác ở đây Phao-lô bắt đầu phần cuối của lá thư với những lời hướng dẫn thực tế về cách sống một đời sống Cơ Đốc. Khi dịch từng chữ một từ văn bản Hy-lạp câu ấy bắt đầu như sau: “Vậy, sau cùng, thưa anh chị em...” Còn hai chương nữa, nên đây chưa phải là phần cuối cùng của thư, nhưng là phân đoạn chính cuối cùng trước lời chào thăm kết luận. Ý tưởng “Vậy” đề cập trở lại điều ông đã nói trong phân đoạn trước đó, nhất là, các từ trong 3:13.

4:1b

trong Chúa Giê-su chúng tôi kêu gọi và khuyên anh chị em rằng: Như anh chị em đã học từ chúng tôi thế nào để sống cho đẹp lòng Đức Chúa Trời: Phao-lô đề cập đến các lời hướng dẫn mà Phao-lô và các bạn đồng hành của ông đã cho các con dân

Chúa khi họ còn ở tại Tê-sa-lô-ni-ca, không phải các lời hướng dẫn trong phần trước của thư này. Hãy xem 4:2. Họ đã biết từ điều Phao-lô và các bạn đồng hành của ông đã dạy họ ở Tê-sa-lô-ni-ca về cách để sống một đời sống Cơ Đốc tốt đẹp. Đây là lý do ông có thể nói là họ nên làm tốt hơn nữa (4:1d).

trong Chúa Giê-su: Đôi khi các nhà phê bình không đồng ý về thành ngữ này thường thấy trong các thư của Phao-lô. Hãy so sánh với 2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:12. Sau đây là các quan niệm chính:

- (1) Có lẽ cụm từ này là cách nói tắt “trong danh Chúa Giê-su của chúng ta.” PKTCD dùng những từ này để diễn tả sự kiện thẩm quyền của Phao-lô đến từ Chúa Giê-su. Trong BDY dùng cụm từ “nhân danh.” Ý tưởng *bằng thẩm quyền của Chúa Giê-su* trong 4:2 hỗ trợ cho điều này.
- (2) Đây là vì cơ tình thông công mà Phao-lô, các bạn đồng hành và người Tê-sa-lô-ni-ca có ở trong gia đình của Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su.

chúng tôi kêu gọi và khuyên anh chị em: Các nhà phê bình không đồng ý về việc có sự khác biệt quan trọng giữa ý nghĩa của hai động từ Hy-lạp *erōtaō* “yêu cầu” và *parakaleō* “thúc giục.” Theo các văn mạch khác *parakaleō* có ý nghĩa “thúc giục,” “khuyến khích” hay “an ủi.” Phao-lô thường dùng hai động từ thay vì một, động từ thứ nhì nhấn mạnh nhiều hơn động từ thứ nhất,

PHÂN ĐOẠN 4:1-5:22 Phao-lô cho các lời chỉ dẫn thực tế và cổ võ sống đẹp lòng Đức Chúa Trời, kể cả sự dạy dỗ về sự trở lại lần thứ nhì của Chúa Giê-su

TIỂU ĐOẠN 4:1-12 Phao-lô chỉ dẫn và cổ võ người Tê-sa-lô-ni-ca sống một đời sống đẹp lòng Đức Chúa Trời và yêu mến lẫn nhau.

- 4:1a *Vậy, sau cùng, thưa anh chị em,*
 Vậy, thưa anh chị em, bây giờ chúng tôi cho anh chị em các lời hướng dẫn sau đây:
- 4:1b *trong Chúa Giê-su chúng tôi kêu gọi và khuyên anh chị em rằng: Như anh chị em đã học từ chúng tôi thế nào để sống cho đẹp lòng Đức Chúa Trời*
 Trong danh Chúa Giê-su, chúng tôi xin và thúc giục anh chị em sống một đời sống đẹp lòng Đức Chúa Trời như chúng tôi đã dạy anh chị em
-HAY-
 Bởi thẩm quyền chúng tôi có vì là sứ đồ của Chúa Giê-su Cơ Đốc chúng tôi mạnh mẽ thúc giục anh chị em theo cách mà chúng tôi đã dạy để điều anh chị em làm được đẹp lòng Đức Chúa Trời
- 4:1c *và anh chị em đang sống như thế,*
 và [mặc dầu chúng tôi biết] anh chị em đang sống theo cách này,
- 4:1d *thì hãy càng tiến tới hơn nữa.*
 chúng tôi xin anh chị em làm điều đẹp lòng Đức Chúa Trời hơn nữa.
- 4:2 *Vì anh chị em biết chúng tôi bởi Chúa Giê-su đã truyền cho anh chị em những huấn thị nào.*
 [Chúng tôi thúc giục anh chị em làm điều này] bởi vì anh chị em [đã] biết các lời chỉ dẫn chúng tôi cho anh chị em bởi thẩm quyền của Chúa Giê-su của chúng ta.

là lời hướng dẫn cứng rắn nhưng lịch sự.
 Hãy xem PKTCD cho 4:1d.

Như anh chị em đã học từ chúng tôi:
 Văn bản Hy-lạp viết: “như anh chị em đã nhận từ chúng tôi.” Đó là một thành ngữ mà Phao-lô thường dùng (hãy so sánh 2:13b và 2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:6) nói đến những sự dạy dỗ Cơ Đốc mà ông đã dạy cho các người cải đạo.

4:1c

và anh chị em đang sống như thế: Giống như Phao-lô đã làm trong 1:6-9, Phao-lô lại ý thức rằng người Tê-sa-lô-ni-ca đã vâng theo mệnh lệnh của ông.

4:1d

thì hãy càng tiến tới hơn nữa: Hay là “anh chị em làm đẹp lòng Đức Chúa Trời càng hơn.” Phao-lô không bao giờ hài lòng khi các người cải đạo làm điều tốt chỉ vừa đủ để chứng tỏ họ là con dân Chúa. Ông muốn họ hết sức cố gắng giống như Chúa Giê-su.

4:2

Vì anh chị em biết chúng tôi bởi Chúa Giê-su đã truyền cho anh chị em những huấn thị nào:

Vì: Lý do Phao-lô bảo họ làm điều được chép trong 4:1d là những điều này không phải là những chỉ thị mới, nhưng là những điều ông đã dạy họ khi ông ở tại Tê-sa-lô-ni-ca.

bởi Chúa Giê-su: Các nhà phê bình có quan niệm khác nhau về ý nghĩa chính xác của các từ Hy-lạp dùng ở đây. Dịch từng chữ một có nghĩa là “qua/bởi Chúa Giê-su.” Nhưng các nhà phê bình đồng ý rằng điều đó liên quan đến thẩm quyền của Chúa Giê-su đã ban cho Phao-lô và các bạn đồng hành của ông. Tránh dịch từng chữ một để người ta có thể hiểu là Chúa Giê-su là đại diện hay là phát ngôn viên của Phao-lô.

4:3a

Vậy, ý muốn của Đức Chúa Trời là anh chị em phải thánh khiết: Trong nguyên bản Hy-lạp các 4:3-6 là một câu, đối phó với một vấn đề là tránh sự gian dâm. Trong tiếng Hy-lạp câu này được bắt đầu với từ “vì” (BDC). Từ này cho thấy những điều mà Phao-lô sắp sửa nói là một thí dụ của những lời hướng dẫn ông đã cho họ khi ông còn ở tại Tê-sa-lô-ni-ca.

anh chị em phải thánh khiết: Đức Chúa Trời muốn con dân Chúa phải được biệt riêng ra để Chúa dùng. Nếu tư tưởng và hành động của họ không trong sạch, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến tình dục, thì họ không thể làm đẹp lòng Đức Chúa Trời được.

4:3b

tránh gian dâm: Phao-lô cho một thí dụ về cách tư tưởng và hành động không trong sạch. Từ Hy-lạp *porneia* là một từ tổng quát dùng để đề cập đến bất cứ sự gian dâm nào. Có nghĩa là bất cứ hành động nào về tình dục giữa người đàn ông và đàn bà không phải là vợ chồng với nhau, hoặc quan hệ tình dục giữa một người đàn ông với đàn ông, đàn bà với đàn bà.

4:4

Mỗi người phải biết giữ gìn thân thể mình thánh khiết và tôn trọng: Ngay từ lúc ban đầu các nhà phê bình đã chia phe về ý nghĩa của từ *skeuos* “bình” mà các bản dịch tiếng Việt dịch là *thân thể*. Có thể có hai cách diễn dịch:

(1) Nó đề cập đến thân thể của người đàn ông, nó là cách lịch sự để nói đến “cơ

quan sinh dục” của đàn ông. Nếu trường hợp này đúng, Phao-lô đang chỉ ra nguồn gốc của sự gian dâm, và đang bảo đàn ông phải tự kiểm chế. Nếu người đàn ông làm như vậy, họ sẽ được thanh sạch và tôn trọng.

(2) Nó đề cập đến người vợ của người đàn ông. Nếu là trường hợp này, cũng có một quan niệm khác về ý nghĩa của động từ Hy-lạp *ptaomai*. Từ này có nghĩa là “kiểm soát” hay “nắm chặt lấy” không? Nó chứa đựng cả hai ý nghĩa này:

- (a) Nó nói là: Người đàn ông nên học cách “lấy vợ” cho đúng.
- (b) Nó nói là: Người đàn ông nên học cách sống với vợ mình cho đúng và “giao hợp với vợ mình” không giống như cách những người ngoại đạo làm.

Mặc dầu cách diễn dịch (2) được các tổ phụ của hội thánh, các sách của các thầy ra-bi hỗ trợ, nhưng chỉ có một số ít bản dịch còn giữ cách dịch này. Các tranh luận chống lại cách diễn dịch này gồm có:

- (a) *skeuos* là một từ được dùng để chỉ một vật chứa đựng thực phẩm, nước v.v.... Từ này là cách nói ẩn dụ về phái nữ hoặc là phái nam (như trong 1 Phê-rơ 3:7, Công-vụ 9:15, 2 Ti-mô-thê 2:21), không phải chỉ là một người đàn bà.
- (b) Nếu Phao-lô muốn nói “vợ” ông không phải mắc cỡ gì khi nói như vậy (hãy so sánh với Cô-lô-se 3:19).
- (c) Phao-lô, cũng giống như các người Do Thái khác, tránh nói trực tiếp về các bộ phận sinh dục trong thân thể và dùng cách nói ẩn dụ (thí dụ như trong 1 Cô-rinh-tô 12:23).
- (d) Trong TỰ không có sử dụng từ này theo cách nào khác để phân biệt người vợ với người chồng.
- (e) Phao-lô đang viết không phải chỉ cho đàn ông có vợ nhưng cho tất cả các đàn ông.

thánh khiết và tôn trọng: Về từ *thánh khiết*, hãy xem lời giải thích thứ nhì của 4:3a. Về từ *tôn trọng*, ý nghĩa tùy thuộc vào muốn được quan niệm tốt và sự khen ngợi

4:3a	<i>Vậy, ý muốn của Đức Chúa Trời là anh chị em phải thánh khiết</i> Điều Đức Chúa Trời muốn là anh chị em phải trong sạch, -HAY- Vì anh chị em thuộc về Đức Chúa Trời, Chúa muốn là anh chị em phải sống một đời sống trong sạch,
4:3b	<i>tránh gian dâm.</i> có nghĩa là anh chị em không bao giờ nên phạm bất cứ sự vô luân nào về tình dục.
4:4	<i>Mỗi người phải biết giữ gìn thân thể mình thánh khiết và tôn trọng,</i> [Đặc biệt là] người đàn ông phải học để sử dụng thân thể mình một cách trong sạch và đáng tôn trọng. -HAY- Người đàn ông phải học cách kiềm chế thân thể mình một cách trong sạch và đáng khen ngợi.
4:5a	<i>chớ chiều theo đam mê dục vọng</i> Họ không nên ham muốn giao hợp với bất cứ người nào họ muốn,
4:5b	<i>như những người ngoại đạo không biết Đức Chúa Trời.</i> giống như những người không thờ phượng Đức Chúa Trời.

của ai. Rõ ràng Phao-lô suy nghĩ đến các hành động mà Đức Chúa Trời khen ngợi, không phải được những người Hy-lạp và La-mã tiêu biểu cho là tốt, vì trong 4:5a Phao-lô cho thấy người không tin Chúa không thể làm Đức Chúa Trời đẹp lòng.

4:5a

chớ chiều theo đam mê dục vọng: Như đã nói trong các lời giải thích trước, cách dịch “bình” có nghĩa là “thân thể” được ưa thích hơn. Vậy nên cách diễn dịch (1) sau đây được ưa thích hơn:

- (1) *Dục vọng* trái nghịch với tự kiềm chế. Các từ này nói đến cách cư xử của người đàn ông khi tham muốn, chỉ muốn giao hợp với bất cứ một người đàn bà nào, dù đó là một người vợ, người tình hay một cô điếm chứ không có lý do nào khác. Lời hướng dẫn của Phao-lô cũng ngăn cấm người đàn ông và đàn bà chưa làm đủ nghi lễ để trở thành vợ chồng giao hợp với nhau. Chỉ được thực hành và vui

hưởng quan hệ tình dục trong hôn nhân, tức là, giữa vợ chồng mà thôi.

- (2) Những người cho rằng từ “bình” có nghĩa là “người vợ” đề nghị ý nghĩa: “đừng đối xử với vợ mình theo đam mê dục vọng.” Nếu dịch như vậy sẽ có nghĩa là người đàn ông phải kính trọng vợ mình khi giao hợp với vợ, không phải như hãm hiếp hay đối xử với vợ cách tàn nhẫn. Như đã giải thích ở phần trước, Phao-lô không nói đến điều này ở đây nên cách dịch này không được chọn.

4:5b

như những người ngoại đạo không biết Đức Chúa Trời: Trong BDM dịch từ Hy-lạp *ethnē*, là *người ngoại đạo*, BDY dịch là “dân tộc ngoại đạo.” Nó có vẻ như không kể đến người Do Thái. Nhưng trong văn mạch này đề cập rõ ràng đến những người không tốt vì đã không thờ phượng Đức Chúa Trời. Nếu người ta không biết Đức Chúa Trời, thì họ sẽ không thờ phượng Chúa, và điều này sẽ đưa đến cách cư xử không tốt đẹp.

4:6a

Đừng ai vi phạm hay lừa gạt anh chị em mình về vấn đề này:

Đừng ai vi phạm: Nếu một người giao hợp với vợ của một người khác, không những người đó chỉ làm một việc sai lầm không mà thôi nhưng người đó cũng đang lấy một cái không phải của mình và vi phạm đến quyền sở hữu của người khác.

hay lừa gạt anh chị em mình về vấn đề này: Một vài nhà phê bình thời trước nói đây là sự liên hệ đến “không lừa gạt” bạn bè trong công việc làm ăn. Nhưng đa số các nhà phê bình và các bản dịch cho rằng phần này là các lời hướng dẫn chống lại sự vô luân về tình dục. Vậy nên câu này có nghĩa là “không giao hợp với vợ của tín hữu khác, bởi vì đó là phạm tội với chính họ và lừa gạt người kia.” Các câu trước đó đã cấm giao hợp với tất cả mọi người nào mà không có cưới hỏi.

anh chị em mình: Có nghĩa là “tín hữu” mặc dù điều này có thể áp dụng cách rộng rãi cho bất cứ người bạn nào. Hãy xem lời giải thích trong 1:4

4:6b

vi Chúa là Đấng trừng phạt tất cả những điều đó như chúng tôi đã nói trước và cảnh cáo anh chị em:

Chúa là Đấng: Có lẽ đây đề cập đến Chúa Giê-su sẽ hành động như quan tòa đoán xét khi tận thế.

vi Chúa là Đấng trừng phạt tất cả những điều đó: Trong tiếng Hy-lạp câu này được bắt đầu bằng từ “bởi vì” cho thấy là điều Phao-lô sắp nói là lý do chính đáng để vâng theo mệnh lệnh trong 4:3b-6a. Nếu dịch theo từng chữ câu này trong tiếng Hy-lạp sẽ là “bởi vì Chúa là Đấng trừng phạt tất cả những điều này.” Điều này cho thấy sự vô uân về tình dục là phạm lỗi đối với một người khác, và chính Đức Chúa Trời sẽ thay cho người đó trừng phạt người làm lỗi không phải là người bị tổn thương trả thù.

như chúng tôi đã nói trước và cảnh cáo anh chị em: Phao-lô đề cập đến những điều mà Phao-lô và các bạn đồng hành đã dạy khi họ ở tại Tê-sa-lô-ni-ca.

4:7a

Vi Đức Chúa Trời đã không kêu gọi chúng ta: Hãy so sánh với 2:12. Trở thành con dân Chúa liên quan đến sự Đức Chúa Trời kêu gọi con người, họ đáp ứng sự kêu gọi ấy một cách cá nhân và đi theo Ngài.

chúng ta: Tất cả các con dân Chúa.

4:7b

sống ô uế nhưng sống thánh khiết: Đức Chúa Trời có một mục đích khi kêu gọi chúng ta theo Ngài. Đó là sống một đời sống trong sạch và tuân theo mệnh lệnh của Ngài.

4:8a-b

Cho nên ai bác bỏ lời huấn thị trên thì không phải bác bỏ loài người nhưng khước từ Đức Chúa Trời, Đấng ban Đức Thánh Linh của Ngài cho anh chị em:

Cho nên: Từ Hy-lạp *toigaroun* là một từ mạnh mẽ được dịch là *cho nên*. Trong câu này nó cho thấy đây là những lời cuối cùng ông Phao-lô nói về vấn đề này và chúng là những lời quan trọng.

không phải bác bỏ loài người nhưng khước từ Đức Chúa Trời: Phao-lô nhấn mạnh lời hướng dẫn này không phải là lời của chính ông nhưng đến từ Đức Chúa Trời.

Đấng ban Đức Thánh Linh của Ngài cho anh chị em: Phao-lô chỉ cho họ thấy phải sống thánh khiết bởi vì Đức Chúa Trời đã đặt Đức Thánh Linh trong lòng họ để giúp cho họ có thể sống theo cách đó được. Đức Thánh Linh của Ngài là trong sạch/thánh khiết nên họ cũng phải trong sạch/thánh khiết. Vậy nên sống một đời sống vô đạo đức là từ khước Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời.

4:9-12 Sự quan trọng của việc yêu mến lẫn nhau và có tinh thần trách nhiệm

Phao-lô cũng thúc giục họ gia tăng tình yêu thương họ đã có đối với nhau, tình yêu thương mà Đức Chúa Trời đã đặt để trong lòng họ. Họ cũng phải sống một đời sống có

4:6a	<p><i>Đừng ai vi phạm hay lừa gạt anh chị em mình về vấn đề này</i> Chắc chắn không được giao hợp với vợ của tín hữu khác. Vì làm như vậy họ phạm tội với tín hữu đó và đụng đến vật sở hữu của người khác.</p>
4:6b	<p><i>vì Chúa là Đấng trừng phạt tất cả những điều đó như chúng tôi đã nói trước và cảnh cáo anh chị em.</i> Như chúng tôi đã cảnh cáo anh chị em cách mạnh mẽ khi chúng tôi ở với anh chị em, Chúa Giê-su của chúng ta sẽ trừng phạt những người làm những điều như vậy. -HAY- Như chúng tôi đã cảnh cáo anh chị em cách mạnh mẽ [khi chúng tôi ở với anh chị em], Chúa Giê-su của chúng ta sẽ báo trả những người làm những điều như vậy.</p>
4:7a	<p><i>Vì Đức Chúa Trời đã không kêu gọi chúng ta</i> [Lý do Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt những người làm điều xấu là vì] khi Đức Chúa Trời kêu gọi chúng ta theo Ngài, -HAY- Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt người làm những điều xấu như vậy bởi vì khi Chúa kêu gọi chúng ta theo Ngài,</p>
4:7b	<p><i>sống ô uế nhưng sống thánh khiết.</i> Chúa không muốn chúng ta làm những điều vô đạo đức về tình dục, nhưng Chúa muốn chúng ta sống một đời sống trong sạch.</p>
4:8a	<p><i>Cho nên ai bác bỏ lời huấn thị trên thì không phải bác bỏ loài người</i> Vì vậy, nếu ai bác bỏ những lời chỉ dẫn này, không phải người ấy bác bỏ lời chỉ dẫn của loài người</p>
4:8b	<p><i>nhưng khước từ Đức Chúa Trời, Đấng ban Đức Thánh Linh của Ngài cho anh chị em.</i> [nhưng họ đã bác bỏ] lời chỉ dẫn của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời là Đấng đã ban Đức Thánh Linh [sống trong lòng mỗi anh chị em] để giúp anh chị em sống một đời sống thánh khiết/trong sạch.</p>
4:9a	<p><i>Còn về tình huynh đệ anh chị em không cần chúng tôi viết cho anh chị em</i> Còn về việc các anh chị em yêu mến nhau [như các thuộc viên trong gia đình của Đức Chúa Trời], chúng tôi không cần phải viết gì cho anh chị em nữa</p>

trật tự, mỗi người lo làm việc kiếm sống cho mình, không xen vào chuyện của người khác, và không làm gánh nặng cho nhau. Thái độ cư xử đàng hoàng như vậy sẽ làm cho người khác, kể cả người chưa tin Chúa nữa, kính trọng.

Phao-lô bắt đầu một đoạn khác nói về việc cần phải sống thánh khiết. Các lời hướng dẫn tích cực này trái hẳn với các lời cảnh cáo trong các câu 4:3-8.

tình huynh đệ: Có nghĩa là tình yêu thương anh chị em có với các tín hữu khác.

4:9a

Còn về tình huynh đệ, anh chị em không cần chúng tôi viết cho anh chị em: Ở đây

4:9b

vì chính anh chị em đã được Đức Chúa Trời dạy hãy yêu thương nhau: Đức Chúa Trời đã dạy họ yêu mến lẫn nhau qua ai? Đa số các nhà phê bình đồng ý rằng chính Đức Thánh Linh đã dạy họ, đã đề cập đến ở trong 4:8. Sự dạy dỗ này xảy ra khi nào? Văn mạch Hy-lạp nói “anh chị em được Đức Chúa Trời dạy.” Từ này chỉ là tĩnh từ nên không thể nói rõ ràng là họ được dạy một lần hay tiếp tục được dạy. Nếu phải chọn lựa trong khi dịch, hãy dịch là “bởi vì chính Đức Chúa Trời đã dạy anh chị em yêu thương nhau” (hãy xem 4:9b ở CDN trong PKTCD). Đây có vẻ như là cách dịch tốt hơn bởi vì Phao-lô nói là ông không phải nói gì hơn nữa vì họ đã biết điều họ phải làm.

4:10a

Thật ra anh chị em đang làm điều đó cho tất cả anh chị em trong khắp miền Ma-xê-đoan:

tất cả anh chị em trong khắp miền Ma-xê-đoan: Đọc lời giải thích của 2:1 một lần nữa. Phao-lô không những chỉ đề cập đến các con dân Chúa ở tại Tê-sa-lô-ni-ca nhưng cũng ở tại thành Phi-líp, Bê-rê và bất cứ thành phố nào trong xứ Ma-xê-đoan mà Phao-lô đã thăm viếng.

4:10b

Tuy nhiên, thưa anh chị em, chúng tôi khuyên anh chị em hãy tấn tới hơn nữa:

khuyên: Hãy xem lời giải thích của 4:1b.

anh chị em: Hãy xem lời giải thích của 1:4.

hãy tấn tới hơn nữa: Có nghĩa là “tấn tới hơn nữa trong việc yêu thương các tín hữu.” Hãy xem 3:12a và 4:1d, nơi dùng cùng một từ Hy-lạp *perisseuō* có nghĩa là “dồi dào/tuyệt vời.”

4:11a

Hãy cố sống yên lành: Trong văn bản Hy-lạp đây không phải là một câu mới, nhưng là một nhóm từ lệ thuộc vào nhóm từ chính trong 4:10b “Dù thế, chúng tôi nài xin anh em cứ yêu thương họ hơn nữa, và tập sống

trăm lặng...” (BDY). Tuy nhiên, vì các 4:11a-12b đều cùng có một ý tưởng, có lẽ tốt hơn nên bắt đầu bằng một câu mới “chúng tôi (cũng) thúc giục anh chị em...”

Hãy cố: Trong văn bản Hy-lạp một ẩn dụ được dùng để diễn tả ý tưởng “cố gắng nhiều để làm một việc gì.” Hãy dùng động từ nào nghe có vẻ tự nhiên và mạnh mẽ nhất để dịch.

sống yên lành: Hãy so sánh câu này với 2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:6-12. Một số con dân Chúa tại Tê-sa-lô-ni-ca đã bỏ cuộc không làm việc để sinh sống nữa vì nghĩ rằng Đức Cơ Đốc sắp trở lại đem ngày tận thế đến. Phao-lô đã cảnh cáo nghịch lại điều này cách mạnh mẽ ở trong 2 Tê-sa-lô-ni-ca, vì những lời cảnh cáo của ông ở đây có vẻ chưa đủ đối với họ. Mệnh lệnh ở đây trái ngược lại với “tạo nên rắc rối.” Loại rắc rối này được mô tả trong CDN của 4:11b, tức là “đừng can thiệp vào chuyện của người khác.”

4:11b

chăm lo công việc riêng của mình: Phao-lô đang bảo họ đừng xen vào chuyện của người khác. Đây không phải là một mệnh lệnh trái nghịch lại với giúp đỡ lẫn nhau trong công việc nhưng nghịch lại với những người ăn không ngồi rồi phao truyền tin đồn nhảm hay cho những lời khuyên không cần thiết để ngăn cản người khác làm việc.

4:11c

và tự tay làm việc: Có phải Phao-lô đang nói rằng chỉ có những người làm việc bằng tay chân mới thật là làm việc không? Thí dụ như nói là: “làm ruộng mới là làm việc còn viết hay nói không phải là làm việc.” Nếu điều này là thật thì chính Phao-lô tự kết án cho mình. Thật sự ông đang bảo họ hãy làm việc để lấy tiền hay mua thức ăn đừng ăn không ngồi rồi. Làm như vậy họ sẽ không trở thành gánh nặng cho các tín hữu khác. Phao-lô có thể đang nói khéo là họ không nên giống như những người Hy-lạp giàu có và quan trọng khinh thường việc làm bằng chân tay và đưa những công việc như vậy cho nô lệ làm.

4:9b	<i>vì chính anh chị em đã được Đức Chúa Trời dạy hãy yêu thương nhau. bởi vì chính Đức Chúa Trời đã dạy anh chị em yêu mến lẫn nhau.</i>
4:10a	<i>Thật ra anh chị em đang làm điều đó cho tất cả anh chị em trong khắp miền Ma-xê-đoan. Việc anh chị em yêu mến tất cả con dân Chúa trong xứ Ma-xê-đoan là một sự thật. - HAY- Anh chị em thật tình yêu mến tất cả con dân Chúa trong xứ Ma-xê-đoan.</i>
4:10b	<i>Tuy nhiên, thưa anh chị em, chúng tôi khuyên anh chị em hãy tấn tới hơn nữa. Mặc dầu vậy, thưa các tín hữu, chúng tôi vẫn thúc giục anh chị em yêu thương nhau càng ngày càng hơn</i>
4:11a	<i>Hãy cố sống yên lành, và chúng tôi cũng thúc giục anh chị em cố gắng sống không gây rắc rối, - HAY- và chúng tôi cũng thúc giục anh chị em cố gắng sống hoà bình,</i>
4:11b	<i>chăm lo công việc riêng của mình đừng can thiệp vào chuyện của người khác,</i>
4:11c	<i>và tự tay làm việc và làm việc riêng của mình để [nuôi chính mình].</i>
4:11d	<i>như chúng tôi đã truyền. Khi chúng tôi ở với anh chị em chúng tôi đã hướng dẫn anh chị em làm tất cả những điều này.</i>
4:12a	<i>Như thế, đời sống anh chị em được người ngoài kính trọng và anh chị em nên làm những điều này để những người không tin nơi Chúa Giê-su của chúng ta thấy cách anh chị em sống sẽ kính trọng anh chị em</i>

4:11d

như chúng tôi đã truyền: Các nhà phê bình nói là Phao-lô đang đề cập đến ba lời hướng dẫn trong 4:11a-b. Những lời này không mới mẻ gì nhưng là những điều ông đã dạy họ khi ông ở tại Tê-sa-lô-ni-ca.

4:12a

Như thế, đời sống anh chị em được người ngoài kính trọng:

đời sống: Có nghĩa là cách anh chị em sống.

được người ngoài kính trọng: Dịch từ tiếng Hy-lạp sẽ là: “để anh chị em có thể đối xử

đàng hoàng với những người ở ngoài.” “Những người ở ngoài” đây là những người không thuộc về nhóm các con dân Chúa tại Tê-sa-lô-ni-ca. Không phải tất cả mọi điều các con dân Chúa làm khiến cho người chưa tin Chúa hài lòng. Nhưng các con dân Chúa phải làm việc bằng cách nào mà các người chưa tin Chúa không thể tố cáo rằng họ không làm theo những điều mà mọi người cho là tốt và đáng khen ngợi. Phao-lô muốn nói đến lười biếng là điều mà mọi người đều lên án.

4:12b

và không thiếu thốn gì cả: Trong văn bản Hy-lạp có ý nghĩa rất gần với BDM. Điều này đề cập đến điều đã nói ở trong 4:11c và *tự tay làm việc*. Những người làm việc không cần phải xin người khác đồ ăn và đồ uống. Các nhà phê bình chia phe về ý nghĩa

của từ Hy-lạp *me denos*. Nó có thể có nghĩa là “không ai” hay “không có cái gì”:

(1) “nhờ cậy ai” (BDY).

(2) “không thiếu thốn gì cả” (BDM, BDC).

Cách dịch thứ nhất được ưa thích hơn bởi vì Phao-lô đang cảnh cáo họ về sự lười biếng.

Tiểu Đoạn 4:13-5:11 Sự trở lại của Chúa Giê-su.

Phao-lô giải thích về các con dân Chúa đã chết và những người còn sống sẽ được cất lên để gặp Chúa. Ông cũng giải thích người Tê-sa-lô-ni-ca phải sống như thế nào trong khi chờ đợi Chúa trở lại.

4:13-18 Tất cả các con dân Chúa được cất lên để gặp Chúa

Ở đây Phao-lô trả lời một nan đề có trong tâm trí những người đọc thư của ông tại Tê-sa-lô-ni-ca: Các con dân Chúa đã chết trước khi Đức Cơ Đốc trở lại sẽ được thấy Đức Cơ Đốc đến không? Phao-lô nói: “Có! Khi Chúa Giê-su Cơ Đốc và các thiên sứ ngự xuống trái đất, các con dân Chúa đã chết sẽ sống lại. Họ sẽ được cất lên trên không trung để gặp Chúa Giê-su cùng với các con dân Chúa đang còn sống và sẽ ở với Chúa cho đến muôn đời. Đây là những lời để khuyến khích lẫn nhau.”

4:13a

Thưa anh chị em, về những người đã ngủ chúng tôi không muốn để anh chị em thiếu hiểu biết: Ở đây Phao-lô bắt đầu một tiểu đoạn mới nói về một vấn đề chính: sự trở lại của Chúa Giê-su Cơ Đốc. Tiểu đoạn này chấm dứt ở 5:11. Ông viết để sửa lại sự hiểu lầm của các con dân Chúa tại Tê-sa-lô-ni-ca. Trong khi Phao-lô ở với họ, ông đã dạy họ về hai biến cố: (1) Chúa Giê-su sống lại là biến cố đã xảy ra, và (2) sự trở lại của Chúa Giê-su là biến cố chưa xảy ra. Tuy nhiên, có lẽ ông nhấn mạnh rằng Chúa Giê-su sắp trở lại nên người Tê-sa-lô-ni-ca cho rằng tất cả sẽ còn sống khi Chúa Giê-su trở lại. Nhưng vào lúc viết thư này một số người đã chết. Có lẽ Ti-mô-thê là người đã mang thắc mắc này của họ về cho Phao-lô: Các con dân Chúa đã chết sẽ được thấy Chúa Giê-su trở

lại không? Phao-lô viết câu trả lời trong 4:14-17.

BDM dùng các từ phủ định hai lần liên tiếp để nhấn mạnh điều Phao-lô muốn nói theo lối văn được dùng trong văn bản Hy-lạp: “...chúng tôi *không* muốn để anh chị em *thiếu* hiểu biết...” Thử dùng lối văn này trong ngôn ngữ của bạn với người khác. Nếu cách này không truyền thông được ý Phao-lô muốn nói hay nghe không tự nhiên bạn có thể dùng những từ xác định mạnh mẽ để dịch câu này. Thí dụ như “...chúng tôi muốn anh chị em biết chắc...”

những người đã ngủ: Phao-lô không thật sự nói về giấc ngủ thường ở đây nhưng ông đang dùng cách lịch sự để nói đến sự chết. Trong bản dịch của bạn, bạn có thể dùng một từ thông thường để chỉ về sự chết hay dùng một từ hay một thành ngữ thích hợp để nói về sự chết một cách lịch sự. Dù vậy bạn hãy cẩn thận, bất cứ từ nào bạn dùng thay thế từ “chết” không được trái ngược lại với sự hiểu biết của con dân Chúa về sự chết.

4:13b

và đau buồn như những người khác không có hy vọng:

đau buồn: Phao-lô không nói rằng thân nhân của người chết không nên để tang hay làm lễ an táng. Nhưng tốt hơn nên đổi sự đau buồn của họ ra vui mừng vì biết rằng các con dân Chúa đã chết sẽ sống lại và đi sống với Chúa Giê-su. Phao-lô đang sửa lại hai sự dạy dỗ sai lầm. Đó chính là:

4:12b và không thiếu thốn gì cả.
và [anh chị em nên làm tất cả những điều này] để anh chị em không phải lệ thuộc vào bất cứ ai [về đồ ăn và đồ uống của anh chị em].

TIỂU ĐOẠN 4:13-5:11 Sự trở lại của Chúa Giê-su.

4:13a Thưa anh chị em, về những người đã ngủ, chúng tôi không muốn để anh chị em thiếu hiểu biết
Bây giờ, thưa các tín hữu, chúng tôi muốn anh chị em biết về điều sẽ xảy ra cho những người đã chết.

4:13b và đau buồn như những người khác không có hy vọng.
[Đó là] anh chị em sẽ để tang cho họ như những người không có hy vọng [rằng họ sẽ được sống lại] để tang [khi bà con của họ chết].
-HAY-
Chúng tôi không muốn anh chị em để tang như những người chưa tin Chúa làm, họ là người không có hy vọng [sẽ được sống lại sau khi họ chết].

4:14a Vì nếu chúng ta tin rằng Đức Giê-su đã chết và đã sống lại,
[Đừng để tang như họ bởi vì] chúng ta tin rằng Chúa Giê-su đã chết và sống lại [từ cõi chết],

- (a) Không có ai được sống lại, và
(b) Các con dân Chúa đã chết trước khi Chúa Giê-su trở lại không được thấy Chúa đến.

những người khác không có hy vọng: Đây nói đến những người Hy-lạp chưa tin Chúa. Họ, những người chưa tin Chúa, còn giữ niềm tin của những người ngoại giáo là người chết không được hạnh phúc trong âm giới, không tin là những người này sẽ sống lại trên đất hay ở bất cứ chỗ nào khác. Từ *hy vọng* ở đây (tiếng Hy-lạp: *elpis*) có nghĩa là “chắc chắn,” vì trong đầu Phao-lô không có chút nghi ngờ nào về sự sống lại hết. Trong CĐN cũng theo cùng một ý này. Từ *elpis* có nghĩa là “những điều anh chị em biết chắc chắn hay tin cậy.” Cần phải nói về điều những người chưa tin Chúa không biết chắc chắn. Đó là sự kiện về sự sống lại đã được nói rõ ràng trong câu kế tiếp. Một cách khác để dịch *không có hy vọng* là:

những người không tin rằng sau khi họ chết họ có thể sống lại.

4:14a

Vì nếu chúng ta tin rằng Đức Giê-su đã chết và đã sống lại: Câu này nói rộng ra và tranh luận kỹ hơn về các chi tiết trong lời tuyên bố trong 4:13. BDM và BDC cho thấy các câu trong tiếng Hy-lạp ở thể có điều kiện “**Vì nếu chúng ta tin....**” Nhưng Phao-lô và các bạn đồng hành không có gieo bất cứ sự nghi ngờ nào về việc Chúa Giê-su đã chết và sống lại. Ông dùng sự tranh luận hợp lý: “Bởi vì là con dân Chúa chúng ta tin chắc chắn rằng Chúa Giê-su Cơ Đốc đã chết và sống lại, thì những người đã tin nơi Chúa Giê-su cũng sẽ sống lại từ kẻ chết.” Cũng xem trong 1 Cô-rinh-tô 15:12-19. BDM và BDC nói “chúng tôi tin...thì cũng vậy....” BDY nói “đã tin...tất nhiên cũng tin....” Tất cả các bản dịch đều theo sự tranh luận hợp lý như sau: Cơ bản là: Chúa Giê-su đã chết và đã sống lại. Và Kết luận là: vì vậy các con dân Chúa tin nơi Chúa Giê-su đã chết cũng sẽ sống lại.

4:14b

thì cũng vậy, Đức Chúa Trời sẽ đem những người đã ngủ trong Đức Giê-su về cùng Ngài:

cũng vậy: Trong nguyên bản Hy-lạp và BDM hàm ý là chúng ta các con dân Chúa cũng tin phần còn lại của câu này. BDY nói rõ từ “tin.” Bạn cần phải dịch từ này rõ ràng.

những người đã ngủ trong Đức Giê-su: Bởi vì cấu trúc phức tạp của văn phạm, trong bản Hy-lạp không cho thấy rõ là “trong Đức Giê-su” đi với nhóm từ “những người đã ngủ” hay “đem về cùng Ngài.” Đa số nhà phê bình chấp nhận quan niệm thứ nhất như trong BDM, BDY và BDC. Như vậy nhóm từ này được dịch là “những con dân Chúa đã ngủ” hay “những con dân Chúa đã qua đời.”

Đức Chúa Trời sẽ đem những người...về cùng Ngài: Câu này đem đến nhiều nan đề cho các nhà phê bình. Có lẽ câu này nói đến sự sống lại của các con dân Chúa, và Phao-lô đang trả lời các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca về sự sợ hãi họ có về các con dân Chúa đã chết. Phao-lô nói những người này sẽ được sống lại vào lúc đó, cả họ và những người đang còn sống sẽ được thấy Chúa.

Nan đề khó nhất là động từ *agō* trong tiếng Hy-lạp có nghĩa là “đem tới” hay “đem đi.” Một số nhà phê bình cho rằng động từ *agō* nói về “sự sống lại.” Nhưng thông thường nếu muốn nói về “sự sống lại” người ta sẽ dùng động từ Hy-lạp *anisto mi* để diễn tả chứ không dùng *agō*. Vì vậy quan niệm của một số nhà phê bình cho rằng động từ *agō* có nghĩa là “sự sống lại” không được chọn vì các lý do sau đây:

- (1) Nó có nghĩa là “đem từ đất lên thiên đàng” không? Ở các chỗ khác trong TỰ động từ *agō* có vẻ có nghĩa là một người mang theo một người nữa với mình. Nhưng trong Hê-bơ-rơ 2:10 và trong 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:14 động từ này có vẻ như có nghĩa là “đem đến.” Như đã thấy ở CDN trong PKTCD cách dịch sau đây được đề nghị:

Vì vậy [chúng ta tin rằng khi Chúa Giê-su trở lại trái đất, Đức Chúa Trời sẽ

khiến] Chúa Giê-su mang về thiên đàng với Ngài những con dân Chúa đã chết.

- (2) Một vài nhà phê bình cho rằng câu trên có nghĩa là “Đức Chúa Trời sẽ khiến những con dân Chúa đã chết sẽ cùng đến với Chúa Giê-su từ thiên đàng. Ngài sẽ khiến cho linh hồn của họ hiệp lại với thân thể của họ để sống lại. Rồi, cùng với các con dân Chúa đang còn sống trong lúc Chúa Giê-su trở lại, họ sẽ trở lên thiên đàng lại.”

4:15a

Vậy, theo lời Chúa dạy, chúng tôi nói cho anh chị em biết điều này: Phao-lô giải thích rằng lời ông nói có thẩm quyền bởi vì chúng được dựa trên những điều do chính Chúa Giê-su dạy dỗ. Chúng ta có thể đoán ông muốn đề cập đến điều nào trong các điều sau:

- (1) Các điều Chúa Giê-su nói đã được chép xuống và sau đó được kể ở trong các sách Phúc Âm. Thí dụ như trong Ma-thi-ơ 24:30-31.
- (2) Phao-lô đã nhận sứ điệp trực tiếp từ Chúa Giê-su.
- (3) “Các lời Chúa Giê-su nói” được người ta ghi lại nhưng không được chép trong các sách Phúc Âm.

Nan đề ở đây là không phải chúng ta có thể tìm thấy tất cả mọi sự dạy dỗ của Phao-lô trong các sách Phúc Âm. Vậy nguồn gốc của các kiến thức ông Phao-lô có đến từ cả (1) và (2).

Bởi vì trong văn bản Hy-lạp không nói rõ Chúa Giê-su nói những lời này với ai, bạn không cần phải nói rõ nếu ngôn ngữ của bạn không đòi hỏi phải dịch như vậy.

4:15b

Chúng ta là những người đang sống mà còn lại khi Chúa quang lâm: Câu này đề cập đến bất cứ con dân nào của Chúa mà còn đang sống khi Chúa Giê-su trở lại. Điều này cho thấy Phao-lô mong đợi Chúa Giê-su trở lại trong khi ông còn sống.

4:14b	<i>thì cũng vậy, Đức Chúa trời sẽ đem những người đã ngủ trong Đức Giê-su về cùng Ngài.</i> vì vậy [chúng tôi tin rằng khi Chúa Giê-su trở lại trái đất, Đức Chúa Trời sẽ khiến] Chúa Giê-su mang về thiên đàng với Ngài những con dân Chúa đã chết.
4:15a	<i>Vậy, theo lời Chúa dạy, chúng tôi nói cho anh chị em biết điều này:</i> Đây là lời do chính Chúa [Giê-su] của chúng ta đã dạy mà [bây giờ] chúng tôi đang nói cho anh chị em biết:
4:15b	<i>Chúng ta là những người đang sống mà còn lại khi Chúa quang lâm,</i> Chúng ta là những người còn đang sống khi Chúa Giê-su trở lại
4:15c	<i>chúng ta sẽ không đi trước những người đã ngủ.</i> chắc chắn sẽ không lên gặp Chúa trước những người đã chết [như một số anh chị em nghĩ sẽ xảy ra như vậy].
4:16a	<i>Vì khi mệnh lệnh ban ra</i> Thật sự, [điều sẽ xảy ra là] Chúa [Giê su sẽ] ra lệnh để,
4:16b	<i>cùng với tiếng gọi của thiên sứ trưởng</i> tiếng của thiên sứ trưởng sẽ vang ra,

4:15c

chúng ta sẽ không đi trước những người đã ngủ: Văn bản Hy-lạp dùng “không không” để nhấn mạnh đến sự phủ định. Đây là câu trả lời rõ rệt cho những thắc mắc mà các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca đang có: “Những người còn đang sống khi Chúa Giê-su trở lại sẽ lên thiên đàng trước những người đã chết hay sao? Hay những người đã chết không được lên thiên đàng?” Hãy xem lời giải thích của 4:13a.

đi trước: Nhóm từ này có nghĩa gì? Có thể có hai cách diễn dịch:

- (1) Phao-lô phủ nhận rằng các con dân Chúa đang còn sống sẽ lên thiên đàng trước những người đã chết sẽ được làm cho sống lại.
- (2) Phao-lô phủ nhận việc những người còn đang sống trong khi Chúa Giê-su trở lại sẽ được bất cứ lợi thế hay đặc ân gì hơn những người đã chết.

Có thể hai cách diễn dịch này không khác nhau mấy nhưng cách diễn dịch đầu tiên vẫn được ưa thích hơn vì cách diễn dịch thứ nhì dựa vào ẩn ý của cách diễn dịch đầu tiên. Trong văn mạch này có vẻ như Phao-lô

muốn nói đến một thời điểm mà các con dân Chúa đã chết và các con dân Chúa còn đang sống được sống lại. Thời điểm này được nói đến trong 4:17a: “chúng ta những người còn đang sống mà còn lại sẽ cùng họ được cất lên.”

những người đã ngủ: Hãy xem lời giải thích của 4:13a.

4:16a-c

Vì khi mệnh lệnh ban ra cùng với tiếng gọi của thiên sứ trưởng và tiếng kèn của Đức Chúa Trời vang lên: Trong nguyên bản Hy-lạp các câu 4:15-17 chỉ là một câu dài. Trong câu này Phao-lô cho thêm các chi tiết tốt về 4:15. Các nhà phê bình không đồng ý với nhau về vấn đề đây là ba, hai hay một biến cố. Một vài người cho là biến cố thứ nhì và thứ ba giải thích cho biến cố đầu tiên, tức là, “Chúa Giê-su sẽ ra lệnh cho thiên sứ trưởng la lớn và khiến cho tiếng kèn trom-pet thổi lên.” Nhưng có một số ít người cho là không có mệnh lệnh nào cả.

Một nhà phê bình khác đề nghị là “Chúa Giê-su sẽ ra lệnh để ra lệnh, và tiếng kèn là tiếng thiên sứ trưởng ra lệnh cho các

thiên sứ.” Không có sự thảo luận nào giúp cho người dịch hiểu rõ thêm, vậy nên bạn có thể dịch như là ba biến cố diễn ra liên tiếp một cách nhanh chóng.

Các nhà phê bình cũng trích dẫn Giăng 5:25, Ma-thi-ơ 24:30-31, và 1 Cô-rinh-tô 15:52 cho thấy là khi Chúa la lớn các người chết sẽ nghe tiếng Ngài, và khi tiếng kèn nổi lên, các người chết sẽ sống lại. Mặc dầu những điều này đều là sự thật, trong 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:16 Phao-lô không nói rõ như vậy. Chúng ta biết rằng đạo binh thiên sứ của Đức Chúa Trời dự phần trong việc nhóm họp tất cả các con dân Chúa lại và đem họ lên thiên đàng với Chúa Giê-su (Ma-thi-ơ 24:31). Vậy nên tiếng của Chúa Giê-su, tiếng của thiên sứ trưởng và tiếng kèn, cùng với các thiên sứ tất cả đều có phần trong việc khiến các con dân Chúa đã chết sống lại, và đem tất cả các con dân Chúa lên thiên đàng.

4:16a

Vì khi mệnh lệnh ban ra: Ai là người ra lệnh? Có thể có hai cách diễn dịch:

- (1) Sẽ có tiếng của Chúa Giê-su nói/la lên ra lệnh.
- (2) Sẽ có tiếng của thiên sứ trưởng.

Như đã nói trong các lời giải thích trước, cách diễn dịch thứ nhất được chọn là cách diễn dịch sát với nguyên bản Hy-lạp nhất.

4:16b

cùng với tiếng gọi của thiên sứ trưởng: Chúng ta theo quan niệm Chúa Giê-su sẽ la lên truyền lệnh cho thiên sứ trưởng, rồi thiên sứ trưởng sẽ ra lệnh cho đạo binh thiên sứ của Đức Chúa Trời. Thiên sứ trưởng sẽ thổi kèn trôm-pét.

4:16c

và tiếng kèn của Đức Chúa Trời vang lên: Ai thổi kèn trôm-pét? Có lẽ không phải là Đức Chúa Trời hay Chúa Giê-su mà là chính thiên sứ trưởng. KT không nói rõ ai thổi kèn. Ngay cả khi chúng ta xem trong Ma-thi-ơ 24:31, vẫn không biết rõ ai thổi kèn. Nếu có thể được không cần phải nói ai thổi kèn khi

dịch qua ngôn ngữ của bạn, có thể nói là “kèn của Đức Chúa Trời được thổi lên.” Cũng hãy xem PKTCD của 4:16c.

4:16d

thì chính Chúa sẽ từ trời giáng xuống: Lúc này Chúa Giê-su của chúng ta ngồi trên ngai bên hữu của Đức Chúa Trời. Từ đó Chúa Giê-su sẽ giáng xuống thế gian (Thí dụ: Luca 22:69, Công-vụ 7:55).

chính Chúa: Chính Chúa Giê-su chỉ huy sự trở lại của Ngài. Không phải chỉ có thiên sứ đến mà thôi.

4:16e

Bây giờ những người chết trong Đức Cơ Đốc sẽ sống lại trước hết:

những người chết trong Đức Cơ Đốc:

Điều này có nghĩa gì? Có thể có hai ý nghĩa:

- (1) Những con dân Chúa đã chết.
- (2) Những người đã chết nhưng bây giờ đang sống với Chúa Giê-su trên thiên đàng.

Nghĩa (1) được ưa thích hơn vì có vẻ như nó được lập lại cách vắn tắt những điều Phao-lô đã nói trước đó trong nhóm từ “những người đã ngủ trong Đức Giê-su.”

sẽ sống lại trước hết: Điều này có nghĩa là trước khi những người còn sống được cất lên không trung để gặp Chúa Giê-su, các con dân Chúa đã chết sẽ sống lại từ mồ mả.

4:17a

rồi đến chúng ta là những người đang sống mà còn lại sẽ cùng họ được cất lên trong đám mây: Hãy xem phần ghi chú của 4:15b.

sẽ cùng họ: Đây là điểm trọng yếu trong câu trả lời của Phao-lô về thắc mắc mà các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca có trong đầu. Tất cả các con dân Chúa, những người đang sống và những người chết vừa được sống lại, sẽ đột nhiên thấy mình được cất lên và bay lên trời để gặp Chúa Giê-su đang giáng xuống.

được cất lên: Ông nói rằng tất cả các con dân Chúa, cả những người đã chết cũng như những người đang sống khi Chúa đến

4:16c	<i>và tiếng kèn của Đức Chúa Trời vang lên tiếng kèn trôm-pét của Đức Chúa Trời sẽ được thổi lên,</i>
4:16d	<i>thì chính Chúa sẽ từ trời giáng xuống. và Chúa Giê-su của chúng ta sẽ từ thiên đàng giáng xuống.</i>
4:16e	<i>Bấy giờ những người chết trong Đức Cơ Đốc sẽ sống lại trước hết, Những người đã chết trong khi tin nơi Đức Cơ Đốc sẽ sống lại từ cõi chết.</i>
4:17a	<i>rồi đến chúng ta là những người đang sống mà còn lại sẽ cùng họ được cất lên trong đám mây Rồi thì Đức Chúa Trời sẽ tụ tập họ và bất cứ người nào trong chúng ta còn đang sống lại và đem tất cả mọi người lên giữa các đám mây</i>
4:17b	<i>để nghênh tiếp Chúa trên không trung. để gặp Chúa Giê-su của chúng ta trên không trung.</i>
4:17c	<i>Như vậy, chúng ta sẽ ở cùng Chúa mãi mãi. Kể từ đó chúng ta sẽ ở với Chúa Giê-su của chúng ta cho đến đời đời.</i>
4:18	<i>Thế thì, anh chị em hãy dùng những lời ấy mà an ủi nhau. Vậy hãy dùng những lời mà chúng tôi vừa viết để làm cho nhau yên lòng.</i>

lần thứ nhì, sẽ cùng được cất lên trong những đám mây cùng một lúc, và họ sẽ cùng gặp Chúa Giê-su. Chúng ta hiểu ngầm Đức Chúa Trời là tác nhân của sự cất lên này.

trong đám mây: Trong KT sự trở lại của Đấng Cứu Thế (Chúa Giê-su Cơ Đốc) thường đi chung với nhóm từ “trong đám mây” (Mác 13:26, 14:62).

4:17b

để nghênh tiếp Chúa trên không trung:

để nghênh tiếp: Từ Hy-lạp *apante sis* ở đây có nghĩa là “gặp những người đến từ một hướng khác.” Trong văn mạch này, nó cho thấy ý tưởng là Chúa đến từ một hướng và các con dân Chúa đến từ một hướng khác. Trong BDM dùng *để nghênh tiếp* thay vì dùng từ thông thường “gặp” bởi vì trong tiếng Việt, nếu nói về Chúa Giê-su mà dùng tiếng gặp thì có vẻ thiếu tôn kính. Trong các ngôn ngữ khác như tiếng Anh và tiếng Hy-lạp thì không thành vấn đề.

trên không trung: Đây là một cách khác để nói đến một chỗ giống như là *trong đám mây*.

4:17c

Như vậy, chúng ta sẽ ở cùng Chúa mãi mãi: Người ta vẫn tranh luận về việc ở đây nói đến Vương Quốc của Đức Chúa Trời trên đất hay trên thiên đàng. Tuy nhiên, điều chắc chắn ở đây là kể từ lúc Chúa Giê-su trở lại thì các con dân Chúa sẽ không bao giờ bị phân cách về thân xác với Chúa Giê-su nữa.

4:18

Thế thì, anh chị em hãy dùng những lời ấy mà an ủi nhau:

thế thì: Hai từ này báo hiệu Phao-lô đang kết luận đoạn này và về vấn đề này.

hãy dùng những lời ấy mà an ủi nhau: Trong bản Hy-lạp động từ này ở trong thì hiện tại trong thể chủ động và ra lệnh, nên dịch là “hãy tiếp tục khuyến khích/ trấn an.” Đây đề cập đến toàn thể sứ điệp trong các câu 4:14-17. Phao-lô không đòi họ phải lập lại những lời này nhưng họ hãy nhắc nhở nhau về chân lý mà ông vừa nói về sự sống lại của các con dân Chúa. Đó là câu trả lời đầy đủ cho câu hỏi hàm ý trong 4:13.

5:1-3 Chúa sẽ đến khi người ta không ngờ nhất

Phao-lô không thể nói cho họ biết khi nào Chúa Giê-su sẽ đến, ngoại trừ lập lại rằng họ đã được dạy rằng Chúa sẽ đến trong thời điểm mà mọi người không ngờ được nhất. Vào lúc có hoà bình và ổn định trên thế giới thì Chúa Giê-su sẽ đột xuất, và những người không tin Chúa sẽ không thể thoát được sự đoán xét của Chúa.

5:1-2a

Thưa anh chị em, về thì giờ và thời kỳ, chúng tôi không cần phải viết cho anh chị em. Vì chính anh chị em biết rõ: Đây là chỗ bắt đầu của một đoạn mới trong tiểu đoạn này (4:13-5:11) về sự trở lại của Chúa Giê-su. Phao-lô trả lời một thắc mắc thứ hai mà các con dân Chúa tại Tê-sa-lô-ni-ca đang có, đó là, khi nào Chúa Giê-su sẽ trở lại?

anh chị em: Hãy xem lại lời giải nghĩa của 1:4.

về thì giờ và thời kỳ: Đây là câu được dùng trong CU để chỉ đến các biến cố sẽ xảy ra trong tương lai. Thí dụ xem trong Đa-ni-ên 2:21. Điều này có nghĩa gì? Các nhà phê bình chia phe như sau:

- (1) Thật ra không có sự khác biệt giữa *thì giờ* và *thời kỳ*, nên đây là một đôi từ, tức là, hai từ có cùng một ý nghĩa cơ bản như nhau.
- (2) Câu này đề cập đến các biến cố và dấu hiệu về sự trở lại của Chúa Giê-su đã gần đến rồi. Từ *thì giờ* muốn nói đến “khoảng thời gian.” Từ *thời kỳ* (BDY dịch là “ngày giờ”) đề cập đến “biến cố quan trọng sẽ xảy ra trước khi Chúa Giê-su trở lại.”

Khó để chọn giữa hai quan niệm này. Chủ đề mà Phao-lô muốn nói đến là “ngày của Chúa” chứ không phải thời kỳ trước khi Chúa đến. Vậy nên quan niệm đầu tiên được cho là đúng.

chúng tôi không cần phải viết cho anh chị em. Vì chính anh chị em biết rõ: Chắc chắn Phao-lô đã nói về những điều này khi ông ở với họ, nhưng bây giờ ông nhắc lại cho họ nhớ. Điều họ nên biết rõ là họ không

thể nào biết chắc được ngày Chúa Giê-su sẽ trở lại, bởi vì chính Đức Giê-su khi còn ở trên thế gian đã nói là chỉ có Đức Chúa Trời là Cha mới biết được ngày đó (Ma-thi-ơ 24:36).

5:2b

ràng ngày của Chúa: Nhóm từ *ngày của Chúa* là nhóm từ thường được hay dùng trong CU (thí dụ, xem A-mốt 5:18, Giô-ên 2:31, Ma-la-chi 4:5). Nó đề cập đến lúc mà Đức Chúa Trời sẽ đến và đoán xét dân trên thế giới. Đây sẽ không phải là một ngày vui vẻ cho những người làm bậy. Tuy nhiên, trong TU gần như từ *Chúa* luôn luôn có nghĩa là Chúa Giê-su của chúng ta. Vậy ở đây *ngày của Chúa* có nghĩa là “ngày Chúa Giê-su của chúng ta sẽ đến thế gian này một lần nữa.” Trong Lu-ca 17:22 nó được đề cập đến như là *ngày của Con Người*.

Có phải từ *ngày* nói đến ngày có 24 tiếng đồng hồ hay cho một thời gian dài hơn? Có thể có hai cách diễn dịch:

- (1) Đây nói đến Chúa Giê-su sẽ đến trong một ngày, và cũng có nghĩa là Ngài sẽ đến một cách nhanh chóng như trong 5:3b đã nói.
- (2) Đây là một thời gian bắt đầu từ ngày Chúa Giê-su trở lại.

Từ Hy-lạp được dịch là *ngày* ở thể số ít vậy nên có vẻ như nói đến một ngày có 24 tiếng đồng hồ. Tất cả các bản dịch tiếng Việt dùng từ “ngày” theo ý nghĩa thông thường là “một ngày.”

5:2c

sẽ đến như kẻ trộm lúc đêm khuya: Động từ *đến* trong bản Hy-lạp được dịch theo thì hiện tại. Tất cả các bản dịch tiếng Việt đều dịch trong thì tương lai. Dịch như vậy có ý nghĩa hơn vì ngày đó chưa đến.

như kẻ trộm lúc đêm khuya: Đây là lối nói so sánh và không nên dịch theo nghĩa là Chúa Giê-su sẽ đến trong đêm tối để ăn trộm. Hãy xem chính Chúa Giê-su dùng một sự dạy dỗ tương tự trong Ma-thi-ơ 24:43. Điểm được so sánh ở đây là Chúa Giê-su sẽ

5:1	<i>Thưa anh chị em, về thì giờ và thời kỳ, chúng tôi không cần phải viết cho anh chị em.</i> Bây giờ, thưa các tín hữu, chúng tôi không cần phải viết [và nói] cho anh chị em về thời điểm [Chúa Giê-su sẽ trở lại].
5:2a	<i>Vì chính anh chị em biết rõ rằng</i> [Chúng tôi nói điều này] vì anh chị em biết rõ rằng
5:2b	<i>ngày của Chúa</i> ngày mà Chúa [Giê-su] của chúng ta sẽ trở lại
5:2c	<i>sẽ đến như kẻ trộm lúc đêm khuya.</i> sẽ đến [đột ngột và không ngờ] giống như kẻ trộm đến trong đêm tối [khi mọi người trong nhà đang ngủ, nó sẽ len vào và ăn trộm đồ].
5:3a	<i>Khi người ta tuyên bố: Hoà bình và an ninh</i> Khi nhiều người nói rằng thế giới có hoà bình và không còn rắc rối và nguy hiểm nữa,
5:3b	<i>thì tai hoạ sẽ thành linh xảy đến cho họ</i> thì lúc đó tai hoạ lớn sẽ đột xuất (hay đến một cách thành linh và bất ngờ) cho họ.
5:3c	<i>như cơn đau chuyển bụng sanh xảy đến cho người đàn bà có thai</i> Nó sẽ giống như cơn đau chuyển bụng của người đàn bà có mang sắp sanh.

đột xuất. Vì không ai biết được Chúa sẽ trở lại khi nào, nhiều người sẽ không sẵn sàng khi Ngài đến. Nếu chủ nhà biết khi nào tên trộm sẽ đến, họ sẽ canh gác cẩn thận. Đối với những người không sẵn sàng, sự trở lại của Chúa Giê-su sẽ không phải là lúc vui vẻ như 5:3b giải thích.

5:3a

Khi người ta tuyên bố: Hoà bình và an ninh: Phao-lô có thể nhớ đến lời nói trong Giê-rê-mi 6:14 và Ê-xê-chi-ên 13:10: “Họ nói hoà bình, hoà bình trong khi không có hoà bình.” *Hoà bình* có thể có nghĩa là hai quốc gia không có chiến tranh hay bất hoà với nhau giữa hai quốc gia, hay trong một quốc gia nào đó, hay chỉ muốn nói là không có rắc rối. Có thể hiểu *an ninh* là không có nguy hiểm. Vì vậy, có thể hơi trùng nghĩa với *hoà bình* giống như các từ đôi tiêu biểu trong các thư của Phao-lô cũng như ở trong CƯ. Hãy xem PKTCD của 5:3a để thấy các cách diễn dịch được đề nghị.

5:3b

thì tai hoạ sẽ thành linh xảy đến cho họ: Giống như trong 5:2c động từ *đến* ở trong thì hiện tại. Từ Hy-lạp *olethros* “sự hư hại” không cần thiết phải hiểu là không còn hiện hữu nữa. Ở đây bạn có thể dịch như là “đại rắc rối.” Hãy xem 2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:9 và 1 Cô-rinh-tô 5:5.

Sự tai hoạ sẽ đến cho ai? Nó sẽ đến trên những người không chuẩn bị như đã chép trong các 5:4-10.

5:3c

như cơn đau chuyển bụng sanh xảy đến cho người đàn bà có thai: Nhóm từ *cơn đau chuyển bụng* nói đến sự đau đớn mà người đàn bà đang có thai phải chịu khi sắp sanh con. Chúa Giê-su dùng cùng một lối so sánh trong Ma-thi-ơ 24:8. Cơn đau chuyển bụng lúc đầu báo động là cơn đau nhẹ với sự đau đớn tột cùng và kéo dài sắp đến. Nhưng khó mà đoán trước được cơn đau chuyển bụng này sẽ bắt đầu vào lúc nào.

5:3d

và họ sẽ không trốn thoát được: Ai sẽ không trốn thoát được? KT tiếp tục sự so sánh với người đàn bà đau đẻ. Người đàn bà này không trốn thoát được con đau đẻ thế nào thì những người không chuẩn bị cho sự trở lại của Chúa Giê-su cũng sẽ không thoát khỏi sự trừng phạt thể ấy.

5:4-11 Các con dân Chúa nên chuẩn bị cho sự trở lại của Chúa Giê-su

Kết quả là các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca phải sống trong sự chuẩn bị, thức dậy và sẵn sàng cho sự trở lại của Chúa Giê-su xảy ra vào bất cứ lúc nào. Họ phải có đức tin nơi Chúa Giê-su, yêu thương lẫn nhau mạnh mẽ và biết chắc chắn rằng Chúa sẽ trở lại. Những điều này sẽ bảo vệ họ khỏi sự tấn công của quỷ vương. Bởi vì Đức Chúa Trời không muốn thấy chúng ta bị trừng phạt nhưng phải được Chúa Giê-su cứu rỗi. Vì Chúa Giê-su đã chết cho chúng ta, Chúa sẽ trở lại để đem tất cả các con dân Chúa đã chết hay còn đang sống đi sống với Chúa cho đến đời đời.

5:4-8

Nhưng thua anh chị em, ...đội mã bằng hy vọng cứu rỗi: Phao-lô dùng một loạt những ẩn dụ liên hệ và tương phản với nhau, như là bóng tối và sự sáng, đêm và ngày, ngủ và thức dậy, say và không uống rượu. Hãy bắt đầu một đoạn mới từ 5:4 nhưng không phải là một tiểu đoạn mới vì ông vẫn còn đang nói đến vấn đề Chúa Giê-su trở lại.

5:4a

anh chị em: Hãy xem lại lời giải nghĩa trong 1:4.

không ở trong bóng tối: Các ẩn dụ trong 5:4 thì ngược lại với các ẩn dụ trong 5:5a. Trong KT “đêm” và “bóng tối” đều là ẩn dụ chỉ về sự gian ác. Khi trở nên môn đệ của Chúa Giê-su, các con dân Chúa không còn thuộc về “thế gian này với sự đầy tội lỗi của nó.” Họ vẫn còn ở trong thế gian nhưng không thuộc về thế gian (Giăng 15:19).

Nếu trong ngôn ngữ của bạn cho phép khai triển ẩn dụ như bóng tối để nói đến sự gian ác, ánh sáng để nói đến sự tốt lành và trong sạch thì bạn hãy dùng những ẩn dụ để dịch. Nếu không, cố gắng dùng lối so sánh (thí dụ: “...thế giới gian ác này giống như bóng tối.” Nếu thấy khó mà dịch theo kiểu này thì chỉ dịch theo ý nghĩa cũng được. Hãy xem PKTCD để thấy các kiểu dịch khác nhau đã theo cách dùng các ẩn dụ hay chỉ dịch theo ý nghĩa để diễn tả những câu này.

5:4b

đến nỗi ngày ấy bất ngờ đến với anh chị em như kẻ trộm: Như đã nói ở trong 5:4a, nhóm từ này có nghĩa là vì họ không phải là người ngoại đạo nhưng là con dân Chúa, họ sẽ không nên ngạc nhiên hay không chuẩn bị sẵn sàng khi Chúa Giê-su trở lại. Cụm từ “như kẻ trộm” cho thấy là Chúa Giê-su trở lại lúc mà đa số mọi người không ngờ.

5:5a

Vì tất cả anh chị em đều là con cái của ánh sáng, con cái của ban ngày: Đây là một ẩn dụ của tiếng Do Thái nói có nghĩa là các con dân Chúa đã từ khước sự gian ác và bây giờ theo Đức Cơ Đốc. Phao-lô đang nói với các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca nhưng chúng ta có thể áp dụng điều này cho các con dân Chúa hiện tại.

con cái của ánh sáng: Có nghĩa là “những người đi theo các con đường tốt lành của Đức Chúa Trời.”

con cái của ban ngày: Nhóm từ này có nói cùng một ý với nhóm từ *con cái của ánh sáng* không? *Con cái của ban ngày* có cùng một ý nghĩa như *con cái của ánh sáng*. Chúng tạo thành một nhóm từ đôi: hai nhóm từ có cùng một ý nghĩa.

5:5b

Chúng ta không thuộc về ban đêm hay bóng tối: Câu này cũng nói giống như 5:4a, nhưng ở đây Phao-lô nói những điều ông đang nói ở đây được áp dụng cho tất cả các con dân Chúa. Câu này đổi lại dùng *chúng ta* để cho thấy đây là một lời cảnh cáo

5:3d	<p>và họ sẽ không trốn thoát được và cũng như người đàn bà không thể trốn tránh khỏi bị đau đẻ khi sanh, họ cũng sẽ không thể chạy thoát và trốn khỏi [chính cái tai họa lớn mà Đức Chúa Trời sẽ mang đến cho họ].</p>
5:4a	<p><i>Nhưng thưa anh chị em không ở trong bóng tối</i> Nhưng thưa anh chị em, không ngồi/sống trong bóng tối. - HAY - Nhưng thưa anh chị em, không thuộc về thế giới gian ác này.</p>
5:4b	<p><i>đến nỗi ngày ấy bất ngờ đến với anh chị em như kẻ trộm</i> Vì vậy ngày Chúa Giê-su của chúng ta trở lại sẽ không đến bất ngờ với anh chị em như kẻ trộm đến bất ngờ với người ta.</p>
5:5a	<p><i>Vì tất cả anh chị em đều là con cái của ánh sáng, con cái của ban ngày</i> Anh chị em là những người sống trong ánh sáng và thuộc về ban ngày. - HAY - Anh chị em là những người sống một đời sống tốt lành và trong sạch.</p>
5:5b	<p><i>Chúng ta không thuộc về ban đêm hay bóng tối.</i> Chúng ta không theo cách của những người gian ác và chúng ta không làm điều ác.</p>
5:6a	<p><i>Vậy, chúng ta không nên ngủ mê như những người khác</i> Vì vậy chúng ta đừng [gian ác] như những người khác là [những người không cảnh giác về việc Chúa Giê-su sẽ trở lại]. - HAY - Nên [vì chúng ta không theo đường lối của những người gian ác], chúng ta đừng giống như họ không sẵn sàng khi Chúa Giê-su đột xuất (hay Chúa [Giê-su] trở lại bất thành linh).</p>

ngghiêm trọng cho những ai xưng mình là tín hữu.

5:6a

Vậy, chúng ta không nên ngủ mê như những người khác:

Vậy: Từ này giới thiệu nhóm từ đi theo sau một cách hợp lý với các điều nói từ 5:5a “Vì tất cả anh chị em là những người sống một đời sống tốt lành và trong sạch.”

Không nên ngủ mê: Đây có nghĩa là “những người giống như những người đang ngủ.” Phao-lô tiếp tục dùng ẩn dụ nói về kẻ trộm đến vào ban đêm trong lúc những người bị ăn trộm đang ngủ và không biết điều gì đang xảy ra. Những người không tin

sẽ không sẵn sàng cho sự trở lại của người bị ăn trộm đang ngủ và không biết điều gì đang xảy ra. Những người không tin sẽ không sẵn sàng cho sự trở lại của Chúa Giê-su. Nhưng các con dân Chúa thì sẵn sàng. Điều này không những chỉ có nghĩa là họ phải trông đợi sự trở lại của Chúa, nhưng cũng phải sống đẹp lòng Đức Chúa Trời cho tới lúc Chúa trở lại. Cũng xem trong Ma-thi-ơ 25:1-13.

như những người khác: Phao-lô đang cảnh cáo các con dân Chúa phải cư xử như những người tin Chúa, đừng giống như những người chưa tin Chúa hay không tin rằng Chúa Giê-su sẽ trở lại.

5:6b

nhưng hãy cảnh giác và tỉnh thức:

nhưng hãy cảnh giác: Trạng thái này ngược lại với trạng thái nói ở trong 5:6a, nó có nghĩa là “chúng ta nên tỉnh thức.” Điều này có nghĩa là không phải chúng ta chỉ trông chờ Chúa Giê-su trở lại. Theo một số các nhà phê bình, chúng ta cũng phải luôn luôn tỉnh thức về các cám dỗ làm cho chúng ta phạm tội và chống trả lại với những cám dỗ này. Nếu tâm trí chúng ta không phân biệt rõ điều nào là đúng điều nào là sai, chúng ta sẽ không thể tránh phạm tội được. Hãy xem trong Ma-thi-ơ 25:13, Mác 13:35-37.

và tỉnh thức: Từ Hy-lạp *nēphō* dùng trong nhóm từ này thật có nghĩa là “không say, không uống những thứ rượu mạnh.” Phao-lô dùng từ này để nói về trạng thái tỉnh thức.

Người ta thường say rượu vào ban đêm. Người say thường dễ ngủ. Khi ở trong tình trạng đó người say không thể giữ cho mình đừng phạm tội hay khỏi nguy hiểm được. Ẩn dụ không nói là chúng ta không được uống rượu, nhưng bảo chúng ta giữ cho đầu óc tỉnh táo và tự kiểm chế để không phạm tội. Nhưng trong 5:7b hàm ý say rượu là tội lỗi.

5:7a

Vì ai ngủ thì ngủ ban đêm: Hãy xem lại lời giải nghĩa của 5:5b. Thái độ tiêu biểu của người thế gian là họ không cân chú ý đến Chúa Giê-su có trở lại hay không, hoặc Chúa sẽ đoán xét họ là có tội hay không. Họ quá bận rộn với công việc của đời này. Câu này được bắt đầu bằng từ *Vì* bởi vì Phao-lô cho họ thấy sự quan trọng của lời cảnh cáo của ông trong 5:6. Ông kêu gọi họ nhớ đến một lẽ thật rõ rệt: “người ta thường ngủ vào buổi tối nhưng thức vào ban ngày.”

5:7b

và ai say sưa thì say sưa ban đêm: Thật ra người ta thường hay uống rượu vào ban đêm hơn là vào ban ngày. Áp dụng ẩn dụ này vào đời sống, Phao-lô nói rằng sự say sưa và cư xử không tốt thường xảy ra vào ban đêm, nhưng trong ban ngày người ta thường cư xử đàng hoàng. Cũng giống như vậy, vì chúng

ta “thuộc về ban ngày” chúng ta không nên phạm tội (5:8a).

5:8a

Nhưng chúng ta thuộc về ban ngày, hãy tỉnh thức: Hãy xem lời giải nghĩa của 5:6b.

5:8b-c

mặc áo giáp bằng đức tin và tình thương, đội mũ bằng hy vọng cứu rỗi: Phao-lô thay đổi ẩn dụ, ông nói về người lính và áo giáp của mình. Có lẽ ông dùng ẩn dụ trong Ê-sai 59:17. Ẩn dụ này thay đổi khác một chút ở trong Ê-phê-sô 6:11-18. Người lính mặc áo giáp để che ngực và đội mũ sắt để bảo vệ cái đầu. Nên ý nghĩa sâu xa của nó là các con dân Chúa nên dùng đức tin, tình yêu thương, và hy vọng để bảo vệ họ chống lại sự tấn công của quỷ vương. Đức Chúa Trời cung cấp cùng một thứ khi giới này để bảo vệ họ khỏi bị trừng phạt khi Chúa Giê-su đến và đoán xét mọi người trên thế giới. Bởi vì khi có đức tin, tình yêu thương và hy vọng họ cũng có sự cứu rỗi. Hãy xem lời giải nghĩa sau đây về ý nghĩa của đức tin, tình yêu thương, hy vọng và sự cứu rỗi.

mặc: Động từ này liên hệ với câu trước như thế nào? Động từ này liên hệ với *hãy tỉnh thức* trong 5:8a, và giải thích họ phải kiểm chế chính họ như thế nào.

đức tin: Đức tin là gì? Trong văn mạch của thư này, nó có nghĩa là các con dân Chúa phải tiếp tục tin tưởng và tin cậy nơi Chúa Giê-su Cơ Đốc. Nếu chúng ta ngưng làm điều này chúng ta mở cửa cho quỷ vương tấn công, cám dỗ chúng ta làm việc sai lầm. Hãy xem lời giải nghĩa của 1:3b.

tình thương: Các con dân Chúa phải yêu thương ai? Yêu thương Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su không chưa đủ. Chúng ta cũng phải yêu mến con người nữa. Làm như vậy chúng ta được bảo vệ chống lại sự tấn công quỷ vương.

đội mũ bằng hy vọng cứu rỗi: Hãy xem các lời giải nghĩa của 1:3d và 4:13b liên quan đến *hy vọng*. Các con dân Chúa không phải chỉ hy vọng một ngày nào đó họ

- 5:6b *nhưng hãy cảnh giác và tỉnh thức.*
Nhưng hãy tỉnh thức và kiểm chế chính chúng ta,
- HAY -
Ngược lại chúng ta nên tỉnh thức và suy nghĩ rõ ràng,
- 5:7a *Vì ai ngủ thì ngủ ban đêm*
bởi vì hễ ai [muốn ngủ], thì ngủ ban đêm,
- HAY -
bởi vì người không chú ý đến việc Chúa Giê-su có trở lại hay không là người của thế giới gian ác này,
- 5:7b *và ai say sưa thì say sưa ban đêm.*
và những ai muốn say sưa, thì say sưa ban đêm.
- HAY -
và những người không kiểm chế được mình cũng là những người của thế giới gian ác này.
- 5:8a *Nhưng chúng ta thuộc về ban ngày, hãy tỉnh thức,*
Nhưng vì chúng ta thuộc về ban ngày, chúng ta nên tự kiểm chế mình.
- HAY -
Nhưng bởi vì chúng ta là con dân của Đức Chúa Trời chúng ta nên tự kiểm chế chính mình.
- 5:8b *mặc áo giáp bằng đức tin và tình thương,*
[Chúng tôi cho anh chị em sự minh họa về cách chúng ta tự kiểm chế chính mình].
Giống như người lính mặc áo giáp để bảo vệ ngực của mình, chúng ta phải để tin tưởng [nơi Chúa Giê-su của chúng ta], yêu mến Chúa và yêu mến lẫn nhau để chúng ta được bảo vệ [khỏi sự tấn công của Sa-tan].
- HAY -
Chúng ta phải tin tưởng nơi Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su, lòng yêu mến Đức Chúa Trời, Chúa Giê-su và yêu mến lẫn nhau để chúng ta được bảo vệ cũng như áo giáp bảo vệ người lính.
- 5:8c *đội mũ bằng hy vọng cứu rỗi.*
Và chúng ta hãy tiếp tục tin chắc rằng [trong ngày Chúa Giê-su trở lại], Ngài sẽ cứu chúng ta [khỏi thế giới này, khỏi sự trừng phạt mà Đức Chúa Trời sẽ dành cho mọi người gian ác và Ngài sẽ đem chúng ta đi ở với Chúa đời đời]. Điều này chắc chắn sẽ bảo vệ chúng ta [khỏi sự tấn công của Sa-tan] giống như cái nón sắt bảo vệ đầu của người lính.
- HAY -
Và chúng ta phải tin chắc rằng [Chúa Giê-su sẽ đến] và cứu chúng ta [khỏi sự trừng phạt mà Đức Chúa Trời sẽ cho những người gian ác] để chúng ta được bảo vệ [khỏi sự tấn công của Sa-tan] giống như cái nón sắt bảo vệ người lính.

sẽ được cứu. Là con dân Chúa chúng ta phải chắc chắn rằng khi Chúa Giê-su trở lại, Ngài sẽ đến và cứu chúng ta ra khỏi thế gian này và khỏi sự trừng phạt mà Chúa sẽ dành cho

người gian ác. Ngài sẽ đem chúng ta đi với Ngài cho đến đời đời. Biết những điều này là tăng cường sự bảo vệ chúng ta chống lại với sự tấn công của quỷ vương.

Sau đây là cách diễn dịch được đề nghị để dịch các 5:8b-c:

Chúng ta phải tiếp tục tin nơi Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su, tiếp tục yêu mến Đức Chúa Trời, Chúa Giê-su và yêu mến lẫn nhau, và tin chắc rằng Chúa Giê-su sẽ đến và cứu chúng ta... để chúng ta được bảo vệ giống như người lính mặc áo giáp, đội nón sắt để bảo vệ mình.

5:9a

Vì Đức Chúa Trời đã không định cho chúng ta chịu con thịnh nộ: Phao-lô cho biết thêm lý do về mệnh lệnh của ông trong các 5:6-8. Đức Chúa Trời không muốn trừng phạt một ai, nhưng Ngài phải trừng phạt những tội nhân không ăn năn và tin cậy Chúa Giê-su. Bởi vì Ngài đã chọn các con dân Chúa để hầu việc và yêu mến Ngài, Ngài không muốn thấy họ sa ngã, quay lại với tôn giáo cũ và phạm tội như trước. Đức Chúa Trời không phải là một thần linh hay đấng: chọn con người để phục vụ Chúa xong rồi lại trừng phạt họ không có lý do chính đáng.

định: Có nghĩa là Đức Chúa Trời đã chọn lựa rõ rệt hay “tiền định” (BDC, BDM) cho một số người trở nên con dân của Ngài. Vậy nên họ thoát khỏi sự trừng phạt Chúa dành cho những người chưa tin Chúa. Ở đây Phao-lô không tuyên bố là Chúa chọn một số người để bị định tội, bởi vì từ những chỗ khác trong TỰ chúng ta biết rằng Đức Chúa Trời muốn cứu tất cả mọi người.

chịu con thịnh nộ: Đây là nhóm từ thường được dùng để diễn tả Đức Chúa Trời giận dữ với những người từ chối không chịu ăn năn và tin cậy nơi Ngài. Khi Chúa Giê-su đến làm chánh án cho Đức Chúa Trời trong ngày đoán xét Ngài sẽ trừng phạt họ. Đây không nhấn mạnh đến sự giận dữ của Đức Chúa Trời nhiều bằng nhấn mạnh đến sự kiện Chúa sẽ kết tội và trừng phạt các tội nhân.

5:9b

nhưng được hưởng ơn cứu rỗi bởi Chúa Giê-su Cơ Đốc chúng ta:

nhưng được hưởng ơn cứu rỗi: Trong văn mạch này ý nghĩa của từ *cứu rỗi* có lẽ chỉ giới hạn trong “họ sẽ được cứu khỏi sự trừng phạt sẽ đến với những người không tin Chúa phải chịu trong ngày đoán xét.”

bởi Chúa Giê-su Cơ Đốc: Trong một vài ngôn ngữ có thể khó dịch cụm từ này. Rõ ràng Chúa Giê-su Cơ Đốc là người của Đức Chúa Trời sai đến để cứu chúng ta. Có lẽ dịch bằng cách này để Chúa Giê-su như là chủ từ giống như trong PKTCD thì dễ hơn.

5:10a

Đấng đã chết vì chúng ta: Trong nguyên bản Hy-lạp, đây là một nhóm từ quan hệ “Đấng đã chết vì chúng ta.” Nó không phải được viết ra để nhận diện Chúa Giê-su là ai nhưng để nói về điều Chúa Giê-su làm cho các con dân Chúa. Các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca đã biết rằng Chúa Giê-su đã chết cho họ, nhưng Phao-lô chỉ muốn nhắc họ nhớ đến lý do lớn nhất để sống một cách tốt đẹp, tức là, Chúa Giê-su chết để cứu họ khỏi tội lỗi và sự trừng phạt về những tội lỗi đó.

5:10b-c

để chúng ta dù thức hay ngủ đều được sống với Ngài:

để: Từ này giới thiệu một nhóm từ được dùng để nói đến một trong những điều tốt do sự chết của Chúa Giê-su mang lại. Điểm chính ở đây liên hệ tới các 4:13-18, chỗ Phao-lô tuyên bố rằng tất cả các con dân Chúa còn đang sống hay đã chết đều sẽ sống với Chúa Giê-su đời đời khi Ngài trở lại.

dù thức hay ngủ: Hãy xem lời giải nghĩa của 4:13a, 4:14b và 4:15b-c. Những người **thức** không nói đến những người “phải cảnh giác” (5:6b) nhưng là những người còn đang sống khi Chúa Giê-su trở lại. Những người **đã ngủ** nói đến những người đã chết.

đều được sống với Ngài: Ở đây từ *đều* nói đến những người đang sống và những người “đã ngủ.” Cả hai nhóm người này đều sẽ sống chung Chúa Giê-su.

Nhưng chúng ta sẽ đi đâu để sống với Chúa? Như đã đề cập trong lời giải nghĩa của 4:17, câu trả lời là: trên thiên đàng.

5:9a	<i>Vì Đức Chúa Trời đã không định cho chúng ta chịu cơn thịnh nộ</i> [Chúng ta phải bảo vệ mình bằng cách này] bởi vì Đức Chúa Trời không lựa chọn chúng ta để xét đoán và trừng phạt chúng ta.
5:9b	<i>nhưng được hưởng ơn cứu rỗi bởi Chúa Giê-su Cơ Đốc chúng ta,</i> Trái lại, [Chúa đã lựa chọn chúng ta] để sai Chúa Giê-su Cơ Đốc đến cứu chúng ta.
5:10a	<i>Đáng đã chết vì chúng ta</i> Đức Giê-su đã chết vì chúng ta -HAY- Đức Giê-su chết thay cho chúng ta
5:10b	<i>để chúng ta dù thức hay ngủ</i> để chúng ta dù đã chết hay còn đang sống [vào lúc Chúa trở lại],
5:10c	<i>đều được sống với Ngài.</i> chúng ta đều sống với Ngài.
5:10c	<i>đều được sống với Ngài.</i> chúng ta đều sống với Ngài.
5:11a	<i>Vậy anh chị em hãy khuyến khích lẫn nhau và xây dựng cho nhau</i> Vậy [vì tất cả những điều chúng tôi nói với anh chị em là sự thật], anh chị em nên dùng những lời này để tiếp tục khuyến khích và giúp đỡ nhau trở nên mạnh mẽ [hơn] trong sự tin nơi Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su của chúng ta],
5:11b	<i>như anh chị em vẫn đang làm.</i> như anh chị em đang khuyến khích và giúp đỡ nhau bây giờ vậy.

5:11a

Vậy, anh chị em hãy khuyến khích lẫn nhau:

Vậy: Từ này giới thiệu kết luận của các lời của Phao-lô nói trong các 5:1-10. Cũng như vậy 4:18 là câu kết luận cho Đơn Vị Có Cùng Một Ý Nghĩa ở các 4:13-18.

hãy khuyến khích lẫn nhau: Thật khó mà hiểu được từ Hy-lạp *parakaleo*# được dùng trong câu này. Trong BDM, nó được dịch là *khuyến khích lẫn nhau*. Trong 5:14 Phao-lô dùng từ *paramutheomai* để nói về khải đạo, an ủi và khuyến khích những người yếu đuối về tâm linh. Nhưng ngược lại trong 5:14 (BDM), *parakaleō* được dịch là “chúng tôi xin anh chị em.” Trong 5:11a

parakaleō có vẻ như có ý nghĩa “khuyến khích,” “thêm sức cho.” Ý nghĩa này được nhóm từ kế tiếp *xây dựng cho nhau* hỗ trợ.

và xây dựng cho nhau: Từ Hy-lạp *oikodomeō* có nghĩa nguyên thủy là “xây một cái nhà.” Tuy nhiên trong văn mạch này nó chỉ có nghĩa là “làm cho nhau được mạnh mẽ,” “giúp đỡ lẫn nhau tin tưởng mạnh mẽ.”

5:11b

như anh chị em vẫn đang làm: Phao-lô bảo họ khuyến khích và làm cho nhau được mạnh mẽ, đó là điều ông biết họ đã làm rồi. Nhưng khuyến khích các con dân Chúa bằng cách khen khi họ làm các việc thiện cũng không phải là phí lời.

TIỂU ĐOẠN 5:12-22 Phao-lô cho thêm lời chỉ dẫn về cách sống đẹp lòng Đức Chúa Trời.

5:12-13 Tỏ lòng kính trọng đối với những người lãnh đạo Cơ Đốc

Phao-lô bắt đầu liệt kê một số lời hướng dẫn rất quan trọng. Trước hết ông bảo họ kính trọng và tôn vinh những người lãnh đạo trong hội thánh.

5:12a

Thưa anh chị em, xin anh chị em quý trọng: Ở đây bạn nên bắt đầu một tiểu đoạn mới vì bây giờ Phao-lô đổi qua cách sống thực tế Cơ Đốc mà ông đã ngắt ngang từ 4:12 để trả lời một số thắc mắc về sự trở lại của Chúa Giê-su.

anh chị em: Hãy xem lại lời giải nghĩa trong 1:4.

quý trọng: Họ phải công nhận các đặc tính và công việc tốt lành của các người lãnh đạo tại hội thánh địa phương của họ ở Tê-sa-lô-ni-ca. Vì cố đó họ nên tôn trọng những người này vì họ xứng đáng được như vậy. Đây không phải chỉ kính trọng vì họ là người lãnh đạo. Thật ra Phao-lô không dùng những từ như là “trưởng lão.” Có lẽ khi ông rời Tê-sa-lô-ni-ca ông đã không có thì giờ để bổ nhiệm các trưởng lão. Hoặc có thể trong thời kỳ đầu tiên của hội thánh chưa có chức vụ “trưởng lão” và “chấp sự.” Ý nghĩa cơ bản của từ Hy-lạp *oida* là “biết” nhưng trong văn mạch của tiểu đoạn này có nghĩa là: “quý trọng” (BDM), “kính trọng” (BDC), “ghi ân (BDY).”

5:12b

những người làm việc khó nhọc giữa anh chị em: Có nhiều thắc mắc được đặt ra trong câu này và câu kế tiếp. Thứ nhất: nói đến công việc gì ở đây? Đó là công việc trở thành người lãnh đạo hội thánh; và công việc này bao gồm *khuyến bảo*. Đây là trường hợp Phao-lô chỉ nói về một nhóm người, tức là, những người lãnh đạo của hội thánh. Đây là những người chăm sóc và hướng dẫn họ sống một cách tốt đẹp.

5:12c

là những người nhân danh Chúa lãnh đạo: Ở đây hàm ý là những người này không phải chỉ có thẩm quyền trên các hội viên của hội thánh, nhưng cũng có trách nhiệm chăm sóc và theo dõi họ. Câu này có nghĩa gì? Có thể có hai ý nghĩa:

- (1) “là những người nhân danh Chúa lãnh đạo” (BDM).
- (2) “là kẻ tuân-theo Chúa mà chỉ dẫn” (BDC)

Quan niệm thứ nhất được ưa thích hơn, bởi vì Phao-lô chú ý về thẩm quyền của các người lãnh đạo hội thánh.

5:12d

và khuyến bảo anh chị em: Từ Hy-lạp *noutheteō* có nghĩa nhiều hơn là “đạy bảo” (BDC). Nó cũng bao gồm ý nghĩa “cảnh cáo không được làm vậy” (đa số các nhà phê bình hiểu theo nghĩa này). Từ này được dùng lại ở 5:14a “hãy khuyến bảo những người vô trách nhiệm.”

5:13a

Hãy lấy tình thương mà tôn kính họ vì công việc họ làm: Phao-lô nhấn mạnh với các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca rằng họ phải tôn trọng và yêu mến những người lãnh đạo hội thánh, không phải bởi địa vị của họ nhưng vì những công việc họ làm cho các người mà họ chăm sóc.

5:13b

Anh chị em hãy sống hoà thuận với nhau: Câu này có vẻ như một mệnh lệnh riêng biệt giữa các mệnh lệnh khác. Tốt hơn nên nói là mệnh lệnh này liên hệ đến các mệnh lệnh trong các 5:12-13. Không kính trọng các người lãnh đạo dẫn đến sự cãi cọ với họ và các con dân Chúa khác. Phao-lô biết rằng quý vương muốn làm cho con dân Chúa cãi cọ với nhau để làm mất đi tình thông công họ có với nhau. (Hãy so sánh 2 Cô-rinh-tô

TIỂU ĐOẠN 5:12-22 Phao-lô cho thêm lời chỉ dẫn về cách sống một đời sống đẹp lòng Đức Chúa Trời.

- 5:12a *Thưa anh chị em, xin anh chị em quý trọng*
Thưa anh chị em, chúng tôi thúc giục anh chị em kính trọng
- 5:12b *những người làm việc khó nhọc giữa anh chị em,*
những người đang làm việc khó nhọc giữa vòng anh chị em,
- 5:12c *là nhưng người nhân danh Chúa lãnh đạo*
là những người lãnh đạo chăm sóc anh chị em trong hội thánh của Chúa Giê-su
- 5:12d *và khuyên bảo anh chị em.*
và dạy dỗ anh chị em cách tránh để không phạm tội.
-HAY-
và dạy dỗ anh chị em cách sống một đời sống tốt lành.
- 5:13a *Hãy lấy tình thương mà tôn kính họ vì công việc họ làm.*
Bởi vì những công việc họ làm cho anh chị em, hãy kính trọng và yêu mến họ nhiều.
- 5:13b *anh chị em hãy sống hòa thuận với nhau.*
và hãy sống hoà thuận với nhau.
- 5:14a *Thưa anh chị em, chúng tôi xin anh chị em hãy khuyên bảo những người vô trách nhiệm,*
Chúng tôi cũng thúc giục anh chị em, là các tín hữu, cảnh cáo những người lười biếng rằng họ phải làm việc.
-HAY-
Chúng tôi cũng thúc giục anh chị em, là các tín hữu, cảnh cáo những người không làm việc.

13:11). Đức Chúa Trời là nguồn gốc của sự bình an (1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:23).

5:14-18 Người Tê-sa-lô-ni-ca phải làm thế nào để sống đời sống Cơ Đốc

Danh sách tiếp tục. Họ phải sống đoàn kết với nhau. Họ phải cảnh cáo những người lười biếng, khuyến khích những người ngã lòng, giúp đỡ những người yếu đuối, và kiên nhẫn với tất cả mọi người. Họ không nên lấy ác trả ác, nhưng phải làm việc thiện cho mọi người. Họ phải vui vẻ, tiếp tục cầu nguyện, và cảm tạ Đức Chúa Trời về mọi điều xảy ra cho họ.

5:14a

Thưa anh chị em, chúng tôi xin anh chị em hãy khuyên bảo những người vô trách nhiệm:

anh chị em: Hãy xem lời giải nghĩa của 1:4.

hãy khuyên bảo những người vô trách nhiệm: Từ *khuyến bảo* là cùng một từ được dùng trong 5:12d. Lời hướng dẫn này được dành cho những người ăn không ngồi rồi ở trong hội thánh.

những người vô trách nhiệm: Những người này là ai? Các nhà phê bình chia phe giữa hai quan niệm sau:

- (1) Những người bỏ công việc làm vì tưởng rằng Chúa Giê-su sắp đến. (Hãy so sánh 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:11-12). Trong những

điều Phao-lô viết trong (2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:6-12) cho thấy vấn đề này đã trở nên một nan đề thực sự cho hội thánh.

- (2) Những người bất trị hay không có trật tự, tức là những người không muốn vâng lời và tôn trọng người lãnh đạo của họ.

Quan niệm đầu tiên được ưa thích hơn bởi vì mệnh lệnh của Phao-lô ở trong các 4:11-12 nói rằng họ nên làm công việc của mình để không phải tùy thuộc vào người khác về đồ ăn thức uống.

5:14b

khuyến khích những người nhút nhát: Chúng ta chỉ có thể cố gắng đoán xem những điều gì làm cho các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca nhút nhát, yếu lòng hay chán nản như được hàm ý trong nguyên bản Hy-lạp. BDC dùng chữ “ngã lòng.” Các nhà phê bình đề nghị là một số người chán nản vì bị bắt bớ hay lo lắng các con dân Chúa đã chết mà Đức Cơ Đốc chưa trở lại, hay nghi ngờ rằng mình chưa được cứu, hay cảm thấy mình không có ân tứ hay khả năng nào cả.

5:14c

nâng đỡ kẻ yếu đuối: Các nhà phê bình đồng ý rằng không phải Phao-lô muốn nói đến những người yếu đuối về thể xác vì bệnh tật hay tuổi già. Ông muốn nói đến những người có lương tâm yếu đuối và vẫn bị ảnh hưởng bởi các niềm tin ngoại giáo, và thực hành cách sống cũ. Vì vậy, họ trở nên yếu đuối trong đức tin. Vì vậy các con dân Chúa phải giúp đỡ họ vượt qua các nan đề này một cách nhẹ nhàng chứ không phải ép buộc. Hãy đọc La-mã chương 14 để biết thêm chi tiết về các nan đề mà Phao-lô đang có trong đầu.

5:14d

và kiên nhẫn với mọi người: Ai là mọi người? Có thể có ba cách diễn dịch:

- (1) Tất cả các con dân Chúa.
- (2) Những người vô trách nhiệm, nhút nhát và yếu đuối.
- (3) Tất cả mọi người, các con dân Chúa cũng như người chưa tin Chúa.

Cách diễn dịch (1) được ưa thích hơn vì chỉ trong 5:15b mới đặc biệt nói đến cả người chưa tin Chúa trong danh sách của các lời hướng dẫn này.

5:15a

Hãy cẩn thận, đừng lấy ác báo ác: Thật ra nhóm từ này do hai nhóm dồn làm một. Nó muốn nói “Nếu một người, dù là tín hữu hay người chưa tin Chúa, làm ác cho một tín hữu, người tín hữu này không nên tìm cách trả thù hay làm hại lại.” Các từ *hãy cẩn thận, đừng lấy ác báo ác* được nói với cả người tín hữu bị hại và các tín hữu khác. Các tín hữu nên cảnh cáo người tín hữu bị hại không nên trả thù.

5:15b

nhưng luôn luôn cố gắng làm điều thiện cho nhau và cho mọi người: Đây là một mệnh lệnh tích cực đi kèm theo với mệnh lệnh trước trong 5:15a. Không hại người khác thì chưa đủ. Mệnh lệnh ở đây là làm điều thiện cho cả các con dân Chúa lẫn người chưa tin Chúa. Phao-lô đặc biệt thêm vào *và cho mọi người*, bởi vì hầu như người chưa tin Chúa là người làm ác cho các con dân Chúa.

cố gắng: Động từ Hy-lạp có nghĩa là: “tận sức cố gắng.”

luôn luôn: Kể từ đây cho đến 5:22 Phao-lô nhấn mạnh đến một số các từ nhất định. Trong nguyên bản Hy-lạp ông đặt từ ông muốn nhấn mạnh ở đầu mỗi mệnh lệnh. Thí dụ như, 5:15 “luôn luôn cố gắng...,” 5:18 “trong mọi hoàn cảnh hãy cảm tạ...”

5:16

Hãy vui mừng mãi mãi: Trong nguyên bản Hy-lạp *mãi mãi* được nhấn mạnh bằng cách để ở đầu câu. Cần có mệnh lệnh phải vui mừng vì trong thời kỳ bị bắt bớ rất dễ bị ngã lòng và buồn bã. Đây là lời khuyến khích hãy vui mừng dù trong những hoàn cảnh không thể nào vui được. Hãy so sánh với Phi-líp 4:4.

5:17

câu nguyện không ngừng: Đây không phải nói là họ chỉ cầu nguyện và không làm gì cả.

5:14b	<i>khuyến khích những người nhút nhát, Khuyến khích những người bị chán nản,</i>
5:14c	<i>nâng đỡ kẻ yếu đuối giúp đỡ những người yếu đuối,</i>
5:14d	<i>và kiên nhẫn với mọi người. và kiên nhẫn với mọi người.</i>
5:15a	<i>Hãy cẩn thận, đừng lấy ác báo ác Nếu có ai làm điều ác cho anh chị em, đừng trả ác lại cho họ.</i>
5:15b	<i>nhưng luôn luôn cố gắng làm điều thiện cho nhau và cho mọi người. Nhưng luôn luôn tận sức tử tế với nhau và với tất cả mọi người.</i>
5:16	<i>Hãy vui mừng mãi mãi; Hãy vui mừng luôn luôn.</i>
5:17	<i>Câu nguyện không ngừng; Câu nguyện với Đức Chúa Trời không thôi.</i>
5:18a	<i>trong mọi hoàn cảnh, hãy cảm tạ Hãy cảm ơn [Đức Chúa Trời] về bất cứ việc gì xảy ra cho anh chị em, dù là việc tốt hay việc xấu,</i>
5:18b	<i>vì đây là ý muốn Đức Chúa Trời cho anh chị em trong Đức Giê-su Cơ Đốc. bởi vì đó là điều Đức Chúa Trời muốn anh chị em làm qua Đức Giê-su Cơ Đốc .</i>

Nhưng muốn nói các con dân Chúa nên luôn luôn nhớ rằng Đức Chúa Trời thấy tất cả mọi việc làm của họ, vậy nên họ nên đem mỗi việc trong đời sống hàng ngày của họ đến trước mặt Đức Chúa Trời để Chúa giúp đỡ và chỉ dẫn họ.

5:18a

trong mọi hoàn cảnh, hãy cảm tạ: Điều này có nghĩa gì? Có thể ý nghĩa trong mệnh lệnh này là: *Cảm tạ trong mọi hoàn cảnh.* Mặc dù điều xảy ra cho họ là tốt hay xấu họ nên cảm tạ Đức Chúa Trời vì Chúa đã ở với họ và giúp đỡ họ. Bởi vì trong các đoạn KT khác như trong Gia-Cơ 1:2 cho chúng ta thấy là ngay cả điều xấu cũng có thể giúp chúng ta trở nên con dân tốt hơn của Chúa.

5:18b

vì đây là ý muốn Đức Chúa Trời cho anh chị em trong Đức Giê-su Cơ Đốc: Từ đây có nghĩa gì ở đây? Đa số các nhà phê bình đồng ý cho rằng đây đề cập đến ba mệnh lệnh trước ở trong các 5:16-18.

trong Đức Chúa Trời: Trong khi tìm kiếm ý nghĩa của câu này các nhà phê bình đã đưa ra nhiều cách dịch. Đa số các nhà phê bình đồng ý là sự dạy dỗ và gương mẫu của đời sống của Đức Cơ Đốc cho chúng ta thấy chúng ta nên vâng theo tất cả các mệnh lệnh trong các 5:16-18b. CĐN trong PKTCD theo quan niệm này.

5:19-22 Nhận thức công việc của Đức Thánh Linh

Về những sứ điệp tiên tri, họ phải lắng nghe và thử xem các sứ điệp này có thật đến từ

Đức Thánh Linh hay không. Nếu các sứ điệp này đến từ Đức Thánh Linh, họ phải chấp nhận chúng. Nếu các sứ điệp này đến từ gian ác họ phải từ khước chúng.

5:19

Trong các câu 5:19, 20, 21 và 22 của nguyên bản Hy-lạp tức từ của các động từ đứng ở đầu câu, chỉ để nhấn mạnh đến tức từ. Cùng một cách như vậy các trạng từ “mãi mãi” và “không ngừng” được nhấn mạnh trong 5:16 và 17 bằng cách được để ở đầu câu.

Chó đập tắt Thánh Linh: Trong chỗ khác ở trong KT thí dụ như trong Ma-thi-ơ 3:11 và Công-vụ 2:3, Đức Thánh Linh giống như lửa. Vì vậy ở đây Phao-lô dùng ẩn dụ Hy-lạp “đùng dập tắt Đức Thánh Linh.” Một vài bản dịch của các ngôn ngữ khác dùng ẩn dụ khác. Thí dụ “đùng ngăn trở (kiềm chế) Đức Thánh Linh” (TEV-1971), “đùng bóp nghẹt Đức Thánh Linh” (NJB). Làm thế nào để người ta tránh không dập tắt Đức Thánh Linh? Có hai cách diễn dịch như sau:

- (1) Đây là một lời tuyên bố tổng quát được giải thích đầy đủ trong 5:20, tức là, *Đùng khinh rẻ sứ điệp Đức Chúa Trời*. Ông đang bảo họ khi chưa nghe thì đừng từ khước lời tiên tri.
- (2) 5:20 là một thí dụ cho lời tuyên bố tổng quát này. Một vài thí dụ khác giải thích là “đùng bỏ qua những điều Đức Thánh Linh nói về việc đùng sống vô đạo đức và đùng ăn không ngồi rồi, hay đùng từ chối nói với người khác những điều Đức Chúa Trời bày tỏ cho anh chị em để nói với họ, hay đùng từ chối không cho các hội viên trong hội thánh sử dụng các ân tứ Đức Thánh Linh đã ban cho họ, hay đùng đề nén các ân tứ Đức Thánh Linh đã ban cho anh chị em.”

Cách diễn dịch đầu tiên được ưa thích hơn bởi vì theo văn phạm không thể coi các mệnh lệnh trong các câu 5:19, 20, 21, 22 là tách rời và không liên hệ với nhau. Có lẽ các mệnh lệnh này cũng liên hệ tới các lời tiên tri.

5:20

Đùng khinh rẻ sứ điệp Đức Chúa Trời: Phao-lô đang cố gắng đưa ra một quan niệm quân bình về các sứ điệp mà các con dân Chúa đang tiếp nhận. Ông không đề cập đến các sứ điệp hay là các lời tiên tri trong CU là những lời được cho là đến từ Đức Chúa Trời (ngoại trừ những lời được nói trong CU là không đến từ Đức Chúa Trời). Phao-lô nói “một mặt khác đùng từ khước các lời tiên tri trước khi anh chị em nghe, nhưng cũng đùng tiếp nhận các lời này mà không thắc mắc.” Có thể áp dụng lời hướng dẫn này trong hiện tại. Một số lời tiên tri nói đến những biến cố sẽ xảy ra trong tương lai nhưng cũng thường quan hệ đến các nan đề hiện tại. Có lẽ như lời cảnh cáo về sự trừng phạt cho các tội nhân trừ khi họ ăn năn, hoặc hứa sự tha thứ, an ủi và khuyến khích.

5:21a

Hãy xem xét mọi sự: Họ phải thử nghiệm điều gì? Có thể có ba cách diễn dịch. Họ phải thử nghiệm:

- (1) Các sứ điệp tiên tri. Ba bản dịch tiếng Việt dùng từ khác nhau: mọi sự (BDM), mọi điều (BDY), mọi việc (BDC). Phao-lô tiếp tục nói về các sứ điệp tiên tri. Mỗi lần có người nói tiên tri, phải xem xét cẩn thận lời người ấy nói xem có phải thật là sứ điệp đến từ Đức Chúa Trời, hay đó chỉ là sự suy nghĩ của người đang nói tiên tri, hay ngay cả đến từ quỷ vương. Phao-lô đánh giá ân tứ nói tiên tri trên ân tứ nói tiếng lạ (1 Cô-rinh-tô 14:15). Hãy xem thêm chi tiết trong 1 Cô-rinh-tô 12:3, 14:15 và 14:29.
- (2) Các ân tứ của Đức Thánh Linh. Tuy nhiên, một số nhà phê bình nghĩ rằng Phao-lô đang nói đến thử nghiệm các ân tứ được gọi là ân tứ của Đức Thánh Linh để xem chúng có phải thật sự đến từ Đức Chúa Trời hay không.
- (3) Tất cả mọi điều. Những người khác cho là thử nghiệm tất cả mọi sự ảnh hưởng đến đời sống thuộc linh của chúng ta.

Mỗi quan niệm này đều được hỗ trợ mạnh mẽ. Cách diễn dịch được ưa thích (1) vì như đã thấy trong lời giải nghĩa của 5:19, các

5:19	<i>Chớ dập tắt Thánh Linh,</i> Đừng ngăn cản công việc của Đức Thánh Linh ở giữa anh chị em. - HAY - Đừng ngăn cản Đức Thánh Linh làm công việc của Ngài trong lòng anh chị em.
5:20	<i>Đừng khinh rẻ sứ điệp Đức Chúa Trời,</i> Nếu có người nào muốn nói với anh chị em điều Đức Thánh Linh bày tỏ cho họ, đừng coi thường họ hay lời nói của họ.
5:21a	<i>Hãy xem xét mọi sự,</i> Hãy thử nghiệm mọi sự người ta nói một cách cẩn thận xem những lời đó có thật đến từ Đức Chúa Trời hay không, -HAY- Hãy suy nghĩ cẩn thận về những sứ điệp nghe lời của họ cách cẩn thận xem lời đó có thật sự đến từ Đức Chúa Trời hay không.
5:21b	<i>điều gì lành thì hãy giữ lấy,</i> Nếu lời của họ là thật, hãy tiếp nhận chúng.
5:22	<i>mọi hình thức gian ác thì hãy tránh xa.</i> Nếu các lời đó có chút gian ác nào, hãy từ khước chúng

câu 19-22 đều chỉ nói về một điều mà thôi, tức là, các lời tiên tri.

5:21b

điều gì lành thì hãy giữ lấy: Vì các lý do đã nêu lên trong lời giải nghĩa của 5:19 rằng bốn câu (5:19-22) này đều đề cập đến các lời tiên tri. Quan niệm đầu tiên trong các quan niệm sau đây đã được chọn:

- (1) Chỉ chấp nhận các lời tiên tri anh chị em đã thử nghiệm và thấy là đến từ Đức Chúa Trời.
- (2) Chấp nhận tất cả các ân tứ anh chị em đã thử và thấy là đến từ Đức Chúa Trời.
- (3) Chấp nhận tất cả điều gì tốt cho đời sống thuộc linh của anh chị em.

Quan niệm đầu tiên thích hợp với văn mạch nhất.

5:22

mọi hình thức gian ác thì hãy tránh xa: Như đã nói ở trên bốn câu này đề cập đến lời tiên tri thời nên quan niệm đầu tiên trong các quan niệm sau đây đã được chọn:

- (1) Nếu lời tiên tri có vẻ như nói điều gian ác, hay trái lại với sự dạy dỗ rõ ràng trong KT, họ nên từ chối nó. (BDM).
- (2) Đó là một lời cảnh cáo tổng quát cho các con dân Chúa đừng làm điều gian ác (như BDC hàm ý).

hình thức gian ác: Từ Hy-lạp *eidous* có nghĩa là “loại,” “hình thức,” “vẻ bề ngoài” hay “nét giống như.” Tất cả các bản dịch tiếng Anh, đa số các nhà phê bình, BDM và BDY dùng “mọi thứ gian ác.” BDC dùng “. . . việc gì tựa như điều ác.”

5:23-28 Lời chào thăm kết luận: Phao-lô cầu nguyện chúc phước cho người Tê-sa-lô-ni-ca, xin họ cầu nguyện cho ông và các bạn đồng hành, và gửi lời chào thăm.

5:23-24 Phao-lô cầu nguyện cho người Tê-sa-lô-ni-ca.

Lời cầu nguyện cuối cùng của Phao-lô là xin Đức Chúa Trời làm cho các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca có một tâm linh, linh hồn và thân thể hoàn toàn trong sạch để họ sẽ không chỗ trách được khi Chúa Giê-su trở lại. Bởi vì Đức Chúa Trời đã kêu gọi họ đi theo đường lối của Ngài, Chúa sẽ thêm sức giúp cho họ làm như vậy.

5:23a

Nguyện xin chính Đức Chúa Trời bình an:

chính Đức Chúa Trời: Tại sao Phao-lô phải thêm chữ *chính Ngài* (trong tiếng Hy-lạp là *autos*)? Có thể có hai lý do:

- (1) Đây là một từ để đánh dấu lời chúc phước đặc biệt chỉ thị một loại phước hạnh riêng biệt mà Phao-lô thường dùng khi cầu nguyện cho những người ông viết thư cho. Đây là cách người ta cầu nguyện trong thời Phao-lô. Hãy so sánh với 1 Tê-sa-lô-ni-ca 3:11, 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:16 và 3:16.
- (2) *chính Ngài* là để nhấn mạnh. Tất cả các bản dịch tiếng Việt đều dịch từ này là “chính Ngài.” Tất cả đều hàm ý là từ này dùng để nhấn mạnh.

Nếu bạn chọn cách diễn dịch (1) thì không cần dùng từ *chính*.

Đức Chúa Trời bình an: Câu này có thể gây rắc rối cho người dịch. Cách các bản dịch tiếng Việt dịch từ này có thể làm người ta thấy Đức Chúa Trời được mô tả như là một trong các thân của người Hy-lạp. Thí dụ, “I-re-ne là nữ thần của sự hoà bình” cho thấy là công việc chính và duy nhất của nữ thần này là tạo hoà bình cho nhân loại. Vậy nên có thể dịch sát nghĩa là *Đức Chúa Trời bình an* có thể không tốt lắm. Bạn có thể dịch như là “Đức Chúa Trời Đấng ban bình an (hay hoà bình).” Trong các thư khác thí dụ như trong La-mã 15:33 Phao-lô dùng nhóm từ này

nhưng có nghĩa là gì? Các nhà phê bình đề nghị những ý nghĩa sau đây cho nhóm từ *Đức Chúa Trời bình an*:

- (1) Đức Chúa Trời ao ước các con dân của Chúa sống đoàn kết với nhau. Hãy so sánh với 1 Cô-rinh-tô 14:33.
- (2) Vì đã cứu chúng ta, Đức Chúa Trời đã làm cho chúng ta có sự bình an đối với Ngài.
- (3) Đức Chúa Trời cho lòng chúng ta có sự bình an trong khi gặp khó khăn.
- (4) Nó có cùng ý nghĩa với từ Do Thái (Do Thái) *shalom*, tức là, mọi việc đều trôi chảy trong đời sống thuộc linh và thuộc thể của họ. Tuy nhiên, vì người Tê-sa-lô-ni-ca đang chịu bất bố nên ở đây có vẻ như không nói đến phúc lợi về phần thể chất.

Tất cả những quan niệm này đều có lý, nhưng ở đây Phao-lô muốn dùng quan niệm nào? Nhóm từ này nằm trong câu “Đừng khinh rẻ sứ điệp Đức Chúa Trời” (các câu 5:20-22). (Hãy so sánh với 1 Cô-rinh-tô 14:33 “Vì Đức Chúa Trời không phải là Đức Chúa Trời hỗn loạn mà là Đức Chúa Trời bình an.”) Vì nhóm từ *Đức Chúa Trời bình an* được viết trong văn mạch nói về nghe lời tiên tri, quan niệm thứ nhất đã được chọn.

5:23b

thánh hoá anh chị em hoàn toàn:

thánh hoá: Từ này có nghĩa là “làm cho thánh khiết/trong sạch” Hãy xem lời giải nghĩa trong 3:13a và 4:3a. Phao-lô giải thích đây đủ hơn về thánh hoá ở trong 5:23c.

hoàn toàn: Phao-lô giải thích về từ này trong 5:23c.

5:23c-d

Nguyện tâm linh, tâm hồn và thân thể anh chị em được gìn giữ trọn vẹn, không có gì đáng trách trong ngày Đức Giê-su Cơ Đốc, Chúa chúng ta quang lâm: Trong nguyên bản Hy-lạp câu này được bắt đầu với từ *và*.

PHÂN ĐOẠN 5:23-28 Lời chào thăm kết luận: Phao-lô cầu nguyện chúc phước cho người Tê-sa-lô-ni-ca, xin họ cầu nguyện cho ông và các bạn đồng hành, và gửi lời chào thăm.

- 5:23a *Nguyện xin chính Đức Chúa Trời bình an*
Tôi cầu xin Đức Chúa Trời, Đấng ban sự bình an,
- 5:23b *thánh hoá anh chị em hoàn toàn.*
làm cho anh chị em hoàn toàn trong sạch.
- 5:24 *Đấng kêu gọi anh chị em là thành tín, chính Ngài sẽ thực hiện điều ấy.*
[Bởi vì] Đức Chúa Trời đã kêu gọi anh chị em đi theo các đường lối của Ngài, Chúa [sẽ khiến anh chị em làm được] [bởi vì] Ngài không bao giờ thất hứa.

Một số nhà phê bình đề nghị là câu này là kết quả được mong muốn ở trong 5:23b. Có vẻ như Phao-lô muốn nói một cách chi tiết hơn điều ông nói trong 5:23b. Trong hai chương 4 và 5 Phao-lô chú ý đến sự quan trọng của việc sống một đời sống trong sạch, vậy nên ở đây ông chỉ tóm tắt lại ý đó. Ông muốn các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca không những chỉ tốt không mà thôi nhưng còn phải không chỗ trách được. Chỉ có Đức Chúa Trời mới giữ cho họ không chỗ trách được.

tâm linh, tâm hồn và thân thể: Mặc dù trong CU thường hay nói ba phần này lại chung với nhau, đây là chỗ duy nhất trong các thư tín của Phao-lô, ông phân biệt rõ ràng. Trong KT ba ý nghĩa này có trùng hợp một phần nào, và không cần phải viết lời giải nghĩa để giải thích về sự phân biệt này. Có lẽ Phao-lô dùng cả ba để nhấn mạnh đến toàn vẹn cả con người. Ông muốn mỗi một con dân Chúa đều không chỗ trách được trong tâm trí, lời nói, thân thể và cách sống. KT thường dùng *tâm linh* và *linh hồn* để đề cập đến phần vẫn tiếp tục sống sau khi thân xác của con người đã chết. Vì vậy, nếu trong ngôn ngữ của bạn không có phân biệt ba phần rõ ràng, ít nhất nên tìm cách phân biệt giữa thân xác con người và phần vẫn còn tiếp tục sống sau khi thân xác đã chết của con người thì ích lợi hơn. Phần quan trọng trong lời dịch của bạn là cho thấy tất cả mọi phần trong đời sống của chúng ta đều phải trong sạch và không chỗ trách được. Chúng ta không thể có một tâm trí ô uế trong một thân thể trong sạch, hay một thân

thể ô uế với một tâm trí trong sạch. Vì vậy không có cách nào người ta có thể nói “Nếu tâm trí tôi trong sạch, thì thân xác tôi có làm điều gì ô uế thì cũng chẳng ăn thua gì.” Đây là một sự dạy dỗ sai lầm mà một vài người đã bắt đầu chấp nhận. (Hãy xem trong La-mã 3:8, Ma-thi-ơ 15:19).

được gìn giữ trọn vẹn, không có gì đáng trách trong ngày Đức Giê-su Cơ Đốc, Chúa chúng ta quang lâm: Phao-lô đang cầu nguyện xin Đức Chúa Trời giúp cho họ không chỗ trách được, để khi Chúa Giê-su của chúng ta trở lại, dù là sớm hơn hay trễ hơn, Chúa đến, đoán xét họ và tìm thấy không ai tố cáo được họ đã làm một điều lầm lỗi nào cả.

5:24

Đấng kêu gọi anh chị em là thành tín, chính Ngài sẽ thực hiện điều ấy: Trong nguyên bản Hy-lạp, ở đây chỉ hàm ý chứ không nói rõ ràng Đức Chúa Trời là chủ từ của câu này. Bạn nên dịch rõ như các bản dịch tiếng Việt đã làm cho rõ ràng hơn. Các nhà phê bình có các đề nghị khác nhau về cách mà người ta thấy là Đức Chúa Trời thành tín và đáng tin cậy. Đa số hiểu câu này muốn nói như sau:

Đức Chúa Trời đã kêu gọi anh chị em làm con dân Chúa trong Chúa Giê-su Cơ Đốc của chúng ta.

Ngài đòi hỏi anh chị em là con dân Chúa phải sống thánh khiết.

Ngài đã hứa cho anh chị em quyền năng để sống đời sống thánh khiết đó.

Anh chị em có thể tin cậy Chúa sẽ giữ lời hứa này.

Tuy nhiên, có nhiều bản dịch không làm cho người ta thấy những bước này một cách rõ ràng. Hãy xem PKTCD cho 5:24 về cách dịch được đề nghị.

5:25-27 Phao-lô xin họ cầu nguyện cho ông và các bạn đồng hành. Ông chào thăm toàn thể hội thánh ở Tê-sa-lô-ni-ca, và ra lệnh cho họ đọc cho tất cả các hội viên của hội thánh nghe.

5:25

Thưa anh chị em, xin anh chị em hãy cầu nguyện cho chúng tôi:

anh chị em: Hãy xem lại lời giải nghĩa của 1:4.

hãy cầu nguyện cho chúng tôi: Một vài văn bản Hy-lạp đầu tiên để từ “cũng” sau từ *cầu nguyện* được dịch là “xin anh chị em cũng cầu nguyện cho chúng tôi.” CĐN của PKTCD cũng được dịch theo như vậy. Phao-lô nói: “chúng tôi đã cầu nguyện cho anh chị em và bây giờ anh chị em nên cầu nguyện cho chúng tôi.” Trong các thư của Phao-lô, ông thường xin những người nhận được thư cầu nguyện cho ông và các bạn đồng hành.

5:26

Hãy chào tất cả anh chị em trong tình thân ái: Hãy chào tất cả anh chị em: Ai đang chào ai? Có thể có hai khả dĩ:

- (1) Những người nhận thư là các người lãnh đạo hội thánh. Họ phải đọc thư lớn tiếng cho các hội viên trong hội thánh (5:27) và sau đó thay cho Phao-lô và các bạn đồng hành chào thăm họ.
- (2) Tất cả các hội viên chào thăm lẫn nhau thay cho Phao-lô và các bạn đồng hành. (Hãy so sánh 1 Cô-rinh-tô 16:20.)

Hãy chào: Trong nguyên bản Hy-lạp, Phao-lô nói “hãy chào tất cả anh chị em với cái hôn thánh.” Giữa vòng người Do Thái, hôn lên má hay lên trán là dấu của tình thân ái hay kính trọng, đặc biệt là giữa thân nhân trong gia đình. Hãy xem trong Lu-ca 7:45 nơi Chúa

Giê-su quở trách người chủ nhà không chào Chúa như vậy). Đàn ông hôn đàn ông, đàn bà hôn đàn bà. Người Hy-lạp cũng hôn nhau như là một dấu hiệu của sự làm hoà. Vì tất cả những lý do trên, các hội viên chào nhau với một cái hôn là thích hợp, như thân nhân trong gia đình của Đức Chúa Trời, nhất là trong buổi thờ phượng của hội thánh. Sau đó, chào bằng cách hôn nhau trở nên có liên hệ tới Bữa Tiệc Thánh của Chúa, và vì vậy được gọi là “Cái hôn của hoà bình.” Cái *hôn thánh* có lẽ là các từ kỹ thuật có nghĩa là “cách chào lẫn nhau của các con dân Chúa” để phân biệt với những cái hôn khác. BDC dịch sát nghĩa theo tư tưởng này. Nếu trong văn hoá của bạn không chấp nhận việc các con dân Chúa chào nhau bằng cái hôn, dịch các thành ngữ này bằng một cách tổng quát hơn, thí dụ, “chào các anh chị em một cách nồng nàn/tử tế.” Trong BDM, chỉ dịch là chào trong tình thân ái và bỏ qua tư tưởng về cách chào mà Phao-lô mô tả ở đây. Bản BDY dịch chỗ này theo tư tưởng chào lẫn nhau bằng cách bắt tay.

5:27

Nhân danh Chúa, tôi xin anh chị em hãy đọc thư này cho tất cả anh chị em nghe:

Nhân danh Chúa: Bây giờ, có lẽ sau khi đọc thư cho người khác chép đến chỗ này Phao-lô cầm viết lên và thêm vào những lời cuối cùng của ông. (Hãy so sánh với 2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:17). Động từ được Phao-lô dùng ở đây mạnh hơn là “yêu cầu” hay “xin.” Ông muốn họ hứa là họ sẽ làm những điều ông xin. *Nhân danh Chúa* được viết để nhấn mạnh mệnh lệnh này quan trọng không được bỏ qua. Ông đang ra lệnh không phải yêu cầu. Các từ *Chúa* chắc chắn muốn nói đến Chúa Giê-su ở đây.

Dịch sát theo nguyên bản Hy-lạp có thể có ba ý nghĩa sau:

- (1) Đây là cách diễn tả tiêu chuẩn của một lời thề. Hãy so sánh với Mác 5:7. Có lẽ Phao-lô đang muốn nói là “Tôi nài xin anh chị em hứa với Chúa Giê-su của chúng ta rằng anh chị em sẽ làm điều này cho tôi, và

- 5:25 *Thưa anh chị em, xin anh chị em hãy cầu nguyện cho chúng tôi.*
Thưa các tín hữu, xin anh chị em cũng hãy tiếp tục cầu nguyện cho chúng tôi.
- 5:26 *Hãy chào tất cả anh chị em trong tình thân ái.*
Hãy gửi lời chào thăm với tình yêu thương Cơ Đốc đến tất cả mọi tín hữu.
-HAY-
Hãy chào thăm tất cả các tín hữu với vòng tay thân ái.
- 5:27 *Nhân danh Chúa, tôi xin anh chị em hãy đọc thư này cho tất cả anh chị em nghe.*
Tôi xin anh chị em hứa với Chúa Giê-su rằng anh chị em sẽ đọc thư này cho các tín hữu còn lại.
- 5:28 *Nguyện xin Đức Giê-su Cơ Đốc, Chúa chúng ta ban ân sủng cho anh chị em.*
Cầu xin Chúa Giê-su Cơ Đốc ban phước cho anh chị em.
-HAY-
Cầu xin Chúa Giê-su Cơ Đốc ban ân sủng của Ngài cho anh chị em.

nếu không làm, anh chị em sẽ phải giải thích điều đó với Chúa.”

- (2) “Tôi có thẩm quyền của Chúa để ra lệnh cho anh chị em làm điều này.” (BDM, BDY).

Ý nghĩa (2) không bao gồm tư tưởng của một lời thề nguyện được hàm ý trong nguyên bản Hy-lạp nên (1) là cách diễn dịch tốt hơn.

hãy đọc thư này cho tất cả anh chị em

nghe: Câu này xác định lời giải nghĩa của 5:26. Phao-lô quan tâm đến việc không phải chỉ những người nhận thư mới đọc thư này nhưng có tất cả các hội viên trong hội thánh cũng nghe đọc nữa. Những người này gồm cả những người không biết đọc và những người vắng mặt khi thư này đến nơi. Nó cũng có thể gồm cả một nhóm hội viên của một nhóm khác hội họp trong thành phố đó. Không có

con dân Chúa nào phải than phiền hay có cố là không biết những điều Phao-lô dạy dỗ.

5:28 Phao-lô chấm dứt thư bằng một lời cầu nguyện chúc phước

5:28

Nguyện xin Đức Giê-su Cơ Đốc, Chúa chúng ta ban ân sủng cho anh chị em: Phao-lô chấm dứt tất cả các thư tín của ông dưới hình thức một lời chúc phước. Hình thức này thay đổi từ thư này qua thư khác. Về *ân sủng* xin xem lời giải nghĩa của 1:1d. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có một câu chào tạm biệt tương tự nghe có vẻ tự nhiên hơn, bạn có thể dùng nó trong khi dịch câu này.

DÀN BÀI CỦA SÁCH 2 TÊ-SA-LÔ-NI-CA

Thư thứ nhì Phao-lô viết cho người ở Tê-sa-lô-ni-ca có thể chia ra làm ba phân đoạn chính. Dưới đây là ba phân đoạn (trong khung màu xám) với câu tóm tắt chủ đề cho biết ý chính của mỗi phân đoạn. Dưới phân đoạn thứ nhì là những đề tựa của các tiểu đoạn ở trong phân đoạn.

Phân đoạn 1:1-2 Phao-lô gửi lời chào thăm đến hội thánh tại thành phố Tê-sa-lô-ni-ca.

Phân đoạn 1:3-3:15 Phao-lô cảm ơn Đức Chúa Trời về các con dân Chúa tại Tê-sa-lô-ni-ca, dạy họ về sự đến của Kẻ Đại Ác, khuyến khích họ tiếp tục tin chắc nơi Chúa. Rồi ông cảnh cáo các tín hữu lười biếng phải đi làm trở lại.

- 1:3-12 Chúa Giê-su Cơ Đốc sẽ trở lại và ban phần thưởng cho dân sự của Ngài.
2:1-12 Kẻ Đại Ác sẽ đến trước khi Chúa Giê-su trở lại.
2:13-17 Các con dân Chúa tại Tê-sa-lô-ni-ca nên tiếp tục tin chắc nơi Phúc Âm về Chúa Giê-su Cơ Đốc và tiếp tục làm công việc thiện, bởi vì họ là dân sự đã được Đức Chúa Trời kêu gọi để thuộc về Ngài.
3:1-5 Phao-lô xin các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca cầu nguyện cho Phao-lô và các bạn đồng hành.
3:6-15 Phao-lô cảnh cáo những người lười biếng trong vòng các con dân Chúa tại Tê-sa-lô-ni-ca bảo họ nên làm việc.

Phân đoạn 3:16-18 Các lời kết luận

TÓM TẮT SÁCH

Sứ đồ Phao-lô bảo các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca rằng Chúa Giê-su Cơ Đốc sẽ trở lại và ban thưởng cho dân sự Ngài. Nhưng trước khi điều này xảy ra, Kẻ Đại Ác sẽ đến. Phao-lô khuyến khích người Tê-sa-lô-ni-ca giữ lòng tin chắc nơi Phúc Âm và làm việc thiện. Ông cảnh cáo những con dân Chúa lười biếng rằng họ phải làm việc.

LỜI GIẢI NGHĨA CHO NGƯỜI DỊCH SÁCH 2 TÊ-SA-LÔ-NI-CA

Phân đoạn 1:1-2 Phao-lô gửi lời chào thăm đến hội thánh tại thành phố Tê-sa-lô-ni-ca

Phao-lô bắt đầu sách này tương tự như cách ông bắt đầu các thư khác của ông. Hãy so sánh 2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:1, 2 với 1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:1.

1:1a

Phao-lô, Sin-vanh và Ti-mô-thê: Phao-lô là tác giả của thư này, nhưng ông kể thêm tên

của Sin-vanh và Ti-mô-thê vì họ cùng ở với ông khi ông đi Tê-sa-lô-ni-ca. Hãy xem lời giải nghĩa của [1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:1a](#) để biết

thêm chi tiết về tên của Sin-vanh và cách bắt đầu thư.

kính gửi: Trong nguyên bản Hy-lạp không có động từ chào thăm ở phần mở đầu của thư. Có thể dùng một động từ như *viết* giống như trong PKTCD để nghe có vẻ tự nhiên hơn trong ngôn ngữ của bạn. Phao-lô viết thư nhưng ông và các bạn của ông cũng gửi lời chào thăm người Tê-sa-lô-ni-ca.

1:1b

hội thánh Tê-sa-lô-ni-ca: Cho các tín hữu trong thời Phao-lô, hội thánh không phải chỉ là nhà thờ nhưng là một nhóm người họp lại để thờ phượng Đức Chúa Trời. Hãy xem lời giải nghĩa của [1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:1b](#).

ở trong Đức Chúa Trời, là Cha chúng ta và ở trong Chúa Giê-su Cơ Đốc: Hãy xem lời giải nghĩa của [1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:1c](#).

ở trong Đức Chúa Trời: Đây có nghĩa là những người thuộc về Đức Chúa Trời và thờ phượng Đức Chúa Trời. Hãy xem PKTCD của [1:1b](#).

ở trong Chúa Giê-su Cơ Đốc: Nhóm từ Chúa hay Chúa Giê-su thường được thấy trong các thư của các sứ đồ hơn là nhóm từ

Chúa của chúng ta hay Chúa Giê-su của chúng ta. Tuy nhiên, ý nghĩa cũng tương tự, có thể nói là của chúng ta nghe tự nhiên hơn.

Chúa: Hãy xem Phần Hướng Dẫn của Loạt Sách Giải Nghĩa về các lời giải nghĩa về từ “Chúa.”

Cơ Đốc: Cơ Đốc là một tên riêng chỉ thuộc về tên Giê-su thôi. Hãy xem lời giải nghĩa trong [1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:1c](#).

1:2

Nguyện xin Đức Chúa Trời, Cha chúng ta và Chúa Giê-su Cơ Đốc: Hãy xem lời giải nghĩa của [1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:1c](#).

ban ân sủng và bình an cho anh chị em: Hãy xem lời giải nghĩa của [1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:1d](#) để biết ý nghĩa của *ân sủng* và *bình an*. Trong 2 Tê-sa-lô-ni-ca Phao-lô cho thấy rõ ràng *ân sủng* (tức là “phước hạnh, sự tử tế, đặc ân”) và *bình an* đến từ Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su.

Phân đoạn 1:1-2 Phao-lô gửi lời chào thăm đến hội thánh của thành phố Tê-sa-lô-ni-ca

- 1:1a* Phao-lô, Sin-vanh và Ti-mô-thê kính gửi
 [Chính tôi] Phao-lô, Sin-vanh và Ti-mô-thê [là người chào thăm anh chị em]
 -HAY-
 [Tôi là] Phao-lô cùng với Sin-vanh và Ti-mô-thê [chào thăm anh chị em]
 -HAY-
 [Thư này do] Phao-lô viết. Sin-vanh và Ti-mô-thê [cùng chào thăm anh chị em]
- 1:1b* *hội thánh Tê-sa-lô-ni-ca, ở trong Đức Chúa Trời, là Cha chúng ta và ở trong Chúa Giê-su Cơ Đốc.*
 [là những người] ở trong hội thánh [của thành phố] Tê-sa-lô-ni-ca, là những người [thuộc về] Đức Chúa Trời Cha chúng ta và Chúa Giê-su Cơ Đốc của chúng ta.
 -HAY-
 [là những người thuộc về] các con dân Chúa cùng nhóm lại để thờ phượng Đức Chúa Trời Cha chúng ta và Chúa Giê-su Cơ Đốc của chúng ta trong [thành phố] Tê-sa-lô-ni-ca.
- 1:2* *Nguyện xin Đức Chúa Trời, Cha chúng ta và Chúa Giê-su Cơ Đốc ban ân sủng và bình an cho anh chị em.*
 Chúng tôi cầu xin Đức Chúa Trời Cha [chúng ta] và Chúa Giê-su Cơ Đốc của chúng ta sẽ ban phước cho anh chị em và khiến anh chị em có sự bình an trong lòng.
 -HAY-
 Chúng tôi cầu xin rằng Đức Chúa Trời Cha [chúng ta] và Chúa Giê-su Cơ Đốc [của chúng ta] nhân từ với anh chị em và ban cho anh chị em sự thoả lòng.

Phân đoạn 1:3-3:15 Phao-lô cảm ơn Đức Chúa Trời về các con dân Chúa tại Tê-sa-lô-ni-ca, dạy họ về sự đến của Kẻ Đại Ác, khuyến khích họ tiếp tục tin chắc nơi Chúa. Rồi ông cảnh cáo các tín hữu lười biếng phải đi làm trở lại.

Đây là phân chính của thư thứ nhì Phao-lô gửi cho người Tê-sa-lô-ni-ca. Dưới đây là các chủ đề của phân đoạn này:

- 1:3-12 Chúa Giê-su Cơ Đốc sẽ trở lại và ban phần thưởng cho dân sự của Ngài.
 2:1-12 Kẻ Đại Ác sẽ đến trước khi Chúa Giê-su trở lại.
 2:13-17 Các con dân Chúa tại Tê-sa-lô-ni-ca nên tiếp tục tin chắc nơi Phúc Âm về Chúa Giê-su Cơ Đốc và tiếp tục làm công việc thiện, bởi vì họ là dân sự đã được Đức Chúa Trời kêu gọi để thuộc về Ngài.
 3:1-5 Phao-lô xin các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca cầu nguyện cho Phao-lô và các bạn đồng hành.
 3:6-15 Phao-lô cảnh cáo những người lười biếng trong vòng các con dân Chúa tại Tê-sa-lô-ni-ca bảo họ nên làm việc.

Tiểu đoạn 1:3-12 Chúa Giê-su Cơ Đốc sẽ trở lại và ban phần thưởng cho dân sự của Ngài.

Tiểu đoạn này bắt đầu phân chính của thư thứ nhì Phao-lô gửi cho người Tê-sa-lô-ni-ca. Phao-lô cảm ơn Đức Chúa Trời về các con dân Chúa tại Tê-sa-lô-ni-ca vẫn tiếp tục tin chắc mặc dầu bị

người ta bất bố. Ông nói về Đức Chúa Trời sẽ đoán xét những người bất bố họ. Ông cầu nguyện để họ cư xử theo đức tin cho đến khi Chúa Giê-su Cơ Đốc trở lại.

1:3-4 Phao-lô cảm ơn Đức Chúa Trời về các con dân Chúa và hãnh diện vì họ.

Phao-lô cảm ơn Đức Chúa Trời bởi vì đức tin và tình yêu thương của người Tê-sa-lô-ni-ca đang gia tăng. Ông rất hãnh diện khi nói với các hội thánh khác về các người Tê-sa-lô-ni-ca đang tiếp tục tin chắc nơi Chúa Giê-su mặc dầu họ bị bất bố.

1:3a

Thưa anh chị em, chúng tôi phải luôn luôn cảm tạ Đức Chúa Trời vì anh chị em: Hãy so sánh 1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:1-10 và Phi-líp 1:1-8. Trong các thư Phao-lô luôn luôn cảm ơn Đức Chúa Trời về người mà ông đang viết thư cho.

phải: Phao-lô không nói rằng ông có bốn phạm phải cảm ơn Đức Chúa Trời về họ. Ông nói bởi vì họ tin tưởng nơi Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su, nên ông cảm ơn Đức Chúa Trời về họ là đúng. Đây là bởi vì Đức Chúa Trời khiến họ tin cậy mạnh mẽ nơi Chúa. Họ thời thờ thần tượng và tin cậy nơi Đức Cơ Đốc.

anh chị em: Người Tê-sa-lô-ni-ca là các tín hữu trong Chúa Giê-su và là thuộc viên trong gia đình của Đức Chúa Trời. Hãy xem lời giải nghĩa trong [1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:4](#).

1:3b

Đó là điều thật phải lẽ: Hãy xem lời giải nghĩa [1:3a](#) ở trên.

1:3c

vì đức tin anh chị em tăng trưởng nhiều và tình yêu thương của tất cả mỗi người đối với nhau cũng gia tăng:

đức tin anh chị em: Có lẽ tốt nhất nên dùng động từ như “tin tưởng trong” hay “tin cậy nơi” đặt trước người mà họ tin tưởng hay tin cậy, ở đây chính là Chúa Giê-su hay Đức Chúa Trời. Họ không phải chỉ tin là Chúa hiện hữu nhưng Ngài cũng là Chúa của họ.

tăng trưởng nhiều... cũng gia tăng: Đức Chúa Trời là Đấng khiến cho đức tin và tình yêu thương của họ gia tăng. Có lẽ không có sự khác nhau nhiều giữa *tăng trưởng nhiều* và *cũng gia tăng*. Đây có lẽ là một thí dụ về việc Phao-lô dùng cách lặp lại để nhấn mạnh đến điều quan trọng mà ông đang nói đến. Hãy

tìm hai động từ khác nhau mà cùng có một ý, giống như dùng “tăng trưởng” và “gia tăng” với “đức tin” và “tình yêu thương,” nhưng có thể khó dịch như vậy trong ngôn ngữ của bạn. Trong trường hợp này có thể dùng một động từ với hai nhóm từ như:

vì đức tin anh chị em và tình yêu thương của tất cả mỗi người đối với nhau cũng gia tăng

Hãy xem CĐN để thấy thí dụ về một cách dịch khác bạn có thể dùng.

1:4a

Cho nên chúng tôi rất hãnh diện về anh chị em trong các hội thánh của Đức Chúa Trời:

Cho nên: Câu 1:4 đề cập đến nội dung của 1:3c và là kết quả của câu ấy.

chúng tôi rất hãnh diện: Ở đây trong nguyên bản Hy-lạp nhấn mạnh đến *chúng tôi*. Các nhà phê bình chia phe về ý nghĩa của sự nhấn mạnh này:

- (1) “Chúng tôi thường không khoe khoang về các người cải đạo, nhưng trong trường hợp của anh chị em thì chúng tôi rất hãnh diện. Đó là bởi vì anh chị em tin tưởng nhiều nơi Chúa Giê-su và Đức Chúa Trời, và anh chị em yêu thương nhau nhiều hơn.”
- (2) “Anh chị em nhã nhặn nên không khoe khoang, nhưng chúng tôi hãnh diện về anh chị em.”
- (3) “Các người khác, nghe nói đến cách anh chị em tin tưởng và yêu thương, hãnh diện về các anh chị em và chúng tôi cũng hãnh diện thêm.”

Ý nghĩa 2 và 3 có vẻ không giống như sự dạy dỗ của toàn thể TỰ. Ý nghĩa (1) có vẻ đúng nhưng khó dịch.

Một con dân Chúa có thể khoe khoang được không? Được, nếu đó là một điều tốt đáng để khoe, như sự hãnh diện của người cha về con mình. Phao-lô hãnh diện về các người mới cải đạo của ông.

trong các hội thánh của Đức Chúa Trời: Hãy xem lời giải nghĩa trong 1:1b ở trên và trong 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:14a. Điều này có

Phân đoạn 1:3-3:15 Phao-lô cảm ơn Đức Chúa Trời về con dân Chúa tại Tê-sa-lô-ni-ca, dạy họ về sự đến của Kẻ Đại ác, khuyến khích họ đứng vững. Rồi ông cảnh cáo các tín hữu lười biếng phải đi làm trở lại.

Tiểu đoạn 1:3-12 Chúa Giê-su Cơ Đốc sẽ trở lại và ban phần thưởng cho dân sự của Ngài.

- 1:3a* Thưa anh chị em, chúng tôi phải luôn luôn cảm tạ Đức Chúa Trời vì anh chị em. Anh chị em tín hữu của chúng tôi, chúng tôi rất vui mà luôn luôn cảm ơn Đức Chúa Trời vì anh chị em.
- 1:3b* Đó là điều thật phải lẽ, Chúng tôi làm điều đó là phải lắm,
- 1:3c* vì đức tin anh chị em tăng trưởng nhiều và tình yêu thương của tất cả mỗi người đối với nhau cũng gia tăng. vì anh chị em càng tin cậy [Chúa Giê-su Cơ Đốc của chúng ta], và yêu mến [lẫn nhau] càng ngày càng hơn.
- 1:4a* Cho nên chúng tôi rất hãnh diện về anh chị em trong các hội thánh của Đức Chúa Trời
Vì thế, chúng tôi nói cho các con dân Chúa [ở các nơi] rằng anh chị em rất tốt.
-HAY-
Đó là lý do chúng tôi hãnh diện nói về anh chị em cho [mỗi] nhóm con dân Chúa họp lại thờ phượng Ngài
- 1:4b* vì lòng kiên trì và đức tin của anh chị em trong mọi sự bất bố và hoạn nạn mà anh chị em đang chịu.
[cho họ biết] về anh chị em tiếp tục tin cậy Đức Chúa Trời và đứng vững mặc dầu anh chị em đang chịu bất bố và thử nghiệm khó khăn.
-HAY-
[cho họ biết rằng] trong mọi sự đau khổ anh chị em phải chịu và các hoạn nạn anh chị em đang kinh nghiệm [bởi vì anh chị em đi theo đường lối của Chúa Giê-su của chúng ta], anh chị em vẫn kiên nhẫn/chịu đựng/can đảm và anh chị em vẫn tin/tin cậy nơi Ngài.

thể bao gồm cho cả các con dân Chúa ở Bê-rê, A-then và Cô-rinh-tô, hay bất cứ nhóm tín hữu nào khác nhóm họp lại với nhau.

1:4b

vì lòng kiên trì và đức tin của anh chị em trong mọi sự bất bố và hoạn nạn mà anh chị em đang chịu:

vì: Những điều theo sau vì là lý do mà Phao-lô hãnh diện về các con dân Chúa tại Tê-sa-lô-ni-ca.

lòng kiên trì và đức tin của anh chị em: Sự tin cậy mạnh mẽ nơi Đức Chúa Trời

khiến họ có thể kiên nhẫn trong thời gian bị hoạn nạn. Những sự bất bố và hoạn nạn này xảy đến cho họ bởi vì họ đi theo Đức Cơ Đốc. Cần phải nói cho rõ ràng ở đây là “những rắc rối do người khác tạo ra cho một người vì cố niềm tin của họ.”

Hai từ *lòng kiên trì* và *đức tin* nói đến hai chất lượng riêng biệt của con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca hay từ này bổ túc cho từ kia?

Đa số các nhà phê bình và các bản dịch cho rằng nói đến hai chất lượng riêng biệt. PKTCD cũng cho thấy như vậy.

trong mọi sự bất bố và hoạn nạn mà anh chị em đang chịu: Các nhà phê bình

chia phe về việc *sự bắt bớ* và *hoạn nạn* có ý nghĩa riêng biệt hay tương tự. Nếu không thể dùng cả hai trong khi dịch sang ngôn ngữ của bạn, hãy dùng một từ thôi, nhưng cố gắng giữ sự nhấn mạnh trong khi dịch. Đa số các nhà phê bình cho rằng nhóm từ *mà anh chị em đang chịu* đề cập đến cả hai *sự bắt bớ* và *hoạn nạn*.

1:5-10 Đức Chúa Trời sẽ xét đoán mọi người cách công bằng.

Ông Phao-lô dùng lại để dạy họ lý do họ phải chịu khổ bằng cách khuyến khích. Ông cho họ biết khi Chúa Giê-su trở lại họ sẽ được thưởng như thế nào, trong lúc những người bắt bớ họ sẽ bị trừng phạt và kết án đời đời. Ông cũng cho họ biết rằng, khi Chúa Giê-su đến họ sẽ khen ngợi và tôn vinh Chúa bởi vì Ngài đã cứu giúp họ.

Tốt hơn nên bắt đầu một đoạn khác ở đây, vì Phao-lô đang dạy về một chủ đề khác: Sự đoán xét của Đức Chúa Trời. Trong 1:11-12 có một chủ đề mới: Phao-lô cho người Tê-sa-lô-ni-ca biết ông đang cầu nguyện cho họ như thế nào. Qua suốt đoạn này Phao-lô lặp lại hai tư tưởng liên hệ đến nhau: 1) sự bắt bớ và sự chịu khổ, và 2) điều gì là phải và công bằng. Đây là một trong những cách nói mà Phao-lô dùng để khiến cho họ chú ý và tiếp thu những điều ông dạy dỗ.

1:5a

Đó là bằng chứng về sự đoán xét công minh của Đức Chúa Trời: Đây bắt đầu một câu KT mới trong PKTCD, mặc dầu trong văn bản Hy-lạp là một câu được bắt đầu từ 1:3.

Đó là: Theo ý của đa số nhà phê bình, trong văn bản Hy-lạp không có từ này, chỉ được hiểu ngầm thôi, và đề cập trở lại câu 1:4.

bằng chứng: Có thể đề cập đến một hay cả hai điều sau đây:

- (1) *Bằng chứng* đề cập đến cách các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca bày tỏ sự kiên trì và đức tin mặc dầu bị người ta bắt bớ.
- (2) *Bằng chứng* chỉ đề cập đến sự bắt bớ và hoạn nạn.

Cách diễn dịch đầu tiên được ưa thích hơn.

về sự đoán xét công minh của Đức

Chúa Trời: Phao-lô nói là họ trung tín với Đức Cơ Đốc mặc dầu họ chịu khổ vì điều đó cho thấy Đức Chúa Trời là công bằng. Họ không phải chịu khổ vì Đức Chúa Trời đang trừng phạt họ. Đức Chúa Trời không có mục đích làm họ phải chịu khổ để được vào vương quốc của Ngài. Mà vì là con dân Chúa họ sẽ phải chịu khổ bởi vì có nhiều người ghét Chúa Giê-su Cơ Đốc và các môn đệ của Ngài. Chính Chúa Giê-su Cơ Đốc cũng phải chịu bắt bớ và chịu chết. Phao-lô muốn họ tin chắc nơi Chúa trong khi phải chịu khổ và không trở lại con đường và niềm tin cũ. Nếu họ tin chắc nơi Chúa họ sẽ trở nên trưởng thành và mạnh mẽ. Trong cách này Đức Chúa Trời sẽ cho mọi người thấy rằng họ xứng đáng trở nên công dân trong vương quốc của Đức Chúa Trời. Tới đúng thời điểm, Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt những người bắt bớ họ.

Các nhà phê bình chia phe về lúc nào Đức Chúa Trời sẽ đoán xét người ta:

- (1) trong tương lai: Tức là, cuối cùng Đức Chúa Trời muốn cho cả thế giới thấy là những người bắt bớ họ là gian ác và những người bị bắt bớ là công chính (đa số nhà phê bình theo quan niệm này).
- (2) trong hiện tại: Qua phản ứng của họ khi bị chịu khổ Đức Chúa Trời thấy là họ xứng đáng vào vương quốc của Ngài.
- (3) Cả hai.

Quan niệm đầu tiên có vẻ đúng theo như những điều ông Phao-lô nói tiếp trong các câu 1:6 và 1:7.

1:5b

để anh chị em được coi như xứng đáng với Nước Đức Chúa Trời: Câu 1:5b liên quan đến động từ *chịu* trong 1:4b. Tư tưởng “Đức Chúa Trời đoán xét công minh” trong 1:5a được lặp lại trong 1:6. Câu 1:5b là mục đích hay kết quả của 1:4b? Các nhà phê bình và các bản dịch chia phe như sau:

- (1) Kết quả của việc kiên nhẫn chịu đựng sự bắt bớ là Đức Chúa Trời sẽ nói họ xứng đáng để vào vương quốc của Ngài.
- (2) Mục đích của sự chịu khổ của họ là để Đức Chúa Trời sẽ nói rằng họ xứng đáng để vào vương quốc của Ngài (BDC). Điều này đề nghị là họ chưa

1:5a	<p><i>Đó là bằng chứng về sự đoán xét công minh của Đức Chúa Trời</i> Sẽ có lúc mọi người đều thấy rõ rằng Đức Chúa Trời thưởng cho mỗi người cách xứng đáng -HAY- Rõ ràng Đức Chúa Trời sẽ cho mỗi người điều họ xứng đáng được</p>
1:5b	<p><i>anh chị em được coi như xứng đáng với Nước Đức Chúa Trời,</i> sau khi [anh chị em đã chịu đựng tất cả mọi điều này], Đức Chúa Trời sẽ tuyên bố anh chị em thật xứng đáng là công dân thiên quốc, -HAY- kết quả là [sau khi chịu đựng tất cả mọi đau khổ và hoạn nạn này], Chúa sẽ nói anh chị em xứng đáng gia nhập vương quốc của Ngài,</p>
1:5c	<p><i>chính vì nước đó mà anh chị em chịu khổ.</i> bởi vì cơ nước Ngài mà anh chị em đang chịu sự đau khổ này.</p>
1:6	<p><i>Vì Đức Chúa Trời là Đấng chí công, Ngài ắt sẽ lấy hoạn nạn mà báo trả cho những kẻ gây hoạn nạn cho anh chị em.</i> Vì Đức Chúa Trời luôn luôn xét đoán công minh, Ngài sẽ đem hoạn nạn đến cho những người gây hoạn nạn cho anh chị em.</p>

xứng đáng để vào vương quốc của Đức Chúa Trời. BDC nói: “Ngài muốn khiến anh em nên xứng đáng cho nước Ngài.” Điều này có nghĩa là sự chịu khổ sẽ khiến (hơn là chứng tỏ) họ trở nên xứng đáng khi Chúa Giê-su trở lại. Sự diễn dịch này được hàm ý sai rằng họ không xứng đáng để vào vương quốc của Đức Chúa Trời cho tới khi họ đã chịu bắt bớ.

Sự diễn dịch (1) được ưa thích hơn.

nước Đức Chúa Trời: Đây là một thành ngữ mà người Do Thái dùng để diễn tả “được Đức Chúa Trời cai trị.” Nói cách khác, những người ở trong “nước Đức Chúa Trời” là những người mà họ “tuân phục Đức Chúa Trời như một ông vua của họ” hay họ sẽ trung tín đối với Đức Chúa Trời như một vị vua. Theo như mạch văn của câu Kinh Thánh này thì thành ngữ trên có thể được diễn dịch cách như sau: “cách anh chị em cư xử chứng tỏ rằng mình xứng đáng để có Đức Chúa Trời làm vua của mình.”

1:5c

chính vì nước đó mà anh chị em chịu khổ: Họ tận hiến cho Đức Chúa Trời, và Ngài cai trị họ vào lúc đó. Vậy nên họ sẵn lòng bị bắt bớ vì đã làm môn đệ của Chúa.

1:6

Vì Đức Chúa Trời là Đấng chí công, Ngài ắt sẽ lấy hoạn nạn mà báo trả cho những kẻ gây hoạn nạn cho anh chị em: BDM (cũng như BDY và BDC) bắt đầu một câu mới ở đây, đề nghị rằng Phao-lô đang lấy các từ “sự đoán xét công minh của Đức Chúa Trời là đúng” trong 1:5a và giải thích chúng. Trong văn bản Hy-lạp 1:6 bắt đầu ở giữa một câu dài, với từ *eiper*, có nghĩa là “vì” hoặc “thật sự.” Giống như đa số các nhà phê bình đã nói rõ ràng, nhóm từ đầu tiên trong 1:6 (*Đức Chúa Trời là Đấng chí công*) liên hệ đến nhóm từ “anh chị em đang chịu khổ vì vương quốc của Đức Chúa Trời” trong 1:5. Phần còn lại của câu ở trong (1:6-7a), như tất cả các bản dịch đã diễn tả hay hàm ý, tuyên bố Đức Chúa Trời sẽ cho thấy Ngài là chí công như thế nào: “Ngài ắt sẽ lấy hoạn nạn mà báo trả cho những kẻ gây hoạn nạn cho anh chị em; và cho anh chị em là những kẻ bị hoạn nạn được nghỉ ngơi.”

Ngài ắt sẽ lấy hoạn nạn mà báo trả cho những kẻ gây hoạn nạn cho anh chị em: Từ kép “hoạn nạn” cho thấy Đức Chúa Trời báo trả cùng một mức độ, Ngài là chí công như vậy đó.

1:7a

và cho anh chị em, những kẻ bị hoạn nạn, được nghỉ ngơi:

những kẻ bị hoạn nạn, được nghỉ ngơi: Từ Hy-lạp *anesin* được dùng để chỉ “được nghỉ ngơi” có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ khiến sự bất bố ngưng hẳn, không phải chỉ trong một thời gian ngắn thôi.

cũng như chúng tôi: Phao-lô và các bạn đồng hành cũng thường chịu sự bất bố bất cứ nơi nào họ đi tới bởi vì họ đi theo lối của Đức Cơ Đốc. Nhưng Đức Chúa Trời khiến cho người ta ngưng bất bố họ.

1:7b

khi Chúa Giê-su từ trời hiện đến cùng với các thiên sứ quyền năng của Ngài trong ngọn lửa hùng:

khi Chúa Giê-su từ trời hiện đến: Chúa Giê-su trở lại từ thiên đàng, Ngài sẽ từ trên thiên đàng hiện đến cho mọi người đều thấy.

cùng với các thiên sứ quyền năng: Dịch từng chữ từ trong văn bản Hy-lạp sẽ là: “với những thiên sứ của quyền năng của Ngài.” Đây cũng có thể dịch là “với các thiên sứ của Chúa Giê-su có đầy quyền năng.” Sự diễn tả này có ý nghĩa gì? Các nhà phê bình chia phe như sau:

- (1) Các thiên sứ có quyền năng. BDM và BDY phản ảnh quan niệm này. Như vậy có nghĩa là các thiên sứ nhận quyền năng từ Chúa, và quyền năng mà họ có thuộc về Ngài.
- (2) Chúa Giê-su có quyền năng, và Ngài sẽ thực hành quyền năng này qua các thiên sứ của Ngài. BDC theo quan niệm này vì dùng nhóm từ “thiên sứ của quyền phép Ngài.”

Cách diễn dịch đầu tiên là đúng nhất.

các thiên sứ: Từ *thiên sứ* có ý nghĩa cơ bản là “một sứ giả của Đức Chúa Trời.” Họ là các người thuộc linh, không phải là loài người. Nhưng đôi khi loài người cũng thấy được thiên sứ.

trong ngọn lửa hùng: Đa số các nhà phê bình đồng ý rằng các thiên sứ và Chúa Giê-su của chúng ta sẽ hiện đến trong đám lửa. Tất cả họ không đồng ý là có phải lửa được dùng để trừng phạt những người được nói đến trong 1:8. Đây là câu trích dẫn từ Êsa 66:15.

1:8a

để trừng phạt những kẻ không chịu nhận biết Đức Chúa Trời:

để trừng phạt: Bản Hy-lạp nói: “trả thù đây đủ.” Một câu khác trong KT (La-mã 12:19) nói “Sự báo trả thuộc về Ta; Ta sẽ báo ứng!” Đức Chúa Trời sẽ trả lại theo cùng một mức độ cho những người bất bố các con dân Chúa ở tại Tê-sa-lô-ni-ca.

những kẻ không chịu nhận biết Đức Chúa Trời: Những người bất bố các con dân Chúa chứng tỏ qua sự bất bố của họ rằng họ không biết Đức Chúa Trời và không vâng theo Phúc Âm của Chúa Giê-su. Nhưng còn nhiều người khác, mà người Tê-sa-lô-ni-ca không biết đến, sẽ bị Đức Chúa Trời trừng phạt. Lý do họ sẽ bị trừng phạt là vì họ đã công khai từ chối biết Đức Chúa Trời. Làm thế nào người ta có thể từ chối không biết Đức Chúa Trời? Từ *biết* có nghĩa là “sự nhận thức,” vậy nên cả nhóm từ này có nghĩa là “những người từ chối không chấp nhận thẩm quyền của Đức Chúa Trời.”

1:8b

những kẻ không vâng phục Phúc Âm của Chúa Giê-su chúng ta: Đây là phần thứ nhì của một câu đôi. Phao-lô đang nói trong 1:8b tương tự như điều cơ bản được nói trong 1:8a. Theo đa số các nhà phê bình, trong văn mạch từ Phúc Âm có nghĩa là sự dạy dỗ của các sứ đồ. Tóm lại như vậy là Chúa Giê-su là Đức Cơ Đốc do Đức Chúa Trời sai đến. Ngài đến thế gian để chết để cứu tất cả các tội nhân, và Ngài lại sống lại. Các lẽ thật này cần phải được tất cả mọi người trên thế gian này chấp nhận. Mọi người được lệnh đi theo và vâng lời Chúa Giê-su. Nếu họ từ chối, Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt họ.

Nhiều nhà phê bình cho rằng 1:8a nói đến những người không phải là người Do Thái và 1:8b nói đến người Do Thái. Nhưng hai nhóm từ *những kẻ không chịu nhận biết Đức Chúa Trời* và *những kẻ không vâng phục Phúc Âm* có vẻ là hai nhóm từ cặp đôi trong lối viết văn Do Thái (ngôn ngữ của người Do Thái) đề cập đến tất cả mọi người từ chối tin Chúa Giê-su, cả người Do Thái lẫn người không phải là người Do Thái.

1:7a	Và cho anh chị em, những kẻ bị hoạn nạn được nghỉ ngơi cũng như chúng tôi và Ngài sẽ ban cho anh chị em là những người đang chịu khổ bây giờ sự bình an như chúng tôi đã có vậy
1:7b	khi Chúa Giê-su từ trời hiện đến cùng với các thiên sứ quyền năng của Ngài trong ngọn lửa hùng những điều này sẽ xảy ra khi Chúa Giê-su và các thiên sứ của Ngài từ trời đột xuất trên đất. Các thiên sứ này có quyền năng lớn lao, các lưỡi lửa sẽ bao chung quanh họ và Chúa Giê-su
1:8a	để trừng phạt những kẻ không chịu nhận biết Đức Chúa Trời, Ngài sẽ trừng phạt những người không chịu chấp nhận thẩm quyền của Đức Chúa Trời,
1:8b	những kẻ không vâng phục Phúc Âm của Chúa Giê-su chúng ta. những người không vâng phục tin lành về Chúa Giê-su của chúng ta.
1:9	Họ sẽ bị hình phạt hủy diệt đời đời, bị phân cách khỏi sự hiện diện của Chúa và quyền năng vinh quang của Ngài. Chúa chúng ta sẽ trừng phạt và không cho phép họ đến trước mặt Chúa. Họ sẽ không được chia sẻ sự vĩ đại, quyền năng và sự sáng láng của Ngài. Thay vào đó họ sẽ bị hủy diệt đời đời. -HAY- Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt họ bằng sự phân cách với Chúa và quyền năng vinh hiển của Ngài đời đời.
1:10a	Vào ngày ấy, khi Ngài đến để được tôn vinh giữa các thánh Tất cả những điều này sẽ xảy ra khi [Chúa Giê-su chúng ta] sẽ trở lại và bày tỏ sự vĩ đại, [vinh quang và sự sáng] cho những người thuộc về Chúa và tôn vinh Ngài

1:9

Họ sẽ bị hình phạt hủy diệt đời đời, bị phân cách khỏi sự hiện diện của Chúa và quyền năng vinh quang của Ngài: Câu này mô tả sự trừng phạt mà những người ở trong 1:8 sẽ nhận được. Đa số các bản dịch bắt đầu bằng một câu mới ở đây. Hãy xem PKTCD cho 1:9.

Họ sẽ bị hình phạt hủy diệt đời đời: Như đa số các nhà phê bình đồng ý, không có nghĩa là tất cả những người ở trong 1:8 đều bị hủy diệt một lần, và sau đó họ không còn hiện hữu nữa. Nó có nghĩa là hành động hủy diệt sẽ không bao giờ chấm dứt, họ luôn luôn bị trừng phạt và cảnh giác điều đó.

bị phân cách khỏi sự hiện diện của Chúa: Trong bản Hy-lạp từ phân cách khỏi được hàm ý. Trong tiếng Việt thêm một động từ vào nghe có vẻ tự nhiên hơn. Phao-lô không nói đến sự hủy diệt và bị phân cách khỏi Đức Chúa Trời như là hai biến cố hay hành động riêng rẽ. Phao-lô dùng nhóm từ phân cách

khỏi sự hiện diện của Chúa để diễn tả sự giải thích đầy đủ về sự hủy diệt này bao gồm những gì. Trong TU “địa ngục” là hình ảnh của một nơi ở ngoài sự hiện diện của Chúa, tức là, ở ngoài vương quốc của Ngài.

và quyền năng vinh quang của Ngài: Bản Hy-lạp chép “từ sự vinh quang của quyền năng của Ngài.” Sự “vinh quang” là gì? “Vinh quang” bao gồm tư tưởng của “sự vĩ đại,” “danh dự” và “ánh sáng lớn.” Các học giả được chia phe về diễn dịch “vinh quang của quyền năng của Ngài,” như thế nào là tốt nhất. Có thể nói là quyền năng và sự hiện diện của Đức Chúa Trời sẽ xuất hiện sáng rực như một ánh sáng lớn.

1:10a

Vào ngày ấy, khi Ngài đến để được tôn vinh giữa các thánh:

vào ngày ấy, khi Ngài đến: Chắc chắn Chúa Giê-su sẽ trở lại trái đất, nhưng không ai

biết ngày nào Chúa sẽ trở lại. Các phần khác trong KT cho thấy Chúa sẽ trở lại một cách nhanh chóng.

các thánh: Khi Chúa Giê-su trở lại, Ngài sẽ đoán xét tất cả mọi người trên thế giới, và chấm dứt sự hiện hữu của thế giới này. Một phần trong tiến trình của sự đoán xét ấy là Chúa sẽ bày tỏ cho mọi người trên thế giới biết rằng những người thuộc về Ngài, tức là *các thánh*, là đúng còn những người khác là sai. *Các thánh* được dịch từ một từ Hy-lạp *hagioi*, có nghĩa là “các người thánh khiết.” Tức là “những người thuộc về Đức Chúa Trời.” Trong TỰ đây đề cập đến các người tin nơi Đức Cơ Đốc, không phải chỉ là những người tốt không mà thôi.

để được tôn vinh giữa các thánh: Nhóm từ này cho thấy Chúa Giê-su còn có một mục đích khác ngoài việc đoán xét mọi người khi Chúa trở lại. Động từ *được tôn vinh* có nghĩa là người ta sẽ tôn vinh Chúa Giê-su. Đa số các nhà phê bình cho rằng giới từ *giữa* cho thấy lý do mà Chúa Giê-su được tôn vinh. Tức là, bởi vì điều Ngài đã làm cho con dân Chúa, họ sẽ nói Ngài là lớn lao, vĩ đại dường nào để tôn vinh Chúa. Phần này của câu có thể dịch như sau “...để những người thuộc về Ngài có thể nói Chúa lớn lao dường nào bởi vì những điều Ngài đã làm cho họ.”

1:10b

và được chiêm ngưỡng giữa mọi người đã tin: Nhóm từ này là phần hai của một câu cặp đôi. Phần đầu là 1:10a. Tuy nhiên không rõ là 1:10b có cùng một ý giống hệt như 1:10a hay không. Rõ ràng là *các thánh* và *mọi người đã tin* cùng là một nhóm người. Vậy thì câu trên có thể dịch là “dân sự Ngài chiêm ngưỡng sự vĩ đại và ánh sáng của Chúa Giê-su. Sự vĩ đại này còn lớn hơn là điều họ nghĩ.”

1:10c

mà anh chị em là những người trong số đó: Mặc dầu trong bản Hy-lạp không nói điều này, trình bày cách 1:10b và 1:10c nối kết với nhau rất ích lợi. Sứ điệp của Phao-lô được nhiều người ở Tê-sa-lô-ni-ca tin, nên họ cũng là *các thánh* và *mọi người đã tin* của Chúa Giê-su.

1:10d

vì anh chị em đã tin nơi lời chúng của chúng tôi: Một lần nữa xem lời giải nghĩa trong 1:10b. Từ Hy-lạp *marturion* “lời chúng” được dùng ở đây có nghĩa là Phao-lô và các bạn đồng hành có kiến thức trực tiếp về những điều họ đang dạy dỗ. Những kiến thức này là chân thật vì nó đến từ chính Chúa Giê-su.

1:11-12 Phao-lô cầu nguyện cho các con dân Chúa tại Tê-sa-lô-ni-ca

Bởi vì những điều Phao-lô nói trong 1:5-10, ông cầu nguyện cho họ. Ông cầu xin rằng nếu có người bắt bớ họ, khi Chúa Giê-su trở lại, Chúa sẽ thấy họ xứng đáng để vào vương quốc của Ngài. Trong lúc này, ông cầu xin Đức Chúa Trời thêm sức cho họ tiếp tục ao ước làm việc lành, để Chúa Giê-su được tôn vinh.

1:11a

Cho nên chúng tôi luôn luôn cầu nguyện cho anh chị em: Bạn có thể bắt đầu một đoạn mới ở đây vì Phao-lô đang nói về lời cầu nguyện của ông cho các con dân Chúa.

Cho nên: Từ *cho nên* được dùng để nối với điều gì ở các câu trước? Các nhà phê bình chia phe như sau:

- (1) Nó nối với 1:10b-c.
- (2) Nó nối với 1:5-10.
- (3) Nó nối với 1:5.
- (4) Nó nối với 1:11b.

Đa số các bản dịch đề cập rõ ràng đến các câu trước, nhưng không rõ là câu nào. PKTCD cho thấy thích sự lựa chọn (1). Sau đây là tóm tắt lời Phao-lô và các bạn đồng hành cầu nguyện cho người ở Tê-sa-lô-ni-ca: “Anh chị em sẽ ở giữa những người khen ngợi Chúa Giê-su khi Ngài trở lại.”

1:11b

để Đức Chúa Trời của chúng ta làm cho anh chị em được xứng đáng với ơn kêu gọi của Ngài:

Đức Chúa Trời của chúng ta: Hãy xem lời giải nghĩa của 1Tê-sa-lô-ni-ca 2:2b.

xứng đáng với ơn kêu gọi của Ngài: Các từ này nghe giống như trong 1:5b. Nhưng sự khác nhau ở đây là cụm từ *ơn kêu gọi của Ngài* nói đến thời điểm khi Chúa kêu gọi họ theo Ngài. Vào lúc Đức Chúa Trời bắt đầu cai

1:10b	<i>và được chiêm ngưỡng giữa mọi người đã tin; và bởi vì họ đã tin nơi Chúa Giê-su, họ sẽ ngạc nhiên [về sự vĩ đại, vinh quang, và sáng láng của Chúa] và sẽ ngợi khen Ngài.</i>
1:10c	<i>mà anh chị em là những người trong số đó anh chị em cũng sẽ ở trong [số người vui mừng và ngạc nhiên vào lúc đó]</i>
1:10d	<i>vì anh chị em đã tin lời chúng của chúng tôi. bởi vì anh chị em cũng tin những lời chúng tôi nói về [Chúa Giê-su].</i>
1:11a	<i>Cho nên chúng tôi luôn luôn cầu nguyện cho anh chị em Vì vậy, bởi vì anh chị em sẽ ở trong số người ngợi khen Chúa Giê-su khi Chúa trở lại], chúng tôi luôn luôn cầu nguyện [Đức Chúa Trời] cho anh chị em,</i>
1:11b	<i>để Đức Chúa Trời của chúng ta làm cho anh chị em được xứng đáng với ơn kêu gọi của Ngài, để Chúa sẽ nói rằng anh chị em đã đi theo đường lối tốt lành mà Chúa đã kêu gọi anh chị em sống.</i>
1:11c	<i>và nhờ năng lực Ngài hoàn tất mọi ước vọng tốt lành cũng như công việc xuất phát từ đức tin. chúng tôi cũng luôn luôn cầu xin Đức Chúa Trời] để Chúa dùng quyền năng của Ngài khiến anh chị em làm được các điều tốt lành mà anh chị em muốn làm vì tin cậy nơi [Chúa Giê-su của chúng ta].</i>

trị họ, họ thôi tin cậy nơi Ngài và yêu thương những người khác. Vậy nên họ cho thấy họ không xứng đáng để được Ngài cai trị. Nhưng 1:5b có lẽ nói về tương lai khi Chúa Giê-su sẽ trở lại và nói với các con dân Chúa như sau: “Các con tin tưởng Ta và yêu mến những người khác đã cho thấy là các con xứng đáng để Ta cai trị và ở với Ta.”

Như với 1:5b các nhà phê bình và các bản dịch tiếng Anh chia phe về ý nghĩa của từ Hy-lạp *axioō*

- (1) Nó có nghĩa là “các con có thể được kể như là xứng đáng.” Từ này có cùng một ý nghĩa như *kataxiōō* trong 1:5b, bởi vì Phao-lô cầu nguyện rằng khi Đức Chúa Trời đoán xét họ Ngài có thể kể hay coi họ như là xứng đáng để vào vương quốc của Ngài. Hãy xem lời giải nghĩa của [1:5b](#).
- (2) Nó có nghĩa là “có thể khiến các con xứng đáng.” Tất cả các bản dịch tiếng Việt đều theo quan niệm này. Trong trường hợp này ý nghĩa (1) tốt hơn ý nghĩa (2) vì cùng một lý do như ở trong lời giải nghĩa của [1:5b](#).

ơn kêu gọi của Ngài: Hãy so sánh 1 Cô-rinh-tô 1:2. Đức Chúa Trời đã kêu gọi họ để trở nên “các thánh,” tức là, “dân tộc thánh khiết của Ngài.” Điều này có nghĩa là “Những người được biệt riêng ra khỏi thế gian để trở nên dân sự của Ngài.” Ý nghĩa này có thể hiểu rộng là Đức Chúa Trời đã kêu gọi họ để sống một đời sống đẹp lòng Ngài, để Ngài không buồn lòng khi gọi họ là dân sự của Ngài. Hãy xem lời giải nghĩa của [2:13c](#).

1:11c

và nhờ năng lực Ngài hoàn tất mọi ước vọng tốt lành cũng như công việc xuất phát từ đức tin: Các nhà phê bình hiểu các từ này theo hai cách:

- (1) Lời cầu nguyện của Phao-lô là: “Cầu xin Đức Chúa Trời khiến cho anh chị em có thể làm các việc tốt lành mà anh chị em muốn làm. Anh chị em muốn làm điều này vì anh chị em tin nơi Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su của chúng ta.” Đa số các nhà phê bình theo quan niệm này. Đa số các bản dịch đều có khuynh hướng này.

(2) Lời cầu nguyện của Phao-lô: “Xin Đức Chúa Trời khiến anh chị em hoàn tất các công việc theo như lòng tốt của anh chị em muốn.” Một số nhà phê bình theo quan niệm này.

Ý nghĩa (1) được ưa thích hơn bởi vì đây là cách mà Phao-lô viết. Ông thích dùng kiểu câu cặp đôi gồm có hai phần có ý nghĩa liên hệ với nhau. Hãy xem lời giải nghĩa của **1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:3b**.

1:12a

Nhờ thế danh Chúa Giê-su chúng ta được tôn vinh nơi anh chị em:

Nhờ thế: Nhóm từ theo sau (*danh Chúa Giê-su chúng ta được tôn vinh nơi anh chị em*) liên hệ với động từ trong 1:11. Nhóm từ này liên hệ với *hoàn tất* (1:11c) hay *cầu nguyện* (1:11a)? Động từ *hoàn tất* được ưa thích hơn không phải chỉ vì các từ đi với nhau thích hợp hơn nhưng cũng có ý nghĩa hơn nữa. Trừ khi Đức Chúa Trời hoàn tất mọi mục đích tốt của họ, họ sẽ không được chút vinh quang nào.

Một quan niệm khác (thiếu số) cho rằng 1:11 chứa đựng ba lời cầu nguyện riêng rẽ. Quan niệm này bị từ khước vì văn phạm của tiếng Hy-lạp cho thấy các nhóm từ 1:11b-c đi chung với nhau như một đơn vị dựa vào 1:11a.

danh Chúa Giê-su: Trong KT từ *danh* thường dùng để đề cập đến danh tiếng, tính tình, và thói quen của người mang tên đó. Vì vậy, có thể hiểu rộng ra là *danh* có nghĩa là chính người đó.

Chúa Giê-su chúng ta: Hãy xem lời giải nghĩa của **1:1c**.

được tôn vinh nơi anh chị em: Hãy xem lời giải nghĩa của **1:10a**. Các nhà phê bình

đồng ý cách tổng quát rằng Chúa Giê-su sẽ tiếp nhận lời khen ngợi và vinh quang (không nói rõ là đến từ ai). Bởi vì Đức Chúa Trời kể các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca là xứng đáng để vào vương quốc của Ngài, và vì Đức Chúa Trời đang làm trọn mọi mục đích tốt đẹp của họ.

1:12b

và anh chị em được vinh hiển trong Ngài: Điều này có nghĩa là vì các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca sẽ tôn vinh và ngợi khen Chúa Giê-su, Ngài cũng sẽ tôn trọng họ.

1:12c

tùy theo ân sủng của Đức Chúa Trời chúng ta và của Chúa Giê-su Cơ Đốc:

tùy theo ân sủng: Các từ này thích hợp để chấm dứt một lời cầu nguyện với Đức Chúa Trời. Không ai, ngay cả Phao-lô, có thể bắt buộc Đức Chúa Trời phải trả lời sự cầu nguyện theo một cách nhất định nào đó. Nhưng Phao-lô biết rằng Đức Chúa Trời sẽ trả lời *tùy theo ân sủng*. Tức là, Ngài sẽ hành động theo cách cho thấy Chúa thương xót những người theo Ngài. Hãy xem lời giải nghĩa của **1:2** về ý nghĩa của *ân sủng*.

của Đức Chúa Trời chúng ta và của Chúa Giê-su Cơ Đốc: Đa số các nhà phê bình và các bản dịch đồng ý là Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su Cơ Đốc nên dịch là hai thân vị riêng biệt ở đây. Về nhóm từ *Đức Chúa Trời chúng ta*, hãy xem lời giải nghĩa của **1:11a**.

Tiểu đoạn 2:1-12 Kẻ Đại Ác sẽ đến trước khi Chúa Giê-su trở lại.

Một số con dân Chúa tại Tê-sa-lô-ni-ca tin vào một tin đồn rằng Phao-lô nói Đức Cơ Đốc đã trở lại. Phao-lô giải thích rằng tin đồn này không đúng sự thật bằng cách nhắc cho họ nhớ lại những điều ông đã dạy khi còn ở với họ. Phao-lô nói trước khi Chúa Giê-su trở lại, một nhà lãnh đạo mà Phao-lô gọi là Kẻ Đại Ác sẽ xuất hiện. Kẻ Đại Ác này sẽ chống lại mọi tôn giáo và sẽ phản đối luật pháp của Đức Chúa Trời. Nhưng Kẻ Đại Ác này sẽ chỉ lừa gạt được những người đã từ khước sự điệp của Đức Chúa Trời về Đức Cơ Đốc. Sau đó trong ngày Đức Cơ Đốc trở lại, Ngài sẽ cất Kẻ Đại Ác cũng như quyền năng của nó đi.

Phao-lô không nói về mọi việc theo thứ tự nó sẽ xảy ra trong phần này (2:1-12). Ông cho họ một thứ tự tổng quát về các biến cố ở trong 2:1-4. Sau đó trong 2:5 ông giới thiệu các sự dạy dỗ trước đó của ông về biến cố của ngày tận thế với câu hỏi tu từ: “Anh chị em không nhớ sao...?” Sau đó

<i>1:12a</i>	<i>Nhờ thế danh Chúa Giê-su chúng ta được tôn vinh nơi anh chị em, chúng tôi cầu nguyện điều này để anh chị em [có thể khiến] danh Chúa Giê-su Cơ Đốc được khen ngợi và trở nên vĩ đại,</i>
<i>1:12b</i>	<i>và anh chị em được vinh hiển trong Ngài và để anh chị em sẽ được khen ngợi và vĩ đại trong Ngài</i>
<i>1:12c</i>	<i>tùy theo ân sủng của Đức Chúa Trời chúng ta và của Chúa Giê-su Cơ Đốc. tùy theo sự nhân từ của Đức Chúa Trời mà chúng ta thờ phượng và Chúa Giê-su Cơ Đốc khiến cho điều này có thể xảy ra.</i>
Tiểu đoạn 2:1-12 Kẻ Đại ác sẽ đến trước khi Chúa Giê-su trở lại	
<i>2:1a</i>	<i>Thưa anh chị em, về sự quang lâm của Đức Giê-su Cơ Đốc Chúa chúng ta bây giờ chúng tôi muốn nói về thời điểm mà Chúa Giê-su Cơ Đốc sẽ trở lại</i>
<i>2:1b</i>	<i>và cuộc tụ họp của chúng ta về với Ngài, và [các thiên sứ của Đức Chúa Trời] sẽ tụ họp chúng ta [lên không trung] gặp Ngài.</i>
<i>2:1c</i>	<i>Tôi xin anh chị em Thưa anh chị em tín hữu, chúng tôi nài xin anh chị em</i>

trong 2:6-12 ông dạy dỗ đặc biệt về sự phản loạn lớn lao, về kẻ Đại Ác chống đối lại với luật pháp của Đức Chúa Trời, và về Chúa Giê-su Cơ Đốc sẽ trở lại để hủy diệt Kẻ Đại Ác.

2:1-4 Phao-lô sửa lại tư tưởng sai lầm cho rằng Chúa Giê-su đã trở lại

Một số con dân Chúa tại Tê-sa-lô-ni-ca bực bội bởi vì họ nghĩ Phao-lô đã bảo họ rằng Chúa Giê-su đã trở lại rồi. Trong câu này Phao-lô tìm cách sửa lại sự hiểu lầm này. Ông không biết chắc người ta bảo ông nói như vậy trong lời tiên tri hay một bài giảng hay một lá thư. Nhưng Phao-lô không hề bảo ai là Chúa Giê-su đã trở lại rồi. Ông nhắc nhở họ rằng trước khi Chúa Giê-su trở lại, có nhiều người từ khước Đức Chúa Trời. Sau đó có một nhà lãnh đạo gọi là Kẻ Đại Ác sẽ xuất hiện. Kẻ này sẽ chống đối lại mọi tôn giáo, và sẽ tự đặt mình vào chỗ của Đức Chúa Trời.

2:1a

Thưa anh chị em, về sự quang lâm của Đức Giê-su Cơ Đốc Chúa chúng ta:

sự quang lâm của Đức Giê-su Cơ Đốc Chúa chúng ta: Điều này đề cập đến sự trở lại thể gian của Chúa Giê-su Cơ Đốc. Chúa mới đến có một lần như đã được TỰ ghi lại. Lần trở lại này là một sự dạy dỗ chính của đức

tin Cơ Đốc, và một chủ đề chính cho cả hai sách 1 và 2 Tê-sa-lô-ni-ca.

2:1b

và cuộc tụ họp của chúng ta về với Ngài: Nhiều bản dịch dịch động từ đã *tụ họp* theo thể thụ động. Nhưng ai là người tụ họp họ, và *với Ngài* có ý nghĩa gì? Đọc 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:15-17 làm cho câu 2:1b rõ ràng hơn. Những người tin nơi Chúa Giê-su khi chết sẽ được sống lại từ kẻ chết, và sẽ được tụ họp (bởi các thiên sứ của Đức Chúa Trời chứ không phải bởi quyền năng của riêng họ) với các con dân Chúa đang còn sống vào lúc đó. Rồi tất cả sẽ được cùng cất lên khỏi mặt đất để gặp Chúa Giê-su trên không trung khi Chúa từ thiên đàng xuống để gặp họ. Nói chung các nhà phê bình đều hỗ trợ quan niệm này.

2:1c

tôi xin anh chị em: Nếu dịch từng chữ theo bản Hy-lạp sẽ là “Chúng tôi yêu cầu anh chị em...” Trong BDM ý niệm “chúng tôi” tìm thấy trong bản Hy-lạp được đổi là “tôi.”

2:2a

chớ vội để tâm trí bối rối hay hoảng sợ: Bản Hy-lạp nói “tâm trí anh chị em đừng vội bối rối cũng đừng bận lòng.” *Vội* có nghĩa gì? Các nhà phê bình chia phe đều trong việc có phải nó có nghĩa là “vội vàng ngay sau khi anh chị em nghe sự dạy dỗ sai lầm là Chúa Giê-su đã trở lại rồi,” hay “quá dễ dàng không quan tâm cách kỹ càng.” Kết quả là Phao-lô phải nói “nếu có ai bảo với anh chị em là Chúa Giê-su đã trở lại rồi, đừng tin điều đó, tức là, đừng bắt đầu nghi ngờ những điều tôi đã dạy anh chị em về vấn đề này.” Hãy xem lời giải nghĩa của 2:3a.

2:2b

... vì một linh ân: Vì Phao-lô không nói rõ ai nói như vậy, các nhà phê bình chia phe về ý nghĩa của 2:2b-e. Sau đây là một vài khả dĩ về ý nghĩa của *vì một linh ân*:

- (1) Một người nào đó nói là Phao-lô nói tiên tri về điều này trước sự hiện diện của họ.
- (2) Kể từ khi Phao-lô từ giã họ, một người trong những con dân Chúa tại Tê-sa-lô-ni-ca nói là họ nhận được một sứ điệp tiên tri liên quan đến sự trở lại của Chúa Giê-su.

PKTCD cho thấy (1) được ưa thích hơn vì hai lý do: (a) Đường như lời của Phao-lô nói trong 2:2e (“đường như từ chúng tôi đến”) đi với cả ba điều mà Phao-lô nói: tiên tri, lời giảng dạy và thư từ (hãy xem lời giải nghĩa của 2:2d). (b) Người nói với các con dân Chúa rằng Chúa đã trở lại có lẽ nói rằng họ có thẩm quyền của Phao-lô để nói lại với họ như vậy. Điều này hàm ý là Phao-lô cẩn thận phủ nhận rằng ông không bao giờ nói như vậy cả.

2:2c

một lời giảng dạy: Điều này có nghĩa gì? Một lần nữa các nhà phê bình bất đồng ý kiến về từ *lời* đề cập đến cái gì. Từ này có thể nói đến một trong hai điều sau đây:

- (1) một bài giảng hay sự dạy dỗ hay một sứ điệp khác được cho là do Đức Chúa Trời hà hơi và Phao-lô nói khi ông còn ở với họ.
- (2) một bài giảng hay sự dạy dỗ hay một sứ điệp khác được cho là do Đức Chúa Trời hà hơi và một người trong con dân Chúa tại Tê-sa-lô-ni-ca nói kể từ khi Phao-lô từ giã họ.

Vì lý do được nêu ra trong 2:2b (1) có vẻ như đúng nhất.

2:2d

thư từ: Thư gì? Một lần nữa các nhà phê bình chia phe ra như sau:

- (1) Phao-lô nói đến thư đầu tiên ông viết cho người Tê-sa-lô-ni-ca. Có lẽ ông không giữ phụ bản của nó nên ông không thể nhớ rõ các từ ông dùng khi ông viết 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-5:12. Có thể vì những lời này, hay vì thiếu các chi tiết, gây nên sự hiểu lầm hoặc tà giáo này.
- (2) Họ đã nhận được thư do một người nào đó viết và nói là đó là thư của Phao-lô, nhưng họ không có quyền để nói như vậy. Có lẽ điều này giải thích tại sao chính Phao-lô viết phần cuối của thư thứ nhì và xin họ chú ý rằng đó là chữ ký và chữ viết của chính ông.

Ý nghĩa đầu tiên được ưa thích hơn bởi vì phần tiếp theo (2:2e) làm rõ nghĩa hơn.

2:2e

đường như từ chúng tôi đến: Trong bản Hy-lạp dùng: “là qua chúng tôi.” Vấn đề ở đây là: Nhóm từ này có nghĩa là chỉ *thư từ* là đến từ Phao-lô và các bạn đồng hành của ông, hay đề cập đến cả một *lời giảng dạy* và *lời tiên tri*? Các nhà phê bình chia phe như sau:

- (1) Nhóm từ này nói đến *lời tiên tri*, *lời giảng dạy* và *thư từ*. 2:2b-d được xếp đặt lại như sau: “Có lẽ người ta nghĩ rằng chúng tôi nói điều này trong khi nói tiên tri hay giảng dạy, hay chúng tôi viết trong một lá thư.” Sự diễn dịch này được nói rộng trong PKTCD.
- (2) Nhóm từ này chỉ đề cập đến thư từ.
- (3) Nhóm từ này chỉ đề cập đến *lời giảng dạy* và *thư từ*.

Tuy nhiên trong 2:3a nói rõ một người nào đó trong hội thánh tại Tê-sa-lô-ni-ca dạy rằng Chúa Giê-su đã trở lại, và tuyên bố rằng hoặc là Phao-lô hay Đức Chúa Trời bảo họ làm như vậy. Phao-lô nói điều này không đúng sự thật. Chúa Giê-su chưa trở lại, và Phao-lô chưa nói là Ngài đã trở lại, và Đức Chúa Trời chưa nói với ai là Chúa Giê-su đã trở lại. Trong bản Hy-lạp nhóm từ *là từ chúng*

2:2a-b	<i>chớ vội để tâm trí bối rối hay hoảng sợ chỉ vì một linh ân</i> đừng lo âu hay sợ hãi [về những lời người ta tuyên bố rằng chúng tôi đã nói là] Đức Thánh Linh bày tỏ cho chúng tôi rằng [Chúa Giê-su đã trở lại]
2:2c-d	<i>một lời giảng dạy hoặc thư từ</i> [hay] chúng tôi đã dạy hay viết thư cho anh chị em [dường như]
2:2e	<i>dường như từ chúng tôi đến nói rằng ngày của Chúa đã đến rồi.</i> Chúa Giê-su thật đã đến rồi. [Nhưng những lời người ta nói đó là không đúng sự thật. Chúa Giê-su chưa trở lại].
2:3a	<i>Đừng để ai lừa dối anh chị em bằng bất cứ cách nào.</i> Đừng để người ta dùng bất cứ cách gì để lừa gạt [khiến anh chị em tin rằng điều đó là thật].
2:3b	<i>Vì sự bội đạo phải đến trước</i> Điều người ta nói không đúng sự thật] bởi vì sẽ có nhiều người thôi không thờ phượng Đức Chúa Trời trước khi Chúa Giê-su của chúng ta trở lại
2:3c	<i>và người đại ác</i> và [rồi] Kẻ Đại Ác là người chống đối với luật pháp của Đức Chúa Trời sẽ [đột xuất]

tôi và trong 2:3a “Đừng để ai lừa dối anh chị em bằng bất cứ cách nào” hàm ý mạnh rằng không có điều nào trong những điều này đã xảy ra cả. Vậy nên thêm vào nhóm từ “Điều người ta nói không đúng sự thật” như đã thấy trong PKTCD là đúng.

rằng ngày của Chúa đã đến rồi: Trong TU nhóm từ *ngày của Chúa* luôn luôn đề cập đến ngày Chúa Giê-su sẽ trở lại. Hãy xem lời giải nghĩa của **1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:2b**. Trong ngôn ngữ của bạn, có thể nói là một ngày “đến” như là nó di động được không? Nếu khó dịch như vậy, có thể dịch giản dị hơn bằng cách nói “Chúa Giê-su của chúng ta đã trở lại.”

2:3a

Đừng để ai lừa dối anh chị em bằng bất cứ cách nào: Rõ ràng có một người ở Tê-sa-lô-ni-ca đang nói những điều ở trong 2:2 b-d. Người này có thể không biết là mình đang nói dối hay cố tình nói dối. Tuy nhiên, dù ý định của họ là tốt hay xấu, hậu quả thì như nhau: dạy giáo lý sai lầm. Phao-lô phải khởi sự sửa đổi sự suy nghĩ của họ.

2:3b

vì sự bội đạo phải đến trước:

vì: Phao-lô cho biết lý do tại sao tin đồn cho là Chúa Giê-su đã trở lại là giả mạo.

sự bội đạo phải đến trước: Từ *bội đạo* trong văn mạch này nói đến một biến cố khi mà đa số dân chúng trên thế giới sẽ công khai chống đối Đức Chúa Trời và luật lệ của Ngài. Dịch từng chữ theo bản Hy-lạp là “cho đến khi sự bội đạo đến trước.” Từ Hy-lạp *hē* (có nghĩa là sự) cùng với từ *bội đạo* cho thấy hai điều. Thứ nhất, Phao-lô nói đến một biến cố trong tương lai mà người Tê-sa-lô-ni-ca đã biết, như Phao-lô nhắc nhở họ trong 2:5. Thứ nhì, trong văn mạch này, Phao-lô nói đến một biến cố xảy ra trước ngày Chúa Giê-su trở lại. Ông đang nói về người ta sẽ phản loạn, chống đối Đức Chúa Trời mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Sự bội đạo này sẽ chuẩn bị người ta để cho Kẻ Đại ác cai trị. Kẻ này là một nhà lãnh đạo gian ác sẽ chống đối Đức Chúa Trời và luật pháp của Ngài (**2:3c, 2:7a-b, 2:8a**).

2:3c

và người đại ác, hiện thân của sự hủy diệt xuất hiện: Khi nào thì Kẻ Đại Ác xuất hiện?

(1) Sau khi sự bội đạo bắt đầu (đa số các nhà phê bình).

(2) *Sự bội đạo* hay sự xuất hiện của *Kẻ Đại ác* được đề cập đến như là một sự việc hoặc chúng xảy ra cùng một lúc.

Cách giải thích đầu tiên được ưa thích vì lý do sau đây. Phao-lô đang sửa đổi lại sự suy nghĩ của người Tê-sa-lô-ni-ca về thời điểm Chúa Giê-su trở lại. Phao-lô dùng nhiều từ để chỉ thứ tự thời gian mà các biến cố sẽ xảy ra. (a) Sự bội đạo đến trước (2:3b). (b) Kẻ Đại Ác chống nghịch lại với Đức Chúa Trời sẽ xuất hiện. (c) Rồi Chúa Giê-su sẽ trở lại cất Kẻ Đại Ác và ảnh hưởng của nó đi.

người đại ác: BDC và BDY dùng từ *người tội ác* theo một bản thảo Hy-lạp cổ, dịch từng chữ một có nghĩa là “người của tội lỗi” BDM dùng *người đại ác*. Hai cách gọi này không khác nhau mấy. Cả hai nhóm từ *người tội ác* hay *người đại ác* đều theo cách nói của người Do Thái: “người từ khước Đức Chúa Trời và luật pháp của Ngài.” Một số người nghĩ người này là một siêu nhân. Nhưng từ *anthrōpos* trong tiếng Hy-lạp có nghĩa là “con người” hay “loài người.” Vậy nên *người đại ác* có thể là một người thường hành động như quỷ vương. Người này cũng được gọi là “kẻ Chống Chúa Cứu Thế” ở trong 1 Giăng 2:18.

hiện thân của sự hủy diệt: Trong bản Hy-lạp có nghĩa là “con trai của sự hủy diệt.” Đây là cách người Do Thái nói “hắn đáng bị hư mất và vứt vào lửa địa ngục.

xuất hiện: Kẻ Đại Ác phá bỏ luật lệ của Đức Chúa Trời có lẽ cũng sẽ đột xuất như Chúa Giê-su sau này vậy. Thể chủ động của động từ trong tiếng Hy-lạp (dịch là được bày tỏ) không có nghĩa phải hàm ý rằng một người nào đó (thí dụ như quỷ vương) khiến cho hắn xuất hiện. Bạn có thể dùng một động từ chủ động (thí dụ như “đột xuất”). Hắn sẽ tuyên bố như Chúa Giê-su tuyên bố. Tức là, đòi mọi người phải thờ phượng hắn như là Chúa. Hắn sẽ bắt chước làm mọi việc giống như Chúa Giê-su ngoại trừ các công việc làm của hắn rất là gian ác.

2:4a

Hắn chống đối và tôn mình lên trên mọi điều được con người thờ phụng hoặc gọi là thần: Khi Kẻ Đại Ác đến, hắn sẽ chống lại tất cả mọi tôn giáo bất kể loại nào. Mục đích là để mọi người sẽ chỉ thờ phượng một mình hắn mà thôi. Trong bản Hy-lạp động từ *chống đối*

ở thì hiện tại. Câu 2:7a cho thấy quyền năng bí mật của kẻ Đại Ác đã bắt đầu hành động trên thế giới. Trong 2:4 nói rõ là hắn chống lại tất cả các tôn giáo và đặt mình cao hơn mọi tôn giáo.

2:4b

đến nổi vào ngôi trong đền thờ Đức Chúa Trời và tự xưng mình là Đức Chúa Trời: Đối với các con dân Chúa, người Do Thái và Hồi Giáo, đây là một việc tệ nhất mà một người có thể làm để chống nghịch lại với Đức Chúa Trời. Kẻ Đại Ác sẽ sỉ nhục Đức Chúa Trời và cố gắng làm cho người ta nghĩ xấu về Ngài. Nhưng đền thờ ở đây muốn nói đến đền thờ nào? Kể từ năm 70 S.C đền thờ của Đức Chúa Trời ở Giê-ru-sa-lem đã bị phá hủy.

Liên từ *đến nổi* có lẽ cho thấy phần này của câu là kết quả của 2:4a. Các nhà phê bình không đồng ý về đền thờ nào vì vào năm 70 S.C quân đội La-mã đã phá hủy đền thờ tại Giê-ru-sa-lem. Vậy tốt hơn nên dùng từ được dùng ở nhiều chỗ trong Kinh Thánh và trong ngôn ngữ của bạn để chỉ đền thờ của người Do Thái (đền thờ tại Giê-ru-sa-lem). Nhóm từ *vào ngôi trong đền thờ* cho thấy Kẻ Đại Ác chính thức chiếm địa vị của Đức Chúa Trời. Thì của động từ dùng trong nhóm từ *tự xưng mình là Đức Chúa Trời* cho thấy Kẻ Đại Ác bắt đầu nói với người ta rằng nó là Đức Chúa Trời và sẽ tiếp tục làm như vậy.

2:5-12 Khi Chúa Giê-su trở lại sẽ hủy diệt Kẻ Đại Ác và những người tin vào các lời dối trá của hắn.

Khi Phao-lô viết thư này, và tiếp tục cho đến bây giờ, có một điều/người gì ngăn cản sự xuất hiện của Kẻ Đại Ác này. Nhưng cho đến khi Kẻ Đại Ác đến sẽ có nhiều người phạm luật pháp của Đức Chúa Trời hơn. Họ tiếp tục làm như vậy cho đến khi có rất nhiều người hoàn toàn phản loạn chống đối Đức Chúa Trời (2:3b). Rồi Kẻ Đại Ác sẽ đến thế gian (2:3c). Hắn sẽ có quyền năng để làm các phép lạ lừa dối những người chống đối lại với lẽ thật và yêu thích điều ác. Đức Chúa Trời sẽ để cho họ bị lừa gạt cho đến khi họ chết, và Ngài sẽ định

2:3d	<i>hiện thân của sự huỷ diệt xuất hiện.</i> kẻ Đại Ác [người chống đối luật pháp của Đức Chúa Trời sau đó] sẽ đi vào lửa địa ngục.
2:4a	<i>Hắn chống đối và tôn mình lên trên mọi điều được con người thờ phụng hoặc gọi là thần,</i> Hắn sẽ chống đối lại với Đức Chúa Trời và mọi điều con người thờ phượng và hắn sẽ [tranh thủ] tôn mình lên cao hơn tất cả.
2:4b	<i>đến nỗi vào ngôi trong đền thờ Đức Chúa Trời và tự xưng mình là Đức Chúa Trời.</i> hắn sẽ ngồi [ngay giữa] đền thờ của Đức Chúa Trời và gọi chính mình là Đức Chúa Trời.
2:5	<i>Anh chị em không nhớ sao? Khi còn ở với anh chị em, tôi đã nói những điều này rồi.</i> chắc chắn tôi đã nói điều này khi còn ở với anh chị em, anh chị em còn nhớ không? -HAY- đừng quên tôi đã nói điều này khi còn ở với anh chị em.
2:6a	<i>Hiện nay anh chị em biết rõ điều gì đang cầm giữ</i> chính anh chị em đã biết điều gì cầm giữ sự xuất hiện của Kẻ Đại ác [người chống đối luật pháp của Đức Chúa Trời]

tội họ trong lửa địa ngục. Khi Chúa Giê-su của chúng ta trở lại, Ngài sẽ huỷ diệt Kẻ Đại Ác đó.

2:5

Mặc dầu Phao-lô vẫn còn đang nói về Kẻ Đại Ác, nên bắt đầu một đoạn mới ở đây thì tốt hơn.

Anh chị em không nhớ sao? Khi còn ở với anh chị em, tôi đã nói những điều này rồi: Tại sao Phao-lô dùng câu hỏi tu từ này ở đây? Không phải ông chỉ muốn họ nhớ lại một điều gì. Ông muốn sửa đổi lại sự suy nghĩ của họ bằng một câu trách nhẹ. BDY nói: “Anh em không nhớ những ngày còn ở với anh em, tôi đã nói trước rồi sao?” Một cách dịch khác là có thể để câu hỏi tu từ này dưới hình thức một mệnh lệnh. Thí dụ:

Đừng quên tôi đã nói điều này khi còn ở với anh chị em.

những điều này: Nhóm từ này có lẽ đề cập trở lại đến thứ tự của các biến cố đã chép trong 2:1-4. Thứ nhất, sự phản loạn chống lại Đức Chúa Trời và luật pháp của Ngài sẽ xảy ra trước. Sau đó Kẻ Đại Ác chống nghịch lại luật pháp của Đức Chúa Trời sẽ cai trị. Sau

đó, Chúa Giê-su sẽ trở lại và huỷ diệt Kẻ Đại Ác. Các thiên sứ sẽ tụ họp các con dân Chúa lên không trung gặp Chúa (So sánh với 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-17.)

2:6a

Hiện nay anh chị em biết rõ điều gì đang cầm giữ: Chúng ta biết rõ điều Phao-lô muốn nói ở đây, nhưng không biết rõ điều gì đang cầm giữ Kẻ Đại Ác đó lại. Hãy đọc lời giải nghĩa của 2:7b.

Từ *hiện nay* đi với động từ nào? Các nhà phê bình và các bản dịch chia phe như sau:

- 1) “Anh chị em biết rõ *hiện nay* điều gì đang cầm giữ nó”
- 2) “*Hiện nay* anh chị em biết rõ điều gì đang cầm giữ” (BDM, BDC)

Đường như là cụm từ *hiện nay* liên hệ với *đang cầm giữ*. Vậy nên cách diễn dịch thứ nhất có vẻ đúng vì những lý do sau đây. (a) Phao-lô đang giải nghĩa rõ ràng hơn về thứ tự xảy ra của các biến cố ông nói đến trong 2:1-4. Ông bắt đầu bằng lời nhắc nhở các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca về việc đang xảy ra vào lúc đó. Có một quyền lực bí mật ảnh hưởng trên con người làm cho họ từ khước Đức Chúa

Trời và luật lệ của Ngài. Nhưng cũng một quyền lực giữ con người lại khiến cho họ không hoàn toàn từ khước Đức Chúa Trời và luật lệ của Ngài. (b) Trong bản Hy-lạp từ để chỉ thời gian (*hiện nay*) được đặt ở đầu câu kể bên động từ mà nó bổ túc ý (*đang cầm giữ*).

điều gì: Phao-lô không nói cho chúng ta biết điều gì đã giữ lại hay kiềm chế Kẻ Đại Ác đó. Dịch từng chữ theo bản Hy-lạp sẽ là “và bây giờ anh chị em biết điều đang cầm giữ.” “Điều đang cầm giữ” này có thể là phái nam, phái nữ hay phi phái tính. Nó có thể là quyền năng của Đức Chúa Trời dùng loài người (như các con dân Chúa), thiên sứ hay chính quyền. Đức Chúa Trời không bị giới hạn, Ngài có thể dùng bất cứ phương tiện hay quyền năng gì mà Ngài muốn. Vào thời điểm đúng của Đức Chúa Trời, Kẻ Đại Ác đó sẽ được cho phép đột xuất và khởi sự làm công việc gian ác của nó.

đang cầm giữ: Một cách khác để dịch từ bản Hy-lạp là “điều/người đang cầm giữ.” Đây không nói là cái gì đang bị cầm giữ. Trong 2:6b trong bản Hy-lạp cho thấy là một người đàn ông. Vậy nên trong CĐN của PKTCD (2:6a) nhận diện rõ người đang bị cầm giữ là Kẻ Đại Ác. Cũng chính Kẻ Đại Ác, người chống đối lại luật pháp của Đức Chúa Trời, là chủ đề chính trong 2:3-5.

2:6b

để nó chỉ được xuất hiện vào thời kỳ của nó: Đức Chúa Trời kiểm soát các biến cố này, và Chúa không để Kẻ Đại Ác đột xuất cho đến khi Chúa biết là đã đúng lúc. Đó là thời gian mà có nhiều người từ khước Đức Chúa Trời. Cũng hãy xem lời giải nghĩa đầu tiên của 2:3c.

2:7a

Vì quyền lực bí mật của tội ác đang hành động rôi:

Vì: Từ này giới thiệu một lời giải thích thêm về lời tuyên bố trước đó, hơn là cho biết thêm lý do.

quyền lực bí mật của tội ác đang hành động rôi: Trong văn mạch Phao-lô có vẻ muốn nói rằng quỷ vương (chính Sa-tan) đang bí mật gây rắc rối trên thế giới bằng cách khuyến dụ người ta chống đối lại luật pháp của Đức Chúa Trời. Nó đang tranh thủ chuẩn bị thế giới sẵn sàng cho sự xuất hiện của Kẻ

Đại Ác. Sự bội đạo lớn chống lại Đức Chúa Trời và luật pháp của Ngài chưa bắt đầu. Điều này cho thấy Đức Chúa Trời chưa cho phép Kẻ Đại Ác là kẻ chống lại Đức Chúa Trời và luật pháp của Ngài đột xuất.

2:7b

nhưng Đấng cầm giữ nó vẫn ngăn giữ cho đến khi người bị cất đi.:

nhưng Đấng cầm giữ: Trong 2:6a các từ Hy-lạp phi nhân cách, dịch sát nghĩa có nghĩa là “điều cầm giữ” (hãy xem lời giải nghĩa của 2:6a.) Nhưng ở đây trong 2:7b dịch sát sẽ là: “Đấng đang cầm giữ.” Các nhà phê bình không đồng ý về lý do tại sao những từ này khác nhau. Phao-lô hàm ý rằng có một thân vị (thần linh hay con người) ở phía sau quyền lực đang cầm giữ Kẻ Đại Ác lại. Cố gắng phân biệt rõ ràng giữa 2:6a và 2:7b khi bạn dịch.

nó: Từ này không được dịch từ một từ Hy-lạp nào cả, chỉ hiểu ngầm thôi. Chữ *nó* ở đây muốn chỉ đến Kẻ Đại Ác hay quyền năng bí mật ở phía sau của Kẻ Đại Ác? Các nhà phê bình và các bản dịch chia phe ra như sau:

- 1) Từ *nó* đề cập đến quyền năng bí mật của Kẻ Đại Ác trên thế giới mà Đức Chúa Trời khiến cho một người nào đó đang cầm giữ. Ý nghĩa này có vẻ đúng hơn vì đã được đề cập đến trong nó 2:7a, đó là nhóm từ đầu tiên ở trong 2:7a-b.
- 2) Từ *nó* đề cập đến Kẻ Đại Ác mà một người nào đó đang cầm giữ.
- 3) Từ *nó* đề cập đến cả hai điều nói trên. Nói một cách khác: “Kẻ Đại Ác đó sẽ không đột xuất cho đến khi Đấng đang cầm giữ nó bị cất đi. Đấng này cũng đang kiềm chế quyền năng bí mật của Kẻ Đại Ác trên thế giới này trở nên tệ hơn.”

vẫn ngăn giữ: Những từ này không được dịch từ bản Hy-lạp. Nhưng thể hiện tại của từ *katechon* (“cầm giữ lại”) hàm ý “vẫn tiếp tục làm như vậy.” Bạn sẽ cần phải kể cả phần được hàm ý này trong khi dịch thì câu này mới có ý nghĩa.

cho đến khi người bị cất đi: Dịch từng chữ theo bản Hy-lạp có nghĩa là “cho tới khi người ra khỏi.” Phao-lô không nói Đấng đang cầm giữ Kẻ Đại Ác trên thế giới sẽ được cất đi như thế nào. Phải hiểu ngầm rằng Đức Chúa

2:6b	<i>để nó chỉ được xuất hiện vào thời kỳ của nó.</i> hắn [chỉ] xuất hiện khi [Đức Chúa Trời quyết định] đó là thời kỳ của nó.
2:7a	<i>Vì quyền lực bí mật của tội ác đang hành động rồi</i> bây giờ ngay cả [Sa-tan] chỉ bí mật khiến người ta chống đối với Đức Chúa Trời
2:7b	<i>nhưng Đấng cầm giữ nó vẫn ngăn giữ cho đến khi Người bị cất đi.</i> nhưng Đấng ngăn cản người ta công khai chống đối với Đức Chúa Trời vẫn tiếp tục làm điều đó. Tuy nhiên, sẽ đến lúc Đấng đó bị cất đi.
2:8a	<i>Bấy giờ kẻ đại ác sẽ xuất hiện.</i> [Chỉ sau khi Đấng ngăn cản người ta công khai chống đối với Đức Chúa Trời đã được cất đi], Kẻ Đại Ác mới đột xuất.
2:8b	<i>Hắn là kẻ mà Chúa Giê-su sẽ giết chết bằng hơi thở từ miệng Ngài,</i> nhưng khi Chúa Giê-su chúng ta đến, Ngài sẽ giết chết Kẻ Đại ác [chỉ] bằng lời ra lệnh,

Trời sẽ cho phép cất Đấng ấy đi để người ta càng chống đối lại với Đức Chúa Trời và luật pháp của Ngài hơn cho đến khi có nhiều người hoàn toàn phản loạn chống lại Đức Chúa Trời. Rồi Kẻ Đại Ác chống đối lại với luật pháp của Đức Chúa Trời sẽ đột xuất và bắt đầu cai trị.

2:8a

Bấy giờ Kẻ Đại ác sẽ xuất hiện:

bấy giờ: Từ chỉ về thời gian này cho thấy sự nhấn mạnh. Trong câu này Phao-lô trở lại điểm khởi đầu ở trong 2:1a nơi ông bắt đầu viết về thời điểm mà Chúa Giê-su sẽ trở lại trái đất này. Nó sẽ không xảy ra trước khi Kẻ Đại Ác đến. Phao-lô đã giải thích từ 2:3b đến 2:7b về điều gì sẽ xảy ra trước khi Kẻ Đại Ác xuất hiện và điều mà Kẻ Đại Ác sẽ làm khi hắn đến. Bây giờ Phao-lô dạy rằng Kẻ Đại Ác sẽ bị Chúa Giê-su hủy diệt.

2:8b

hắn là kẻ mà Chúa Giê-su sẽ giết chết bằng hơi thở từ miệng Ngài: Trong 2:8b-c, Phao-lô giải thích rằng Chúa Giê-su sẽ trở lại và chấm dứt Kẻ Đại Ác cùng với ảnh hưởng của nó. Phao-lô tiếp tục mô tả về Kẻ Đại Ác và đường lối của nó ở 2:9. Hãy nhớ là Kẻ Đại Ác đó có một thời gian nhất định trên thế gian để làm công việc gian ác của nó (2:9-10). Ngoài ra bạn có thể nghĩ rằng 2:8b nói là Chúa Giê-su

sẽ trở lại và hủy diệt Kẻ Đại Ác ngay khi nó xuất hiện. Vậy để tránh điều này bạn có thể dịch rõ là có một khoảng thời gian ngăn cách giữa sự đến của Kẻ Đại Ác và Chúa Giê-su. Hãy xem PKTCD của 2:9-12.

Chúa Giê-su: Một vài bản thảo Hy-lạp đầu tiên nói “Chúa” thay vì “Chúa Giê-su.” Bạn có thể cần phải để thêm tên Chúa Giê-su để làm cho rõ ràng trong khi dịch, nhất là nếu trong ngôn ngữ của bạn không thể nói “Chúa” không được. Hãy xem lời giải nghĩa về “Chúa” ở trong 1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:1c.

sẽ giết chết: Từ Hy-lạp *anaireō* dịch sát nghĩa là “cất đi, bỏ đi, hủy diệt, giết chết.” Trong văn mạch này không những chỉ nói đến cái chết về thân xác mà còn có nghĩa là bị lên án trừng phạt đời đời nữa.

bằng hơi thở từ miệng Ngài: Đây là một ẩn dụ diễn tả Chúa Giê-su có thể cất đi Kẻ Đại Ác và ảnh hưởng của nó dễ dàng như thế nào. Có lẽ nó muốn nói đến điều mà Chúa Giê-su nói với Kẻ Đại Ác. Nó có thể được dịch là “lời nói ra lệnh.” Ẩn dụ ở đây nhấn mạnh khi Đức Chúa Trời nói có điều gì đó phải xảy ra, thì nó sẽ xảy ra. (So sánh Thi Thiên 33:6.) Trong văn mạch ở đây nó nhấn mạnh quyền năng của Chúa Giê-su trên kẻ thù của Ngài.

2:8c

và sẽ tiêu diệt bằng ánh hào quang khi Ngài quang lâm: Dịch từng chữ theo bản Hy-lạp có nghĩa là "bằng sự xuất hiện của sự hiện diện của Ngài." Có thể rút ngắn lại là "bằng sự hiện diện của Ngài." Trong nhiều ngôn ngữ có thể phải dùng "bằng sự hiện diện của Ngài."

Vì 2:8b và 2:8c chứa đựng hai ý tưởng tương tự và song đôi, nên dịch hai câu này như thế nào? Ngôn ngữ của bạn có dùng hai câu để nói về cùng một điều không, hay tốt hơn là nên phối hợp lại thành một câu? PKTCD đề nghị cách dịch hai câu riêng rẽ. Sau đây là một đề nghị phối hợp hai câu lại với nhau:

 Nhưng khi Chúa Giê-su của chúng ta trở lại, Ngài sẽ giết Kẻ Đại Ác và cất đi quyền năng của nó chỉ bằng sự ra lệnh và xuất hiện của Ngài.

2:9a

Hắn sẽ nhờ hành động của quỷ Sa-tan: Phao-lô đề cập đến tư tưởng viết trong 2:3c-2:4b liên hệ đến sự xuất hiện của Kẻ Đại Ác và điều hắn sẽ làm trên thế gian.

Mặc dầu trong bản Hy-lạp dùng thì hiện tại ở đây, ý nghĩa của văn mạch này ở trong thì tương lai. Các tác giả Do Thái thường dùng thì hiện tại hay quá khứ để viết về những biến cố trong tương lai (tiên tri) để chỉ rằng các biến cố này chắc chắn sẽ xảy ra. Có thể trong ngôn ngữ của bạn dùng thì tương lai ở đây có vẻ tự nhiên hơn. Kẻ Đại Ác sẽ đến với các hoạt động do năng lực và quyền năng của Sa-tan. Các nhà phê bình có ý kiến khác nhau về ý nghĩa của từ Hy-lạp *kata*. Nó có thể có ý nghĩa là "bằng" hay "theo." Đa số nhà phê bình cho rằng Kẻ Đại Ác đến là do kết quả của hoạt động của Sa-tan. Nhưng có phải Sa-tan hay Kẻ Đại Ác đó sẽ thực hiện "các phép lạ, dấu lạ và phép mầu giả dối" (2:9b) không? Hãy xem lời giải nghĩa sau đây.

2:9b

mà đến với tất cả quyền năng cũng như dấu lạ, phép mầu giả dối:

với tất cả: Các nhà phê bình chia phe về cụm từ này quan hệ với từ nào:

- (1) *Tất cả* các quyền năng, dấu lạ và phép mầu giả dối (tất cả các bản dịch tiếng Việt).
- (2) *Tất cả* các loại phép lạ giả dối.

quyền năng cũng như dấu lạ, phép mầu: Câu hỏi đầu tiên được hỏi là: Các từ này có nghĩa gì? Đây là cách thông thường mà các tác giả TỰ nói đến các phép lạ mà Chúa Giê-su và các môn đệ đã làm. Từ Hy-lạp *dunamis* có nghĩa là "quyền năng." Nó thường nói đến những hành động chữa bệnh hay các hành động khác không thể làm do sức hay sự hiểu biết của con người. Một số nhà phê bình phân biệt ba từ này theo cách sau đây: *quyền năng* nói đến "nguyên nhân gây ra các phép lạ," *dấu lạ* muốn nói đến "ý nghĩa của các phép lạ," và *phép mầu* muốn nói đến "hiệu quả của các phép lạ trên những người thấy các phép lạ đó." Tuy nhiên, khó mà bày tỏ các sự khác nhau này trong lời dịch của bạn.

Câu hỏi thứ nhì: ai sẽ thực hiện những quyền năng, dấu lạ và phép mầu này? Có ba sự diễn dịch:

- (1) Chính Kẻ Đại Ác sẽ có quyền năng của Sa-tan để thực hiện chúng (tất cả các bản dịch tiếng Việt).
- (2) Sa-tan là người thực hiện chúng.
- (3) Không cho biết ai là người thực hiện.

CĐN của (2:9a-b) trong PKTCD dùng ý nghĩa đầu tiên. Sa-tan sẽ sai Kẻ Đại Ác đến đại diện cho nó giống như Đức Chúa Trời sai Chúa Giê-su đến đại diện cho Ngài. Vậy nên Sa-tan ban quyền năng cho Kẻ Đại Ác (kẻ được gọi là kẻ Chống Chúa Cứu Thế trong 1 Giăng 2:18), giống như Đức Chúa Trời ban quyền năng cho Chúa Giê-su làm các việc diệu kỳ. Sa-tan muốn cho người ta cho rằng Kẻ Đại Ác là Đức Chúa Trời (2:4b).

giả dối: Từ này được dịch từ *pseudos* trong tiếng Hy-lạp có nghĩa là "nói dối." Các *quyền năng, dấu lạ và phép mầu* này là thật hay là giả? Chúng lừa dối người ta bằng cách nào? Đa số các nhà phê bình cho rằng chúng là thật nhưng được làm do quyền năng của Sa-tan. Chúng lừa gạt người ta làm cho họ nghĩ rằng các dấu lạ, phép mầu đó được làm bằng quyền năng của Đức Chúa Trời.

Vậy từ *giả dối* này quan hệ với cái gì?

- (1) Từ này quan hệ đến *quyền năng cũng như dấu lạ, phép mầu* theo như đa số nhà phê bình.
- (2) Từ này quan hệ đến *dấu lạ và phép mầu*.
- (3) Từ này chỉ quan hệ đến *phép mầu*.

2:8c	<i>và sẽ tiêu diệt bằng ánh hào quang khi Ngài quang lâm.</i> và sẽ cất đi quyền năng của hấn [chỉ] bởi sự xuất hiện huy hoàng của Ngài.
2:9a	<i>Hắn sẽ nhờ hành động của quỷ Sa-tan</i> Khi Kẻ Đại Ác xuất hiện, [trước khi Chúa Giê-su đến để hủy diệt hắn], Sa-tan là người sai hắn đến sẽ cho hắn đầy quyền năng
2:9b	<i>mà đến với tất cả quyền năng cũng như dấu lạ, phép mầu giả dối,</i> để làm tất cả mọi thứ phép lạ và dấu kỳ cách giả mạo khiến người ta tưởng như là Đức Chúa Trời làm vậy.
2:10a	<i>dùng mọi cách gian ác lừa gạt những người hư vong</i> [hắn sẽ dùng] tất cả mọi cách xấu xa để lừa gạt những người đang đi đến chỗ bị hủy diệt đời đời
2:10b	<i>vì họ từ chối yêu mến chân lý</i> bởi vì họ từ chối yêu mến chân lý [về Chúa Giê-su Cơ Đốc]

Hầu như từ giả dối này quan hệ đến cả ba theo như quan niệm (1). Từ này được dùng ở đây cho biết tại sao các sự việc diệu kỳ kia được thực hiện. Thí dụ: "...quyền năng, dấu lạ và phép mầu với mục đích lừa dối mọi người."

Có thể khó dịch cả câu này trong ngôn ngữ của bạn. Nếu bạn muốn phân biệt quyền năng, dấu lạ và phép mầu trong khi dịch bạn có thể dùng cách dịch được đề nghị sau đây:

Sa-tan sẽ khiến cho kẻ sẽ chống nghịch lại với luật lệ của Đức Chúa Trời làm các việc siêu nhiên để khiến cho người ta tin tưởng sai lầm rằng hắn là Đức Chúa Trời.

2:10a

dùng mọi cách gian ác lừa gạt những người hư vong:

mọi cách gian ác lừa gạt những người hư vong: Dịch sát nghĩa theo bản Hy-lạp là "với tất cả sự lừa gạt do sự không công chính." Câu này có nghĩa gì?

- (1) Bất cứ thủ thuật hay phương pháp nào sẽ lừa gạt được người ta. Đa số các nhà phê bình đồng ý rằng các phương pháp hay động lực của Kẻ Đại Ác là gian ác. Cách thủ thuật này thêm vào các quyền năng, dấu lạ, phép mầu giả dối trong 2:9c (tất cả các bản dịch).
- (2) Các điều lừa dối khiến cho người ta trở nên gian ác.

Mặc dầu điều này là đúng, hầu như quan niệm (1) là nói đến ý nghĩa đúng nhất theo bản Hy-lạp.

những người hư vong: Nói một cách khác đó là "những người sẽ bị hủy diệt." Các tác giả trong TỰ nói đến sự chết hay hủy diệt như là sự trừng phạt đối với những người gian ác. Nhưng trong sự dạy dỗ của toàn TỰ cho thấy rõ ràng là họ cũng sẽ bị trừng phạt sau khi họ chết nữa. Đó là bởi vì khi còn sống họ từ chối không chịu ăn năn. Sau khi họ chết họ không còn cơ hội để ăn năn nữa, và họ phải chịu một sự trừng phạt không ngừng. Họ chết về thân xác nhưng linh hồn của họ còn lại. Đó là lý do CĐN trong PKTCD đề nghị bạn dịch là "sự hủy diệt đời đời." Hãy xem lời giải nghĩa của 1:9. Tránh dùng bất cứ từ nào làm người ta hiểu chết là hết.

2:10b

vì họ từ chối yêu mến chân lý: Dịch sát theo bản Hy-lạp có nghĩa là: "họ không chấp yêu mến chân lý." Điều này hàm ý rằng họ tự ý từ chối chấp nhận chân lý, và điều này đưa họ đến chỗ ghét chân lý. Hoặc là họ đã ghét chân lý và vì vậy họ từ chối tiếp nhận lẽ thật.

chân lý: Trong văn mạch cụm từ này có ý nghĩa "chân lý về Chúa Giê-su Cơ Đốc." Các từ này đề cập đến tin lành về Chúa Giê-su Cơ Đốc, cách Ngài đã sống và chết để cứu con người không phạm tội và không bị trừng phạt đời đời. Cụm từ này tương phản với ý tưởng

của sự giả dối trong 2:9b và 2:11. Hãy xem lời giải nghĩa của 2:11.

2:10c

để được cứu rỗi: Nếu những người này yêu mến chân lý, thì Đức Chúa Trời đã cứu họ khỏi phạm tội và bị trừng phạt đời đời. Đa số các bản dịch, và một số nhà phê bình, cho rằng đây là nhóm từ chỉ hậu quả. Đây là lời tuyên bố rằng vì họ tin nơi chân lý kết quả là Đức Chúa Trời sẽ cứu họ.

2:11a

Vì thế, Đức Chúa Trời cho chúng nó mắc phải lầm lạc:

Vì thế: Cụm từ này nói trở lại 2:10b. Đức Chúa Trời làm điều này vì họ đã từ chối yêu mến và tin nơi chân lý. Ngài muốn tất cả mọi người đều ăn năn và được cứu rỗi. Tuy nhiên, nếu họ cứng đầu từ chối không chịu chấp nhận chân lý, Ngài sẽ khiến cho họ tin lời nói dối dễ dàng hơn, và họ khó ăn năn hơn.

mắc phải lầm lạc: Trong bản Hy-lạp *mắc phải lầm lạc* cũng có thể dịch là “công việc của sự sai lầm.” Điều này đi song song với “hành động của quỷ Sa-tan” trong 2:9. Đa số các nhà phê bình nói rằng Đức Chúa Trời là Đấng phạt họ bằng cách khiến cho họ bị lừa gạt. Điều này có nghĩa là Đức Chúa Trời làm cho họ cứng đầu (so sánh với **Xuất 9:12**). Hoặc Đức Chúa Trời cho phép tà linh làm việc trong lòng họ (so sánh với **1 Các Vua 22:23**, **Ê-xê-chi-ên 14:9** và **La-mã 1:21-24**). Hoặc có thể Đức Chúa Trời thiết lập một nguyên tắc đạo đức trên thế gian mà nếu họ từ chối yêu mến chân lý, một quyền năng sẽ chi phối họ và khiến họ bị lừa gạt. Đức Chúa Trời lấy đi khả năng có thể phân biệt đâu là thật đâu là giả dối.

Trong khi bản dịch tránh làm cho người ta hiểu là có chút gian ác nào ở trong bản tánh của Đức Chúa Trời. Điều Đức Chúa Trời làm là sự phán xét của Ngài đối với thái độ của những người đã từ khước chân lý về Chúa Giê-su Cơ Đốc.

2:11b

để tin tưởng điều giả dối:

điều giả dối: Đây là một lời nói dối riêng biệt nào đó hay là nhiều lời nói dối?

(1) Một số người cho là đó là một lời nói dối riêng biệt. Đó là lời tuyên bố của Kẻ Đại

Ác, kẻ chống nghịch lại luật pháp của Đức Chúa Trời. Nó tuyên bố cách đối trá rằng hắn là Đức Chúa Trời, như ở trong 2:4.

(2) Các người khác cho rằng ở đây đề cập đến các lời nói dối một cách tổng quát. Nó đề cập đến nhiều lời nói dối về cái gì thật cái gì không thật, cái gì là tốt cái gì là xấu.

Ý nghĩa đầu tiên thích hợp với văn mạch này hơn vì các lý do sau đây: (a) Chủ đề chính của tiểu đoạn này nói về sự xuất hiện của Kẻ Đại Ác, kẻ nói dối lớn nhất rằng hắn là Đức Chúa Trời (2:4) và làm mọi điều kỳ lạ để khiến người ta nghĩ lời hắn tuyên bố về mình là sự thật (2:9). (b) Điều giả dối trong 2:11 tương phản với chân lý trong 2:10 và 2:12. Chân lý đề cập đến điều có thật về Chúa Giê-su Cơ Đốc. Điều giả dối đề cập đến điều Kẻ Đại Ác nói dối về mình.

2:12a

Như vậy tất cả những người không tin chân lý nhưng ưa thích gian ác đều bị kết án: Có phải Đức Chúa Trời làm cho họ cứng đầu (2:11a) để Ngài có thể kết tội cho họ không? Đây có thật là mục đích của Đức Chúa Trời không? Không phải. Họ từ chối tin nơi chân lý. Nếu họ tin, Đức Chúa Trời đã cứu họ rồi. Nhưng vì họ từ chối, Đức Chúa Trời khiến cho họ tin tưởng những điều không phải là sự thật (2:11b). Đây là lý do thứ nhất Đức Chúa Trời sẽ khiến cho họ bị lừa gạt. Lý do thứ nhì (2:12a) là để Chúa có thể kết tội họ. Ngài sẽ kết tội họ, không phải vì Chúa muốn như vậy, nhưng bởi vì họ không tin chân lý, và họ yêu thích sự gian ác. Kết quả là Đức Chúa Trời kết tội họ bị chết đời đời.

CĐN trong PKTCD dịch *những người không tin chân lý* trong thì hiện tại nhưng trong bản Hy-lạp dùng thì quá khứ. Trong bản Hy-lạp nói rõ là “họ đã quyết định không tin,” nên đó là một quyết định trong quá khứ dẫn đến một sự việc hiện tại là họ không tin.

nhưng ưa thích gian ác: Nhưng cho thấy sự tương phản quan trọng của hai thái độ khác nhau mà những người này có đối với *chân lý* (2:12a) và *gian ác* (2:12b). Phao-lô nói những người này không tin chân lý nêu ưa thích làm sự gian ác.

2:10c	<i>để được cứu rỗi.</i> [nếu họ tin tưởng nơi chân lý,] Đức Chúa Trời đã cứu họ rồi.
2:11a	<i>Vì thế, Đức Chúa Trời cho chúng nó mắc phải lầm lạc</i> [vì họ từ chối yêu mến chân lý về Chúa Giê-su Cơ Đốc,] Đức Chúa Trời sẽ cho phép họ bị lừa gạt,
2:11b	<i>để tin tưởng điều giả dối.</i> để họ sẽ nghe và tin các lời tuyên bố giả dối [của Kẻ Đại Ác này].
2:12a	<i>Như vậy tất cả những người không tin chân lý</i> Như vậy Đức Chúa Trời sẽ xét đoán công minh tất cả những người không tin lẽ thật [về Chúa Giê-su Cơ Đốc]
2:12b	<i>nhưng ưa thích gian ác đều bị kết án</i> và những người ưa thích làm điều gian ác.
Tiểu đoạn 2:13-17 Các con dân Chúa tại Tê-sa-lô-ni-ca nên tiếp tục tin chắc nơi Phúc Âm về Chúa Giê-su Cơ Đốc và tiếp tục làm công việc thiện, bởi vì họ là dân sự đã được Đức Chúa Trời kêu gọi để thuộc về Ngài.	
2:13a	<i>Thưa anh chị em, những người yêu dấu của Chúa, chúng tôi phải luôn luôn cảm tạ Đức Chúa Trời về anh chị em</i> Chúng về phần chúng tôi, thưa anh chị em tín hữu, chúng tôi luôn luôn cảm ơn Đức Chúa Trời về anh chị em [bởi vì] Chúa Giê-su yêu mến anh chị em [và]

Tiểu đoạn 2:13-17 Các con dân Chúa tại Tê-sa-lô-ni-ca nên tiếp tục tin chắc nơi Phúc Âm về Chúa Giê-su Cơ Đốc và tiếp tục làm công việc thiện, bởi vì họ là dân sự đã được Đức Chúa Trời kêu gọi để thuộc về Ngài

Trái ngược lại với những người không tin sẽ bị kết tội, Đức Chúa Trời lựa chọn các tín hữu tại Tê-sa-lô-ni-ca để cứu rỗi và tôn vinh họ. Phao-lô nói rõ điều này khi Phao-lô và các bạn đồng hành giảng Phúc Âm cho họ và vào lúc họ tin Chúa. Vì vậy, ông khuyến khích họ tin chắc nơi những điều ông đã dạy dỗ họ, dù bằng chính lời nói hay viết thư. Ông cầu xin Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su Cơ Đốc sẽ khuyến khích và làm cho họ mạnh mẽ, tiếp tục làm việc lành.

2:13-15 Phao-lô cảm ơn Đức Chúa Trời về các điều Chúa đã làm trong người Tê-sa-lô-ni-ca và cổ võ họ tiếp tục tin chắc nơi Chúa

2:13a

Thưa anh chị em, những người yêu dấu của Chúa, chúng tôi phải luôn luôn cảm tạ Đức Chúa Trời về anh chị em: Hãy xem lời giải nghĩa của 1:3a.

anh chị em: Hãy xem lời giải nghĩa của 1:3a.

yêu dấu của Chúa: Chúa ở đây là ai?

- (1) Đức Giê-su. Điều này được thấy khi đối chiếu với phần còn lại của câu (đa số nhà phê bình).
- (2) Đức Chúa Trời. Điều này được thấy khi so sánh với 1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:4.

Ý nghĩa đầu tiên dường như đúng hơn vì ba lý do. (a) Ở những chỗ khác trong 2 Tê-sa-lô-ni-ca, từ *Chúa* được chỉ về Chúa Giê-su (2:2a, 3:3a, 3:4a, 3:5a, 3:16) hay được dùng để gọi như một tước vị cho cả tên của Chúa Giê-su. Thí dụ: “*Chúa* Giê-su Cơ Đốc của

chúng ta.” (b) Phao-lô muốn nhấn mạnh đến quyền năng của Chúa Giê-su Cơ Đốc đối với Kẻ Đại Ác. (c) Trong 2:13a-b, Phao-lô dùng từ Đức Chúa Trời hai lần. Đó là để nói cho rõ ràng ông muốn đề cập đến ai. Trong phần thứ nhì của 2:13a, ông dùng từ *Chúa* ở đây hàm ý chỉ về Chúa Giê-su.

Nhưng tại sao Phao-lô lại đặc biệt nói là Chúa Giê-su yêu mến họ? Có lẽ Phao-lô đang muốn trấn an họ rằng họ không giống như những người không tin sẽ bị Chúa trừng phạt như đã mô tả trong 2:10-2:12.

Hãy cẩn thận đừng dịch *những người yêu dấu của Chúa* là “các tín hữu được Chúa Giê-su yêu mến.” Nếu dịch như thế cho thấy là Chúa Giê-su chỉ yêu riêng họ chứ không yêu các tín hữu khác. Quan hệ giữa chúng tôi... cảm tạ Đức Chúa Trời và những người yêu dấu của Chúa là gì? Có lẽ sự kiện Chúa Giê-su yêu mến họ là một trong những lý do mà Phao-lô cảm ơn Đức Chúa Trời. Trong 2:13b nói đến lý do thứ hai mà ông cảm ơn “Đức Chúa Trời đã chọn anh chị em.” Hãy xem 2:13 trong PKTCD để thấy hai lý do này được diễn tả như thế nào.

2:13b

vì Đức Chúa Trời đã chọn anh chị em từ ban đầu: Phao-lô tiếp tục khuyến khích các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca. Ông nói *Đức Chúa Trời đã chọn anh chị em*. Điều này có nghĩa gì? *Chọn* được dịch từ *aireomai* của tiếng Hy-lạp. Nó có nghĩa là lựa chọn hay quyết định về một điều gì, lựa riêng ra cho một mục đích. Đức Chúa Trời đã lựa các tín hữu ở Tê-sa-lô-ni-ca riêng ra với các người khác để thuộc riêng về Ngài với một mục đích. Phao-lô nói mục đích đó là “để họ được cứu.” Hãy xem lời giải nghĩa của 2:13c.

từ ban đầu: Trong bản Hy-lạp ở đây có một nan đề vì người ta không biết rõ Phao-lô viết từ nào. Một vài bản thảo cổ có từ *ap archēs*. Dịch sát nghĩa có nghĩa là “từ lúc ban đầu.” Một số các bản thảo Hy-lạp cổ khác dùng từ *aparchēn*. Từ này có nghĩa là “là những trái đầu mùa.” Cả hai loại bản thảo này đều được ủng hộ mạnh mẽ. Văn bản Hy-lạp do Thánh Kinh Hội xuất bản dùng từ *aparchēn* ở đây nhưng có chú thích là họ không thể biết chắc rằng Phao-lô dùng từ nào. Các nhà phê bình không đồng ý về từ

nào là đúng nhất để dịch cả. Trong một số bản dịch như BDM, dịch theo một từ và để từ kia trong phần chú thích.

- (1) Nếu dùng từ *ap archēs* (“từ ban đầu”) nó nói đến một trong hai điều sau:
 - (a) Từ thời gian khởi đầu hay lúc Đức Chúa Trời sáng tạo ra thế giới như trong Giăng 1:1. (Tất cả các bản dịch tiếng Việt đều dịch như vậy). Hãy so sánh với Ê-phê-sô 1:4.
 - (b) Lúc bắt đầu công việc của Phao-lô tại Tê-sa-lô-ni-ca. So sánh với Phi-líp 4:15.
- (2) Nếu dùng từ *aparchēn* (“là trái đầu mùa”) đây nói đến người Tê-sa-lô-ni-ca theo hai cách:
 - (a) Là những tín hữu đầu tiên trong vùng đó (xứ Ma-xê-đoan).
 - (b) Là những người đầu tiên tin Chúa Giê-su kể từ khi Chúa trở về thiên đàng. Hãy so sánh với Hê-bơ-rơ 12:23 và Gia-cơ 1:18.

ĐCN trong PKTCD theo quan niệm (1) (a). Nếu bản theo cách diễn dịch (2) đây là một cách dịch được đề nghị cho 2:13b:

Chúng tôi...cảm ơn Đức Chúa Trời...bởi vì Ngài đã chọn anh chị em riêng ra khỏi những người khác tại Tê-sa-lô-ni-ca để trở nên những người đầu tiên được giải cứu khỏi quyền lực và hậu quả của tội lỗi.

2:13c

để được cứu rỗi nhờ Thánh Linh thánh hoá và nhờ tin chân lý:

để được cứu rỗi: Ở đây hàm ý là: “... được cứu (khỏi tội lỗi và hậu quả của nó).” Hậu quả cuối cùng của tội lỗi là địa ngục. Đức Chúa Trời cứu dân Ngài ra khỏi tội lỗi và sự trừng phạt vì tội lỗi. Ngài không những chỉ cứu họ ra khỏi những điều xấu xa này, nhưng Ngài cũng cứu họ với mục đích tốt đẹp là để họ được hưởng vinh quang của Chúa Giê-su Cơ Đốc của chúng ta (2:14b).

nhờ Thánh Linh thánh hoá và nhờ tin chân lý: Dịch từng chữ theo bản Hy-lạp sẽ là: “bởi sự thánh hoá của Đức Thánh Linh và đức tin nơi chân lý.” Điều này có nghĩa gì? Đa số các nhà phê bình và các bản dịch đồng ý rằng các từ này giải thích ý nghĩa của việc các người Tê-sa-lô-ni-ca trở nên con dân Chúa và vì vậy Đức Chúa Trời cứu

- 2:13b vì Đức Chúa Trời đã chọn anh chị em từ ban đầu
bởi vì Chúa đã chọn anh chị em từ lâu rồi, trước khi Chúa sáng tạo thế giới.
- 2:13c để được cứu rỗi nhờ Thánh Linh thánh hoá và nhờ tin chân lý.
Chúa đã chọn để cứu anh chị em [khỏi tội lỗi và sự trừng phạt đời đời]. Chúa đã cứu chuộc anh chị em bởi Đức Thánh Linh khiến anh chị em thánh khiết và bởi sự anh chị em tin tưởng nơi chân lý [về Chúa Giê-su Cơ Đốc].
- 2:14a Cũng vì thế Ngài đã dùng Phúc Âm của chúng tôi kêu gọi anh chị em
Vì điều đó, khi chúng tôi đến và giảng Phúc Âm về Chúa Giê-su chúng ta cho anh chị em, Đức Chúa Trời đã kêu gọi anh chị em
-HAY-
Đức Chúa Trời đã kêu gọi anh chị em để được cứu qua tin lành [về Chúa Giê-su Cơ Đốc] mà chúng tôi đã giảng cho anh chị em

họ. Trước hết Phao-lô và các bạn đồng hành giảng về Phúc Âm của Chúa Giê-su (2:14a). Sau đó Đức Thánh Linh làm cho lòng họ tin quyết rằng họ đang nghe chân lý, và họ cần phải tin và chấp nhận cho chính họ. Khi họ tin nhận rằng Chúa Giê-xu có quyền cứu họ thì họ sẽ được Đức Thánh Linh “thánh hoá họ,” tức là, Ngài “khiến họ trở thành dân sự đặc biệt và tinh sạch của Đức Chúa Trời.” Chính chân lý không cứu họ. Nhưng là khi họ tin nơi chân lý nên Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời cứu và đem họ đến với Đức Chúa Trời.

Thánh Linh thánh hoá: Thánh hoá là “một tiến trình khiến cho người tín hữu càng ngày càng phân cách với thế gian và dính liền với Đức Cơ Đốc cho tới khi hình ảnh của Chúa được thành hình trong người đó” (Hendricksen). Có hai phần trong “thánh khiết”: thứ nhất những người tín hữu “được biệt riêng cho Đức Chúa Trời,” sau đó họ “để Đức Thánh Linh tiếp tục thay đổi sự suy nghĩ và hành động của họ để chúng trở nên giống như của Chúa Giê-su.” Hãy xem CĐN trong PKTCD của 2:13c.

nhờ tin chân lý: Phao-lô cứ dùng ý niệm của chân lý để đối chiếu với lời nói dối khiến cho các người không tin Chúa từ khước Đức Chúa Trời và do đó bị Đức Chúa Trời kết tội. Những người Tê-sa-lô-ni-ca trở thành người tin Chúa trước hết tin những điều mà Phao-lô và các bạn đồng hành nói cho họ biết về Chúa Giê-su là thật. Sau đó họ “tin nơi Chúa Giê-su,” tức là, họ tin cậy nơi Ngài, một cách cá nhân, làm Cứu Chúa và Chúa của họ.

2:14a

Cũng vì thế Ngài đã dùng Phúc Âm của chúng tôi kêu gọi anh chị em: Dịch từng chữ theo bản Hy-lạp sẽ là “vì mục đích đó Ngài cũng kêu gọi anh chị em qua Phúc Âm của chúng tôi.” Ngài kêu gọi họ vì mục đích gì? Các nhà phê bình đồng ý rằng *cũng vì thế* đề cập đến mọi điều được nói ở trong 2:13c: “Ngài đã kêu gọi anh chị em để được cứu qua công việc thánh hoá của Đức Thánh Linh và qua sự tin tưởng nơi chân lý.”

đã dùng Phúc Âm của chúng tôi: Đây không phải là một cách khác Đức Chúa Trời dùng để cứu họ (xem 2:13c). Người ta không thể tin vào chân lý về Chúa Giê-su cho tới khi họ phải được nghe về chân lý từ một người nào đó trước. Trong trường hợp người Tê-sa-lô-ni-ca, họ được nghe từ Phao-lô và các bạn đồng hành trước. Phao-lô thường dùng từ được dịch là *Phúc Âm* ở chỗ ông có thể dùng từ được dịch là *chân lý*. Phúc Âm, có nghĩa là “tin lành,” nói rằng Đức Chúa Trời sẽ cứu các con dân Chúa và đem họ lên thiên đàng. (Nhưng nó cũng nói về điều gì sẽ xảy ra cho người không tin Chúa.) Cụm từ *của chúng tôi* không có nghĩa là Phao-lô và các bạn đồng hành đặt ra Phúc Âm. Phao-lô chỉ muốn nói Phao-lô và các bạn đồng hành là những người đầu tiên giảng tin lành về Đức Cơ Đốc cho người Tê-sa-lô-ni-ca.

kêu gọi anh chị em: Hãy xem lời giải nghĩa của 1:11b và 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:12c. Cũng hãy xem La-mã 8:28-30. Từ Hy-lạp *kaleō* được dịch là “đã kêu gọi” ở đây có nghĩa là “kêu gọi hay mời một người để làm

một điều gì đó.” Đức Chúa Trời đã chọn các tín hữu này từ lâu trước khi họ sanh ra (2:13b). Nhưng sự lựa chọn này chỉ được hoàn tất khi họ mới nghe Phúc Âm và Đức Chúa Trời kêu gọi họ (2:14a) tin và tin cậy, đi theo Chúa Giê-su.

2:14b

để anh chị em được hưởng vinh quang của Đức Giê-su Cơ Đốc, Chúa chúng ta: Bắt đầu trong 2:13b, các từ này (trong 2:14b) là lý do cuối cùng mà Đức Chúa Trời đã kêu gọi họ, tức là hưởng vinh quang của Đức Cơ Đốc. Dịch từng chữ theo bản Hy-lạp là: “để đạt được sự vinh quang của Chúa Giê-su Cơ Đốc của chúng ta.” Điều này không có nghĩa là Đức Chúa Trời đã kêu gọi các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca để lấy đi vinh quang của Chúa Giê-su và giữ cho họ. Nhưng nó có nghĩa vì họ là con dân Chúa, do đó họ cũng là công dân thiên quốc, nên họ sẽ được chia sẻ sự vĩ đại mà Chúa Giê-su Cơ Đốc có trên thiên đàng. Vậy nên ý tưởng “hưởng” có nghĩa là “lấy một phần trong đó.”

2:15a

Vậy thì, thưa anh chị em, hãy tiếp tục tin chắc nơi Chúa và gìn giữ những truyền thống mà anh chị em học với chúng tôi: Phao-lô đã chuẩn bị tư tưởng của các con dân Chúa về mạng lệnh quan trọng mà ông sắp cho họ. Ông giới thiệu mạng lệnh này với một cụm từ trong tiếng Hy-lạp *ara oun* (“vậy nên”). Có nghĩa là “vậy nên dựa theo điều tôi vừa nói...” Đây nói đến tất cả những điều ông đã nói tới trong 2:1-14 được dùng làm cơ bản cho mạng lệnh của ông. Ông đặc biệt muốn nói đến 2:2a: “chớ vội để tâm trí bối rối hay hoảng sợ.” Bạn có thể bắt đầu một đoạn mới ở đây mặc dầu nó không phải là một Đơn Vị Có Cùng Một Ý Nghĩa đứng riêng rẽ. Nếu bạn cần phải dùng các điều hàm ý trong khi dịch sang ngôn ngữ của bạn để sự nối kết được rõ ràng hơn, hãy xem CĐN trong PKTCD của 2:15a.

anh chị em: Hãy xem lời giải nghĩa của 1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:4.

hãy đứng vững: Phao-lô dùng ẩn dụ tiêu biểu *hãy đứng vững* có nghĩa là “tiếp tục tin quyết vào (một điều gì).” Trái ngược lại với “ngừng tin tưởng.” Hãy so sánh với

1 Cô-rinh-tô 10:12. Họ không nên ngừng tin tưởng vào những điều Phao-lô đã dạy họ, ngay cả khi bị những người không tin Chúa bắt bớ. Họ cũng không nên ngừng tin tưởng vào những điều đó ngay cả khi một số tín hữu hướng dẫn họ sai lầm. Một số tín hữu khác dạy các tà giáo. Thí dụ họ dạy rằng Chúa Giê-su đã trở lại (2:2).

gìn giữ những truyền thống: Điều này nối liền với *đứng vững* như thế nào? Có lẽ cả hai động từ *đứng vững* và *gìn giữ* được dùng để nhấn mạnh mạng lệnh này.

những truyền thống mà anh chị em đã học với chúng tôi: “Truyền thống” được dịch từ *paradosis*, dịch sát nghĩa là “truyền thống được truyền lại do một nhóm hay một thế hệ cho một thế hệ khác.” Trước hết từ này hàm ý là Phao-lô đang truyền cho họ những gì ông đã học từ Phúc Âm cách trực tiếp qua sự mạc khải của Chúa Giê-su (Ga-la-ti 1:11). Không phải ông đang dạy ý tưởng của riêng ông. Thứ nhì, *paradosis* ở đây bao gồm các sự dạy dỗ về cả Đức Chúa Trời lẫn Chúa Giê-su, và về cách các con dân Chúa phải cư xử.¹

2:15b

hoặc bằng lời nói hay bằng thư từ: Đa số các nhà phê bình đều đồng ý rằng *bằng lời nói* đề cập tới khi Phao-lô ở với người Tê-sa-lô-ni-ca và nói trực tiếp với họ. Các nhà phê bình này đồng ý rằng *thư từ* là sách 1 Tê-sa-lô-ni-ca. Hãy xem lời giải nghĩa của 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:2d.

2:16-17 Phao-lô cầu nguyện cho người Tê-sa-lô-ni-ca

Phao-lô cầu nguyện cho các con dân Chúa, ông cầu xin Chúa Giê-su và Đức Chúa Trời Cha của chúng ta sẽ khuyến khích và làm cho họ mạnh mẽ tiếp tục làm việc tốt lành.

2:16-17

Trong PKTCD các câu này được xếp đặt lại để nội dung của lời cầu nguyện đi tiếp theo sau các từ mở đầu lời cầu nguyện (Nguyện xin) chứ không bị nhóm từ mô tả bản tính của Đức Chúa Trời xen vào giữa.

2:14b	<i>để anh chị em được hưởng vinh quang của Đức Giê-su Cơ Đốc, Chúa chúng ta</i> [Chúa đã kêu gọi anh chị em để khi đã được cứu rỗi] anh chị em có thể chia sẻ sự vĩ đại của Chúa Giê-su Cơ Đốc chúng ta [trên thiên đàng].
2:15a	<i>Vậy thì, thưa anh chị em, hãy đứng vững và gìn giữ những truyền thống mà anh chị em học với chúng tôi</i> Vì vậy, thưa anh chị em tín hữu, [vì có một số người đang tranh thủ khiến anh chị em thay đổi điều chúng tôi đã dạy anh chị em về sự Chúa Giê-su sẽ trở lại], hãy nắm chắc lấy chân lý [mà chúng tôi đã nhận từ Chúa Giê-su] để dạy cho anh chị em. -HAY- Vậy nên, thưa anh chị em của tôi, [vì một số người đang dạy anh chị em những điều sai lầm về sự trở lại của Chúa Giê-su], đừng từ chối, thôi không tin tưởng vào những sự dạy dỗ [từ Chúa Giê-su] mà chúng tôi đã dạy anh chị em
2:15b	<i>hoặc bằng lời nói hay bằng thư từ.</i> trong lúc chúng tôi nói khi còn ở với anh chị em, hay khi viết thư cho anh chị em. -HAY- khi chúng tôi ở với anh chị em hay khi chúng tôi viết thư cho anh chị em.
2:16-17	<i>Nguyện xin chính Chúa Giê-su Cơ Đốc chúng ta và Đức Chúa Trời, Cha chúng ta là Đấng yêu thương chúng ta; lấy ân phúc mà ban cho chúng ta niềm an ủi vĩnh cửu và hy vọng tốt đẹp; cũng an ủi lòng anh chị em và thêm sức cho anh chị em trong mọi công việc và lời nói tốt lành.</i> (Sắp đặt lại như sau:)
2:16-17a	<i>Nguyện xin chính Chúa Giê-su Cơ Đốc chúng ta và Đức Chúa Trời, Cha chúng ta</i> Bây giờ chúng tôi cầu xin Chúa Giê-su Cơ Đốc chúng ta và Đức Chúa Trời Cha chúng ta
2:16-17b	<i>an ủi lòng anh chị em và thêm sức cho anh chị em trong mọi công việc và lời nói tốt lành.</i> sẽ khuyến khích và thêm sức cho anh chị em [để anh chị em tiếp tục] làm và nói những việc tốt lành

2:16a

Nguyện xin chính Chúa Giê-su Cơ Đốc chúng ta và Đức Chúa Trời, Cha chúng ta:

Những từ này ở trong các thư của Phao-lô thường chỉ định bắt đầu của một đoạn mới gồm có lời chúc phước. Hãy xem lời giải nghĩa của 3:16 và 1 Tê-sa-lô-ni-ca 3:11 và 5:23a.

Chúa Giê-su Cơ Đốc chúng ta và Đức Chúa Trời Cha chúng ta: Hãy xem lời giải nghĩa của 1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:1c.

2:16b

là Đấng yêu thương chúng ta; lấy ân phúc mà ban cho chúng ta niềm an ủi vĩnh cửu:

Câu này cho biết thêm chi tiết về Đức Chúa Trời và cho thấy lý do Phao-lô cầu nguyện cho các con dân Chúa trong 2:16-17.

Có thể trong ngôn ngữ của bạn khi giữ các nhóm từ theo thứ tự của 2:16-17 của BDM thì nghe sẽ không được tự nhiên.

Các động từ ở trong 2:16b ở trong thì quá khứ bởi vì chúng đề cập đến niềm an ủi vĩnh cửu và hy vọng tốt đẹp mà Chúa đã ban cho các con dân Chúa. Nhưng điều này cũng tiếp tục xảy ra trong tương lai nữa. Đây là lời hứa một-lần-đủ-cả mà Chúa đã ban cho. Lời hứa này quan hệ đến các điều tốt lành mà Chúa sẽ làm cho con dân của Ngài. Nhưng các con dân Chúa cần có sự khuyến

khích để tiếp tục làm các điều tốt lành. Hãy xem một vài lời phê bình kế tiếp.

Các nhà phê bình cũng chia phe về cách hiểu hai động từ *yêu thương* và *ban cho* trong 2:16b:

- (1) Hai động từ này nói đến hai hành động riêng rẽ. Thí dụ: “Chúa yêu thương... và Chúa ban cho...” (BDC).
- (2) Một hành động này là lý do của hành động kia. Thí dụ: “Chúa ban cho...bởi vì Chúa yêu thương chúng ta.”

Quan niệm (1) được ưa thích hơn bởi vì trong bản Hy-lạp dùng một liên từ phối hợp để diễn tả hành động của mỗi động từ một cách độc lập.

lấy ân phúc: Các bản dịch tiếng Việt không cho thấy rõ ý nghĩa của từ này. Các nhà phê bình chia phe về cách dịch từ này một cách có hiệu quả:

- (1) Cụm từ *lấy ân phúc* theo sau cụm từ *Đấng yêu thương chúng ta* một cách tự nhiên. Thí dụ: “bởi vì Chúa yêu thương chúng ta Ngài ban ơn rộng rãi và đầy lòng thương xót.” Phao-lô lập lại chủ đề cơ bản đó là Đức Chúa Trời cứu chúng ta bởi vì Ngài thương xót và không phải bởi vì chúng ta xứng đáng (**Ê-phê-sô 1:6-8, 2:2-10**). Xem chú thích số 2.
- (2) Đa số các nhà phê bình nói nhóm từ *lấy ân phúc* nên dịch là “bằng mọi cách hãy hành động trong ân sủng.” Dù điều này là thật, rất khó để mà dịch lại. Nan đề này xảy ra nhiều lần trong các thư tín của Phao-lô.

Quan niệm (1) ưa thích hơn.

niềm an ủi vĩnh cửu: Các nhà phê bình chia phe về ý nghĩa của *vĩnh cửu* trong văn mạch này. Có lẽ Phao-lô có ý muốn nói hai nghĩa:

- (a) Sự khuyến khích của Đức Chúa Trời không bao giờ chấm dứt, nhưng tiếp tục từ thế hệ này qua thế hệ khác cho tới khi tận thế. Thí dụ: “niềm an ủi vĩnh cửu” (BDM, BDY), “sự yên ủi đời đời” (BDC).
- (b) Điều này cho các con dân Chúa thấy là họ có đời sống vĩnh phúc.

2:16c

và hy vọng tốt đẹp: Các từ này ở trong bản Hy-lạp thường được dùng trong thời của Phao-lô để chỉ “đời sống sau khi chết.” Nhưng Phao-lô muốn nói gì bằng các từ này? Nhóm từ này có nghĩa là “sự hy vọng chắc chắn không thất bại” và “niềm an ủi vĩnh cửu.”

Những điều này không phải chỉ là “các điều tốt lành mà Đức Chúa Trời đã hứa ban cho chúng ta.” Phao-lô muốn nói đến chúng ta có hy vọng “chắc chắn đi lên thiên đàng và mong đợi để đi.” Hãy xem lời giải nghĩa của **Tê-sa-lô-ni-ca 1:3d**.

2:17a

nguyện xin . . . Chúa: Như đã đề cập ở trên, trong PKTCD các câu **2:16-17** được xếp đặt lại để nội dung của lời cầu nguyện đi tiếp theo sau các từ mở đầu lời cầu nguyện (Nguyện xin) chứ không bị nhóm từ mô tả bản tính của Đức Chúa Trời xen vào giữa.

2:17b

an ủi lòng anh chị em và thêm sức cho anh chị em trong mọi công việc và lời nói tốt lành: Một lần nữa các nhà phê bình chia phe về quan niệm cho rằng đây là một cặp đôi hay hai yêu cầu riêng biệt cho Đức Chúa Trời:

- (1) Đây là một cặp đôi. Nói một cách cơ bản là một việc giống nhau làm theo hai cách. Nghĩa là: Phao-lô muốn Đức Chúa Trời cho họ sự khuyến khích và sức mạnh để làm và nói các công việc tốt lành.
- (2) Đây không phải là cặp đôi. Đây muốn nói đến hai việc khác nhau. Nghĩa là: Phao-lô muốn Đức Chúa Trời khuyến khích lòng của họ (tức là, khuyến khích họ).

an ủi lòng: Hãy nhớ trong bản Hy-lạp động từ này ở thể số ít. Từ này thường được dịch là “thúc giục” hay “cổ vũ” có nghĩa nhiều hơn là “an ủi.” Đây là một lời cầu nguyện xin Đức Chúa Trời tích cực khuyến khích các con dân Chúa ngã lòng tiếp tục tin tưởng nơi Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su.

- 2:16-17c *lấy ân phúc mà ban cho chúng ta niềm an ủi vĩnh cửu*
[chúng ta biết rằng] ấy bởi vì Đức Chúa Trời đã yêu mến chúng ta nên Chúa đã thương xót chúng ta và vì vậy] an ủi chúng ta mãi mãi
- 2:16-17d *và hy vọng tốt đẹp*
và Chúa đã hứa, Ngài sẽ giữ lời, [rằng chúng ta sẽ vào và sống trong vương quốc của Ngài ở trên thiên đàng].

Tiểu đoạn 3:1-5 Phao-lô xin các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca cầu nguyện cho Phao-lô và các bạn đồng hành

- 3:1a *Thưa anh chị em, sau cùng, hãy cầu nguyện cho chúng tôi*
Anh chị em của chúng tôi, còn về các vấn đề khác, [chúng tôi xin anh chị em] tiếp tục cầu nguyện Đức Chúa Trời cho chúng tôi,
-HAY-
Các tín hữu thân mến, [điều quan tâm cuối cùng của chúng tôi] là [xin vui lòng] cầu nguyện cho chúng tôi,

thêm sức: Hãy nhớ rằng động từ này cũng ở thể số ít trong bản Hy-lạp. Từ này đi theo ý tưởng *khuyến khích* một cách tự nhiên.

trong mọi công việc và lời nói tốt lành: Cụm từ *tốt lành* quan hệ đến cả *công*

việc và *lời nói*. Khi dịch bạn nên đổi *công việc* và *tốt lành* ra thành động từ thì sẽ rõ nghĩa hơn. Hãy xem CĐN trong PKTCD của 2:16-17b.ⁱⁱ

Tiểu đoạn 3:1-5 Phao-lô xin các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca cầu nguyện cho Phao-lô và các bạn đồng hành

Phao-lô xin người Tê-sa-lô-ni-ca cầu nguyện để có nhiều người sẽ tin đến sứ điệp về Chúa Giê-su Cơ Đốc hơn, như người Tê-sa-lô-ni-ca đã làm.

Ông trấn an các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca rằng Chúa Giê-su sẽ thật sự làm cho họ mạnh mẽ và bảo vệ họ chống lại sự tấn công của Sa-tan. Ông cầu nguyện rằng Chúa Giê-su sẽ giúp đỡ người Tê-sa-lô-ni-ca biết và phản chiếu tình yêu thương của Đức Chúa Trời đối với họ. Ông cầu nguyện để họ sẽ có thể tiếp tục tin nơi Chúa trong khi chịu khổ, giống như Chúa Giê-su Cơ Đốc đã làm vậy.

3:1a

Thưa anh chị em, sau cùng, hãy cầu nguyện cho chúng tôi: Câu này đánh dấu sự thay đổi từ sự dạy dỗ về các niềm tin đến cách áp dụng điều ông đã dạy họ. Sự phân loại này rất thông thường trong đa số thư Phao-lô viết. Sự dạy dỗ thực tế bắt đầu từ 3:6.

Thưa anh chị em: Hãy xem lời giải nghĩa của 1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:4. Cùng một hình thức được dùng trong 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:1,9,17, 3:7, 4:1,13, 5:1,12,25, và 2 Tê-sa-

lô-ni-ca 1:3 và 2:1. Cụm từ này thường đánh dấu khởi đầu của một đoạn mới.

sau cùng: *Sau cùng* được dịch từ *to loipon* của tiếng Hy-lạp có nghĩa là “phần còn lại.” Điều này cho thấy rằng bây giờ Phao-lô quay sang các vấn đề còn lại mà ông muốn viết về chúng. Hãy xem lời giải nghĩa của 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:1a, nơi ông dùng cùng một từ.

hãy cầu nguyện cho chúng tôi: Hãy dùng cùng một lời dịch của 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:25. Đây là một lời yêu cầu chứ không

phải là một mệnh lệnh. Hãy dùng từ chỉ sự lễ phép thích hợp.

3:1b

để lời Chúa được truyền bá nhanh chóng:

Lời Chúa: Dịch từng chữ theo bản Hy-lạp có nghĩa là “Lời của Chúa.” Đây là một thành ngữ thường được dùng trong CU để giới thiệu sứ điệp tiên tri. Trong CU từ này có nghĩa là “điều Đức Chúa Trời muốn nói với con người. Trong TU từ này có nghĩa là “điều Đức Chúa Trời muốn nói về Chúa Giê-su Cơ Đốc của chúng ta” hay “Lời (của Đức Chúa Trời) quan hệ đến Chúa Giê-su Cơ Đốc của chúng ta.” Thành ngữ này có ý nghĩa rộng hơn là “những lời Chúa Giê-su phán.” Nó bao gồm điều Đức Chúa Trời đã phán với Phao-lô về Chúa Giê-su. Cùng một hình thức được dùng trong **1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:8**.

được truyền bá nhanh chóng: Dịch sát nghĩa theo bản Hy-lạp có nghĩa là “có thể chạy.” Đây là một ẩn dụ, so sánh sự lan truyền của điều Đức Chúa Trời phán về Chúa Giê-su với một người đang chạy để đem tin tức tốt lành đến cho người khác. Thể của động từ cho thấy có ý nghĩa: “để nó có thể tiếp tục lan truyền ra.” BDM và BDY, dịch ý tưởng về vận tốc bằng cụm từ “nhanh chóng.”

Hiểu ngầm ở đây muốn nói là Phao-lô và các bạn đồng hành là những người sẽ đem Phúc Âm đến các chỗ khác.

3:1c

và tôn vinh như ở giữa anh chị em vậy: Dịch từng chữ một theo bản Hy-lạp có nghĩa là: “và được tôn vinh như với anh chị em.” Điều này có nghĩa gì? Các nhà phê bình và các bản dịch chia phe như sau:

- (1) Nhóm từ này đề cập đến những người nghe sứ điệp, tôn trọng và vâng phục nó, giống như đã xảy ra tại Tê-sa-lô-ni-ca trong lúc Phao-lô còn ở tại đó.
- (2) Nhóm từ này đề cập đến sự thành công về vang của Phúc Âm. Sự thật này được bày tỏ như ở trong quan niệm 1.
- (3) Nhóm từ này bày tỏ Chúa Giê-su sẽ được vinh quang. (Văn phạm trong bản Hy-lạp không phù hợp với quan niệm này).

Các từ như ở giữa anh chị em vậy quan hệ đến các từ tôn vinh, hay cả hai truyền bá nhanh chóng và tôn vinh?

- (1) Nhóm từ này chỉ quan hệ đến tôn vinh.
- (2) Nhóm từ này quan hệ đến truyền bá nhanh chóng và tôn vinh (BDC, BDY, BDM).

Mặc dầu trong bản Hy-lạp không nói rõ, và có thể ủng hộ hoặc quan niệm (1) hay (2), trong văn mạch nhóm từ này có quan hệ gần gũi hơn với tôn vinh.

3:2a

và xin cầu nguyện để chúng tôi được giải cứu khỏi những người độc ác và xấu xa:

Thì dùng cho động từ *giải cứu* này cho thấy là Phao-lô muốn nói đến một số người gian ác riêng mà người Tê-sa-lô-ni-ca đã biết. Trong sách Công Vụ không ghi chép là Phao-lô và các bạn đồng hành bị bắt giữ vào lúc này. Vậy dường như Phao-lô muốn nói: “ngăn cản chúng tôi bị những người gian ác cầm giữ hay hãm hại.”

những người độc ác và xấu xa: Đây là một ý tưởng cặp đôi, dùng hai nhóm từ để diễn tả cùng một ý tưởng trong cách nhấn mạnh. Bạn có thể thấy tự nhiên hơn để dịch *độc ác* và *xấu xa* bằng một từ trong ngôn ngữ của bạn. Nhưng tranh thủ để tìm cách nhấn mạnh ý nghĩa đó. Từ Hy-lạp được dịch là *độc ác* còn có nghĩa là “không hợp lý, bướng bỉnh công khai” (BDC).

3:2b

vì không phải mọi người đều có đức tin:

Dịch từng chữ theo bản Hy-lạp sẽ là: “không phải tất cả mọi người đều có đức tin.” Đây là nhóm từ nói đến lý do giải thích tại sao Phao-lô đang xin người ta cầu nguyện để ông và các bạn đồng hành được an toàn khỏi sự hãm hại của những người gian ác. Phao-lô nói vì không phải mọi người đều có đức tin để nhấn mạnh hay gây sự chú ý đặc biệt đến sự kiện có ít người có đức tin. Cũng hãy xem PKTCD của **3:2b** về hai cách diễn tả tiêu cực và tích cực của nhóm từ này. Cũng có thể dịch là:

...bởi vì nhiều người không tin Lời Chúa.

- 3:1b *để lời Lời Chúa được truyền bá nhanh chóng*
 để người ta được nghe lời của Đức Chúa Trời về Chúa Giê-su ở khắp mọi nơi
 -HAY-
 để chúng tôi có thể đi khắp mọi nơi rao giảng Phúc Âm về Chúa Giê-su mà không bị trì hoãn
- 3:1c *và tôn vinh như ở giữa anh chị em vậy,*
 và [xin tiếp tục cầu nguyện] để những người nghe sẽ tin tưởng giống như anh chị em đã làm vậy,
- 3:2a *và xin cầu nguyện để chúng tôi được giải cứu khỏi những người độc ác và xấu xa;*
 cũng tiếp tục cầu nguyện Đức Chúa Trời để Chúa sẽ giải phóng chúng tôi khỏi tay những người gian ác,
- 3:2b *vì không phải mọi người đều có đức tin.*
 bởi vì không phải [mọi người nghe lời của Đức Chúa Trời] đều tin các lời đó.
 -HAY-
 bởi vì có [nhiều người nghe lời của Đức Chúa Trời] mà không tin các lời đó.
- 3:3a *Chúa là Đáng thành tín,*
 Nhưng vì Chúa Giê-su chúng ta luôn luôn làm điều Ngài nói Ngài sẽ làm,
- 3:3b *Ngài sẽ thêm sức cho anh chị em và bảo vệ anh chị em khỏi kẻ ác.*
 Ngài sẽ khiến anh chị em trở nên mạnh mẽ và sẽ bảo vệ anh chị em để Sa-tan sẽ không có thể hại anh chị em được.

có đức tin: Điều này có nghĩa gì? Cụm từ này hàm ý có một số người không tin nơi Đức Chúa Trời hay chấp nhận điều Phao-lô đã nói về Chúa Giê-su Cơ Đốc. Tốt hơn nên dịch nhóm từ này với một động từ hơn là một danh từ. Thí dụ,

...bởi vì nhiều người không tin điều Đức Chúa Trời phán.

3:3a

Chúa là Đáng thành tín: Trong bản Hy-lạp từ cuối cùng trong 3:2 (*pistis* “đức tin”) và từ đầu tiên trong 3:3 (*pistos* “trung tín”) có cùng một gốc. Phao-lô dùng cách chơi chữ này để giới thiệu một đề tài mới, sự trung tín hay sự vững vàng của Chúa Giê-su. Qua quyền năng của Chúa Giê-su ở trong họ, người Tê-sa-lô-ni-ca cũng có thể trung tín.

Trong bản Hy-lạp câu này được bắt đầu với từ *nhưng*. Từ này báo hiệu sự thay đổi vấn đề, nhưng có lẽ cũng báo hiệu có sự tương phản.

Chúa ở đây muốn nói đến Chúa Giê-su. Phao-lô đang nói là các con dân Chúa có thể

hoàn toàn tin cậy Chúa Giê-su. Chúng ta có thể hoàn toàn nương cậy nơi Chúa. Chúa luôn luôn làm điều Ngài nói Ngài sẽ làm.

3:3b

Ngài sẽ thêm sức cho anh chị em và bảo vệ anh chị em khỏi kẻ ác: Phao-lô đã xin các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca cầu nguyện xin Đức Chúa Trời bảo vệ Phao-lô và các bạn đồng hành khỏi những người gian ác (3:2a). Ở đây ông nói rằng Chúa Giê-su Cơ Đốc cũng sẽ bảo vệ các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca.

thêm sức cho anh chị em và bảo vệ anh chị em: Chúa Giê-su sẽ cho họ khả năng để chống cự lại Sa-tan. Ngài sẽ bảo vệ họ khỏi sự tấn công hay hãm hại của nó. “Thêm sức” ở đây có nghĩa là sức mạnh đạo đức và can đảm, hơn là sức mạnh về thể chất.

khỏi kẻ ác: Đa số các nhà phê bình và bản BDY, BDM đồng ý rằng đây không phải bất cứ điều gian ác nào nhưng mà là một người thật, và là chính Sa-tan. Thành ngữ này được dùng để diễn tả Sa-tan. Đừng

nhằm lẫn “kẻ ác” ở đây (2:3c-2:9) với “Kẻ Đại Ác.” Trong sách này “Kẻ Đại Ác” là Kẻ Chống Lại Chúa Cứu Thế (BDC dùng Kẻ Địch Lại Đấng Christ).

3:4a

Trong Chúa, chúng tôi tin tưởng rằng: Trong văn mạch này, cụm từ *Trong Chúa* có thể diễn dịch bằng hai cách:

- (1) “Chúa Giê-su cho chúng tôi tin tưởng rằng anh chị em đang làm...” Câu này nối liền với 3:3a (“Chúa là thành tín”). Phao-lô đang nói rằng chúng ta có thể tin cậy nơi Chúa Giê-su (tức là, Phao-lô biết rằng ông và các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca có thể tin cậy nơi Chúa Giê-su sẽ làm điều Chúa nói Ngài sẽ làm). Vì điều này là thật, Phao-lô tuyệt đối chắc chắn rằng Chúa Giê-su đang giúp đỡ và sẽ giúp đỡ họ tiếp tục tin tưởng và vâng phục bất kể đến sự bắt bớ và chịu khổ.
- (2) “Vì anh chị em thuộc về Chúa Giê-su, và chúng tôi biết Ngài là Chúa của chúng ta nữa, chúng tôi tin tưởng anh chị em rằng anh chị em đang làm...”

3:4b

anh chị em đang làm và sẽ làm những điều chúng tôi truyền:

những điều chúng tôi truyền: Đây có thể nói đến tất cả những mệnh lệnh Phao-lô đã nói với họ trong thư. Hay có thể nói đến các mệnh lệnh đặc biệt mà ông sắp cho họ trong mấy câu kế tiếp.

3:5a

Nguyện xin Chúa dẫn dắt tấm lòng anh chị em hướng về tình thương Đức Chúa Trời:

Chúa: Giống như ở trên, đây có lẽ nói đến Chúa Giê-su hơn là Đức Chúa Trời, Cha.

dẫn dắt tấm lòng anh chị em: Đây là một lời cầu nguyện rằng Chúa (Giê-su) sẽ giúp đỡ họ biết tình yêu thương lớn lao của Đức Chúa Trời cho họ.

tình thương Đức Chúa Trời: Tình thương Đức Chúa Trời có nghĩa là gì? Đó là tình yêu thương cho họ hay là tình yêu thương của họ đối với Đức Chúa Trời? Một

số bản dịch không nói rõ về điểm này. Có thể có các cách diễn dịch sau đây:

- (1) Cụm từ này có nghĩa là “Đức Chúa Trời yêu thương các con dân Chúa.” Bởi vì họ đang chịu khổ và bị bắt bớ, họ cần được trấn an về Đức Chúa Trời yêu thương nhiều như thế nào. (So sánh La-mã 8:31-39). Trong cách viết của Phao-lô thường thường, có thể nói là luôn luôn, “tình yêu thương của Đức Chúa Trời” có ý nghĩa này. Cách diễn dịch (1) hỗ trợ điều này trong khi chấp nhận lời phê bình về 3:5b.
- (2) Cụm từ này có nghĩa là các con dân Chúa yêu thương Đức Chúa Trời.
- (3) Cả hai cách diễn dịch (1) và (2).

3:5b

và sự kiên trì của Đức Cơ Đốc: Từ *kiên trì* có nghĩa là bền vững, chịu đựng. Nó hàm ý trung tín trong thời kỳ khó khăn. Nhóm từ *sự kiên trì của Đức Cơ Đốc* có thể có nhiều hơn là một ý nghĩa trong đa số các bản dịch. Nhóm từ này có thể được hiểu theo một trong hai cách:

- (1) Gương của Đức Cơ Đốc chịu đựng đau khổ: Phao-lô đang nhắc cho họ nhớ, và muốn Đức Chúa Trời tiếp tục nhắc nhở họ về Chúa Giê-su Cơ Đốc đã chịu đựng và giữ lòng trung tín với Đức Chúa Trời khi Ngài bị người Do Thái và La-mã bắt bớ. Gương của Đức Cơ Đốc sẽ an ủi và làm cho người Tê-sa-lô-ni-ca mạnh mẽ đến nỗi họ cũng sẽ chịu đựng khi họ bị bắt bớ.
- (2) Các tín hữu chịu đựng đau khổ giống như Đức Cơ Đốc đã chịu: Phao-lô muốn họ có cùng một sự chịu đựng như Đức Cơ Đốc đã có. Điều này khiến cho nhóm từ này có nghĩa là “và cho anh chị em biết cách chịu đựng sự bắt bớ một cách kiên nhẫn như Đức Cơ Đốc đã chịu.”

Có thể nhóm từ *sự kiên trì của Đức Cơ Đốc* có thể bao gồm cả hai ý nghĩa trên. Vì đầu câu nói đến *Chúa* rồi cuối câu lại dùng *Đức Cơ Đốc* có thể khiến người ta hiểu lầm. Khi bạn dịch nên chú ý về cách dùng từ để người ta không hiểu lầm là hai người khác nhau. Cả hai từ này đều đề cập đến Chúa Giê-su.

- 3:4a *Trong Chúa, chúng tôi tin tưởng nơi anh chị em rằng*
[Vì] chúng tôi tin cậy Chúa [Giê-su sẽ làm mọi điều mà Chúa nói Ngài sẽ làm],
chúng tôi tuyệt đối tin chắc
- 3:4b *anh chị em đang và sẽ làm những điều chúng tôi truyền.*
rằng anh chị em đang làm điều chúng tôi nói anh chị em phải làm [trong thư này] và
anh chị em sẽ tiếp tục sống như vậy.
- 3:5a *Nguyên xin Chúa dẫn dắt tấm lòng anh chị em hướng về tình thương Đức Chúa Trời*
[Bây giờ] chúng tôi cầu nguyện Chúa [Giê-su Cơ Đốc] chúng ta sẽ cho anh chị em
thấy Đức Chúa Trời yêu thương anh chị em nhiều như thế nào,
-HAY-
Chúng tôi cầu nguyện rằng Chúa [Giê-su] sẽ mở lòng anh chị em để [biết và cho
thấy] Đức Chúa Trời yêu thương [dân sự của Ngài] nhiều như thế nào,
- 3:5b *và sự kiên trì của Đức Cơ Đốc.*
và [để Ngài cho anh chị em thấy] Chúa Giê-su đã chịu đựng sự đau khổ [khi Ngài
còn sống trên đất này] như thế nào.

Tiểu đoạn 3:6-15 Phao-lô cảnh cáo những người lười biếng trong vòng các con dân Chúa tại Tê-sa-lô-ni-ca, bảo họ rằng họ nên làm việc

Có vẻ như có một số con dân Chúa tại Tê-sa-lô-ni-ca đã thôi không làm việc nữa. Họ làm như vậy vì nghĩ rằng Chúa Giê-su đã trở lại hay sắp trở lại nên làm việc cũng vô ích thôi (hãy xem lại trong 2:2). Phao-lô cảnh cáo mọi người không được làm như vậy. Ông nhắc họ khi ở tại Tê-sa-lô-ni-ca Phao-lô và các bạn đồng hành đã làm việc để tự kiếm sống, để họ không trở nên gánh nặng cho các tín hữu ở đó. Họ cũng làm như vậy để làm gương tốt cho mọi người noi theo, mặc dầu họ có quyền nhận trợ cấp. Phao-lô đã nói đến những người không làm việc này trong 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:11-12 và 5:14. Nhưng có vẻ như lời cảnh cáo này không có hiệu quả. Phao-lô coi vấn đề này rất quan trọng.

3:6-10 Phao-lô lấy thí dụ về việc ông và các bạn đồng hành làm việc để tự sinh sống trong khi họ ở tại Tê-sa-lô-ni-ca

3:6

Đây là một câu dài. Trong khi dịch bạn có thể ngắt ra làm nhiều câu. Dưới đây là một cách dịch được đề nghị để có thể cho thấy ý nghĩa của các phần khác nhau rõ ràng hơn:

Thưa anh chị em, chúng tôi ra lệnh cho anh chị em, hãy xa lánh những người lười biếng. Né tránh tất cả mọi người không sống theo lời chúng tôi dạy dỗ anh chị em. Chúng tôi ra lệnh này trong danh Chúa Giê-su Cơ Đốc.

3:6a

Thưa anh chị em, nhân danh Chúa Giê-su Cơ Đốc chúng ta, chúng tôi truyền cho anh chị em: Đây là một mệnh lệnh và lời cảnh cáo mạnh mẽ. Phao-lô dùng thành ngữ này để cho thấy rằng đây không phải chỉ là một mệnh lệnh của riêng ông, nhưng nó có đầy thẩm quyền của Chúa Giê-su nữa. Trong thành ngữ *nhân danh Chúa Giê-su Cơ Đốc chúng ta, chúng tôi truyền cho anh chị em* có thể có một trong hai ý nghĩa sau đây:

- (1) Thành ngữ này nói đến thẩm quyền tổng quát dùng khi quyết định, dạy giáo lý, và ban lệnh.
- (2) Thành ngữ này xác nhận sự dạy dỗ được Chúa Giê-su ban trực tiếp cho Phao-lô.

Dường như ý nghĩa đầu tiên có vẻ đúng hơn (đa số các nhà phê bình theo ý nghĩa này).

Đây là một lời cảnh cáo nghiêm trọng mà họ phải làm theo.

anh chị em: Hãy xem lời giải nghĩa của 1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:4.

3:6b

phải xa lánh mọi anh chị em nào sống vô trách nhiệm: Để hiểu biết mệnh lệnh này cách rõ ràng hơn, hãy xem 2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:14c và 3:15a.

mọi anh chị em nào sống vô trách nhiệm: Từ Hy-lạp *ataktws* có thể có một trong những ý nghĩa dưới đây:

- (1) Nó có nghĩa là “ăn không ngồi rồi,” “không chịu làm việc.”
- (2) Nó có nghĩa là “không tuân theo luật lệ,” “vô trật tự,” “bất trị” (BDC). Các từ đi theo sau đó giải thích thêm ý nghĩa này “không theo truyền thống mà anh chị em đã nhận từ chúng tôi.”

Ý nghĩa (1) được ưa thích bởi vì đặc biệt trong văn mạch này, cụm từ này muốn nói đến các con dân Chúa ăn không ngồi rồi, không chịu làm việc để tự kiếm sống. Các nhà phê bình đề nghị một số lý do sau đây đã khiến những người này ăn không ngồi rồi, không chịu làm việc:

- (a) Vì họ tin rằng Chúa Giê-su đã trở lại hay sắp đến rồi nên không còn lý do để tiếp tục làm việc nữa.
- (b) Họ đang bắt chước những người Hy-lạp thượng lưu khinh bỉ công việc tay chân.

3:6c

không theo truyền thống mà anh chị em nhận từ chúng tôi:

Tiểu đoạn 3:6-15 Phao-lô cảnh cáo những người lười biếng trong vòng các con dân Chúa tại Tê-sa-lô-ni-ca bảo họ nên làm việc.

- 3:6a *Thưa anh chị em, nhân danh Chúa Giê-su Cơ Đốc chúng ta, chúng tôi truyền cho anh chị em*
 Bây giờ, thưa anh chị em, chúng tôi nói với anh chị em trong thẩm quyền của Chúa Giê-su Cơ Đốc:
-HAY-
 Thưa anh chị em, trong danh Chúa Giê-su Cơ Đốc, chúng tôi muốn anh chị em làm điều này:
- 3:6b *phải xa lánh mọi anh chị em nào sống vô trách nhiệm,*
 hãy tránh bất cứ tín hữu nào lười biếng,
- 3:6c *không theo truyền thống mà anh chị em đã nhận từ chúng tôi.*
 xa lánh khỏi bất cứ tín hữu nào không chịu vâng theo những điều chúng tôi đã dạy anh chị em.
- 3:7a *Chính anh chị em biết rõ phải theo gương chúng tôi làm sao,*
 [Chúng tôi nói điều này] bởi vì chính anh chị em biết rõ rằng anh chị em nên tiếp tục bắt chước cách chúng tôi ăn ở [khi chúng tôi sống giữa anh chị em],
- 3:7b *vì khi ở giữa anh chị em, chúng tôi đã không sống vô trách nhiệm,*
 chúng tôi không lười biếng khi chúng tôi ở với anh chị em,

truyền thống: Hãy xem lời giải nghĩa của 2:15a. Trong văn mạch này, cụm từ này đặc biệt muốn nói đến các lời ở trong 3:10b.

mà anh chị em đã nhận từ chúng tôi: Có hai cách để đọc các bản thảo Hy-lạp đầu tiên. Một vài bản thảo dịch là “họ đã nhận từ chúng tôi.” Một số bản khác dùng “anh chị em đã nhận từ chúng tôi.” Dù trường hợp nào đi nữa thì cũng không khác nhau mấy, bởi vì những người lười biếng và người không lười biếng cũng nhận một sự dạy dỗ giống nhau từ Phao-lô và các bạn đồng hành.

3:7a

Chính anh chị em biết rõ phải theo gương chúng tôi làm sao: Trong bản Hy-lạp câu này bắt đầu bằng từ *vì*. Nó giới thiệu lý do đầu tiên cho mệnh lệnh trong 3:6. Phao-lô và các bạn đồng hành đã làm việc để tự sinh sống để làm gương tốt cho người Tê-sa-lô-ni-ca (3:7-9). Lý do thứ hai để không lười biếng đó là Phao-lô và các bạn đồng hành cảnh cáo và chống lại thái độ đó khi họ ở Tê-sa-lô-ni-ca (3:10a).

Nhóm từ “khi ở giữa anh chị em” trong 3:7b có thể được dời lên 3:7a để diễn tả câu này tốt hơn và tự nhiên hơn. Thí dụ: “Tôi nói điều này để chính anh chị em biết rõ là anh chị em nên bắt chước cách chúng tôi đã sống với anh chị em.”

3:7b

vì khi ở giữa anh chị em, chúng tôi đã không sống vô trách nhiệm: Trong bản Hy-lạp 3:7b bắt đầu với *hoti* “bởi vì, tức là.” Vậy ở đây *hoti* có nghĩa gì? Nó nối liền 3:7a và 3:7b như thế nào? Có thể có hai cách diễn dịch:

- (1) *hoti* có nghĩa là: “tức là.” Nó giới thiệu gương không lười biếng của Phao-lô và các bạn đồng hành. Nhiều dịch giả đã chấp nhận và dùng quan niệm này trong bản dịch của họ.
- (2) *hoti* có nghĩa là: “bởi vì.” Lý do họ biết là họ không nên lười biếng là vì Phao-lô và các bạn đồng hành không lười biếng.

Cách diễn dịch (1) được ưa thích. 3:7b-3:8c cho biết thêm chi tiết về cách họ cư xử và làm việc.

3:8a

cũng không ăn bánh của ai: Dịch từng chữ một theo bản Hy-lạp sẽ là “cũng không phải do quà tặng của ai mà chúng tôi được ăn bánh.” Phao-lô muốn nói “bánh mì” hay “thực phẩm” hay “thức ăn và chỗ ở”? Sau đây là các quan niệm về việc có bao gồm cả chỗ ở hay không:

- (1) Chỉ có nghĩa là “thực phẩm.”
- (2) Đây là một thành ngữ Do Thái. Ý nghĩa của nó được nói rộng ra việc tiếp nhận thức ăn và chỗ ở miễn phí. Khi Phao-lô nói *ăn bánh*, có lẽ Phao-lô muốn phủ nhận việc ông và các bạn đồng hành làm như điều mà các nhà thông thái Hy-lạp làm. Những người này đi từ nơi này đến nơi khác nhận sự tiếp đón (thức ăn và chỗ ở) như là tiền công cho sự giảng dạy của họ. Điều này không có nghĩa là thỉnh thoảng Phao-lô và các bạn đồng hành không nhận lời mời đến ăn cơm khách.

Ý nghĩa (1) được ưa thích bởi vì:

- (a) Có thể cung cấp cho Phao-lô và các bạn đồng hành một phòng và giường để ngủ mà không tốn bao nhiêu. Nhưng muốn có thức ăn phải trồng trọt hay trả tiền mua.
- (b) Phao-lô đang đối chiếu ông và các bạn đồng hành với các con dân Chúa lười biếng đã có nhà để ở rồi, nên Phao-lô chỉ nói đến thức ăn thôi.

3:8b

nhưng đã làm việc lao碌 và khó nhọc ngày đêm: Hãy xem lời giải nghĩa của **1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:9a-b**. Nhóm từ *đã làm việc* trong tiếng Hy-lạp ở trong thể tiếp diễn. *Lao碌 và khó nhọc* là thí dụ của một cặp đôi, được dùng để nhấn mạnh. *Ngày đêm* cũng nhấn mạnh đến sự kiên họ làm việc rất cực nhọc.

3:8c

để khỏi làm gánh nặng cho một ai trong anh chị em: Một lần nữa hãy xem lại lời giải nghĩa của **1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:9b**. Đây là một lý do về việc họ làm việc khó nhọc: để khỏi làm gánh nặng.... Lý do thứ hai được chép trong **2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:9b**: “để làm gương....”

3:9a

Không phải vì chúng tôi không có quyền hưởng cấp dưỡng:

Không phải vì: Cả câu này có hai nhóm từ phủ định, mà khi ghép lại với nhau thành một câu xác định. Vậy nó có nghĩa là “chúng tôi có quyền hưởng cấp dưỡng.” Có thể đồng bào của bạn không hiểu cách nói hai cái phủ định này. Trong trường hợp đó bạn có thể dịch là một câu xác định. Thí dụ, hãy xem hai CDN của **3:9a** trong PKTCD. Lý do hay sự giải thích về việc Phao-lô và các bạn đồng hành *đã làm việc...ngày đêm...* được chép trong 3:9b.

có quyền hưởng cấp dưỡng: Các từ *hưởng cấp dưỡng* không dựa trên cơ bản của bất cứ nhóm từ Hy-lạp nào, nhưng được hiểu ngầm thôi. Chúng đề cập đến quyền mà Phao-lô và các bạn đồng hành được nhận thức ăn từ các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca. Bởi vì là những người giảng Phúc Âm, họ có quyền được hưởng lương hay ủng hộ thức ăn cho các công việc họ làm. Hãy xem **1 Cô-rinh-tô 9:1-18** giải nghĩa rõ hơn về quyền nhận cấp dưỡng của họ.

3:9b

nhưng để làm gương cho anh chị em noi theo: Đây là lý do thứ hai tại sao họ làm việc khó nhọc để sinh sống: họ muốn làm gương tốt cho người Tê-sa-lô-ni-ca noi theo. Nó cân bằng lý do đầu tiên ở trong 3:8c. Trong cả hai trường hợp đều dựa vào 3:8b. Phao-lô muốn thực hành điều ông giảng. Nếu ông làm như vậy, họ không có lý do gì để lấy cớ phủ nhận bất cứ luật lệ nào ông dạy họ, nhất là luật lệ ở trong 3:10a.

Khi dịch sang ngôn ngữ của bạn tránh dịch “làm gương” từng chữ một nhưng hãy dịch theo ý nghĩa. Vì “làm gương” là một thành ngữ của tiếng Việt.

3:10a

Vì khi còn ở cùng anh chị em, chúng tôi đã truyền điều này: Cụm từ *vì khi* cho thấy 3:10a là một lý do khác cho mệnh lệnh ở trong 3:6: “phải xa lánh mọi anh chị em nào sống vô trách nhiệm....”

chúng tôi đã truyền điều: Phao-lô và các bạn đồng hành cho người Tê-sa-lô-ni-ca các luật lệ hay các sự dạy dỗ để họ sống một đời sống Cơ Đốc. Một trong những luật lệ

3:8a	<i>cũng không ăn bím của ai,</i> và [anh chị em biết rằng] chúng tôi không nhận thức ăn của ai mà không trả tiền cho họ.
3:8b	<i>nhưng đã làm việc lao lực và khó nhọc ngày đêm</i> Ngược lại, chúng tôi đã làm việc khó nhọc ngày đêm [để kiếm tiền] -HAY- Thay vào đó chúng tôi làm việc khó nhọc ngày đêm [để trả các chi phí của chúng tôi]
3:8c	<i>để khỏi làm gánh nặng cho một ai trong anh chị em.</i> để chúng tôi không đặt gánh nặng trên anh chị em. -HAY- để anh chị em không phải chi phí thêm vì cố chúng tôi.
3:9a	<i>Không phải vì chúng tôi không có quyền hưởng cấp dưỡng,</i> Chúng tôi đã làm việc khó nhọc, mặc dầu chúng tôi có quyền [nhận thức ăn từ anh chị em]. -HAY- Mặc dầu chúng tôi có quyền [nhận thực phẩm từ anh chị em], chúng tôi [lại làm việc để kiếm tiền mua thực phẩm cho chúng tôi].
3:9b	<i>nhưng để làm gương cho anh chị em noi theo.</i> [Lý do chúng tôi làm việc khó nhọc] là để chúng tôi có thể làm gương cho anh chị em noi theo.
3:10a	<i>Vì khi còn ở cùng anh chị em, chúng tôi đã truyền điều này:</i> Khi chúng tôi ở với anh chị em, chúng tôi đã truyền lệnh này cho anh chị em, -HAY- Khi chúng tôi ở với anh chị em, chúng tôi thường nói với anh chị em,
3:10b	<i>‘Nếu ai không muốn làm việc thì cũng đừng ăn.’</i> “Người ta không nên cho những người không làm việc ăn.” -HAY- “Nếu một người không làm việc thì đừng trông đợi người khác cho mình ăn.”

này là luật lệ ở trong 3:10b. Thể của động từ này trong tiếng Hy-lạp (được dịch là *đã truyền*) cho thấy ông Phao-lô đã cho chính họ luật lệ này nhiều lần.

3:10b

“Nếu ai không làm việc thì cũng đừng ăn”: Đây có lẽ là một châm ngôn. Phao-lô muốn nói rằng, nếu một người lười biếng và

từ chối làm việc, người ta nên từ chối không cho người đó ăn. Nhóm từ *không làm việc* có nghĩa là “từ chối làm việc.” Nhóm từ *cũng đừng ăn* có nghĩa là “người ta không nên cho người đó ăn cái gì hết,” hay, “người ấy không nên mong người ta cho mình ăn.”

3:11-13 Phao-lô cảnh cáo và năn nỉ những người lười biếng nên trở lại làm việc để sinh sống, và đừng dùng thì giờ đi nói chuyện về người khác

3:11a

Vậy mà chúng tôi nghe rằng trong vòng anh chị em có người sống vô trách nhiệm:

Trong bản Hy-lạp câu này được bắt đầu bằng từ *gar* có nghĩa là “vậy mà.” Từ Hy-lạp *gar* luôn luôn giới thiệu lý do hay giải thích cho một lời tuyên bố nào đó. Có lẽ lời tuyên bố này đề cập đến mệnh lệnh trong 3:6 tránh xa những người ăn không ngồi rồi. Có lẽ sự ăn không ngồi rồi trong vòng các con dân Chúa là lý do toàn diện về sự việc Phao-lô nói đến vấn đề ăn không ngồi rồi trong thư của ông. Có lẽ đó là lý do ông nhắc lại trong 2 Tê-sa-lô-ni-ca mặc dầu ông đã nói đến trong 1 Tê-sa-lô-ni-ca. Hãy xem 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:6-9, 4:11-12 và 5:14. Điều mà Phao-lô sợ có thể đã xảy ra: một vài con dân Chúa đã bỏ không làm việc. Hãy xem lời giải nghĩa của 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:11 và 5:14a.

Chúng tôi nghe: Có lẽ Ti-mô-thê đã nói cho Phao-lô nghe một số con dân Chúa ăn không ngồi rồi. Hãy xem 1 Tê-sa-lô-ni-ca 3:6a.

trong vòng anh chị em có người sống vô trách nhiệm: Hãy xem lời giải nghĩa của 2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:6b.

3:11b

không chịu làm việc, chỉ ngồi lê đôi mách:

Những người này không làm việc, nhưng lo đi nói chuyện người khác khiến cho những người đó không làm việc đàng hoàng được.

3:12a

Trong Chúa Giê-su Cơ Đốc chúng tôi truyền lệnh và khuyên những người như thế:

Trong bản Hy-lạp động từ đầu tiên có nghĩa “ra lệnh, ban lệnh.” Nhưng động từ thứ nhì là từ Hy-lạp được dịch là “khuyến khích,” “thúc giục” hay “cổ võ” ở những chỗ khác. Đây là lời thúc giục các con dân Chúa là những người thất bại trong việc trở nên như người mà Chúa Giê-su muốn.

trong Chúa Giê-su Cơ Đốc: Những từ này có nghĩa gì? Rõ ràng họ có nghĩa làm

cho mệnh lệnh của Phao-lô được mạnh hơn. Các nhà phê bình chia phe giữa hai ý nghĩa:

- (1) “Nhân danh” hay “trong thẩm quyền” của Chúa Giê-su Cơ Đốc. Nhóm từ *trong Chúa Giê-su Cơ Đốc* tóm tắt một nhóm từ dài hơn “nhân danh Chúa Giê-su Cơ Đốc.” Cả BDC và BDY đều dùng nhóm từ dài hơn này. Hãy xem lời giải nghĩa của 3:6a. Phao-lô đang dùng thẩm quyền của Chúa Giê-su Cơ Đốc để đặt ra luật lệ này. Một số các bản thảo Hy-lạp, dịch từng chữ, sẽ là: “bởi Chúa Giê-su Cơ Đốc chúng ta.” Nhưng nghĩa cũng tương tự như “nhân danh...”
- (2) “bởi vì chúng ta ở trong Chúa Giê-su Cơ Đốc.” Họ sẽ nghe lời Phao-lô cảnh cáo bởi vì họ (Phao-lô và các con dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca) đều cùng ở trong gia đình của Đức Cơ Đốc.

Ý nghĩa (1) được ưa thích hơn. Hãy xem 3:12a trong PKTCD.

3:12b

phải yên lặng làm ăn sinh sống: Một số ngôn ngữ dùng thể ra lệnh trực tiếp sau một mệnh lệnh. Thí dụ:

Chúng tôi ra lệnh và thúc giục anh chị em, hãy sắp đặt đời sống và bắt đầu làm việc để kiếm tiền mua các thức ăn anh chị em cần.

yên lặng làm ăn sinh sống: Dịch từng chữ một theo bản Hy-lạp là: “làm việc với sự yên lặng/trật tự...” Có ý nói là bắt đầu sống cách trật tự và vâng phục. Đặc biệt nó có nghĩa là đừng ăn không ngồi rồi và khuấy rối nữa. Nhóm từ *hãy yên lặng* tương phản với *lười biếng* và *xen vào chuyện của người khác*.

3:13

Một vài bản dịch ngắt ở 3:13, làm cho câu đầu tiên theo sau là bắt đầu của một tiểu đoạn mới.

Riêng phần anh chị em, thưa anh chị em, chớ mệt mỏi làm việc thiện:

Riêng phần anh chị em: Các từ này cho thấy sự tương phản giữa những người ăn không ngồi rồi của 3:11 với đa số các con

- 3:11a *Vậy mà chúng tôi nghe rằng trong vòng anh chị em có người sống vô trách nhiệm; Chúng tôi nói những điều này bởi vì chúng tôi đã nghe rằng một số người trong anh chị em đã lười biếng;*
- 3:11b *không chịu làm việc, chỉ ngồi lê đôi mách.*
không làm việc gì hết, chỉ xen vào công việc của người khác.
- 3:12a *Trong Chúa Giê-su Cơ Đốc chúng tôi truyền lệnh và khuyên nhưng người như thế*
Với những người như thế, trong danh Chúa Giê-su Cơ Đốc, chúng tôi ra lệnh và nài nỉ họ
-HAY-
Chúng tôi ra lệnh cho những người này và cũng thúc giục họ, bởi thẩm quyền của Chúa Giê-su Cơ Đốc
3:12b *phải yên lặng làm ăn sinh sống*
hãy thay đổi cách sống và bắt đầu làm việc trở lại để cho họ có đủ tiền mua thực phẩm cho mình.
-HAY-
hãy ổn định lại đời sống và bắt đầu làm việc trở lại để họ có tiền mua thực phẩm của mình.
- 3:13 *Riêng phần anh chị em, thưa anh chị em, chớ mệt mỏi làm việc thiện.*
Nhưng các tín hữu, về phần anh chị em, đừng chán nản khi thấy mình làm việc làm việc tốt lành [nhưng thấy những người khác lười biếng].
-HAY-
Nhưng anh chị em của chúng tôi, về phần anh chị em, đừng bao giờ nói là không có lý do gì tiếp tục làm việc tốt lành [trong khi thấy những người khác làm việc sai lầm].

dân Chúa ở Tê-sa-lô-ni-ca mà Phao-lô đang viết thư này cho. Đa số họ không phải là những người “lười biếng” hay “vô trật tự.” Về *anh chị em* hãy xem lời giải nghĩa của [1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:4](#).

chớ mệt mỏi làm việc thiện: Trong văn mạch này có vẻ như Phao-lô đang bảo họ cư xử đúng đắn bằng cách chịu khó làm việc,

và đừng ăn không ngồi rồi. Phao-lô xin họ đừng chán nản về làm việc cực nhọc và thấy người khác ở không, vì ông nói những người ăn không ngồi rồi là sai và phải đi làm việc trở lại.

3:14-15 Hãy sửa trị các tín hữu như là anh chị em không làm việc

Phao-lô nói với các con dân Chúa còn lại nên tránh làm bạn với các con dân Chúa lười biếng là những người từ chối không làm theo lời hướng dẫn của ông về không được lười biếng. Bằng cách này ông hy vọng khiến cho các con dân Chúa lười biếng này thay đổi cách sống. Nhưng không phải đối xử với họ như là đối với kẻ thù.

3:14a

Nhưng nếu có ai không vâng theo lời chúng tôi dặn trong thư này: Đây có thể nói đến bất cứ mệnh lệnh nào mà Phao-lô đã viết trong thư này. Nhưng trong văn mạch câu này nói đến lời ông hướng dẫn các con dân Chúa lười biếng phải trở lại làm việc.

3:14b

hãy ghi nhận: Đây có lẽ có nghĩa là các nhà lãnh đạo của hội thánh ở Tê-sa-lô-ni-ca bằng cách này hay cách khác phải cho các thuộc viên còn lại trong hội thánh biết rõ rằng các anh chị em này không vâng lời (chỉ tên ra). Hãy xem lời giải nghĩa của 3:14c.

3:14c

và đừng giao du với người ấy: Họ nên tránh không giao du với những người lười biếng này. Hãy dịch câu này theo cách nào tự nhiên nhất mà bạn có thể dịch được. Trong văn mạch nói về thông công trong hội thánh có thể có nghĩa là họ không nên nói chuyện hay ăn uống với người đó. Tuy nhiên, họ không nên theo mệnh lệnh này một cách quá đáng như đối xử tàn nhẫn hay làm tổn hại

cho họ. Hãy xem lời giải nghĩa trong 3:14d-3:15b.

3:14d

để họ biết hổ thẹn: Mục đích của mệnh lệnh ở trong 3:14a-c là làm cho các thuộc viên không vâng lời phải ăn năn và thay đổi cách sống. Người ấy sẽ phải xin các con dân Chúa tha thứ và thông công lại với họ.

3:15a-b

Tuy nhiên đừng coi người ấy như kẻ thù, nhưng hãy khuyên bảo như anh chị em: Đây đề cập đến cách thi hành mệnh lệnh ở trong 3:14b-c. Họ không nên chờ đợi cho đến khi người ăn không ngồi rồi ăn năn, nhưng nên cảnh cáo họ bằng cách gọi tên họ trước các thuộc viên khác của hội thánh. Các thuộc viên của hội thánh không nên tránh xa các con dân Chúa ăn không ngồi rồi này mà không cho họ biết lý do tại sao mọi người xa lánh họ.

đừng coi người ấy như kẻ thù: Các con dân Chúa không nên nghĩ đến người anh em không vâng lời như một người không tin Chúa chống nghịch lại họ.

hãy khuyên bảo như anh chị em: Có vẻ như câu này muốn nói: “Người lười biếng và không vâng lời vẫn là một tín hữu. Vậy nên đây là một người tín hữu cảnh cáo một tín hữu khác. Đừng đối xử với họ như là kẻ thù.” *Khuyến bảo* không có nghĩa là “nói cho người ấy biết rằng Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt người ấy.” Điều này có nghĩa là “cho họ thấy khi họ không vâng lời là họ phạm tội,” hay “sửa họ lại.” Tránh dịch câu này như là “khuyến họ một cách thân mật,” vì như thế không đủ mạnh.ⁱⁱⁱ

Phân đoạn 3:16-18 Lời kết luận

Phao-lô cầu nguyện chúc phước cho người Tê-sa-lô-ni-ca. Ông cầu xin họ có sự bình an và ân sủng. Ông tự ký tên ở cuối thư.

3:16 Lời cầu nguyện của Phao-lô

3:16a

Nguyện xin Chúa bình an: Tất cả các nhà phê bình đều đồng ý rằng Phao-lô đã hoàn tất phần chính của thư và đây là lời chào thăm kết luận.

Nguyện xin: Hãy xem lời giải nghĩa của 2:16a và 1 Tê-sa-lô-ni-ca 3:11 và 5:23a.

Chúa bình an: Đây có lẽ muốn nói đến Chúa Giê-su Cơ Đốc. Hãy so sánh với 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:23a, từ này có thể đề cập đến Đức Chúa Trời. Nhưng xem lời giải nghĩa

3:14a	<p>Nhưng nếu có ai không vâng theo lời chúng tôi dặn trong thư này, Nhưng nếu có ai [trong vòng anh chị em từ chối vâng theo những điều chúng tôi đã viết cho anh chị em trong thư này, -HAY- Nếu ai vẫn còn từ chối không chịu làm việc bất kể đến những điều tôi đã viết trong thư này,</p>
3:14b	<p><i>hãy ghi nhận</i> các anh chị em hãy cho mọi người biết người ấy là ai -HAY- anh chị em hãy đọc tên họ lên cách công khai</p>
3:14c	<p>và đừng giao du với người ấy, và đừng liên hệ đến người ấy, -HAY- anh chị em đừng làm bạn với người ấy,</p>
3:14d	<p><i>để họ biết hổ thẹn</i> để người ấy xấu hổ [và thay đổi cách sống].</p>
3:15a	<p>Tuy nhiên, đừng coi người ấy như kẻ thù, Tuy nhiên, đừng đối xử với người ấy như kẻ thù của anh chị em,</p>
3:15b	<p><i>nhưng hãy khuyên bảo như anh chị em.</i> nhưng nói cho người ấy biết rằng họ sai lầm, giống như nói với anh chị em mình.</p>
Phân đoạn 3:16-18 Các lời kết luận	
3:16a	<p><i>Nguyện xin Chúa bình an</i> [Để kết luận] chúng tôi cầu xin chính Chúa [Giê-su Cơ Đốc] chúng ta, Đấng ban bình an,</p>
3:16b	<p><i>ban bình an cho anh chị em trong mọi lúc và trên mọi phương diện.</i> sẽ khiến cho anh chị em có sự bình an mỗi ngày trong mọi cách. -HAY- sẽ cho anh chị em sự bình an [với nhau] trong mọi lúc và mọi cách.</p>

của [1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:23a](#) trước khi dịch câu này.

3:16b

ban bình an cho anh chị em trong mọi lúc và trên mọi phương diện: Hãy xem lại lời giải nghĩa của [1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:23a](#).

trên mọi phương diện: Bản Hy-lạp dùng *en panti tropō* “trong mọi cách.” (Một vài bản thảo đầu tiên dùng: *en panti tropō* “trong mọi chỗ.”) Nhưng *trong mọi cách* nghĩa là gì? Đa số nhà phê bình nghĩ là nhóm từ này nói đến nhiều cách mà Chúa

dùng để cho họ sự bình an. Từ *tropon* có cùng một gốc được thấy ở 2:3a và được dịch trong BDM là “trên mọi phương diện.” Các nhà phê bình khác nghĩ là “trong mọi hoàn cảnh” hoặc “dù bất cứ điều gì xảy đến cho anh chị em.” Bởi vì họ nghĩ không phải cách hay phương pháp ban cho sự bình an là quan trọng. Chính hoàn cảnh và điều kiện, đặc biệt là những hoàn cảnh hay điều kiện xấu mới cần có sự bình an. Câu trả lời tùy thuộc vào *bình an* có nghĩa là “sự hiệp nhất giữa các con dân Chúa” (trong mọi cách), hay “bình an trong lòng họ” (trong mọi hoàn cảnh). Phao-lô có thể muốn nói cả hai.

3:16c

Xin Chúa ở cùng tất cả anh chị em: Về Chúa xin hãy xem lời giải nghĩa của **3:16a**. Đây là lời cầu nguyện xin Đức Chúa Trời làm trọn lời hứa mà Chúa Giê-su Cơ Đốc ban cho các môn đệ trong Ma-thi-ơ 28:20. Đó là Chúa Giê-su sẽ luôn luôn ở với các môn đệ của Ngài. Vì vậy tốt hơn nên dùng cùng một động từ trong câu đó để dịch 3:16c.

3:17 Lời chào thăm kết luận của Phao-lô

3:17a-b

Tôi, Phao-lô, chính tay tôi viết lời chào này. Đó là chữ ký của tôi trong tất cả thư từ, tôi viết như vậy: Rõ ràng ở chỗ này Phao-lô lấy viết từ tay người thư ký, người viết thư theo lời ông đọc, và tự tay viết lấy. Nhưng *tôi viết* ở đâu câu trong bản dịch tiếng Việt chỉ được hàm ý trong bản Hy-lạp. Dịch từng chữ theo bản Hy-lạp sẽ là: “Lời chào thăm của Phao-lô, chính bằng tay tôi, là chữ ký ở trong mỗi thư, tôi viết như vậy.” Các từ “chính tay tôi” quan hệ đến “tôi viết như vậy” như thế nào? Phao-lô tự tay viết những lời nào? Có ba quan niệm chính về điều này:

- (1) Phao-lô tự tay viết một vài chữ cuối (3:17 và 3:18).^{iv}
- (2) Phao-lô tự tay viết 3:17. Ông nhấn mạnh rằng họ phải nhận ra chữ viết của ông. Ông tự tay viết lời tuyên bố ở cuối các thư của ông để cho thấy các thư thật là của ông.
- (3) Phao-lô chỉ tự viết chữ *Phao-lô* (bằng chính chữ viết của ông) hay nhóm từ

“Lời chào thăm của Phao-lô.” Quan niệm này nhấn mạnh là chỉ có chữ ký mới là chữ viết của Phao-lô. Đây có vẻ như không phải là điều Phao-lô muốn làm, vì đây không phải là cách ông chấm dứt thư đầu tiên (1 Tê-sa-lô-ni-ca). Tuy nhiên, trong hai thư sau (1 Cô-rinh-tô 16:21 và Cô-lô-se 4:17) ông viết “chính tay tôi viết lời chào thăm của Phao-lô.” Ông cũng tự tay viết Phi-lê-môn 1:19. Ông không ký tên vào cuối của lá thư như người ta làm ngày hôm nay. Vào thời đó người ta biết là thư của ông vì đọc thấy tên ông được viết ở trong câu mở đầu. Nhưng chữ đó là do thư ký của ông viết.^v

Không biết rõ quan niệm nào là đúng.

Nhưng khi dịch không cần phải theo một trong ba quan niệm này, vì trong bản dịch bạn không thể cho người ta thấy được sự khác nhau về cách hay là điều ông viết. Điều quan trọng là ông viết về điều gì. Hãy xem PKTCD của **3:17**.

3:18 Lời chúc phước của Phao-lô

3:18

Nguyện xin ân sủng của Đức Giê-su Cơ Đốc, Chúa chúng ta ở cùng tất cả anh chị em: Hãy xem lời giải nghĩa của **1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:28**. Có lẽ trong ngôn ngữ của bạn dịch dưới hình thức một lời chúc phước như trong 3:18 là tự nhiên nhất. Nhiều bản thảo Hy-lạp đầu tiên chấm dứt thư bằng “A-men.” BDY dùng cụm từ “Thân kính, Phao-lô” là cách chấm dứt thư thông thường trong tiếng Việt Nam.

3:16c	Xin Chúa ở cùng tất cả anh chị em. Xin Chúa [Giê-su] chúng ta ở cùng tất cả anh chị em. -HAY- Chúng tôi cầu xin Chúa [Giê-su] ở cùng với tất cả anh chị em.
3:17a	Tôi, Phao-lô, chính tay tôi viết lời chào này. [Bây giờ], chính tôi, Phao-lô, tự tay viết [những lời cuối này] để chào thăm anh chị em. -HAY- Tôi, Phao-lô, chính tay tôi viết lời chào thăm này.
3:17b	Đó là chữ ký của tôi trong tất cả thư từ, tôi viết như vậy. Đây là cách tôi [kết thúc] tất cả thư từ của tôi, để mọi người biết thư này là của tôi.
3:18	Nguyện xin ân sủng của Đức Giê-su Cơ Đốc, Chúa chúng ta ở cùng tất cả anh chị em. Tôi cầu xin Chúa Giê-su Cơ Đốc chúng ta sẽ ban phước cho các anh chị em. -HAY- Cầu xin Chúa Giê-su Cơ Đốc chúng ta nhân từ với tất cả anh chị em.

ⁱ Những điều này bao gồm một số tín điều và giáo điều của lúc khởi đầu trước khi các điều này được viết thành sách. Tín điều là những lời tuyên bố về các sự dạy dỗ quan trọng nhất của đức tin Cơ Đốc mà chúng ta phải tin. Giáo điều là một số các câu hỏi và câu giải đáp về các sự dạy dỗ quan trọng của đức tin Cơ Đốc đã được dạy cho các tín hữu mới. Các sự dạy dỗ quan trọng này sẽ bảo đảm sự đồng nhất của hội thánh này với hội thánh khác khi vắng mặt các sứ đồ. Vào lúc đó toàn bộ TỰ chưa được viết xong. Các giáo điều này gồm có các thư mà các sứ đồ viết cho các cá nhân, hội thánh và các nhóm tín hữu. Không nhóm nào có bản thảo của tất cả những giáo điều này. Họ có thể viết các sưu tập về các lời Chúa Giê-su phán và các biến cố trong đời sống của Chúa Giê-su, sau này có thể những điều này được ghi lại trong bốn sách Phúc Âm như chúng ta có ngày hôm nay.

ⁱⁱ Phao-lô theo cách tiếp cận thông thường của ông. Tức là, chúng ta không thể được cứu rỗi bằng cách làm việc thiện. Thay vào đó là bằng một phương cách trái ngược lại: Đức Chúa Trời ban sự sống vĩnh cửu cho chúng ta, bắt đầu ngay bây giờ, bởi vì Chúa là Đấng yêu thương và đầy lòng thương xót. Vì thế từ nay chúng ta sẽ làm việc thiện để cho thấy chúng ta là con dân Chúa thật. Hãy xem lại Ê-phê-sô 2:8-10.

ⁱⁱⁱ Hãy xem Ga-la-ti 6:2 để biết thêm về cách đối xử với một tín hữu phạm tội.

^{iv} Người ta không biết chắc tại sao Phao-lô đọc cho thư ký của ông viết thư, vì theo như trong các thư ông viết, chúng ta thấy ông là một người học thức có thể đọc và viết tiếng Hy-lạp và Hy-bá-lai. Phao-lô có thể bị yếu mắt. Chúng ta không biết chắc. Trong 3:17 có vẻ như Phao-lô muốn nói: "Tôi, Phao-lô tự tay viết lời chào thăm này, không phải thư ký của tôi viết. Đây là một dấu hiệu đặc biệt cho anh chị em biết rằng thư này là của tôi, Phao-lô, không phải do ai giả mạo là thư của tôi cả. Tôi làm như vậy trong tất cả các thư của tôi, để nếu anh chị em có nhận được thư mà không có mấy chữ cuối do chính tay tôi viết anh chị em có thể biết thư ấy không phải là của tôi. Đó là cách tôi viết thư."

^v Một thắc mắc khác: Tại sao Phao-lô lại sợ có người khác giả mạo là thư của ông? Hay nếu ông không sợ điều đó, tại sao ông phải tự tay viết mấy chữ ở cuối thư? Theo văn mạch, Phao-lô vừa mới nhấn mạnh đến lời cảnh cáo đối với các con dân Chúa không vắng lời và lừa dối. Vì vậy ông có thể muốn cho họ thấy là ông viết thư này cũng như ông đã viết thư đầu tiên (1 Tê-sa-lô-ni-ca), mà họ vẫn còn đang giữ. Nếu họ tin là thư đầu tiên do ông viết, họ có thể so sánh mấy chữ ông tự tay viết ở cuối thư của hai lá thư xem có giống y như nhau không. Cũng có thể là Phao-lô sợ có một số tín hữu ở các chỗ khác không đồng ý với sự dạy dỗ của ông, họ viết thư giả mạo tự nhận là thư của Phao-lô để loan truyền các tà giáo.